BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ DUYÊN

TỔ CHỨC DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919 - 2000) VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ TẠI ĐỊA PHƯƠNG Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH NGHỆ AN

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ DUYÊN

TỔ CHỨC DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919 – 2000) VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ TẠI ĐỊA PHƯƠNG Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH NGHỆ AN

Chuyên ngành: Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử

Mã số: 9.140.111

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học:

GS.TS. NGUYỄN THỊ CÔI

PGS.TS. TRẦN VIẾT THỤ

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, khách quan, không trùng lặp với nghiên cứu của các tác giả khác.

Tác giả luận án

NCS. Nguyễn Thị Duyên

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận án, tác giả xin trân trọng cảm ơn các thầy/ cô giáo trong tổ Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử - khoa Lịch sử - Đại học Sư phạm Hà Nội đã giúp đỡ, hỗ trợ tôi trong quá trình học tập tại khoa. Tôi xin bày sự biết ơn sâu sắc đối với GS.TS. Nguyễn Thị Côi và PGS.TS. Trần Viết Thụ - là những người đã trực tiếp hướng dẫn tôi hoàn thành luận án này.

Tôi xin cảm ơn Ban Giám hiệu, phòng Sau đại học, thư viện trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã giúp đỡ nhiệt tình trong việc khai thác tư liệu, hoàn thành hồ sơ luận án.

Tôi cũng bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối trường Đại học Vinh, các thầy/cô giáo, các bạn đồng nghiệp trong khoa Lịch sử, Đại học Vinh; Sở Văn hóa thể thao và Du lịch tỉnh Nghệ An; thư viện Tỉnh Nghệ An; các thầy cô và học sinh tại các trường - nơi chúng tôi tiến hành điều tra, khảo sát, thực nghiệm sư phạm trong thời gian vừa qua; người thân, bạn bè - những người đã giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu.

Hà Nội, tháng năm 2018

Nghiên cứu sinh

Nguyễn Thị Duyên

MỤC LỤC

Trang

LỜI CAM ĐOAN i
LỜI CẢM ƠN ii
MỤC LỤC iii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN v
DANH MỤC CÁC BẢNG vi
MỞ ĐẦU 1
Chương 1 TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI 7
1.1. Tài liệu nghiên cứu của các tác giả nước ngoài 7
1.2. Tài liệu trong nước 17
1.3. Tài liệu về di tích, di tích lịch sử ở Nghệ An 27
1.4. Đánh giá về các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài 30
Chương 2 VẤN ĐỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ Ở ĐỊA PHƯƠNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG - LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN 34
2.1. Cơ sở lí luận 34
2.2. Cơ sở thực tiễn 55
2.2.1. Khái quát về thực trạng các di tích lịch sử trên địa bàn Nghệ An 55
2.2.2. Thực trạng hoạt động dạy học lịch sử Việt Nam với di tích lịch sử ở địa phương 57
2.2.3. Thực trạng tổ chức dạy học Lịch sử Việt Nam lớp 12 với di tích LS tại địa phương ở tỉnh Nghệ An 59
2.2.4. Nhận xét chung 66
Chương 3 NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ TẠI ĐỊA PHƯƠNG CHO HỌC SINH LỚP 12 Ở NGHỆ AN 69
3.1. Vị trí, mục tiêu, nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam lớp 12 (chương trình chuẩn) 69
3.2. Các di tích lịch sử tiêu biểu ở địa phương có thể khai thác trong dạy học lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 2000 ở lớp 12, tỉnh Nghệ An 74
3.2.1. Yêu cầu của việc tổ chức dạy học lịch sử với di tích LS ở địa phương 75
3.2.2. Khái quát về các di tích lịch sử tiêu biểu ở Nghệ An 76
3.2.3. Các di tích lịch sử tiêu biểu ở địa phương có thể khai thác trong dạy học Lịch sử Việt Nam (1919 – 2000) ở lớp 12, tỉnh Nghệ An 77

3.2.4. Nội dung cơ bản của một số di tích lịch sử tiêu biểu ở địa phương có thể khai thác, sử dụng trong dạy học lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 2000 cho học sinh lớp 12 tại Nghệ An 79
3.3. Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam lớp 12 với di tích lịch sử ở địa phương..... 79
3.3.1. Hoạt động nội khóa 80
3.3.2. Hoạt động ngoại khóa 95
Chương 4 MỘT SỐ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919 – 2000) VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ TẠI ĐỊA PHƯƠNG CHO BÀI HỌC NỘI KHÓA Ở TRÊN LỚP TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH NGHỆ AN. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM 108
4.1. Yêu cầu khi lựa chọn biện pháp 108
4.2. Một số biện pháp tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam lớp 12 với di tích lịch sử ở địa phương..... 110
4.2.1. Sử dụng tài liệu di tích lịch sử để kích hoạt hoạt động nhận thức 111
4.2.2. Tổ chức hoạt động nhận thức của HS với nguồn sử liệu về DTLS 114
4.2.3. Sử dụng tài liệu về di tích lịch sử ở địa phương để củng cố, luyện tập 124
4.2.4. Hướng dẫn HS sưu tầm tài liệu về DTLS để vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống và hoạt động kiểm tra, đánh giá 127
4.3. Thực nghiệm sư phạm toàn phần 135
4.3.1. Mục đích của thực nghiệm 135
4.3.2. Đối tượng, địa bàn, giáo viên thực nghiệm 135
4.3.3. Nội dung thực nghiệm 136
4.3.4. Phương pháp thực nghiệm 136
4.3.5. Tiến hành thực nghiệm..... 139
4.3.6. Kết quả thực nghiệm sư phạm 139
KẾT LUẬN 149
CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 151
TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 153
PHỤ LỤC PL1

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

Từ viết đầy đủ	Từ viết tắt
Bài tập	BT
Bài tập nhận thức	BTNT
Bài học lịch sử	BHLS
Chủ nghĩa xã hội	CNXH
Chương trình	CT
Dạy học	DH
Di tích	DT
Di tích lịch sử	DTLS
Đánh giá	ĐG
Đào tạo	ĐT
Địa phương	ĐP
Giáo dục	GD
Giáo viên	GV
Hà Nội	HN
Học kì	HK
Học sinh	HS
Kiểm tra	KT
Luận án	LA
Lịch sử dân tộc	LSDT
Lịch sử địa phương	LSĐP
Phụ lục	P.L
Phương pháp dạy học	PPDH
Sách giáo khoa	SGK
Tư bản chủ nghĩa	TBCN
Trung học phổ thông	THPT

DANH MỤC CÁC BẢNG

Trang

Bảng

Bảng 3.1. Tổng hợp kết quả học tập của lớp thực nghiệm và đối chứng.....100
Bảng 3.2. Tổ chức dạ hội LS với di tích lịch sử ở địa phương 102
Bảng 3.3. Tổ chức thi tìm hiểu về di tích lịch sử ở địa phương 106
Bảng 4.1. Kết quả thực nghiệm từng phần biện pháp tổ chức hoạt động nhận thức của HS với các nguồn sử liệu về DTLS để hình thành kiến thức 123
Bảng 4.2. Kết quả kiểm tra hoạt động nhận thức HS.....127
Bảng 4.3. Kết quả thực nghiệm biện pháp hướng dẫn HS sưu tầm tài liệu về DTLS để vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS 135
Bảng 4.4. Bảng điểm kiểm tra bài học lịch sử dân tộc nội khóa ở trên lớp (Bài số 1) ... 141
Bảng 4.5. Bảng tỉ lệ kết quả bài học lịch sử dân tộc nội khóa ở trên lớp (Bài số 2) 142
Bảng 4.6. Các tham số kiểm định kết quả kiểm tra bài thực nghiệm số 1 142
Bảng 4.7. Bảng điểm kiểm tra bài thực nghiệm số 2 143
Bảng 4.8. Bảng tỉ lệ xếp loại kết quả kiểm tra bài thực nghiệm số 2 144
Bảng 4.9. Các tham số kiểm định kết quả kiểm tra bài thực nghiệm số 2.....144

Hình

Hình 4.1. Biểu đồ thể hiện kết quả thực nghiệm bài số 1 143
Hình 4.2. Biểu đồ thể hiện kết quả thực nghiệm bài số 2 145

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước hiện nay, Đảng và nhà nước ta đặt giáo dục lên vị trí hàng đầu nhằm mục đích đào tạo thế hệ trẻ có trình độ, năng lực, phẩm chất tốt đẹp, trở thành công dân có ích. Cùng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và việc hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, giáo dục cần tạo ra những công dân có kĩ năng làm việc thành thạo trên cơ sở vẫn giữ vững bản sắc, bản lĩnh của con người Việt Nam. Nghị quyết 29 của BCH TW khóa XI nêu rõ mục tiêu của giáo dục và đào tạo: "*...tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát huy khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời"* [5; 123]. Dựa trên quan điểm đó, Nghị quyết cũng đã nêu ra nhiều giải pháp, trong đó có việc: "*Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học"* [5; 127].

Vào ngày 28/7/2017, Bộ GD và ĐT ban hành chương trình giáo dục phổ thông tổng thể với mục tiêu xuyên suốt của giáo dục khoa học xã hội là góp phần giúp cho học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung trên cơ sở nắm vững hệ thống tri thức cơ bản về khoa học xã hội, chủ yếu là lịch sử và địa lý đã chú trọng đặc biệt đến các hoạt động trải nghiệm và các hoạt động gắn với lịch sử địa phương.

Lịch sử là quá khứ, là bằng chứng sinh động về quá trình lao động, sáng tạo của con người. Bộ môn Lịch sử là một môn học quan trọng ở trường THPT, giúp HS tái hiện, khôi phục những nét cơ bản về LS dân tộc, LS thế giới, đồng thời còn giúp các em hiểu bản chất của sự tồn tại, vận động của LS, nắm bắt quy luật, rút ra bài học cho hiện tại và tương lai. Trên cơ sở hình thành kiến thức đó, bộ môn Lịch sử còn có nhiệm vụ phát triển kĩ năng cũng như định hướng thái độ để góp phần phát triển các năng lực và phẩm chất đạo đức của HS.

Di tích LS ở địa phương là nguồn sử liệu đặc biệt trong dạy học bộ môn ở

trường phổ thông, là bằng chứng thuyết phục về sự tồn tại của quá khứ. Các di tích LS ở địa phương là một dạng di sản vật thể đặc biệt. Chúng hàm chứa nhiều giá trị khoa học, lịch sử, nghệ thuật. DTLS ở các địa phương có ý nghĩa to lớn trong việc bồi dưỡng kiến thức, phát triển kĩ năng, khơi gợi tình yêu quê hương, đất nước, hình thành ý thức giữ gìn di tích, di sản... Việc sử dụng các di tích lịch sử ở địa phương có ý nghĩa to lớn, đặc biệt trong việc giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ nên cần *"Sử dụng bảo tàng, di tích, điểm văn hóa như một thiết chế văn hóa gắn với học đường"* [119; 165].

Trong những năm vừa qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện nhiều giải pháp cụ thể để giáo dục di sản, trong đó đặc biệt chú trọng sử dụng các di tích LS cho học sinh các cấp, từ đó góp phần quan trọng giáo dục toàn diện học sinh. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, vấn đề tổ chức dạy học LS với DTLS ở địa phương vẫn bộc lộ những hạn chế - đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu để tìm ra những giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn ở trường THPT.

Nghệ An là tỉnh có diện tích lớn, là vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa. Theo Phan Huy Chú trong Lịch triều hiến chương loại chí, Nghệ An có "*núi cao sông sâu, phong tục trọng hậu, cảnh tượng tươi sáng"*. Đất địa linh sản sinh những con người nhân kiệt. Dấu ấn lịch sử từ thời kì nguyên thủy đến nay còn được lưu giữ qua nhiều di tích, danh thắng nổi tiếng.

Những DTLS ở Nghệ An có nhiều nội dung phù hợp với chương trình lịch sử Việt Nam nên việc khai thác, tổ chức dạy học bộ môn với DTLS là rất cần thiết. Ý thức rõ tầm quan trọng của vấn đề này, tại Nghệ An, ngày 5/03/2000, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có công văn số 195/HCTH về việc "*Tăng cường sinh hoạt tập thể, đưa học sinh đi tham quan thực tập tại các di tích lịch sử*". Hoạt động này đã trở thành yêu cầu, động lực, góp phần quan trọng thực hiện các nhiệm vụ giáo dục toàn diện cho học sinh đối với các trường PT trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Các trường THPT ở các địa bàn thuận tiện, có điều kiện đi lại, kinh phí... có thể tổ chức cho học sinh đi tham quan tại các DTLS ở địa phương, mỗi năm một lần. Các hoạt động thi tìm hiểu, chăm sóc DTLS... cũng được chú trọng hơn. Nhưng nhìn chung, tại các

trường THPT ở Nghệ An[1], việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương chưa được quan tâm đúng mức hoặc được tổ chức mang tính hình thức, chưa mang lại hiệu quả thực sự. Do đó, chúng tôi chọn vấn đề: "***Tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam (1919 – 2000) với di tích lịch sử tại địa phương ở trường Trung học phổ thông tỉnh Nghệ An"*** làm đề tài luận án Tiến sĩ nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học và bổ sung lí luận dạy học bộ môn.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Là quá trình tổ chức các hoạt động dạy học lịch sử dân tộc và lịch sử địa phương với các di tích lịch sử tại địa phương cho học sinh lớp 12, (chương trình chuẩn) tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về *lý luận và phương pháp dạy học*: luận án không nghiên cứu về di tích nói chung mà tập trung nghiên cứu việc tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam (gồm LS dân tộc và LS địa phương) với di tích lịch sử trong hoạt động nội khóa và hoạt động ngoại khóa ở các trường THPT trên địa bàn Nghệ An.

- Về *nội dung môn học* Lịch sử: luận án nghiên cứu chương trình lịch sử Việt Nam lớp 12 (chương trình chuẩn) để vận dụng vào việc tổ chức dạy học với di tích lịch sử ở địa phương cho học sinh lớp 12 THPT.

- *Về điều tra và thực nghiệm sư phạm*

+ Tiến hành điều tra thực tiễn tại các trường THPT có tính tiêu biểu cho vùng, miền trên địa bàn Nghệ An[2]

+ Tiến hành thực nghiệm sư phạm tại một số trường THPT trên địa bàn Nghệ An. Do điều kiện về số trang của luận án, ngoài các thực nghiệm đối với *bài LSĐP và hoạt động ngoại khóa,* chúng tôi tập trung tiến hành thực nghiệm *SP toàn phần đối với bài LSDT nội khóa trên lớp* để kiểm chứng tính khả thi của đề tài. Chúng tôi

---

[1] Hiện có 92 trường, trong đó có 70 trường công lập, 22 trường dân lập

[2] - Các trường THPT ở miền núi: DT Nội trú Kỳ Sơn, THPT Quế Phong.
- Các trường THPT ở thành phố: THPT Lê Viết Thuật, Hà Huy Tập, THPT Chuyên ĐH Vinh.
- Các trường THPT ở nông thôn: THPT Đô Lương 1, Bắc Yên Thành, Thanh Chương 1, THPT Hoàng Mai, THPT Nghi Lộc 2.

tiến hành thực nghiệm từng phần các biện pháp tổ chức dạy học bộ môn với di tích LS ở địa phương khi tiến hành bài học LSDT ở trên lớp.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở khẳng định vai trò, ý nghĩa của việc tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam (lịch sử dân tộc và lịch sử địa phương) với các di tích lịch sử tại địa phương trong dạy học lịch sử ở trường THPT, luận án xác định nội dung hệ thống di tích LS cần khai thác và đề xuất các hình thức, biện pháp tổ chức dạy học với các di tích đó.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án cần thực hiện các nhiệm vụ cụ thể:

- Tổng quan các công trình, bài viết về Giáo dục học, Tâm lí học, Phương pháp dạy học lịch sử trong và ngoài nước về việc tổ chức dạy học với di tích lịch sử nói chung, DTLS ở Nghệ An nói riêng.

- Điều tra cơ bản để đánh giá chất lượng dạy học lịch sử dân tộc ở trường THPT nói chung và thực trạng của việc tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam với các DTLS ở địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

- Tìm hiểu chương trình, SGK Lịch sử Việt Nam ở lớp 12 THPT để xác định những nội dung cơ bản có thể tiến hành dạy học với DTLS ở địa phương.

- Tìm hiểu các di tích lịch sử tiêu biểu ở địa phương để xác định nội dung có thể khai thác nhằm xác định hình thức, biện pháp sư phạm có thể tổ chức dạy học LS Việt Nam với các di tích lịch sử địa phương trên địa bàn Nghệ An.

- Tiến hành thực nghiệm sư phạm (từng phần và toàn phần) để khẳng định tính khả thi của các hình thức, biện pháp đã nêu trong luận án.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở phương pháp luận của đề tài

Dựa vào lí luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về nhận thức, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và nhà nước ta về lịch sử, giáo dục và giáo dục lịch sử.

4.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

- *Nghiên cứu lí thuyết*

+ Phân tích, tổng hợp các tài liệu Giáo dục học, Tâm lí học, Giáo dục lịch sử và tài liệu lịch sử liên quan đến di tích lịch sử… để phục vụ cho đề tài.

+ Nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa phần lịch sử Việt Nam lớp 12 THPT, chương trình chuẩn để phục vụ đề tài.

- *Nghiên cứu thực tiễn*

+ Sử dụng phương pháp điều tra (phát phiếu, phỏng vấn, quan sát...) để tìm hiểu thực trạng dạy học lịch sử Việt Nam nói chung, việc tổ chức dạy học với di tích lịch sử tại địa phương trong các trường THPT trên địa bàn Nghệ An nói riêng.

- *Thực nghiệm sư phạm* tiến hành thực nghiệm sư phạm từng phần và thực nghiệm toàn phần để kiểm tra tính khả thi của đề tài.

- *Sử dụng toán học thống kê*: sử dụng toán học thống kê để xử lí kết quả thực nghiệm.

5. Giả thuyết khoa học

Việc tổ chức dạy học LSVN với di tích LS ở địa phương cho học sinh lớp 12 THPT tỉnh Nghệ An sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, hoàn thành mục tiêu môn học nếu xác định được nội dung LSVN, nội dung DTLS ở địa phương có thể khai thác để tổ chức dạy học và đề xuất được hình thức, biện pháp tổ chức dạy học phù hợp.

6. Đóng góp của đề tài

- Tiếp tục khẳng định vai trò, ý nghĩa, sự cần thiết của việc tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam với di tích lịch sử ở địa phương.

- Làm rõ thực trạng của việc tổ chức dạy học lịch sử với các di tích lịch sử nói chung, việc tổ chức dạy học với DTLS ở các trường THPT tỉnh Nghệ An nói riêng.

- Xác định nội dung các di tích lịch sử cần khai thác trong dạy học lịch sử Việt Nam trên địa bàn Nghệ An

- Xác định những yêu cầu có tính nguyên tắc khi tổ chức dạy học lịch sử với các di tích lịch sử ở địa phương.

- Đề xuất những hình thức, biện pháp tổ chức dạy học lịch sử VN với di tích lịch sử (trên địa bàn tỉnh Nghệ An).

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- *Ý nghĩa khoa học*: Luận án góp phần làm phong phú thêm lí luận dạy học bộ môn về việc sử dụng di tích lịch sử trong dạy học bộ môn nói chung, tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam với di tích LS tại địa phương nói riêng ở các trường THPT.

- *Ý nghĩa thực tiễn*: Kết quả nghiên cứu của luận án là một nguồn tài liệu để giáo viên các trường THPT của Nghệ An tham khảo khi tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam với di tích LS ở địa phương cho học sinh lớp 12 THPT (CT chuẩn). Đồng thời cũng là nguồn tài liệu tham khảo đối với sinh viên, học viên cao học, NCS chuyên ngành Sư phạm Lịch sử ở các trường Đại học Sư phạm.

8. Cấu trúc luận án

Ngoài phần *Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo,* luận án gồm 04 chương:

Chương 1: Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Chương 2: Vấn đề tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam với di tích lịch sử ở địa phương cho học sinh Trung học phổ thông - Lí luận và thực tiễn

Chương 3: Nội dung và hình thức tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam với di tích lịch sử tại địa phương cho học sinh lớp 12 ở Nghệ An

Chương 4: Một số biện pháp tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam (1919 – 2000) với di tích lịch sử tại địa phương cho bài học nội khóa ở trên lớp trong trường Trung học phổ thông tỉnh Nghệ An. Thực nghiệm sư phạm

Chương 1
TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Ở chương này, luận án nghiên cứu một cách tổng quan các tài liệu trong và ngoài nước trên các lĩnh vực Giáo dục học, Tâm lí học, Lí luận và PPDH bộ môn Lịch sử về vấn đề của đề tài. Liên quan đến vấn đề tổ chức dạy học Lịch sử với di tích LS ở địa phương tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An, chúng tôi tiếp cận các công trình nghiên cứu trên các phương diện sau:

- Các tài liệu đề cập đến phương tiện trực quan, trong đó có di tích nói chung, DTLS nói riêng và việc sử dụng di tích, di tích LS ở địa phương trong dạy học Lịch sử.

- Các tài liệu viết về DTLS ở Nghệ An và việc bảo tồn, phát huy giá trị của các di tích đó.

1.1. Tài liệu nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

1.1.1. Tài liệu giáo dục học, tâm lí học

Từ thực tiễn của quá trình nhận thức, các nhà giáo dục học đều thống nhất rằng hình ảnh được giữ lại đặc biệt vững chắc trong trí nhớ chúng ta là những hình ảnh mà chúng ta thu nhận được bằng trực quan. Vì con người chỉ nhớ kỹ, hiểu sâu sự vật, hiện tượng với những hình ảnh cụ thể được khắc sâu vào trí nhớ. Trong dạy học nói chung, dạy học LS ở trường THPT cũng vậy, đảm bảo tính hình ảnh, tính trực quan là yêu cầu có tính nguyên tắc quan trọng.

Các tác giả L.V.Zancôp trong cuốn *Lí luận dạy học và cuộc sống,* Matxcơva, 1968 đã đề cập đến những vấn đề chung về lí luận dạy học và chỉ rõ việc giáo dục trong nhà trường cần gắn bó với thực tiễn sinh động của cuộc sống. Các hoạt động thực nghiệm, thực tế, tham quan được đề cao vì nhờ đó mà HS "*cảm thấy hài lòng vì lao động trí tuệ căng thẳng, sung sướng vì hoàn thành được những bài tập khó, dường như các em đang tiến về phía một cái gì mới mẻ mà mình phải nhận ra*" [127; 95].

N.M. Iacốplép trong tài liệu *Phương pháp và kĩ thuật lên lớp trong trường phổ thông,* T.1, NXBGD, HN, 1975 đã đề cập đến các vấn đề chung về phương pháp, kĩ thuật giúp giáo viên có thể tiến hành việc đứng lớp ở trường PT. Tác giả cũng nghiên cứu khá kĩ "về những bài học ngoài lớp". Theo đó các môn học không được tách rời thực tiễn và "làm lu mờ nguồn gốc" của khoa học là thiên nhiên. Tác giả

cho rằng cần phải có mối liên hệ chặt chẽ với đời sống sinh động của con người trên các lĩnh vực, "*...với tất cả những gì học sinh nhận thức được trong khi nó đang sống và hoạt động trong xã hội"* [57; 36].

Trong công trình *Dạy học nêu vấn đề* (Người dịch: Phan Tất Đắc, NXBGD, 1977) I.Ia.Lecne nêu rõ ưu thế của DH nêu vấn đề trong việc phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của HS. Trên cơ sở của tài liệu này, vận dụng vào đề tài, chúng tôi thiết kế các hoạt động dạy học LS với DTLS ở địa phương theo kiểu của DH nêu vấn đề, trong đó có các tình huống NVĐ, các câu hỏi gợi mở... để phát huy tính tích cực của HS, giúp đem lại hiệu quả cho bài học LS.

Các tác giả M.A.Đanhilốp, M.N.Xcatkin (CB), (1980) với tài liệu *Lý luận dạy học ở trường phổ thông,* NXBGD, HN cho rằng để tổ chức đúng đắn quá trình DH là một tổ hợp rất phức tạp những hành động của nhà giáo dục và HS; cần phải hiểu cấu trúc, qui luật của nó. Các tác giả chỉ ra mối liên hệ giữa kiến thức và thực tế. Trong quá trình học tập ở nhà trường, thế hệ trẻ không những được làm giàu thêm kiến thức của mình mà cần được chuẩn bị để sau này tự tìm tòi chân lí mới, để phát triển và làm giàu thêm cho khoa học. Tác giả chú ý việc*"ứng dụng khoa học vào đời sống"* [32; 7]. Quan niệm của các nhà giáo dục học này giúp chúng tôi nghiên cứu tìm ra những biện pháp để gắn BHLS với thực tiễn sinh động ở các địa phương, trong đó có các DTLS.

Trong cuốn *Tư duy học sinh,* NXBGD, 1982, M.N.Sácđacốp cho rằng cần tăng cường nhận thức trực quan trong dạy học bằng việc: "*Có thể thực hiện nhiệm vụ này bằng cách tổ chức cho học sinh tri giác các di tích lịch sử và các di sản văn hóa"* [97; 53]. Như vậy, ngay từ rất sớm, các nhà giáo dục học cũng đã chỉ ra vai trò quan trong của các DTLS trong việc giáo dục HS. Được quan sát trực tiếp các di sản nói chung, di tích nói riêng cũng là một cách thiết thực của việc vận dụng nguyên tắc trực quan trong dạy học.

N.V.Savin trong sách *Giáo dục học, T.1*, NXBGD HN, 1983 đã đề cập nhiều vấn đề chung của giáo dục học. Trong các HTTC dạy học, ông đặc biệt coi tham quan là một hình thức dạy học quan trọng. Chúng giúp HS đọc cuốn sách của cuộc sống. Mặc dù chưa đề cập đến các DT nhưng ông đã chỉ ra những địa điểm tham quan như *xí nghiệp, nông trang, viện bảo tàng*... Theo ông, khi tổ chức tham quan, GV cần phải xác định trước xem mình sẽ nghiên cứu những chủ đề gì, cần vạch ra

các nhiệm vụ tham quan. Đây là những vấn đề quyết định kế hoạch và các phương pháp công tác của GV và HS tại buổi tham quan. Vấn đề này rất hữu ích đối với chúng tôi khi chúng tôi đề xuất các hình thức, biện pháp tham quan cụ thể với DTLS ở địa phương.

Nhà tâm lý học nổi tiếng A.N.Leonchiev qua cuốn *Hoạt động ý thức và nhân cách*, NXBGD, HN, 1989 cũng đề cập đến sự cần thiết của việc cho HS tham quan trong các hoạt động giáo dục. Trong các hoạt động như thế, HS có thể tri giác các sự vật, hiện tượng cụ thể, đến mức "*dường như là có thể sờ, mó, nắn được đối với chúng; thế giới động vật hiện ra trong tính đa dạng của nó, sự kiện LS được thể hiện một cách trong sáng hơn...*" [70; 305]. Đây là cơ sở quan trọng để đề tài của LA tổ chức các hoạt động tham quan với DTLS ở địa phương một cách tích cực.

Khi nghiên cứu về hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm trong DH, trong sách *Những cơ sở của tâm lí học sư phạm*, NXBGD HN, 1989, tác giả V.A.Gruchetxki cho rằng nếu GV có tri thức, kinh nghiệm hướng dẫn, dựa trên cơ sở sáng tạo của HS sẽ có những khả năng rộng rãi phát huy tính tích cực và sáng kiến của các em. "*Cách tổ chức hoạt động của nhóm ngoại khóa như vậy là phù hợp nhất với các đặc điểm lứa tuổi của các HS lớn*" [47; 50-51]. Quan niệm này đã giúp chúng tôi suy nghĩ về các biện pháp tổ chức hoạt động ngoại khóa trong DH bộ môn với DTLS cho đối tượng HS lớp 12 ở trường THPT.

Các dự án Việt - Bỉ như: Hỗ trợ học từ xa của E. De Corte, T.Geerlings-J.Peters, N. Lagerweij - R.Vandenberghe; *Những cơ sở của hoạt động giảng dạy*, Hà Nội, 2/2000 của Derek Rowntree, *So sánh, đánh giá học sinh*, Hà Nội, 2/2000 của Jean Berbaum; *Để tự học tập được tốt hơn*, Hà Nội, 2/2000 của Alex Mucchielli, *Trò chơi đóng vai*, Hà Nội, 6/1999... đã tập trung giải quyết các vấn đề trong quá trình DH: xác định mục tiêu, tổ chức, đánh giá HS giúp GV phát huy hiệu quả của việc giảng dạy**.** Các tác giả đã chú trọng đến công tác điều tra, thâm nhập cơ sở sư phạm và đặc biệt chú trọng việc phát huy tính năng động, tích cực của HS qua làm việc với ĐDTQ cũng như liên hệ thực tiễn.

Các tác giả David A.Jacobsen, Paul Eggen, Donal Kauchak trong tài liệu *Methods for Teaching* (Phương pháp dạy học), Prentice Half - Gale, 2002, đã trình bày các PP, kĩ thuật dạy học hiện đại nhằm hình thành tính độc lập, sáng tạo - nhất là phong cách học của các cá nhân HS. Trong quá trình dạy học nói chung, dạy học

với DTLS ở địa phương nói riêng, tùy vào đối tượng HS, GV cần linh hoạt lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của bài học.

Với những quan niệm hiện đại, Bobbi Deporter Mike Hernacki trong cuốn *Phương pháp học tập siêu tốc - khơi dậy năng lực tiềm ẩn ở bạn*, NXB Tri thức, 2006 cho rằng để việc học tập đạt kết quả thì học tập phải là niềm vui, là công việc suốt đời mà con người phải đảm nhiệm một cách vui vẻ và thành công. Học tập phải nhằm phát triển con người toàn diện cả về trí tuệ, thể chất và tình cảm riêng tư. Theo tác giả: "*Bạn có rất nhiều cơ hội để tiếp xúc với môi trường và có thể hấp thụ những sắc thái muôn màu muôn vẻ của thế giới xung quanh"* [27; 90]. Ý tưởng nói trên là những định hướng, gợi ý để chúng tôi tăng cường sử dụng DTLS ở địa phương trong DH bộ môn. Việc học tập sẽ có kết quả tốt hơn, ngoài những giờ học trên lớp, người học sẽ thoát ly sự bó buộc về không gian, rộng mở với thế giới bên ngoài thông qua các hình thức TCDH lịch sử khác nhau.

Các tác giả của Hiệp hội Giám định và Phát triển chương trình giáo dục Hoa Kì - ASCD như Robert J.Marzano trong cuốn *Quản lí hiệu quả lớp học*, NXBGD Việt Nam, 2013, (người dịch: Phạm Trần Long), Robert J.Marzano, Debra J.Pickering - Jane E.Pollock**:** *Các phương pháp dạy học hiệu quả***,** NXBGD Việt Nam, 2013 (người dịch: Nguyễn Hồng Vân), đã chỉ ra các cách thức cụ thể nhằm phát huy tối đa năng lực của người học, nâng cao chất lượng của GV đứng lớp để thực hiện hiệu quả công tác giảng dạy. Các tác giả chú trọng sự "*cân bằng giữa giảng dạy và thực hành"*[86; 197]. Việc thực hành thường xuyên giúp học sinh thành thạo các kĩ năng nhất định.

James H.Stronge**,** *Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả***,** NXB GD Việt Nam, 2013 (người dịch: Lê Văn Canh), đã đưa ra một cách nhìn về người GV hiệu quả: "*Người GV có hiệu quả luôn tìm cách để những sự kiện xưa cũ trở nên gần gũi với học sinh ngày nay*" [98; 154]. Quan niệm này rất gần gũi với bộ môn LS, là môn học về những gì đã qua. Tác giả cũng nêu rõ trong giờ học, GV có thể áp dụng các dạng hoạt động đa dạng như: tạo điều kiện cho HS tranh luận, lập hồ sơ dữ liệu LS, tăng cường các hoạt động dựa vào internet, tham quan bảo tàng (trên internet, nếu thiếu thời gian và kinh phí)... Như vậy, đây cũng là những gợi mở quý giá giúp chúng tôi tìm kiếm các hình thức và biện pháp sư phạm khi tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương.

Công trình *Đa trí tuệ trong lớp học*, NXB GD Việt Nam, 2013, Thomas Armstrong, (người dịch: Lê Quang Long), đã giới thiệu một dạng "trí tuệ" được đề cao đó là đưa HS đi tham quan: "*Nhờ được "xem tận mắt"(một thấy bằng mười nghe) các mô hình cụ thể của các dạng trí tuệ khác nhau như vậy nên học sinh nắm bắt được khái niệm đa trí tuệ hơn ngồi trong lớp nghe giảng suông*" [2; 56]. Đây là một quan niệm giúp chúng tôi nhận rõ cần dành nhiều thời gian cho HS được học ngoài trời, mặc dù, thực hiện được chúng trong điều kiện hiện nay quả không dễ dàng. Nhưng điều này có vai trò lớn vì: "*Ta có thể tận dụng một chuyến đi trong thiên nhiên để tái hiện một khung cảnh địa lí hay một sự kiện lịch sử*" [2; 107].

Giselle O.Martin - Kniep trong *Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi,* NXBGD Việt Nam, 2013 (người dịch: Lê Văn Canh), lại đưa ra những gợi ý, những thủ thuật cho GV vận dụng sáng tạo, để "*nuôi dưỡng được hoạt động học tập đích thực*" [84; 7]. Tác giả đề cao việc đánh giá HS qua việc tham gia vào giải quyết những vấn đề thực tế, giúp học sinh hiểu và vận dụng kiến thức đã học ở nhà trường với cuộc sống của chính mình.

Tác giả Robert J.Marzano trong *Nghệ thuật và khoa học dạy học,* (Người dịch: Nguyễn Hữu Châu), NXBGD Việt Nam, 2013 khẳng định khi thiết kế kiến thức trọng tâm của bài học, giáo viên có thể sử dụng các phương tiện để truyền đạt thông tin, gồm: "*bài giảng, tài liệu cho học sinh đọc, biểu diễn bằng vật thể, trình bày bằng Video hoặc DVD, các chuyến đi thực tế*" [85; 206]. Như vậy, qua các tài liệu trên, các nhà nghiên cứu GD của Hiệp hội Giám định và Phát triển chương trình giáo dục Hoa Kì - ASCD đã xác định các hoạt động liên quan đến thực tế, thực hành đóng vai trò lớn trong việc học tập của HS.

Tại Nhật Bản, trong công trình *Cải cách giáo dục Nhật Bản* (2014), NXB Từ điển Bách khoa, (tài liệu dịch) tác giả Ozaki Muger cho rằng cần tôn trọng cá nhân HS. Các em nắm bắt thiên nhiên và xã hội xung quanh bản thân mình thông qua *hoạt động và trải nghiệm* phong phú. Những hoạt động đó phù hợp với cuộc sống của HS. Từ đó, nhà trường mới giáo dục nhận thức tự nhiên và xã hội, "*đồng thời trong quá trình tiến hành những hoạt động và trải nghiệm đó sẽ gieo trồng nền tảng nhận thức bản thân, trang bị cho trẻ em những thói quen, kĩ năng cần thiết cho cuộc sống hướng đến giáo dục nên những nền tảng tự lập"* (Hội đồng thẩm định khóa trình giáo dục, Tóm tắt giữa kì, 10/1986). Quan điểm giáo dục này được chúng tôi

vận dụng để tổ chức các hoạt động tham quan, trải nghiệm với DTLS ở địa phương trong DHLS lớp 12 THPT tại Nghệ An.

Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường trong cuốn *Lí luận dạy học hiện đại-cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, NXBĐHSP, HN, 2014 đã trình bày các lí thuyết, chiến lược học tập, các mô hình DH, nghiên cứu các nhân tố của quá trình DH… Các tác giả xác định những hình thức tổ chức DH cơ bản: DH theo bài khóa, trong đó có tham quan; DH theo dự án; làm việc tự do; hình thức phối hợp... Những nghiên cứu này giúp chúng tôi tìm ra một số biện pháp DH hiện đại có thể áp dụng vào giải quyết vấn đề của đề tài.

1.1.2. Tài liệu lí luận dạy học lịch sử

Các tác giả Bécnhưcốp, I.Ôdécxki, A.Khơmelep trong tài liệu *Công tác ngoại khóa lịch sử,* NXB Mátxcơva, 1963 (tài liệu dịch), chú trọng công tác ngoại khóa gắn với LSĐP như: bảo vệ các DTLS địa phương, chăm nom phần mộ của những người đã ngã xuống... trong các cuộc chiến tranh vệ quốc của nhân dân Liên Xô (trước đây). Trong mục 36: Công tác ngoại khóa về LS ĐP ở trường phổ thông, các tác giả giới thiệu phương pháp tham quan viện bảo tàng, đài kỉ niệm, DTLS phản ánh phong trào LS CM. Mục 37: Tham quan, các tác giả trình bày cụ thể cách tiến hành tham quan, trong đó có tham quan các DTLS, bên cạnh việc tham quan bảo tàng, đường hành quân hay có thể tham quan toàn bộ đời sống LS (điền trang, biệt thự...). Các tác giả đưa ra khái niệm "tham quan ngoại khóa tích cực" với các DTLS. Sau khi cho HS tham quan tại những nơi này, "*HS xây dựng các mô hình, các bản mẫu, phản ánh các di tích LS, các vật dụng sinh hoạt, các loại vũ khí...*" [8; 309]. Đây là tài liệu có những ý tưởng hữu ích trong việc tổ chức hoạt động ngoại khóa trong DHLS cho HS, có thể áp dụng cho thực tiễn dạy học bộ môn ở Việt Nam trong việc tổ chức DHLS với DTLS ở địa phương.

Trong cuốn "*Nguyên tắc trực quan trong dạy học lịch sử",* NXBGD, Matxcơva, 1964 (người dịch: Hoàng Trung, lưu trữ tại thư viện ĐHSPHN, 1979), Đ.N.Nikiphôrốp đã chỉ rõ vai trò, ý nghĩa, các loại và phương pháp sử dụng DDTQ trong dạy học LS. Việc đảm bảo tính TQ giúp HS hiểu sâu và chính xác các sự kiện LS. Theo tác giả, DTLS cũng là một phương tiện trực quan quan trọng và những nội dung khai thác được từ các DT chính là những đồ dùng TQ quan trọng nhất vì đó là

"*nhân chứng trực tiếp"* của các thời đại đã xa. Những kết luận này giúp chúng tôi khẳng định vai trò quan trọng của DTLS ở địa phương trong DHLS.

Là một trong những chuyên gia hàng đầu về PPDHLS ở Liên Xô trước đây, A.A.Vaghin trong giáo trình *Phương pháp giảng dạy LS ở trường phổ thông***,** T.2, NXB Mátxcơva, 1972 (tài liệu dịch) đã đề cập tương đối toàn diện các vấn đề trong quá trình dạy học LS. Tác giả nêu rõ PP, các hình thức tổ chức DH có thể áp dụng trong dạy học bộ môn. Riêng phần 3 tác giả nghiên cứu về giảng dạy LSĐP: "*Bài học dựa trên cơ sở tài liệu LSĐP thường thường được tiến hành bằng phương pháp trực quan (bằng cách tham quan viện bảo tàng, các đài kỉ niệm và các nơi có di tích lịch sử)*" [121; 297]. Những nghiên cứu trong công trình này giúp chúng tôi hình thành các ý tưởng nhằm tổ chức hiệu quả dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương trong trường THPT hiện nay.

Nhìn nhận tài liệu trực quan như là một nguồn nhận thức, N.G.Đairi trong "*Chuẩn bị giờ học Lịch sử như thế nào?",* NXBGD, HN, 1973, cho rằng: *"Tính cụ thể và hình ảnh của sự kiện có một giá trị lớn lao, bởi vì chúng cho phép hình dung lại quá khứ"* [31; 25]. Mặc dù chưa đề cập trực tiếp đến việc sử dụng các DT song tác giả chú ý đến tầm quan trọng của việc gắn dạy học bộ môn với "*thực tế trực tiếp bao quanh học sinh*". Theo đó, việc nghiên cứu "thực tại", gặp gỡ nhân chứng LS sẽ dạy cho HS rất nhiều điều và có một sức mạnh tác động mà không một phương tiện nào có thể thay thế được. Đây là một tài liệu vô cùng quý giá đề cập ngắn gọn, súc tích nhiều vấn đề về PPDHLS và góp phần định hướng cho chúng tôi trong việc tìm ra các biện pháp tổ chức DH bộ môn với DTLS ở địa phương trong bài nội khóa.

Tổ chức trò chơi trong DHLS là một vấn đề lý thú nhưng chưa có nhiều tác giả nghiên cứu. Cuốn *Một số trò chơi lịch sử* của G.A.Culaghina, Lương Ninh*: (*Phần thứ nhất trích từ cuốn "100 trò chơi lịch sử" G.A.Culaghina, phần thứ hai của tác giả Lương Ninh), NXBGD, HN, 1975 đã nêu tương đối hệ thống, đầy đủ cơ sở lí luận, thực tiễn của việc sử dụng trò chơi trí tuệ trong DHLS. Ở đây các tác giả đã thiết kế các dạng trò chơi cụ thể để GV bộ môn có thể áp dụng. Đây là những chỉ dẫn vô cùng quý giá giúp chúng tôi căn cứ vào nội dung của khóa trình LSVN 1919 -2000 ở lớp 12 có thể thiết kế và sử dụng các trò chơi bổ ích khi dạy học với di tích lịch sử ở trường PT trong giờ học ở trên lớp và các hoạt động ngoại khóa.

N.G.Đairi (CB) và các tác giả A.T.Kinkunkin, A.G.Kôlôscốp, P.Karốpkin, P.C.Lâybengrúp trong giáo trình *Phương pháp dạy học lịch sử ở trường THPT*, T2, 1978, Hoàng Trung dịch, lưu trữ tại thư viện ĐHSPHN (Bản tiếng Nga, 1978, *Методика преподавания истории в средней школе*, Москва) đề cập kĩ về vai trò, ý nghĩa, cách phân loại, PP sử dụng ĐDTQ trong dạy học LS. Ở phần thứ 6 đề cập đến hình thức tổ chức dạy học lịch sử, các loại bài học lịch sử. Trong đó các tác giả nhấn mạnh vai trò, ý nghĩa, PP tiến hành bài học tại nơi sự kiện LS đã xảy ra (di tích, thực địa), nơi trưng bày (bảo tàng, nhà truyền thống, nhà lưu niệm, phòng học LS...). Những biện pháp SP trong công trình này là những chỉ dẫn có giá trị giúp chúng tôi giải quyết vấn đề của LA.

Nhận rõ vai trò quan trọng của ĐDTQ trong dạy học lịch sử, tác giả I. Ia.Lecne trong cuốn "*Phát triển tư duy của học sinh trong dạy học lịch sử",* NXB Mátxcơva, 1982, tài liệu dịch lưu trữ tại Thư viện ĐHSP HN, đã khẳng định cần thiết phải sử dụng các loại đồ dùng TQ như: hiện vật, tranh ảnh, tài liệu văn kiện hoặc di tích LS... vào dạy học bộ môn. Vì đó là cơ sở quan trọng giúp HS tái hiện chính xác LS; giúp các em nhận thức LS khách quan, tránh hiện đại hóa LS và tạo cảm hứng đặc biệt cho HS.

A.G. Kôlôscốp (CB) trong giáo trình dành cho GV, *Những vấn đề cấp thiết của PPDHLS ở trường phổ thông*, NXB Matxcơva, 1984 (Bản tiếng Nga: А.Г. Колоскова (Под редакцей) (1984)*, Актуальные вопросы методики обучения истории в средней школе*, Пособие для учителя, Просвещение, Москва) đã đề cập đến những vấn đề quan trọng nhất đối với DHLS ở trường THPT. Tác giả đã dành phần thứ 5 nghiên cứu đến các yêu cầu hiện đại đối với bài học lịch sử. Trong đó đặc biệt chú ý đến loại bài thể hiện đặc trưng bộ môn là BH tại di tích, thực địa.

C.A.Erôva, U.M. Lêbêđêva, A.B.Đrurkova trong tài liệu *Phương pháp dạy học lịch sử ở trường THPT*, NXB Matxcơva, 1986, dành cho sinh viên SP, (Bản tiếng Nga: С.А.Ежова, U.M.Лебедева, А.В.Дружкова и др (1986), *Методика преподавания истории в средней школе*, Москва). Tài liệu đề cập những vấn đề chung của phương pháp DH bộ môn ở trường THPT, gồm 2 phần: phần thứ nhất nói về hệ thống các PP dạy học bộ môn. Theo đó, ĐDTQ được phân thành các loại: hiện vật, tạo hình và quy ước. Các di tích LS, văn hóa được xếp vào loại ĐDTQ hiện vật, theo các tác giả là một phương tiện đặc thù, quý giá giúp HS tưởng tượng,

hình dung quá khứ. Các tác giả cũng dành riêng chương 12 viết về bài học lịch sử. Trong các loại bài, có bài học tại thực địa, di tích. Những vấn đề nêu trên giúp chúng tôi có cơ sở lý luận rõ ràng để tiếp tục nghiên cứu vấn đề của LA.

Vu Hữu Tây và các tác giả trong giáo trình "*Phương pháp giảng dạy Lịch sử ở trung học*", NXB Cao đẳng Giáo dục, Bắc Kinh, 1988, (Ngô Văn Tuyển lược dịch) đã đề cập nhiều vấn đề quan trọng của DH bộ môn. Các tác giả đặc biệt chú ý đến vai trò của việc tái hiện LS thông qua các nguồn tư liệu. Nguồn tư liệu gồm: tư liệu văn tự, tư liệu truyền miệng và tư liệu *vật thực*. Theo đó, nguồn tư liệu vật thực mặc dù rất hiếm song đặc biệt có giá trị. Đó là các tư liệu ẩn chứa trong các hiện vật, di tích hay các bảo tàng. Người GV Lịch sử có thể tổ chức các hoạt động dạy học nội khóa, ngoại khóa với các nguồn tư liệu ấy.

M.B. Kôrôvkôva cùng với M.T. Xtudennhikin trong tài liệu: *Phương pháp dạy học LS qua sơ đồ, bảng biểu và hình vẽ***,** NXB Matxcơva, 1999 (Bản tiếng Nga: М.В. Короткова, М.Т. Студеникин (1999), *Методика обучения истории в схемах, таблицах, описнях*; Гуманитарный Издательский Центр Владос, Москва) dành chương IV và V của cuốn sách đề cập đến "*Bài học LS và việc chuẩn bị bài học của GV*". Các tác giả đi sâu phân tích những phương pháp, hình thức DHLS ở trường phổ thông, đề xuất nhiều biện pháp sư phạm trong việc chuẩn bị các loại bài học LS của GV ở trường phổ thông bằng sơ đồ, bảng biểu...

E.E.Viazemxki, O.Iu.Xtrelôva trong giáo trình *Phương pháp dạy học lịch sử ở trường THPT*, Matxcơva, 2001, (bản tiếng Nga: Е.Е.Вяземский, О.Ю. Стрелова (2001), *Методика преподавания истории в школе*, Гуманитарный Издательский Центр Владос, Москва), đã trình bày một cách có hệ thống các phương pháp DH môn LS ở trường PT cho GV bộ môn tham khảo. Trong chủ đề 5, các tác giả đã nghiên cứu khá kĩ về các loại bài học Lịch sử ở trường phổ thông. Ngoài các BH thông thường, các tác giả chú ý đến loại bài đặc trưng bộ môn - đó là BHLS ở thực địa, bảo tàng, phòng học LS... Kết quả nghiên cứu về hình thức, biện pháp tiến hành loại bài này của các tác giả là những chỉ dẫn quý báu, giúp chúng tôi giải quyết nhiệm vụ của LA.

Tài liệu "Teaching history a guide for teachers teaching history for the first time" (2003), xuất bản bởi Hiệp hội lịch sử (*HistoryCOPs)* thuộc dự án phát triển chuyên nghiệp được tài trợ từ năm 1995, quỹ Quần đảo Thái Bình Dương

Sasakawa, Nhật Bản đã đề cập tương đối đầy đủ, ngắn gọn các vấn đề giúp GV dạy LS có thể hoàn thành nhiệm vụ của mình. Tài liệu này cho rằng LS là môn học có *ý nghĩa và khác biệt*, ngay cả với cả các môn học xã hội nhân văn khác. Trong giờ học LS, HS có vai trò trung tâm, GV giới thiệu cho các em chủ đề, đề xuất ý tưởng, hoạt động và HS thực hiện. Các bước lĩnh hội tri thức LS diễn ra thông thường như: *thu thập thông tin LS, phân tích dữ liệu, viết và nói về LS, hợp tác nhóm, trình bày quan điểm, kết quả của HS*. Muốn thực hiện được điều này, giáo viên LS cần có nỗ lực, có nhiều kĩ năng. Tác giả chú ý đến việc đưa HS ra ngoài lớp học bằng cách tổ chức các chuyến du ngoạn, tham quan tới các viện bảo tàng, trung tâm văn hóa. Những hiện vật LS bình dị như: "*...1 cuốn nhật ký cũ, 1 tờ báo rách nát, 1 vài bức ảnh cũ, đặc biệt nơi xảy ra sự kiện LS... là những hiện vật vô cùng quý giá để khai thác* [tr. 4]. GV LS cần nỗ lực tìm các nguồn kiến thức, tài nguyên kiến thức môn học phi truyền thống, ngoài SGK như: các video, tài liệu LS, hình ảnh, bài hát; tham quan bảo tàng, trung tâm văn hóa, các di tích LS...

M.T. Xtuđennhikin trong công trình *Công nghệ hiện đại trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông*, Matxcơva, 2007 (Bản tiếng Nga: M.T. Студеникин (2007): *Современные технологии преподавателя истории в школе,* Библиотека учителя истории, Москва) đã chỉ rõ nhiệm vụ của dạy học LS ở trường phổ thông là mở rộng kiến thức và hình thành các kỹ năng, phẩm chất, nhân cách học sinh. Trong việc phát triển kĩ năng tư duy, tác giả chú ý khả năng phân tích, lí giải các vấn đề LS. Giáo viên LS cần "*tạo dựng được mối liên hệ chặt chẽ giữa dạy học trên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp, học tập ở nhà và tự chuẩn bị cho các giờ lên lớp"* [137; 3]. Đây là những kinh nghiệm thiết thực về PPDH bộ môn, giúp chúng tôi tìm ra các HTTC dạy học ở trên lớp, ngoài lớp trong tổ chức DH với DTLS ở địa phương.

Trong tài liệu *History of those new to teaching the subject* (NSW Department of Education and Training, 2010, (Lịch sử những đổi mới để giảng dạy môn học), cho rằng: một trong những cách giúp HS hiểu về quá khứ là "*có thể đến một địa điểm khảo cổ, một bảo tàng, một tượng đài hay một trang web ảo có sẵn trên đĩa CD hay internet*" [129; 6]. Trong điều kiện dạy học ngày nay, với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, giáo viên có thể tạo cho HS cơ hội khám phá "*nghiên cứu di tích lịch sử khi vẫn ngồi trong lớp học*" [129; 6]. Đây là những gợi mở giúp chúng

tôi tham khảo để thiết kế các biện pháp SP cụ thể khi tổ chức dạy học LS với DTLS ở địa phương như: cho HS tham quan, trải nghiệm hoặc HS tự lập các hồ sơ điện tử về DT... Điều này vừa giúp các em hiểu sâu LS, tăng khả năng tương tác và tạo hứng thú cho HS.

Tác giả Terry Haydn của Trường Đại học East Anglia (Anh) trong sách "*Sử dụng những công nghệ mới để tăng cường dạy và học lịch sử*" (Bản tiếng Anh: *Using New Technologies to Enhance Teaching and Learning in History,* Routledge, 2013) đã đề cập đến vai trò của công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng dạy học bộ môn trong điều kiện hiện nay. Để làm được điều này, GV phải am hiểu về CNTT, hướng dẫn HS vận dụng các kĩ năng tư duy để khám phá kiến thức qua phương tiện CNTT cũng như khả năng tự tạo sản phẩm môn học với sự hỗ trợ của CNTT. Nếu vận dụng những kiến thức đó trong dạy học LS dân tộc với DTLS ở địa phương sẽ tạo hứng thú cho HS, giúp các em độc lập hoạt động và tạo ra các sản phẩm CNTT liên quan đến DTLS ở địa phương.

Trong trang web với nội dung "*Làm thế nào để dạy lịch sử*?" của Tiểu ban Lịch sử thuộc Hiệp hội các nhà giáo dục Ôxtrâylia, đã khẳng định trong dạy học bộ môn, GV cần tổ chức linh hoạt các hoạt động cho HS nghiên cứu vấn đề LS. Các hoạt động học tập phải liên quan lẫn nhau - trong đó GV khuyến khích tư duy LS của HS. GV cần sử dụng nhiều *tài nguyên* trong lớp học lịch sử, bao gồm các tài liệu, hình ảnh, đồ tạo tác và con người (như những người khách mời hoặc những người phỏng vấn). Đặc biệt GV cần chú ý các địa điểm lịch sử tạo nguồn lực tuyệt vời như: bảo tàng, *di tích và di sản* (thực tế hoặc ảo), đặc biệt là ở địa phương.

Như vậy, qua các công trình nghiên cứu của mình, các nhà giáo dục học, tâm lý học, giáo dục Lịch sử ở các nước đều đề cao vai trò của đồ dùng trực quan - trong đó có các DTLS, vai trò của việc gắn kết nhà trường với thực tiễn. Những kết quả nghiên cứu trên của các tác giả ở các nước giúp chúng tôi có cơ sở lí luận để tiếp tục tìm hiểu vấn đề tổ chức DH bộ môn với DTLS ở địa phương qua dạy học LSVN 1919 -2000 ở lớp 12 tại Nghệ An.

1.2. Tài liệu trong nước

1.2.1. Tài liệu giáo dục học, tâm lí học

Các tác giả trong nước như: Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt, Nguyễn Ngọc Quang, Trần Thị Tuyết Oanh, Thái Duy Tuyên... đã có nhiều công trình nghiên cứu

đề cập đến vấn đề trực quan và việc phải gắn kiến thức ở trường học với thực tiễn cuộc sống, đa dạng các HT tổ chức DH, phát huy năng lực HS...

Trong giáo trình *"Giáo dục học",* T.1, NXBGD, HN, 1987, Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt đã nhận định nếu được sử dụng khéo léo, ĐDTQ sẽ tạo điều kiện cho học sinh dễ hiểu, nhớ lâu, giảm căng thẳng, tạo mối liên hệ thần kinh tạm thời khá phong phú, phát triển năng lực chú ý, óc quan sát tò mò. ĐDTQ là điểm tựa quan trọng trong nhận thức của HS. Từ đó HS tưởng tượng, tư duy, lĩnh hội kiến thức và vận dụng nó vào thực tiễn.

Phạm Viết Vượng trong các giáo trình: *Giáo dục học đại cương*, NXB ĐHQG HN, 1996; *Giáo dục học* (NXB ĐHSP, HN 2008) đã nêu khái niệm và sự đa dạng của HTTCDH ở trường PT. Mỗi hình thức có đặc điểm, ưu thế riêng song chúng bổ trợ cho nhau. GV có thể sử dụng DTLS để tổ chức tham quan cho HS: "*Tham quan thường được tổ chức đến các địa điểm: danh lam thắng cảnh, các DTLS, các viện bảo tàng, các cuộc triễn lãm, các nhà văn hóa...*" [123; 134]. Theo tác giả, tham quan cần có sự chuẩn bị hết sức chu đáo: địa điểm, nội dung, người dẫn chương trình, kế hoạch tham quan. Có như vậy, hoạt động này mới thực sự tạo hứng thú, nhẹ nhàng mà vẫn giúp HS thu lượm kiến thức bổ ích.

Chú trọng đến nguyên tắc thực tiễn trong DH, trên cơ sở liên hệ thực tế GD các nước, tác giả Thái Duy Tuyên trong tài liệu *Những vấn đề cơ bản giáo dục hiện đại,* NXBGD, 1998 (tái bản các năm 2001, 2008) đã khẳng định: "*nguyên tắc giáo dục gắn liền với đời sống là nguyên tắc nổi bật, bao trùm trong LS giáo dục thế giới*" [120; 82]. Theo tác giả, HS buộc phải động não, tìm tòi trước các tình huống cụ thể của cuộc sống. Ông cũng chỉ rõ vai trò, PP sử dụng ĐDTQ trong DH và chỉ rõ sự đa dạng của các hình thức tổ chức DH. Những vấn đề chung về giáo dục học mà tác giả đề cập là căn cứ để chúng tôi áp dụng vào dạy học LS thông qua việc tổ chức DH với DTLS ở địa phương.

Đặng Thành Hưng trong cuốn *Dạy học hiện đại - Lí luận, biện pháp, kĩ thuật,* NXB ĐHQG, HN, 2002 đã nêu các vấn đề lí luận của DH hiện đại, các biện pháp, ứng dụng và kĩ thuật dạy học vi mô. Tác giả chỉ rõ bài học vừa được tiến hành ở trên lớp trong những khoảng thời gian khác nhau vừa có thể tiến hành qua các giờ học ngoài lớp, đó là: "*...giờ học tham quan, giờ học thí nghiệm - thực hành, giờ học semina ở thực địa...*" [54; 95].

Giáo trình *Giáo dục học* (NXB ĐHSP, Hà Nội, 2005) do *Trần Thị Tuyết Oanh* (CB) cho rằng bài học là đơn vị cấu trúc môn học và là đơn vị của chương trình dạy học ở nhà trường PT hiện nay. Các tác giả đưa ra những yêu cầu cụ thể khi tiến hành bài học và phương pháp tiến hành các loại bài học, trong đó lưu ý loại bài tại thực địa trong các môn học.

Trước nhu cầu của đổi mới giáo dục gắn liền với xã hội, các tác giả Nguyễn Hoàng Trí, Đặng Văn Đức, Nguyễn Quang Ninh, Trịnh Đình Tùng, Đặng Tuyết Anh, Vũ Thu Hương, Nguyễn Thành Công (2010) đã vận dụng dạy học NVĐ qua thực tế địa phương trong tài liệu: *Mô đun - dạy học dựa trên giải quyết vấn đề. Dạy và học từ thực tế địa phương trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp*, Sách bồi dưỡng GV THCS, HN. Các tác giả trình bày tương đối chi tiết ứng dụng của dạy và học dựa trên giải quyết vấn đề từ thực tế địa phương cho các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Việc học tập với DTLS cũng được đề cập đến thông qua việc dạy học tích hợp một số môn học gần gũi khác như: Văn học, Địa lý... Đây cũng là gợi ý để chúng tôi vận dụng vào vấn đề tổ chức DH với DTLS ở địa phương trong bộ môn của mình.

Trong các tài liệu: Đỗ Hương Trà (CB), *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh,* Q1, Khoa học tự nhiên, NXB ĐHSP, 2015; Trần Thị Thanh Thủy (CB); Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Văn Ninh, Nguyễn Mạnh Hưởng, Bùi Xuân Anh, Lưu Thị Thu Hà: *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh,* Q2, NXB ĐH SP, 2016, các tác giả đã thiết kế bài học theo hướng đặc biệt chú trọng phát triển năng lực học sinh, trong đó yêu cầu: "*Nhấn mạnh vào hoạt động tìm hiểu, khám phá, trải nghiệm, đặc biệt là vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống gắn với thực tế cuộc sống*" [109; 11]. Dựa vào lí thuyết, mô hình học tập trải nghiệm của Kolb, các tác giả nêu lên sự cần thiết của dạy học trải nghiệm vì học tập là một quá trình, bắt nguồn bằng các trải nghiệm. Với quan điểm dạy học này, giáo viên có thể vận dụng bằng các hình thức: "*...tổ chức thảo luận, tổ chức các trò chơi, tổ chức các cuộc thi, tổ chức câu lạc bộ, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, tham quan dã ngoại, tổ chức các sự kiện, sân khấu tương tác..*" [109; 21].

1.2.2. Tài liệu lí luận dạy học lịch sử

Giáo trình *Sơ thảo phương pháp giảng dạy lịch sử (ở các trường phổ thông cấp II, III)*, T2, NXB GD, 1961 của Lê Khắc Nhãn, Hoàng Triều, Hoàng Trọng Hanh dành chương V viết về "Giảng dạy bằng trực quan trong môn Lịch sử" đề cập

đến ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề giảng dạy LS với đồ dùng trực quan, trong đó có di tích, di vật của quá khứ. GV và HS cần tiến hành sưu tầm, thu thập, ghi chép tài liệu di tích LS, cần: "*phát hiện những di tích LS ở địa phương và tuyên truyền trong nhân dân ý thức tôn trọng, giữ gìn những di tích ấy"* [88; 176]. Các tác giả phân chia các loại giáo cụ trực quan gồm: vật thực, vật tượng hình, vật tượng trưng, vật biểu. Trong đó, di tích LS là các vật thực. Tuy nhiên, trong phần hướng dẫn phương pháp khai thác, sử dụng các loại này thì các tác giả chưa đề cập đến. Trong chương VII, giáo trình viết về cơ sở lí luận, các hình thức hoạt động ngoại khóa, thực hành trong dạy học LS. Hình thức tham quan di tích LS, viện bảo tàng được các tác giả đề cập đầu tiên. Theo đó, việc cho HS quan sát trực tiếp các di tích, di vật của quá khứ như: một bức thành, một mảnh tường, một ngôi đền, một căn nhà, một lá cờ… có khi là một mái đồi, một rừng cây... "*Những di tích, di vật ấy lắm khi có vẻ rất sơ sài và đối với những con mắt vô tư, tưởng như chẳng có giá trị gì. Nhưng, đó chính là những hình ảnh thực của đời sống quá khứ, nó có giá trị phản ánh thực tại quá khứ một cách sinh động và có một sức động cảm rất mạnh mẽ*" [88; tr.170-171]. Vì thế, trong dạy học LS cách mạng của dân tộc: "…*GV cần cố gắng tạo mọi điều kiện cho HS được tham quan những di tích LS, trước hết là ở trong địa phương của trường mình*" [88; tr.171].

Trong giáo trình *Phương pháp giảng dạy Lịch sử, T1*, (Phần Đại cương) **của** Trần Văn Trị, Phan Ngọc Liên, Hoàng Trọng Hanh, Nguyễn Cao Lũy, Nguyễn Tiến Cường, NXB GD, 1966, ở chương III đã viết về ý nghĩa của các ĐDTQ nói chung, các vật thực - trong đó có di tích LS nói riêng. Chúng không phải là bức tranh toàn vẹn của LS song là loại tài liệu rất quý giá. Ở phần III, chương 1 về bài học nội khóa, các tác giả cho rằng có thể tổ chức bài học nội khóa ngoài lớp học, ở ngay nơi xảy ra sự kiện LS, bảo tàng hay phòng truyền thống địa phương. Nếu điều kiện thuận lợi: "*...có thể kết hợp việc tham quan di tích LS, tổ chức cắm trại với việc lên lớp nội khóa*" [110; 92]. Bài học nội khóa ở thực địa, bảo tàng có thể được thực hiện đối với bài nghiên cứu kiến thức mới hoặc bài ôn tập, củng cố. Ở chương II, giáo trình đề cập đến việc tổ chức công tác ngoại khóa và thực hành bộ môn.

Trong tài liệu "*Công tác ngoại khóa môn Sử ở trường phổ thông cấp II và cấp III*", Phan Ngọc Liên (CB), NXB GD, HN, 1968, các tác giả trình bày vai trò, ý nghĩa của hoạt động ngoại khóa trong DHLS. Các hình thức, biện pháp tiến hành những hoạt

động này cũng được chỉ rõ. Những vấn đề lí luận chung này giúp chúng tôi áp dụng để tổ chức các hoạt động ngoại khóa với DTLS ở địa phương tại Nghệ An.

Cuốn *"Đồ dùng trực quan trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông cấp II"* của Phan Ngọc Liên - Phạm Kỳ Tá**,** NXB GD, HN, 1975 đã giới thiệu phương pháp khai thác ĐDTQ trong các bài học cụ thể ở bậc THCS môn Lịch sử. Phần đầu của cuốn sách nêu khái quát ý nghĩa của ĐDTQ đó là giúp HS nhớ kỹ, hiểu lâu kiến thức và phát triển óc quan sát, tư duy, ngôn ngữ, hình thành những cảm xúc thẩm mỹ. Các nguyên tắc, phương pháp sử dụng ĐDTQ trong DTLS ở trường cấp II cũng được các tác giả đề cập đến. Trong tài liệu này, những di tích LS được xếp vào nhóm thứ nhất là các hiện vật quá khứ. Chúng là những tài liệu gốc, *có tác dụng làm cho việc nhận thức được cụ thể, tạo điều kiện cho tư duy khoa học phát triển và ảnh hưởng không ít đến tư tưởng, tình cảm của HS.* Tuy nhiên đối với HS cấp II, việc nhận thức LS qua các di tích không phải dễ dàng mà phải tái hiện quá khứ xung quanh các "dấu vết" lịch sử đó.

Giáo trình *Phương pháp dạy - học Lịch sử c*ủa Phan Ngọc Liên, Trần Văn Trị, NXB GD, T2 (1980) cũng coi bài học tại thực địa là một loại bài quan trọng, đặc thù của bộ môn. Ở chương XII của giáo trình đã trình bày, phân tích kĩ cách thức tổ chức các hoạt động ngoại khóa, chú trọng ý nghĩa, PP tổ chức hoạt động tham quan LS. Việc tham quan LS có thể diễn ra ở: bảo tàng, nơi xảy ra sự kiện LS, di tích LS hay là cuộc hành quân theo dấu chân người xưa.

Các giáo trình *Phương pháp dạy học Lịch sử* của Phan Ngọc Liên, Trần Văn Trị (CB), NXB GD, 1992, được bổ sung, sửa chữa vào những năm 1998, 1999, 2000, 2001; giáo trình *Phương pháp dạy học Lịch sử* của Phan Ngọc Liên (CB), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi, T1, T2, NXB ĐHSP 2002, tái bản có sửa chữa, bổ sung vào năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014 cho rằng cần: "*Đưa tài liệu LSĐP, chất liệu cuộc sống hiện tại vào việc trình bày lịch sử quá khứ"* [72; 32]. Trong phần đầu của các giáo trình, khi trình bày về hệ thống các PPDHLS, các tác giả đều khẳng định vai trò, ý nghĩa quan trọng của ĐDTQ - là "cầu nối giữa quá khứ và hiện tại" trong dạy học LS. Các loại ĐDTQ gồm: đồ dùng TQ tạo hình và ĐDTQ quy ước. Các DTLS là một dạng ĐDTQ hiện vật rất có giá trị, cần được khai thác. Ở các phần như: bài học lịch sử ở trường PT, hoạt ngoại khóa LS… các tác giả đi sâu nghiên cứu các loại BHLS. Trong đó, tiến hành bài học tại thực địa có ý

nghĩa rất lớn đối với việc hình thành kiến thức, kĩ năng, thái độ của HS. Đối với bài học tại thực địa về LS dân tộc và LS địa phương cần có sự chuẩn bị công phu. Trong đó GV cần lưu ý về việc: chọn vấn đề, địa điểm; tổ chức, chuẩn bị bài giảng tại thực địa; nội dung bài giảng. Hiệu quả của bài học tại thực địa phụ thuộc vào sự chuẩn bị của HS và GV, khai thác tốt mối liên hệ giữa di vật với việc tri giác của học sinh, phát huy khả năng quan sát, hoạt động tự học của học sinh. Hình thức tham quan học tập cũng được các tác giả chú trọng trong DH bộ môn. Đối với hoạt động ngoại khóa, các tác giả cũng nêu lên những hình thức và biện pháp sử dụng DTLS có tính khả thi và đạt hiệu quả cao như tham quan ngoại khóa, các công tác công ích xã hội tại DTLS… Đây là những gợi ý thiết thực giúp cúng tôi triển khai việc tổ chức dạy học LSVN 1919 - 2000, lớp 12 với DTLS ở địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Cuốn *Một số vấn đề về nội dung và phương pháp giảng dạy lịch sử Việt Nam lớp 12 CCGD,* Sách bồi dưỡng GV PTTH, 1992, Trường ĐHSP HN, Trần Bá Đệ (CB) có bài viết của tác giả *Nguyễn Cảnh Minh* "Dạy và học một bài lịch sử tại thực địa*"*, *"*Biên soạn bài giảng lịch sử địa phương ở trường phổ thông" đã khẳng định vai trò, ý nghĩa của các loại bài học này trong DH bộ môn. Theo tác giả: "*GV có thể bổ sung, cụ thể hóa, làm phong phú những sự kiện có tính chất toàn quốc xảy ra ở địa phương mình, tổ chức học sinh tham quan di tích lịch sử - cách mạng, nhà bảo tàng, truyền thống địa phương*" [28; 137]. Đó cũng là dịp giúp giáo viên thâm nhập vào cuộc sống, kết nối quá khứ và hiện tại, bài giảng mới sinh động, gây cảm xúc mạnh mẽ cho học sinh...

Các tác giả Nguyễn Thị Côi (CB), Trịnh Tùng, Lại Đức Thụ, Trần Đức Minh) trong sách *Rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử,* ĐHQGHN, ĐHSP, 1995; Nguyễn Thị Côi (CB), Trịnh Đình Tùng, Trần Viết Thụ, Nguyễn Mạnh Hưởng, Đoàn Văn Hưng, Nguyễn Thị Thế Bình trong cuốn: *Rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử,* NXB ĐHSP, 2009 nêu quan điểm: DHLS phải gắn bó, phục vụ trực tiếp cuộc sống, nên cần tăng cường tổ chức tham quan DTLS. Các tác giả đã đề xuất nhiều biện pháp rèn luyện các kĩ năng cho SV sư phạm LS. Trong đó có việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa, công tác công ích với DTLS ở địa phương, bởi vì: "*Ở mỗi địa phương trên đất nước ta có rất nhiều DT, con người, sự kiện liên quan tới cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc trong lịch sử mà chưa*

được sử sách nhắc tới, thậm chí chưa được nhân dân, người thân biết đến..." [23; 208]. Đây là một gợi ý để GV và HS tiếp tục làm giàu kiến thức LS với các DT ở ngay địa phương.

Phan Ngọc Liên (CB) trong "*Đổi mới việc dạy học Lịch sử lấy học sinh làm trung tâm",* ĐHQG, ĐHSP, 1996, có bài viết của tác giả *Phan Thế Kim* viết về việc cần thiết cho HS đi đến thư viện, đến viện bảo tàng, tham quan thực địa (lăng tẩm, đình, chùa, miếu mạo, công trình kiến trúc...) hoặc triển lãm hội họa... Sau hoạt động tìm hiểu, một bài viết thu hoạch là rất cần thiết, có thể viết theo nhóm hoặc từng cá nhân tự soạn thảo. Bài viết của Hoàng Thanh Hải "*Di tích lịch sử trong việc tích cực hóa hoạt động nhận thức của học sinh*" đã trình bày ý nghĩa và PP sử dụng DTLS trong dạy học bộ môn. Đối với hoạt động dạy học ở trên lớp, có thể sử dụng tranh, ảnh, băng hình, đồ phục chế các hiện vật tiêu biểu ở DT hay có thể dạy một bài LSDT hoặc một bài LSĐP ngay tại thực địa, nơi xảy ra sự kiện. Từ việc chỉ rõ những khó khăn khi tổ chức bài học tại thực địa, tác giả khẳng định để bài học thực đại đạt kết quả tốt thì phải chuẩn bị tốt về mọi mặt, tập trung vào một số trọng điểm; kết hợp nhuần nhuyễn các PP, hình thức dạy học khác nhau để việc sử dụng DT phù hợp trình độ HS và đạt hiệu quả cao. Việc giáo dục phải biến thành nhận thức và hành động cụ thể của học sinh. HS cần phát hiện, bảo vệ, tuyên truyền ý nghĩa các DTLS.

Cũng trong tài liệu này, tác giả Đỗ Hồng Thái với bài "*Sử dụng di tích cách mạng trong dạy học lịch sử ở trường THPT"* đã xác định: DT cách mạng - một bộ phận của DTLS, là dấu vết của quá khứ, nó góp phần quan trọng trong việc tái tạo hình ảnh lịch sử. Theo tác giả, tài liệu lịch sử trong các khu DT rất đa dạng, sinh động, hấp dẫn, có ý nghĩa lớn đối với HS và chưa được khai thác đúng mức. Đây có thể coi là một nguyên nhân làm hạn chế tính hiệu quả của việc dạy học bộ môn. Từ đó, tác giả chỉ rõ loại bài có thể sử dụng với DTLS đó là: bài LSDT, LSĐP trong giờ nội khóa, bài học tại thực địa. Để thực hiện các loại bài học này, GV cần kết hợp hình thức nội khóa và ngoại khóa.

Cuốn *Bảo tàng lịch sử, cách mạng trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông trung học***,** tác giả Nguyễn Thị Côi, NXBĐHQG, 1998 đề cập đến những vấn đề chung của bảo tàng, phương pháp khai thác bảo tàng trong DHLS. Những hình thức, biện pháp khai thác bảo tàng mà tác giả đề xuất là những gợi ý giúp chúng tôi

vận dụng vào vấn đề nghiên cứu. Phần Phụ lục của cuốn sách có bài viết của Hoàng Thanh Hải: "*Dạy học bài lịch sử dân tộc tại DTLS, cách mạng cho học sinh PTTH*". Trong đó, tác giả coi DTLS, cách mạng là dấu vết, chứng tích vật chất ghi lại, phản ánh lại một sự kiện, nhân vật hoặc một quá trình LS đã qua. Chúng như "*một loại bảo tàng tự nhiên cũng cần khai thác trong dạy học LS*" [21; 169]. Tác giả đề cập đến cách phân loại DTLS và coi việc tổ chức bài học LS tại DTLSCM "*là một hình thức "xã hội hóa giáo dục lịch sử", học đi đôi với hành, học LS ngoài lớp học, học tại các di tích lịch sử"* [21; 171]. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra đề xuất cần tổ chức 1 đến 2 buổi học tại các DTLS cho học sinh THPT.

Tác giả Nguyễn Thị Côi (2006) trong sách *Các con đường biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông* (in lần thứ hai), NXB ĐHSP, HN, cho rằng các DT, bảo tàng... có thể được sử dụng để tiến hành bài học ở trên lớp, tham quan học tập và các hoạt động ngoại khóa phong phú khác. Đó là một trong những biện pháp hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả việc dạy học LS ở trường PT. Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra các ví dụ cụ thể về việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở trường PT.

Tài liệu tập huấn "*Sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông, môn Lịch sử"* của Bộ GD và ĐT, 2014, đã giới thiệu cụ thể các ví dụ về hình thức sử dụng di sản trong DH bộ môn ở cấp THCS và THPT. Đó là: sử dụng tài liệu, tranh ảnh về di sản để tiến hành bài học ở trên lớp, tiến hành bài học LS và tổ chức tham quan học tập tại nơi có di sản, tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoại khóa tại di sản. Đây là những gợi ý quý giá, giúp chúng tôi tìm kiếm và đề xuất hình thức, biện pháp tổ chức dạy học LSVN với di tích LS ở địa phương tại Nghệ An.

Trong tài liệu Đổi mới phương pháp dạy học lịch sử do Trịnh Đình Tùng (CB), NXB ĐHQG, HN, 2014, tác giả *Nguyễn Minh Nguyệt* đã đưa ra quan niệm: "*Ở các thành phố lớn, giáo dục ở các bảo tàng, DTLS văn hóa là quan trọng"* [119; 164]. Và cần "*Sử dụng bảo tàng, DT, điểm văn hóa như một thiết chế văn hóa gắn với học đường*" [119; 165]. Còn tác giả *Phạm Mai Hùng* trong bài "*Dạy học LS thông qua di sản"* nhấn mạnh vấn đề đưa di sản, trong đó có các DTLS -VH vào trường học, coi đó là một phương tiện quan trọng để giáo dục thế hệ trẻ. "*Dạy - học LS thông qua di sản chỉ đạt kết quả cao khi được tổ chức có kế hoạch, có sự liên kết chặt chẽ giữa nhà trường với ban quản lí các DT, ban giám đốc các bảo tàng; xác định rõ chủ đề dạy,*

học tại trường, tham quan và đa dạng hóa các hình thức thể hiện trong giờ ngoại khóa tại trường, trong mỗi lần tới DT, bảo tàng" [119; 31]. Ở đây, tác giả cũng khẳng định di sản là khái niệm rộng, gần gũi, ở xung quanh chúng ta. Thế nên, trong việc khai thác chúng, trước hết chú trọng các DT có sẵn ở ngay các địa phương.

Với cuốn sách "*Bảo tàng, di tích - Nơi khơi nguồn cảm hứng dạy và học Lịch sử cho học sinh phổ thông*" do Nguyễn Thị Kim Thành (CB), NXB GDVN, 2014, tác giả đã trình bày rất khái quát, dễ hiểu về mối quan hệ bổ trợ giữa việc truyền thụ kiến thức LS trong nhà trường với PP dạy và học LS với bảo tàng và DT. Tác giả đã đề xuất một hệ thống chủ đề, tiểu chủ đề và những yêu cầu nhằm thực hiện hiệu quả hệ thống chủ đề, tiểu chủ đề đó. Các nội dung thực hiện theo chương trình dạy và học LS được thực hiện tại Câu lạc bộ "Em yêu lịch sử" của Bảo tàng LS quốc gia. Phần hình thức dạy và học LS cho HS phổ thông tại bảo tàng, DT được trình bày khá công phu, hấp dẫn, tính thuyết phục và khả thi cao.

- **Một số tài liệu liên quan**

Năm 2007, trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh cùng với Viện nghiên cứu GD và Trung tâm đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đã tổ chức Hội thảo và xuất bản kỷ yếu *"Hiệu quả của hoạt động ngoại khoá đối với việc nâng cao chất lượng dạy - học trong nhà trường phổ thông"* trong đó đã tập hợp rất nhiều bài viết của các nhà nghiên cứu, nhà quản lý giáo dục về quá trình triển khai hoạt động ngoại khóa, trong đó có các DTLS.

Tác giả Dương Văn Sáu trong tài liệu Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam, NXB ĐHQG, 2007 đã nêu rõ khái niệm di tích, giá trị, vai trò của hệ thống DTLS-VH. Đồng thời, tác giả cũng phân tích các loại hình, đặc điểm và hướng dẫn cách khai thác các DT đó trong hoạt động du lịch.

Đặc biệt vào năm 2013, Bộ GD và ĐT, Bộ VHTT và DL đã cho xuất bản tài liệu tập huấn cán bộ quản lí và GV: *Sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông - Những vấn đề chung*, HN, tháng 10/ 2013. Trong tài liệu này, các tác giả cũng khẳng định: mọi di sản, trong đó có bảo tàng, DTLS văn hóa đều có giá trị, luôn ở bên chúng ta, cần có sự phối hợp chặt chẽ với cán bộ nghiên cứu, các cơ quan quản lí di sản, cần nhận thức rõ trách nhiệm của nhà trường phổ thông đối với chúng. Khi tổ chức dạy học với DT, GV đóng vai trò là người thiết kế hoạt động, điều phối viên, tổ chức hoạt động cho HS. Việc sử dụng di tích trong các môn học ở trường phổ thông

phải dựa trên các PP truyền thống kết hợp với các PP đổi mới, tích cực (DH nêu và giải quyết vấn đề, DH theo dự án, sử dụng công nghệ thông tin). Các tác giả đã đề xuất các hình thức dạy học, tổ chức hoạt động giáo dục với DT.

Tác giả Nguyễn Hữu Chí trong báo cáo tổng kết: *Những cơ sở khoa học của việc xây dựng chương trình (curriculum) các môn học ở trường phổ thông,* Đề tài B96 - 49-34, HN, 1998 cho rằng: cần cho HS tiếp xúc với thiên nhiên, xã hội, tham gia lao động, làm phong phú thêm kinh nghiệm sống. GV cần tổ chức đa dạng và kết hợp nhiều hình thức dạy học khác nhau: "*Học ở lớp, học ở thực địa, học ở bảo tàng, học theo đề án*" [19; 1].

Vấn đề sử dụng DT trong DHLS cũng được các NCS, học viên cao học chuyên ngành Lí luận và PPDHLS quan tâm nghiên cứu:

- Luận án Tiến sỹ của Hoàng Thanh Hải về "*Sử dụng các di tích lịch sử ở Thanh Hóa trong dạy học lịch sử ở trường THCS",* ĐHSP HN, 2000 đã giải quyết các vấn đề: lí luận và thực tiễn của việc sử dụng di tích trong DHLS ở trường THCS. Luận án đã đề xuất các hình thức, biện pháp sử dụng di tích trong dạy học lịch sử dân tộc ở THCS trên cơ sở tiến hành thực nghiệm tại các trường THCS Nam Ngạn và THCS Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa.

Nhằm nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, đáp ứng tinh thần của việc đổi mới giáo dục, trong những năm gần đây, nhiều cuộc hội thảo đã được tổ chức như: *Đổi mới PPDH lịch sử ở trường phổ thông* do Bộ GD và ĐT tổ chức (11/1999); *Đổi mới PPDH để nâng cao chất lượng giáo dục bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông*, ĐHSP Hà Nội (9/2006); *Nghiên cứu và giảng dạy LS trong bối cảnh hội nhập QT và phát triển kỹ năng tự học cho HS,* HN, 2011; *Dạy học lịch sử ở trường phổ thông Việt Nam*, Đà Nẵng (8/2012); *Nghiên cứu và giảng dạy LS trong bối cảnh hiện nay*, NXB Lí luận chính trị, 2016; *Đào tạo và bồi dưỡng GV môn LS đáp ứng yêu cầu đổi mới CT, SGK*, NXBĐHQG, 2017... Tại diễn đàn của các cuộc hội thảo, các nhà khoa học, các chuyên viên từ các sở GD và ĐT, các GV trực tiếp đứng lớp đã đề cập đến thực trạng của việc DHLS hiện nay, chỉ ra nguyên nhân của thực trạng và đồng thời nêu các giải pháp vĩ mô, vi mô nhằm góp phần nâng cao chất lượng, vị thế của môn học. Trong đó, nhiều tác giả đã đề xuất việc tăng cường tổ chức DHLS với DTLS, tăng cường hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm cho HS.

*** Các bài viết trên tạp chí**

Hoàng Thanh Hải có bài: *Sử dụng di tích lịch sử - cách mạng trong dạy học lịch sử tại thực địa,* Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 2, 1997; Nguyễn Thị Côi với các bài viết: *Một số phương hướng, biện pháp nâng cao chất lượng dạy học LSVN ở trường PT*, Tạp chí Giáo dục số 202/kì 2, tháng 11/2008; *Thiết kế kế hoạch BHLS ở trường phổ thông theo tinh thần đổi mới*, Tạp chí Giáo dục, số 221/kì 1, tháng 9/2009; *Dạy học LS ở trường phổ thông với việc phát triển các năng lực bộ môn cho HS*, Tạp chí Giáo dục, số 389/kì 1, 9/2016; Nguyễn Thị Côi, Nguyễn Quốc Vương có bài: *Kinh nghiệm tiến hành giờ học LS của Kato Kimiaki ở trường phổ thông Nhật Bản*, Tạp chí Giáo dục, số 290/kì 2, 7/2012; Vũ Thị Ngọc Anh: *Vận dụng phương pháp dự án để dạy học phần lịch sử địa phương trong chương trình giáo dục phổ thông*, Tạp chí Khoa học Giáo dục số 56, tháng 05/2010; Hoàng Thanh Hải với các bài viết: *Lựa chọn các di tích lịch sử - văn hóa để dạy các bài lịch sử địa phương ở trường phổ thông tỉnh Thanh Hóa*, Tạp chí Giáo dục, số 239, kì 1, tháng 06/2010; *Một số hình thức dạy học kiến thức lịch sử địa phương cho học sinh tiểu học*, Tạp chí Giáo dục, số 283, kì 1, tháng 04/2012; *Tăng cường các hoạt động ngoài giờ lên lớp môn LS ở trường phổ thông hiện nay*, Tạp chí Giáo dục số 149, 11/2006...

Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á số 24, tháng 3/1996 có chuyên đề: "*Sử dụng và khai thác di tích lịch sử"* gồm các bài: *Các di tích khảo cổ học tiền sử: giá trị - thực trạng - lời bình"* (*Nguyễn Khắc Sử*); *Đặc điểm địa lí - lịch sử Việt Nam trong mối quan hệ với di tích* (*Nguyễn Quốc Hùng); Đôi nét về các di tích nghệ thuật và kiến trúc Việt Nam* (*Trần Lâm Biền*)...

Các bài viết nói trên đã đề cập đến vai trò, ý nghĩa, thực trạng của việc sử dụng di tích trong đời sống và trong dạy học hiện nay.

1.3. Tài liệu về di tích, di tích lịch sử ở Nghệ An

Học giả nổi tiếng người Pháp *Hippolyte Le Breton* viết cuốn *An Tĩnh cổ lục (Le vieux An - Tĩnh,* xuất bản bởi Tập san Đô Thành hiếu cổ 1936) được NXB Nghệ An và Trung tâm văn hóa Đông Tây tái bản năm 2005 đã viết về lịch sử, văn hóa của xứ Nghệ nói chung. Trong đó tác giả dành phần riêng viết về các danh lam, thắng tích ở xứ Diễn Châu, xứ Vinh.

Bùi Dương Lịch với cuốn *Nghệ An ký*, Q1,Q2, NXB Khoa học xã hội, HN,

1993; *Nghệ An phong thổ ký*, 2 quyển, (*Trần Danh Lâm* dịch), bản đánh máy, thư viện Nghệ An, ký hiệu NA 346, NA 324; *Hoan Châu phong thổ ký* (*Trần Danh Lâm, Ngô Trí Hạp*), người dịch: Ngô Đức Thọ, Nguyễn Hưu Tư, bản đánh máy tại thư viện Nghệ An, ký hiệu NA 464; *Ninh Viết Giao* trong các cuốn sách: *Nghệ Tĩnh trong lòng tổ quốc Việt Nam* (viết chung với Thanh Tâm), NXB Nghệ Tĩnh, 1997; *Nghệ An, lịch sử và văn hóa*, NXB Nghệ An, 2005, ngoài những phần tư liệu chung cũng có một phần viết về di tích ở Nghệ An.

Các tài liệu địa chí như*: Diễn Châu, địa chí văn hóa và làng xã (*Ninh Viết Giao, Trần Hữu Thung - CB)*,* NXB Nghệ An, 1995; *Địa chí văn hóa Quỳnh Lưu* (Ninh Viết Giao), NXB Nghệ An, 1998; *Địa chí huyện Tương Dương* (Ninh Viết Giao), NXB KHXH, 2003; Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Quỳ Châu: *Địa chí huyện Quỳ Châu*, tỉnh Nghệ An, NXBKHXH, HN, 2011... cũng dành một phần để viết về di tích, danh thắng ở địa phương.

Chào đón năm du lịch Nghệ An và kỉ niệm các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước, năm 2005, Sở VHTT và DL Nghệ An đã xuất bản cuốn *"Nghệ An di tích danh thắng",* trong đó đã nêu khái niệm, phân loại các DT, gồm: DT khảo cổ, DT lịch sử, cách mạng, DT kiến trúc nghệ thuật, DT danh thắng... Trên cơ sở sự phân loại đó, tác giả khảo sát các DT tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Trong tài liệu này có các bài viết: *Di tích - danh thắng Nghệ An, lịch sử và hiện trạng* (Hồ Hữu Thới); *Di tích chủ tịch Hồ Chí Minh tại Nghệ An* (Nguyễn Sỹ Đạm); *Hệ thống di tích Xô viết Nghệ Tĩnh ở Nghệ An* (Phan Xuân Thành); *Đài liệt sỹ Thái Lão* (Trương Quế Phương); *Di tích lưu niệm Lê Hồng Phong* (Đỗ Minh Nụ); *Di tích lưu niệm Phan Bội Châu* (Nguyễn Thị Liễu); *Đình Trung Cần* (Đào Tam Tĩnh); *Đình Võ Liệt* (Hồ Hoàng Viên); *Đình Hoành Sơn* (Đoàn Văn Nam); *Di tích lưu niệm Phan Đăng Lưu* (Lê Phương Thìn)...

Tác giả Trần Viết Thụ (CB) trong cuốn *Địa danh lịch sử - văn hóa Nghệ An*, NXB Nghệ An, 2006 đã trình bày, sắp xếp có hệ thống các di tích LSVH ở Nghệ An. Theo đó, người đọc có thể dễ dàng tra cứu: tên địa danh, nằm ở địa bàn nào, những sự kiện LS, văn hóa, nhân vật tiêu biểu nào gắn liền với địa danh đó. Tác giả chú trọng những sự kiện, nhân vật LS liên quan đến chương trình, SGK Lịch sử ở trường phổ thông.

Tác giả Lưu Trần Tiêu trong bài "*Con đường tiếp cận di sản văn hóa*", Tạp chí Xưa và Nay, số 295, 11/2007 cho rằng cần có quan điểm bảo tồn di tích đúng

đắn. Ví dụ, đối với các DT khảo cổ: "*Nếu chưa có phương án bảo tồn loại hình di tích này, thì thà chúng ta để cho lòng đất giữ nguyên trạng còn hơn là khai quật lên rồi để đấy cho nước đọng, rêu phong"* [107; 5].

Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An, số 3/2015 có bài: *Con Cuông - Di tích và danh thắng* của tác giả Trần Viết Thụ đề những di tích và danh thắng nổi tiếng ở nơi đây. Trong bài viết này, tác giả trình bày khá chi tiết về di tích nhà cụ Vi Văn Khang và di tích Cây đa Cồn Chùa, di tích LSCM thời kì 1930 -1931. Số 8/2013 có các bài: "*Di tích lịch sử - văn hóa Bắc miền Trung - Truyền thống và bình tuyến, bảo tồn và phát huy giá trị*" (Lưu Trần Tiêu). Theo tác giả: khu vực Bắc miền Trung là nơi có mật độ DTLS, cách mạng, kháng chiến dày đặc vì nơi đây là cái nôi sản sinh nhiều danh nhân cũng là nơi hứng chịu trực tiếp bom đạn của kẻ thù. Đây là nguồn tư liệu sống động, có tính thuyết phục cao, ghi dấu chứng minh sự kiện LS, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần hi sinh, quả cảm, trí thông minh, mưu trí, sáng tạo, vượt lên mọi khó khăn, gian khổ cho chiến thắng của quân và dân ở nơi đây. Đồng thời cũng nêu cảnh báo về sự xuống cấp, hư hại của các DT do nhiều nguyên nhân. Bài "*Bảo tồn, phát huy giá trị các di tích, danh thắng ở Nghệ An*" (Hồ Đức Phớc) đã nêu khái quát về DT, danh thắng trên địa bàn Nghệ An; thực trạng và giải pháp cơ bản để bảo tồn, phát huy giá trị của DT. Trong bài "*Bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững nhìn từ 6 tỉnh Bắc miền Trung*" của tác giả Đặng Văn Bài cho rằng DTLS văn hóa cần phải được nhìn nhận như một loại tài sản đặc biệt vì nó tạo ra nhiều loại giá trị. Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An, số 9/2013 có bài: *Đình chợ Xâm trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh 1930-1931* của tác giả Nguyễn Dung. Số tháng 12/2013 có bài: *Biến đổi khí hậu đe dọa di sản văn hóa Việt Nam - Cách nào để ứng phó?* của Ngô Vương Anh, trong đó có đề cập đến thực trạng các di tích LS trước nguy cơ biến đổi khí hậu hiện nay.

Tạp chí Văn hóa Nghệ An số 234 (10/12/2012) có các bài*: Hệ thống di tích gốc ở khu di tích Kim Liên* (Anh Tuấn); *Kim Liên - Hai lần Bác Hồ về thăm nhà* (Thúy Hoa); *Văn hóa và du lịch - nhìn từ khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Kim Liên* (Quang Đại). Trong số 237 - 238 (2013) của tạp chí này có các bài: *Bảo tồn và phát huy giá trị các di tích: Ghi nhận từ Đô Lương* (Anh Tuấn); số 264 (10/12/2014) có bài trả lời phỏng vấn: *Phải tôn trọng giá trị và nâng cao tính chuyên nghiệp trong bảo tồn di sản văn hóa* (Nguyễn Văn Huy); số 286 -287

(02/2015) có bài: *Khu di tích Kim Liên: Bảo tồn, phát huy giá trị di tích về Bác* (Thúy Hoa - An Thư); số 333 - 334 có bài: *Khu di tích Kim Liên: những điểm sáng năm 2016* của tác giả Trang Tuệ; số 350 (10/10/2017) có bài: *Tu bổ, tôn tạo di tích: Những bất cập từ xã hội hóa* (Anh Tuấn); số 354 (10/12/2017) có bài: *Di sản và kinh tế di sản ở Nghệ An* (Ngọc Mai)... Trong những bài viết này, các tác giả đã nghiên cứu giá trị lịch sử, văn hóa của các DT tiêu biểu, cụ thể ở Nghệ An và đề cập đến các vấn đề lí luận như: khái niệm DT, khái niệm "kinh tế di sản", chỉ ra hiện trạng, những bất cập của hệ thống DTLS ở Nghệ An...

Tại Nghệ An, hưởng ứng cuộc phát động của Bộ GD và ĐT về đưa di sản vào nhà trường, vấn đề sử dụng DTLS trong dạy học bộ môn cũng được các cấp, ngành quan tâm. Năm 2014, đề tài khoa học công nghệ cấp Tỉnh: *Nghiên cứu, biên soạn tài liệu dạy học lịch sử ở trường THPT tỉnh Nghệ An,* Bùi Văn Hào (CB) và các tác giả: Trần Viết Thụ, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Duyên... (nghiệm thu ngày 29/09/2014) đã giới thiệu cách khai thác một số di tích LSVH và lễ hội truyền thống tiêu biểu ở Nghệ An để GV có thể tham khảo trong quá trình giảng dạy.

Vấn đề này cũng được tổ chức qua nhiều lần hội thảo, thu hút các cấp quản lý, các nhà nghiên cứu và giáo viên PT trên địa bàn tỉnh. Trong Kỷ yếu hội thảo khoa học: "*Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử, văn hóa - xã hội",* NXB Khoa học xã hội, 2014 có các bài viết của: Nguyễn Hữu Chí: "Mấy vấn đề về dạy học LS địa phương"; Nguyễn Quang Hồng: "Công tác nghiên cứu và biên soạn LS, văn hóa ở địa phương hiện nay"; Bùi Văn Hào: "Bàn về nội dung và hình thức dạy học LS địa phương ở các trường THPT tỉnh Nghệ An"; Nguyễn Thị Xuân Hoa: "Thực trạng và một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy học LSĐP ở trường THPT Nghệ An"; Nguyễn Thị Bình Minh: "Khai thác hệ thống DTLS - văn hóa trong dạy học LSĐP ở các trường PT trên địa bàn thành phố Vinh hiện nay"; Nguyễn Thị Thanh Thủy: "Dạy và học LSĐP trong trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An: thực trạng và giải pháp"...

Năm 2015, Sở GD và ĐT tỉnh Nghệ An xuất bản tài liệu Lịch sử địa phương Nghệ An do ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy (CB), NXB ĐHQG được dùng làm tài liệu học LSĐP trong các trường THCS trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

1.4. Đánh giá về các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

1.4.1. Nhận xét chung

Qua nghiên cứu các công trình của các nhà Giáo dục học, Tâm lí học, Lí luận và PPDH môn Lịch sử trong và ngoài nước nói trên, chúng tôi thấy các tác giả đã giải quyết được các vấn đề liên quan đến đề tài như sau:

- Các nhà giáo dục học, giáo dục lịch sử đã đề cao nguyên tắc thực tiễn, thực hành trong giáo dục. Theo đó, các hoạt động xuất phát từ thực tiễn sinh động của cuộc sống vừa là nguồn gốc kiến thức học tập ở nhà trường, vừa là môi trường, phương tiện quan trọng để giáo dục HS. Thế nên, HS cần được trải nghiệm nhiều hơn, vượt qua sự bó buộc bởi những bức tường của lớp học. Dạy học LS gắn với di tích ở địa phương là một trong những biện pháp giúp gắn kiến thức với thực tiễn.

- Trên cơ sở đó, các tác giả đều đi đến thống nhất đề cao vai trò, ý nghĩa của việc sử dụng các phương tiện trực quan - trong đó có DTLS ở địa phương trong dạy học bộ môn. Chúng là dấu vết còn sót lại của quá khứ đã từng tồn tại nên nó là một phần hiện hữu, là hình ảnh có thật, đầy sức thuyết phục của quá khứ. Đây là nguồn sử liệu vô cùng quí giá trong dạy học LS. Nó giúp học sinh hình thành kiến thức, rèn luyện kĩ năng và định hướng thái độ đúng đắn. Từ đó bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất cho học sinh THPT- những công dân tương lai của đất nước.

- Các bài viết, các công trình nghiên cứu cũng khẳng định tầm quan trọng của việc sử dụng DTLS tại địa phương trong DHLS ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, các tác giả, nhất là những người trực tiếp đang giảng dạy bộ môn Lịch sử ở lớp 12 THPT tại Nghệ An cũng đề cập đến những khó khăn trong quá trình dạy học LS với DTLS ở địa phương về thời gian học tập ở trên lớp hạn chế, khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tài liệu biên soạn về LSĐP, về DTLS ở địa phương hoàn chỉnh, chưa thống nhất.

1.4.2. Những vấn đề luận án kế thừa

- Dựa vào những ý kiến về giá trị của DTLS trong dạy học bộ môn ở trường phổ thông, luận án khẳng định tầm quan trọng của việc sử dụng DTLS với di tích lịch sử ở địa phương cho học sinh các trường THPT tỉnh Nghệ An.

- Căn cứ vào nội dung các tài liệu về DTLS ở Nghệ An, luận án xác định các di tích LS tiêu biểu và nội dung của DT cần sử dụng để tổ chức dạy học với DTLS ở Nghệ An cho HS lớp 12 khi học LS Việt Nam 1919 -2000.

- Trên cơ sở những gợi mở về hình thức, biện pháp sử dụng DT trong dạy học

lịch sử, luận án xác định các hình thức và biện pháp có thể tổ chức khi dạy học LSVN 1919 -2000 cho học sinh lớp 12 các trường THPT tỉnh Nghệ An.

1.4.3. Những vấn đề luận án tiếp tục giải quyết

Trên cơ sở kế thừa các công trình nghiên cứu về vấn đề trên, với nhiệm vụ cụ thể của đề tài, chúng tôi tiếp tục tập trung nghiên cứu và giải quyết các vấn đề sau:

Thứ nhất, tiếp tục khẳng định, nhấn mạnh ý nghĩa lí luận và thực tiễn của việc dạy học với DTLS ở ĐP trong trường THPT. Đây là vấn đề đang nhận được sự quan tâm của các nhà giáo dục trên thế giới, của UNESCO và các nhà giáo dục trong nước. Với tư cách là *nguồn sử liệu*, việc đưa DTLS vào quá trình dạy học bộ môn giúp HS ghi nhớ các sự kiện LS đã diễn ra như thế nào, trên cơ sở tái hiện LS đã xảy ra, các em lý giải sự tồn tại của các SK, hiện tượng LS, vận dụng để hiểu các vấn đề khác nhau của LS. Điều quan trọng nhất, đó là nếu GV tận dụng kiến thức về DTLS vào các hoạt động dạy học khác nhau thì sẽ giúp các em tránh được tình trạng hiện đại hóa LS, giúp các em nhận thức LS theo đặc trưng vốn có của nó. Sử dụng DTLS trong dạy học bộ môn sẽ làm tăng hứng thú cho HS, hình thành ý thức giữ gìn tài sản văn hóa vô giá của đất nước.

Thứ hai, đề tài tiếp tục khẳng định vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc sử dụng DTLS ở địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong dạy học bộ môn ở trường THPT. Việc khai thác các DTLS tại chỗ trong quá trình dạy học bộ môn có nhiều thuận lợi, thể hiện ưu thế nổi trội. Qua đó, HS hoàn thiện kiến thức lịch sử, hình thành kĩ năng, thái độ; là cơ sở để phát triển năng lực và phẩm chất cho các em. Đề tài tiếp tục làm rõ các khả năng giáo dục, phát triển đặc biệt đó nếu chúng ta tổ chức dạy học LS Việt Nam với các DTLS ở địa phương trong các trường THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Thứ ba, luận án xác định, lí giải cơ sở lí luận của đề tài từ các khái niệm đến cơ sở xuất phát của vấn đề nghiên cứu, đồng thời phân loại, phác họa những nét cơ bản về thực tiễn tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương trên cơ sở điền tra thực tiễn.

Thứ tư, thông qua việc nghiên cứu chương trình, SGK Lịch sử lớp 12 (chương

trình chuẩn); kết hợp với việc thu thập tài liệu từ các cơ quan quản lý di tích LS như: Ban Quản lí Di tích và Danh thắng Nghệ An, Sở Văn hóa - Du lịch Nghệ An; làm việc trực tiếp tại các khu DTLS, tác giả luận án xác định nội dung LS cơ bản của các DTLS tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Nghệ An có thể tiến hành khai thác trong dạy học lịch sử VN lớp 12 THPT. và đề xuất các HTTC dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương.

***Thứ năm*,** bài học nội khóa có vị trí quan trọng trong DH lịch sử ở trường PT, vì vậy, luận án đi sâu đề xuất các biện pháp sư phạm nhằm tổ chức DHLS với DTLS ở địa phương cho học sinh lớp 12 THPT tỉnh Nghệ An, qua bài LSDT, LSĐP ở trên lớp, tại thực địa.

Thứ sáu, soạn bài và tiến hành thực nghiệm sư phạm (TNSP từng phần và THSP toàn phần) để kiểm chứng tính khả thi của các biện pháp sư phạm đã đề xuất.

* *
*

Như vậy, ở chương 1, tác giả luận án đã tìm hiểu những tài liệu, công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài. Qua đó, chúng tôi nhận rõ: muốn việc giáo dục LS đạt hiệu quả cao nhất, GV cần tạo điều kiện tối đa thực hiện các nguyên tắc trực quan, nguyên tắc thực tiễn kết hợp nguyên tắc phát huy tính tích cực của HS trong dạy học bộ môn. Các DTLS tại mỗi địa phương, nhất là những địa bàn có truyền thống đấu tranh cách mạng là một kho dữ liệu vô cùng phong phú mà nếu GV biết cách khai thác sẽ tạo nên những hiệu quả không ngờ. Tuy nhiên việc khai thác "*kho sử liệu*" ấy không phải dễ dàng. GV cần thực sự hiểu biết về lịch sử, về di tích và có kiến thức về lí luận dạy học bộ môn để khai thác hiệu quả DTLS tại địa phương, phục vụ việc dạy học Lịch sử ở trường THPT. Vấn đề sẽ được tiếp tục giải quyết ở các chương sau.

Chương 2
VẤN ĐỀ TỔ CHỨC DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ Ở ĐỊA PHƯƠNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG - LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

DTLS ở địa phương là một dạng di sản văn hóa đặc biệt, lưu giữ trong nó nhiều giá trị quý giá. Những năm gần đây, các nhà nghiên cứu dành nhiều thời gian để nghiên cứu việc bảo tồn, phát triển DT nói chung. Song vấn đề dạy học lịch sử dân tộc với DT ở địa phương chưa được chú trọng. Trong chương này, chúng tôi xem xét cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề trong dạy học bộ môn.

2.1. Cơ sở lí luận

2.1.1. Một số khái niệm sử dụng trong luận án

- Di tích

Di tích là khái niệm rộng, là những dấu vết vật chất của quá khứ còn tồn tại đến ngày nay. Theo Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học Việt Nam, 2006: di tích là dấu vết của quá khứ có ý nghĩa lịch sử, văn hóa, còn lưu lại trên mặt đất hoặc trong lòng đất. Theo từ điển Hán Việt: một nghĩa của "di" là còn sót lại; "tích" có nghĩa là dấu vết. Trong tiếng Anh di tích được gọi là vestiges - những "dấu vết", "mảnh vụn" của quá khứ. Hiến chương Vơnidơ (Italia) năm 1964 ghi rõ: "*di tích là những công trình xây dựng riêng lẻ, những khu di tích ở đô thị hay nông thôn, là bằng chứng của một nền văn minh riêng biệt, của một sự tiến hóa có ý nghĩa hay là một biến cố về lịch sử*" [113; 25]. Theo Luật Di sản văn hóa của Việt Nam được thông qua ngày 29/6/2001: Di tích là công trình được xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học. Di tích là những bằng chứng vật chất có ý nghĩa quan trọng, chứa đựng những giá trị tinh thần vô giá. Hệ thống di tích Việt Nam được phân thành 4 loại hình cơ bản là *di tích lịch sử*, di tích kiến trúc - nghệ thuật, di tích khảo cổ và danh lam thắng cảnh.

- Di tích lịch sử - văn hóa: Theo Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng DTLSVH và danh lam thắng cảnh 1984: "*Di tích LS-VH là những công trình xây dựng, địa điểm, đồ vật, tài liệu và các tác phẩm có giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật cũng như có giá trị văn hóa khác, hoặc liên quan đến các sự kiện lịch sử, quá trình phát triển*

văn hóa xã hội" [60; 46]. "*Di tích LS-VH là những không gian vật chất cụ thể, khách quan, trong đó ẩn chứa các giá trị lịch sử, do tập thể hoặc cá nhân con người hoạt động sáng tạo ra trong lịch sử để lại"* [60; 55]. Di tích LSVH là tài sản vô giá trong kho tàng di sản văn hoá lâu đời của dân tộc, là những chứng tích vật chất phản ánh sâu sắc nhất về đặc trưng văn hoá, về cội nguồn và truyền thống đấu tranh dựng nước, giữ nước hào hùng, vĩ đại của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, đồng thời là một bộ phận cấu thành kho tàng di sản văn hoá nhân loại. DT được coi như những trang sử sống mang dấu ấn về sự biến động, thăng trầm của nhiều thời kỳ lịch sử quốc gia, dân tộc…

Căn cứ vào *Luật Di sản được thông qua 2001 và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản (2009),* các di tích LSVH phải có một trong các tiêu chí như: đó là các công trình xây dựng, địa điểm gắn với *sự kiện lịch sử*, văn hóa tiêu biểu của quốc gia hoặc của địa phương; gắn với thân thế và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân, *nhân vật lịch sử* có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia hoặc của địa phương trong các thời kì lịch sử; là địa điểm khảo cổ có giá trị tiêu biểu; là các công trình kiến trúc, nghệ thuật có giá trị tiêu biểu...

Theo đó, di tích LS-VH có nội hàm rộng, bao gồm: di tích lưu niệm sự kiện, di tích lưu niệm danh nhân; di tích kiến trúc nghệ thuật; di tích khảo cổ; danh lam thắng cảnh. Và như vậy, di tích LS là một loại của DTLS-VH.

- *Di tích lịch sử*: Nếu di tích nói chung là những dấu vết còn lại một cách tự nhiên, không nhằm mục đích lưu giữ hay giúp người ta hiểu về quá khứ thì *di tích lịch sử* lại là những bằng chứng "*...những dấu vết của dĩ vãng còn để lại nhằm mục đích bảo tồn quá khứ hoặc chỉ dẫn cho hậu thế về những sự việc xảy ra trong quá khứ"* [111; 153]. Chúng là "*...những dấu vết, những chứng tích vật chất ghi lại, phản ánh lại một sự kiện, nhân vật hoặc một quá trình lịch sử đã qua"* [21; 169]. Di tích LS là dấu vết còn lưu giữ cho hậu thế về một sự kiện, biến cố trong LS hay về những nhân vật có đóng góp lớn cho tiến trình LS. Khi một di tích LS được nhà nước công nhận thì có các vấn đề sau: thứ nhất di tích đó có giá trị to lớn. Thứ hai các công dân có nghĩa vụ bảo vệ các di tích đó. Ba thành tố quan trọng của di tích là "*vật kỉ niệm*" gắn với sự kiện lịch sử, chứa "*lượng thông tin*" mang giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật... và là những biểu tượng văn hóa có tính khái quát cao.

- *Di sản, di sản văn hóa*: Di sản trong tiếng Anh gọi là Héritage với nghĩa: tài sản thừa kế. Tiếng Pháp gọi di sản là partrimoine có nghĩa là gia sản, tài sản quốc gia. Từ Hán Việt, di sản có nghĩa là những sản vật còn lại.

Hiểu một cách chung nhât, di sản là những sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, giáo dục và nhiều lĩnh vực khác còn lưu giữ được, lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Theo Luật Di sản được thông qua năm 2001 (bổ sung, sửa chữa năm 2009), di sản văn hóa bao gồm 2 loại. Thứ nhất là các di sản *phi vật thể*. Đó là các sản phẩm tinh thần có giá trị LS, văn hóa, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác... Thứ hai là các *di sản văn hóa vật thể* là sản phẩm vật chất có giá trị LS, văn hóa, khoa học. Loại này bao gồm: di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia... Theo đó, các di tích LS là một loại di sản văn hóa vật thể. Các di sản ở Việt Nam rất phong phú, chúng ta giữ gìn di sản của cha ông dựa trên quan điểm: bảo tồn, kế thừa và phát triển.

- *Di tích lịch sử ở địa phương tại Nghệ An:* là những dấu vết lịch sử quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước còn lưu giữ lại trên mảnh đất Nghệ An. Với đặc điểm là một tỉnh rộng lớn, địa hình đa dạng, có lịch sử lâu đời với các dấu vết của người nguyên thủy ở đây. Là một tỉnh có vị trí chiến lược trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, nên hệ thống DTLS ở đây phong phú, thể hiện lịch sử địa phương và dân tộc ở nhiều giai đoạn khác nhau. Đó là các DT LS khảo cổ, DT các thời kì lập quốc, bảo vệ đất nước, đặc biệt hệ thống di tích LS cách mạng ở Nghệ An rất dày đặc, thể hiện đặc điểm của LS và khí phách của con người xứ Nghệ.

- **Tổ chức**: Theo Nguyễn Văn Đạm trong cuốn "*Từ điển tường giải và liên tưởng tiếng Việt"*, NXB VHTT, Hà Nội, 1999, tổ chức là "*sắp xếp các bộ phận cho ăn nhịp với nhau để toàn bộ là một cơ cấu thống nhất hoặc chuẩn bị một việc để tiến hành mong mang lại kết quả tốt*" [tr. 833]. Còn trong cuốn "*Từ điển tiếng Việt thông dụng"*, do Nguyễn Như Ý (CB), NXB GD, 2002, tổ chức được định nghĩa là: "*tiến hành công việc theo cách thức, trình tự"* [787].

- **Hình thức tổ chức dạy học**: "*...là cách tổ chức quá trình học tập cho học sinh phù hợp với mục đích, nội dung bài học, nhằm làm cho bài học đạt được kết quả tốt*

nhất" [123; 128]. Đó là hình thái tồn tại của quá trình dạy học. Chúng rất đa dạng, gồm*: "hệ thống giờ lên lớp, hình thức học tập ở nhà, hình thức thảo luận, hình thức hoạt động ngoại khóa, hình thức tham quan học tập, hình thức bồi dưỡng học sinh kém và học sinh có năng khiếu..."* [120; 251]. Sự đa dạng của các hình thức tổ chức dạy học dựa vào các yếu tố: số lượng học sinh, thời điểm học tập, không gian học tập, đặc điểm và tính chất hoạt động của GV và HS, mục tiêu bài học.

- **Tổ chức dạy học lịch sử**: Là việc thiết kế, thực hiện các hoạt động dạy và học nhằm giúp HS hình thành kiến thức LS, qua đó hình thành, phát triển các năng lực, phẩm chất cho HS. Trong DH Lịch sử, có hai hình thức tổ chức chủ yếu là: bài học lịch sử nội khóa và các hoạt động ngoại khóa. Bài học lịch sử nội khóa bao gồm BH trên lớp, tại thực địa, bảo tàng, di tích hay phòng học LS; tham quan học tập... Hoạt động ngoại khóa lịch sử cũng gồm nhiều hình thức: tham quan ngoại khóa, dạ hội, sưu tầm LS địa phương, tổ chức trò chơi... Hình thức tổ chức DHLS ở trường THPT rất phong phú, trong đó bài học với di tích LS là một hình thức thể hiện đặc thù của môn học.

- **Tổ chức dạy học với di tích lịch sử:** là cách thức tổ chức hoạt động của GVà HS trong dạy học lịch sử thông qua các hoạt động trong giờ lên lớp và các hoạt động ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Trong đó, các di tích LS được chú trọng khai thác như là một nguồn kiến thức bổ trợ quan trọng để từ đó, HS thu nhận được kiến thức, kĩ năng, phẩm chất cần thiết.

- **Tổ chức dạy học với di tích lịch sử ở địa phương***:* là cách thức tổ chức quá trình học tập cho HS trong cả hai hình thức: nội khóa và ngoại khóa có sử dụng, huy động các di tích LS phong phú, sẵn có ở mỗi địa phương để thực hiện các mục tiêu dạy học bộ môn. DTLS ở địa phương là một dạng di sản quý giá, không những cần được bảo tồn mà cần khai thác, sử dụng, phát triển những giá trị to lớn của chúng.

2.1.2. Phân loại di tích, di tích lịch sử

2.1.2.1. Phân loại di tích

Trong tài liệu "*Di sản văn hóa Việt Nam - Bản sắc và những vấn đề quản lý, bảo tồn"*, NXB Xây dựng, Hà Nội, 2013, tác giả Nguyễn Thịnh cho rằng: Nếu dựa vào *giá trị* của di tích, có các loại: di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, danh lam

thắng cảnh, Di tích, phế tích khảo cổ học. Nếu dựa vào *vật liệu của DT*, có các loại: di tích từ vật liệu hữu cơ, thảo mộc (tranh, gỗ, tre, nứa...); DT bằng vật liệu vô cơ (gạch nung, đá...); DT bằng vật liệu khác (đất, hang động tự nhiên...). Nếu dựa vào *giai đoạn*, có các loại: DT thời kỳ tiền, sơ sử; DT thời trung đại; DT thời cận, hiện đại. Nếu dựa vào *hiện trạng* của di tích, có các loại: DT còn nguyên vẹn; DT đã xuống cấp, hư hỏng một phần; DT đã hư hỏng toàn bộ (phế tích); DT chỉ còn vị trí, tên gọi trong thư tịch. Nếu dựa vào *chức năng* sử dụng, có các loại: DT cư trú; DT phục vụ hoạt động sản xuất, trao đổi; DT quân sự; DT tôn giáo, tín ngưỡng; Di chỉ mộ táng. Nếu dựa vào *mức độ giá trị* và *cấp quyết định* xếp hạng, có các loại: DT cấp tỉnh, cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt, di sản thế giới...

Tuy nhiên, các cách phân loại trên cũng chỉ mang tính tương đối vì một di tích có thể có nhiều giá trị.

2.1.2.2. Phân loại di tích lịch sử

Dựa vào nội dung phản ánh của di tích, trong cuốn *Bảo tàng lịch sử, cách mạng trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông trung học* (Nguyễn Thị Côi - chủ biên), NXB ĐHQG, 1998) có các loại di tích lịch sử sau: di tích khảo cổ; di tích lịch sử - văn hóa; di tích lịch sử - cách mạng. Trong tài liệu *Về vấn đề lưu niệm danh nhân cách mạng*, Bộ VHTT, Cục Bảo tồn bảo tàng và Bảo tàng Hồ Chí Minh, 1997, các tác giả chia di tích LS ở nước ta thành hai loại: di tích gắn với một sự kiện lịch sử tiêu biểu và di tích lưu niệm danh nhân [16; 15]. Một số ý kiến đưa ra cách phân DTLS thành 04 loại, gồm: DT gắn với những sự kiện của LS dân tộc, gắn với thân thế sự nghiệp của các anh hùng dân tộc, gắn với các danh nhân văn hóa tiêu biểu, gắn với thân thế và sự nghiệp của các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và nhà nước.

- Căn cứ vào Luật Di sản được thông qua 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản (2009), dựa vào phạm vi không gian tồn tại, ảnh hưởng của di tích, người ta xếp chúng thành *03 hạng*: di tích cấp tỉnh; di tích cấp quốc gia và di tích cấp quốc gia đặc biệt.

- Dựa vào giai đoạn xảy ra sự kiện lịch sử: các sự kiện lịch sử diễn ra vào các giai đoạn khác nhau, mỗi giai đoạn LS có đặc trưng riêng: ví dụ các di tích LS giai đoạn nguyên thủy, cổ đại, cận đại, hiện đại. Trong mỗi giai đoạn, có các thời kì khác nhau như trong LS VN hiện đại có các DT thời kháng chiến chống Pháp, các DT thời kì kháng chiến chống Mĩ...

** Thành phần cấu tạo di tích LS*

Căn cứ vào quy định về công tác bảo tồn, xét về hình thức bên ngoài và cấu tạo bên trong thì di tích LS là những vật thể nhìn thấy, sờ được, có kích thước, hình dạng, gắn với các sự kiện, nhân vật LS tiêu biểu của lịch sử. Tuy nhiên, trong yếu tố bất động sản, cố định của DTLS, còn hàm chứa các yếu tố động sản. Đó là các hiện vật LS quý giá, các tài liệu được lưu giữ và có thể dịch chuyển. Xét về *cấu tạo,* DTLS gồm các thành phần: bản thân vật thể, môi trường thiên nhiên, kiến trúc của DT và các hoạt động văn hóa diễn ra trong môi trường di tích.

• Một số đặc điểm của di tích LS

+ Di tích là hiện trường của lịch sử, vì vậy nó là duy nhất, không thể tái sinh. Khi đến DTLS chúng ta cảm nhận chúng tự nhiên, gần gũi. Bản thân các DTLS là những hiện trường lịch sử mà ở đó tạo cho con người những cảm xúc đặc biệt về quá khứ.

+ Mỗi DTLS được tạo nên bởi một không gian và thời gian lịch sử cụ thể, ở đó chúng ta có thể suy tưởng, chắp những mảnh ghép của quá khứ, để hình dung những gì đã diễn ra. Chúng cung cấp vật thể có thật, cảm nhận trực tiếp để tưởng tưởng lịch sử.

Như vậy, có một số khác biệt trong quan niệm về di tích lịch sử, di tích lịch sử - văn hóa. Ở đây, chúng ta căn cứ vào tính pháp lý của Luật Di sản 2009, trong nội hàm khái niệm di tích LS-VH có các di tích lưu niệm sự kiện, di tích lưu niệm danh nhân. Đó là: "*Những di tích lịch sử gắn với những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc hoặc có liên quan tới thân thế sự nghiệp của các vị anh hùng dân tộc, các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước, các danh nhân văn hóa tiêu biểu*" [16; 18].

Trên cơ sở đó, *theo quan điểm của tác giả*, di tích LS ở Nghệ An là những sản phẩm của lịch sử để lại, bao gồm những nơi ghi dấu về sự hình thành dân tộc, ghi dấu những sự kiện chính trị quan trọng, chiến công chống ngoại xâm, những chứng tích tội ác của kẻ thù, nơi lưu niệm danh nhân... Chúng phản ảnh lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của người dân xứ Nghệ. Qua đó, thể hiện vai trò, đóng góp của nhân dân Nghệ An trong LS dân tộc. Nhiều di tích ở đây được xếp hạng DTLS cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt.

Ở Nghệ An, các DTLS liên quan đến chương trình bộ môn ở lớp 12 có một đặc điểm nổi bật: di tích LS thuộc giai đoạn này chủ yếu là các DTLS cách mạng. Vì "*di tích LS, cách mạng là nơi lưu niệm, tưởng nhớ các nhân vật lịch sử, các anh hùng dân tộc trong các cuộc kháng chiến. Di tích cách mạng gắn liền với sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*" [105; 20]. Đặc điểm này do hai yếu tố quy định: thứ nhất chương trình LS dân tộc ở lớp 12 gắn liền với sự ra đời, lãnh đạo cách mạng của ĐCS VN. Thứ hai, Nghệ An là vùng đất giàu truyền thống đấu tranh cách mạng, nơi ghi dấu nhiều sự kiện LS quan trọng của dân tộc và là quê hương của nhiều nhà hoạt động cách mạng nổi tiếng. Vì thế, khi tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương trong dạy học LS lớp 12 ở Nghệ An - chủ yếu chúng ta tổ chức DH với các DT lịch sử cách mạng bao gồm các loại như:

+ Di tích về một *sự kiện* LS:

Là những nơi ghi dấu những sự kiện lịch sử đã xảy ra.Theo tác giả **Lâm Bình Tường** trong tài liệu "Việc sửa sang và nâng cao các bảo tàng lưu niệm", Vụ Bảo tồn bảo tàng - Kỷ yếu Hội nghị giám đốc bảo tàng và Hội nghị bảo tàng lưu niệm 1983, Hà Nội, 1984: DT lưu niệm về một sự kiện LS là "địa điểm đã diễn ra sự kiện LS có ý nghĩa trọng đại đối với số phận của một dân tộc và một quốc gia được coi là địa điểm lưu niệm. Địa điểm lưu niệm gồm một khu vực với tất cả những nhà cửa, công trình phòng thủ (pháo đài, công sự, chiến hào...) có liên quan trực tiếp đến sự kiện lưu niệm; về những hiện vật còn lưu giữ được (súng ống, đồ dùng cá nhân của những người tham gia vào sự kiện đó). Chính "những vật thầm lặng" đó trên địa điểm lưu niệm là những giá trị không gì vượt được, là nguồn tư liệu để nghiên cứu sự kiện, là đối tượng chủ yếu của mối quan tâm bảo tồn và trùng tu.

+ Di tích *lưu niệm danh nhân* LS:

Trong tài liệu Di sản văn hóa Việt Nam - Bản sắc và những vấn đề quản lý, bảo tồn, NXB Xây dựng, Hà Nội, 2013, tác giả **Nguyễn Thịnh** cho rằng: Di tích lưu niệm danh nhân được hiểu là những công trình, địa điểm cùng di vật gắn với cuộc đời hoạt động và sáng tạo của các anh hùng dân tộc, các nhà hoạt động chính trị, văn hóa, nghệ thuật và khoa học nổi tiếng có ảnh hưởng tới tiến trình LS của dân tộc, được gìn giữ, bảo quản, bảo tồn, tôn tạo và phát huy tác dụng để ghi nhớ công

lao của các danh nhân đó và giáo dục cho thế hệ hôm nay và mai sau học tập tấm gương của các danh nhân đó. Các DT này là những gì gắn với cuộc đời, sự nghiệp của danh nhân như: quê hương, nơi làm việc, hoạt động... của các danh nhân; DT đó có ý nghĩa và nội dung quan trọng trong cuộc đời, sự nghiệp của danh nhân.

Loại di tích này gắn liền với nơi sinh ra, lớn lên, hoạt động hay là nơi yên nghỉ của các danh nhân cách mạng, văn hóa, khoa học... - những người có đóng góp xuất sắc cho địa phương và dân tộc. *Ví dụ*, ở Nghệ An có các khu lưu niệm danh nhân nổi tiếng như: khu di tích Kim Liên, khu lưu niệm Phan Đăng Lưu, khu lưu niệm Phùng Chí Kiên, khu lưu niệm Lê Hồng Phong...

2.1.3. Cơ sở xuất phát của vấn đề tổ chức dạy học lịch sử với di tích lịch sử ở địa phương

2.1.3.1. Mục tiêu, nhiệm vụ môn học

Môn LS ở trường THPT là môn học quan trọng trong việc hình thành nhân cách, phẩm chất, phát triển HS. Cùng với các môn học khác, nó góp phần thực hiện mục tiêu chung của giáo dục phổ thông ở nước ta. Điều này đã được đề cập trong Luật Giáo dục (2009) với mục tiêu đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH.

Để góp phần thực hiện mục tiêu chung của hệ thống giáo dục phổ thông, bộ môn LS cần thực hiện các mục tiêu sau: bồi dưỡng nhận thức, phát triển kĩ năng, định hướng thái độ, qua đó góp phần phát triển năng lực, năng lực bộ môn và hình thành phẩm chất đạo đức cho HS.

- *Về kiến thức*

Bộ môn giúp HS nắm vững kiến thức LS dân tộc và LSTG. Học sinh cần biết, hiểu lịch sử là một quá trình phát triển đi lên, hợp quy luật, là sự thắng thế của lực lượng tiến bộ, văn minh, đẩy lùi những cái cũ, lạc hậu. Tuy nhiên, việc thể hiện quy luật đó ở mỗi nơi, mỗi đất nước lại có sự khác biệt, tạo sự phong phú trong bức tranh chung của lịch sử nhân loại. Do đó, các em phải khôi phục, tái hiện thông qua các sự kiện LS cụ thể. HS biết phân tích, so sánh, lý giải, đánh giá các SK, hiện tượng LS để hiểu bản chất của các quá trình LS thông qua các khái niệm, quy luật vận động của LS. Đối với lịch sử dân tộc, HS cần phải hiểu rõ nguồn gốc dân tộc,

các giai đoạn và đặc điểm của các giai đoạn LS đó. Hiểu về nguồn gốc, về quá khứ là hành trang quý báu cho các em để sau này khi bước vào đời hiểu được về nguồn cội, biết tri ân các thế hệ đi trước, biết những giá trị mà mình được hưởng thụ...Từ đó, HS biết vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống, để có thái độ, hành động đúng đắn.

- *Kĩ năng*

Môn LS có khả năng phát triển các kĩ năng học tập đặc trưng của bộ môn. HS không thể "cảm giác", "trực quan sinh động" hay tái hiện LS trong phòng thí nghiệm... như những môn học khác. Nên HS muốn tái hiện LS, cần phát triển khả năng tri giác như: quan sát tranh ảnh, ĐDTQ, tài liệu, SGK...; lắng nghe tích cực lời giảng của GV, nghe từ các video, nhân chứng LS... Học tập LS giúp phát triển các khả năng tư duy của HS như: phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, đánh giá... để hiểu được bản chất của sự kiện, hiện tượng LS. Từ đó, HS có thể vận dụng kiến thức, tìm hiểu những vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra, vì: "*Tư duy lịch sử là hoạt động trí tuệ của con người, hướng tới hiểu thấu quá khứ, hiện tại và dự đoán tương lai*" [69; 40].

Các kĩ năng thực hành bộ môn: lập sơ đồ, đồ thị, vẽ, chỉ bản đồ, làm các mô hình, sa bàn... cũng là một nội dung phát triển học sinh trong dạy học bộ môn. *Ví dụ*, trong tổ chức dạy học với di tích LS ở địa phương, HS có thể tự lập các nhóm với phương tiện như: máy ảnh, máy điện thoại, ghi âm... để xuống trực tiếp tại DT. Tại đây các em có thể quay, làm phim ngắn, chụp ảnh, vẽ sơ đồ bố trí DT, lập cây sơ đồ những nội dung LS liên quan... làm phong phú hồ sơ DT, rèn luyện kĩ năng tự học bộ môn.

- *Về thái độ*

Việc dạy học LS ở trường PT có những ưu thế và sở trường đặc biệt trong việc giáo dục thế hệ trẻ. Qua đó các em sẽ thấy khâm phục thành quả của nhân dân lao động; của các danh nhân, nhà khoa học, nghệ sĩ, nhà chính trị... Mỗi một sự kiện được tái hiện lại cũng đồng thời hình thành cho các em các cảm xúc LS khác nhau như: yêu, ghét, khâm phục, ngưỡng mộ hay căm thù... Các cung bậc tình cảm cụ thể đó giúp các em hình thành thái độ và hành vi của bản thân. Học LS còn bồi dưỡng cho HS ý thức vượt khó, nỗ lực học tập... Trên cơ sở 3 mặt nói trên, dạy học LS ở

trường PT góp phần phát triển cho HS các năng lực chung[3], các năng lực chuyên môn[4] và những phẩm chất đạo đức tốt đẹp như: yêu lao động, tình cảm yêu nước, yêu quê hương, ngưỡng mộ và nhớ ơn công lao của các anh hùng dân tộc... Tổ chức dạy học LS với DTLS ở địa phương có tác dụng giáo dục đặc biệt. Những kiến thức cụ thể, sinh động mà DTLS mang lại giúp hình thành, củng cố, hoàn thiện tri thức LS dân tộc, Ls địa phương và góp phần không nhỏ trong việc giáo dục truyền thống tốt đẹp cho HS. Các em sẽ biết trân trọng những thành quả của quá khứ, bồi đắp tình yêu quê hương, có thái độ đúng đắn với di sản, di tích LS.

2.1.3.2. Đặc điểm tâm lý, nhận thức của học sinh lớp 12 trung học phổ thông

Theo B.D. Ananhiép, lứa tuổi học sinh THPT đánh dấu: "*...sự trưởng thành của con người như một cá thể (sự trưởng thành về chất), một nhân cách (sự trưởng thành công dân), một chủ thể nhận thức (sự trưởng thành trí tuệ), và một chủ thể lao động (năng lực lao động) là trùng hợp nhau về thời gian"* [1; 169]. Đây là lứa tuổi có những sự phát triển vượt bậc trên mọi phương diện, chuẩn bị cho HS bước ra cuộc sống với nhiều con đường: tiếp tục học ở bậc đại học hoặc đi theo một nghề nghiệp nào đó. Đây là độ tuổi thuận lợi nhất để trau dồi kiến thức "*khi đó trí nhớ còn tươi mát, trí óc còn ham cầu tiến, khi đó những ý định về cuộc sống được xác định, nền móng của kiến thức được xây dựng"* [121; 260].

Thể chất phát triển, tâm sinh lý, nhận thức của các em chuyển sang giai đoạn mới. Nếu ở bậc THCS, tư duy của HS còn mang nhiều yếu tố cảm tính thì đến bậc THPT - nhất là HS lớp 12, bản lĩnh trí tuệ của các em đã được định hình, tư duy lý tính thể hiện rõ nét. Đó là tính độc lập, tự chủ, biết tự khẳng định bản thân. Việc lĩnh hội kiến thức không còn mang tính một chiều mà biết phê bình, phản biện, biết bảo vệ ý kiến của mình. Trong điều kiện hiện nay, sự phát triển của công nghệ thông tin đã tác động lớn đến cuộc sống và cả việc học tập của các em. HS lớp 12 có thể truy cập nhiều vào các trang mạng để tìm và chia sẻ thông tin. Mạng xã hội trở thành một kênh thông tin không thể thiếu đối với các em. Nên GV cần định hướng cho HS trên cơ sở tôn trọng nhân cách HS, gần gũi các em và phát triển năng lực HS.

---

[3]Gồm: NL tư duy phê phán, tư duy logic; NL sáng tạo, tự chủ; NL giải quyết vấn đề; NL làm việc nhóm; NL giao tiếp làm chủ ngôn ngữ; NL tính toán, ứng dụng số; NL đọc - viết; NL công nghệ thông tin - truyền thông
[4]Gồm: tái hiện LS, tư duy LS, đánh giá, thực hành LS, giải quyết vấn đề LS, tự học...

Trong dạy học LS, GV cần trao cho các em quyền tự chủ trong nhiều khâu của bài học như việc giao các bài tập, câu hỏi, vấn đề để HS tự nghiên cứu; tăng cường hoạt động nhóm, yêu cầu các em tự phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề ở thực tiễn địa phương mình... *Ví dụ,* có thể giao cho các em tự sưu tầm, tìm hiểu về một di tích LS ở địa phương để trình bày trước tập thể lớp. Qua đó, HS hiểu về sự kiện, nhân vật, giai đoạn LS liên quan đến DT. Ngoài các nội dung LS, HS còn được bổ sung các kiến thức văn hóa cần thiết như: phải ứng xử, bảo vệ DTLS như thế nào... GV cần lưu ý đặc điểm nhận thức này để khéo léo lựa chọn các hình thức và biện pháp phù hợp khi dạy học LS với DT ở địa phương.

Học sinh THPT ở Nghệ An, ngoài những đặc điểm tâm lý, nhận thức chung của HS cả nước, còn có một số điểm riêng biệt. Các em được sinh trưởng, lớn lên trên mảnh đất miền Trung với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt: mưa dầm, gió bấc vào mùa Đông, nắng, gió Lào bỏng rát mùa hè; nơi là địa bàn giao tranh trực tiếp hoặc gián tiếp của các cuộc chiến tranh. Và các em cũng được nuôi dưỡng bởi truyền thống hiếu học của quê hương nên HS ở đây có tinh thần ham học hỏi, cầu tiến, có ý chí vượt khó... Những đặc điểm này cần được GV khai thác để việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương đạt kết quả tốt hơn...

2.1.3.3. Đặc điểm của kiến thức lịch sử và quá trình nhận thức Lịch sử của học sinh

** Đặc điểm của kiến thức lịch sử*

Là môn học hấp dẫn, lí thú, bộ môn LS có những đặc điểm riêng, không trộn lẫn với bất cứ khoa học nào. LS ngày càng lùi xa, thời gian trở thành một tác nhân cản trở quá trình nhận thức đối với HS. Kiến thức lịch sử mang tính quá khứ. Đây là điều trái ngược với qui luật nhận thức của các em: nhận thức từ gần đến xa, dễ đến khó. Do đó cần có tư duy sáng tạo, cần khơi gợi sự đam mê, hứng thú cho HS, hình thành cho các em phương pháp tư duy đúng đắn, để nhận thức đúng, khách quan về LS.

Mỗi một sự kiện, hiện tượng LS chỉ diễn ra một lần, có bối cảnh, diễn biến, kết thúc cụ thể. HS phải biết cách khôi phục sự kiện một cách đầy đủ, với các yếu tố cấu thành như: tên gọi, địa điểm, thời gian - giai đoạn, kết quả, ai tham gia, tại sao sự kiện diễn ra như vậy...? Từ đó mà tri thức LS mang *tính cụ thể, không lặp lại*. Xuất phát từ đặc điểm này, HS cần tái hiện sự kiện LS với tính cụ thể của chúng.LS

là hiện thân của cuộc sống nên nó cũng phong phú và đa dạng như chính cuộc sống của con người vậy! Kiến thức LS mang tính *hệ thống, toàn diện*. Vậy nên, HS cần nghiên cứu LS trên cơ sở đảm bảo tính toàn diện của chúng, được thể hiện trên nhiều phương diện: chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn hóa, khoa học, nghệ thuật...

Kiến thức LS phải đảm bảo sự thống nhất giữa *"sử" và "luận"*. Từ việc khôi phục bức tranh của quá khứ với hình hài, dáng vẻ riêng của nó, HS cần hình thành các biểu tượng LS đúng đắn. Những di tích LS ở địa phương gắn với những sự kiện, hoạt động đã diễn ra sẽ giúp HS trực quan sinh động, huy động khả năng tri giác để có những biểu tượng LS cụ thể. HS sẽ hiểu được bản chất, quy luật, để lí giải chính xác sự vận động của LS. Như vậy, từ việc phục dựng sự kiện LS với tính cụ thể của nó, HS cần hình thành các khái niệm LS, giúp các em đánh giá LS một cách khách quan, khoa học. *Ví dụ* như khi nghiên cứu về các DTLS ở địa phương, các em phải tái hiện sự kiện (sự kiện diễn ra trong hoàn cảnh nào, nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa...), nhân vật liên quan (những nét chính trong thân thế, sự nghiệp của nhân vật...), HS phải quan sát trực tiếp hoặc gián tiếp để có biểu tượng cụ thể về DTLS như: địa điểm của DT, quá trình hình thành, tu bổ, tôn tạo của DT, cấu tạo của DTLS có gì đặc biệt... Từ đó, HS chỉ ra được mối liên hệ giữa SKLS với DTLS ở địa phương cũng như đưa ra các bình luận, đánh giá đúng đắn, chỉ ra giá trị của các DTLS.

** Đặc điểm con đường nhận thức lịch sử của HS*

Quá trình nhận thức LS của HS ở trường PT cũng mang những đặc điểm của quá trình nhận thức chung của con người song do đặc trưng của kiến thức LS nói trên mà con đường nhận thức LS có những nét đặc biệt. Nó vẫn tuân thủ quy luật nhận thức chung: từ cảm tính đến lý tính, từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, đến thực tiễn. Nhưng nét khác biệt của nhận thức LS là HS không thể "trực quan sinh động". Do không thể quan sát trực tiếp nên khởi đầu của hoạt động nhận thức đó là việc sử dụng năng lực tri giác HS như: sử dụng tư liệu LS, văn học liên quan; sử dụng đồ dùng trực quan - trong đó có các hiện vật tồn tại ngay trong các di tích LS ở địa phương. Thông qua đó, HS phát triển khả năng quan sát các nội dung LS, là tiền đề để các em phát huy trí tưởng tượng của mình về LS. Như vậy, giai đoạn nhận thức cảm tính trong dạy học bộ môn chỉ được bắt đầu với khả năng tri

giác, chứ không phải cảm giác. Từ đó, HS mới phát triển một giai đoạn cao hơn là nhận thức lý tính: biết phân tích hiện tượng LS, biết rút ra bài học, vận dụng vào thực tiễn... Tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương sẽ giúp HS được trực quan sinh động sự kiện LS để có biểu tượng cụ thể, sinh động. Từ đó, phân tích, so sánh để hiểu được bản chất của SK, hiện tượng LS.

Mặc dù nhận thức LS của HS ở trường PT có những đặc điểm riêng biệt nói trên nhưng quá trình đó cũng như quá trình học tập chung còn có một số đặc điểm sau. Đó là tính gián tiếp, tính được hướng dẫn, tính giáo dục.

Việc học tập của HS được thực hiện dễ dàng hơn dựa trên kết quả của các nhà nghiên cứu, thông qua SGK và các loại tài liệu LS, trong đó có tài liệu hiện vật, tài liệu di tích LS. GV cần làm cho việc học tập của các em phải là hành trình tự khám phá, tìm kiến thức mới cho bản thân mình dưới sự chỉ đạo của GV để hình thành các năng lực chung, năng lực chuyên biệt cũng như các phẩm chất cần thiết.

2.1.3.4. Đặc trưng kiến thức lịch sử Việt Nam được giảng dạy ở lớp 12 Trung học phổ thông

Kiến thức LSVN mà HS được học ở lớp 12 chiếm dung lượng lớn nhất trong toàn bộ cấp học. Phần LSVN ở lớp 10, 11, HS được học với tổng số *28* tiết. Trong khi đó, ở lớp 12, các em được học LSVN giai đoạn 1919 đến 2000 với thời lượng *32* tiết. Theo kết cấu đường thẳng kết hợp với đồng tâm của chương trình hiện hành, phần LSVN giai đoạn 1919 - 2000 đã được dạy cho các em ở cấp THCS. Song đến lớp 12, việc nghiên cứu các sự kiện LSVN giai đoạn này còn cần HS phải phân tích, lý giải, hiểu các mối liên hệ đồng đại, lịch đại... để tìm hiểu sâu các SK, hiện tượng LS. Phần LSVN được giảng dạy ở lớp 12 có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, đây là khóa trình chứa đựng nhiều nội dung, nhiều giai đoạn và nhiều biến cố LS trọng đại trong thời gian từ 1919 - 2000.

Thứ hai, những nội dung LS đó mang tính hiện đại. Thời điểm diễn ra các sự kiện chưa lâu. So với LS hàng ngàn năm của dân tộc, thì chúng đang còn tươi mới, gần gũi. Thậm chí có những nhân vật trực tiếp tham gia vào các sự kiện LS, hay những nhân chứng LS vẫn còn sống. Họ có thể kể lại các câu chuyện mà họ là một phần của nó cho các thế hệ trẻ. Mỗi địa phương, nơi HS học tập, không ít thì nhiều, đều có những sự kiện gắn với LS dân tộc. Con người, sự kiện, địa danh ở các địa

phương vẫn lưu giữ những nội dung LS của thời kì này nên rất gần gũi, thân quen với HS, tạo điều kiện để chúng ta tiến hành nhiệm vụ giáo dục LS. Khi dạy học LSVN đối với HS lớp 12, xuất phát từ đặc điểm về trình độ, năng lực của các em nói trên nên GV cần chú ý phát triển khả năng khái quát, tư duy phản biện, trình độ lí luận. HS cần biết trình bày, lập luận, nêu và bảo vệ quan điểm của mình về các vấn đề LS.

Đối với Nghệ An, những nội dung LSVN ở lớp 12 có ý nghĩa đặc biệt, gần gũi HS lớp 12 ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh. Nghệ An là vùng đất có bề dày LS: nơi có dấu vết của người nguyên thủy, nơi ghi dấu các sự kiện trọng đại thời lập quốc, là đất "*phên dậu*" hiểm yếu thời PK, là địa bàn sục sôi cách mạng hồi đầu thế kỉ XX. Đây là quê hương của nhiều nhà hoạt động cách mạng nổi tiếng có công sáng lập Đảng CSVN; quê hương của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Nhân dân Nghệ An đã đóng góp sức người, sức của, xương máu cho sự thành công của CM tháng Tám và hai cuộc cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Những trang sử chung của dân tộc và trong LS dân tộc mang đậm dấu ấn của nhân dân Nghệ An.

Xuất phát từ đặc điểm ấy, giảng dạy LSVN với DTLS ở địa phương cho HS lớp 12 tại các trường THPT ở Nghệ An, là một lợi thế nhằm thực hiện các mục tiêu hình thành kiến thức, phát triển kĩ năng, định hướng thái độ. Trên cơ sở đó, phát triển các năng lực chung, riêng và bồi dưỡng tình yêu quê hương, biết trân trọng những giá trị của các thế hệ đi trước đã cống hiến, hy sinh.

2.1.3.5. Yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học nói chung, phương pháp dạy học Lịch sử nói riêng ở trường Trung học phổ thông

Hiện nay trước làn sóng của cuộc CM công nghiệp 4.0 cùng với những thành tựu của nó đã tạo nên một xã hội thông tin năng động với tốc độ phát triển mạnh mẽ chưa từng có trong LS nhân loại. Từ đó, trong dạy học nói chung, dạy học bộ môn nói riêng, đặt ra yêu cầu phải chuyển từ dạy học tập trung vào nội dung sang dạy học tập trung vào năng lực của người học. Ngoài việc đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, còn cần: "*đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kĩ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật*

và đổi mới tri thức, kĩ năng, phát triển năng lực" [5; 128-129]. Các hình thức học tập của HS cũng thay đổi: "*chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học*" [5; 129].

Vai trò của người thầy hiện nay là: người thiết kế, ủy thác, điều khiển, xác nhận các thành quả của HS. GV cần chú trọng phát triển năng lực tự học, tự phát hiện và giải quyết vấn đề, khả năng vận dụng... để hình thành và phát triển các năng lực (chung và chuyên biệt), bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp; lối sống, sự tự tin, trách nhiệm với xã hội của HS. HS phải được trao cơ hội để tự thay đổi bản thân và phát huy mọi khả năng tiềm ẩn của mình.

Người học đóng vai trò là *chủ thể* của hoạt động độc lập hay hợp tác, thực sự đảm nhận vai trò chủ thể kiến tạo tri thức, rèn luyện kĩ năng, hình thành thái độ. HS học tập bằng chính hoạt động của bản thân mình. Nhà trường cần dạy việc học và tự học, đánh giá và tự đánh giá thông qua toàn bộ quá trình; tự tạo, khai thác phương tiện dạy học - nhất là công nghệ thông tin. Từ đó, tạo niềm lạc quan, hứng khởi học tập dựa trên lao động và thành quả của bản thân người học.

Muốn vậy, một mặt GV sử dụng các PPDH truyền thống theo tinh thần đổi mới, mặt khác cần tăng cường sử dụng các PPDH hiện đại như: *DH nêu vấn đề, DH hợp đồng, DH dự án, DH theo góc, DH tương tác*... GV cũng cần vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học khác nhau: DH ở trên lớp, DH ở thực địa, bảo tàng; kết hợp nhuần nhuyễn giờ học nội khóa và ngoại khóa. Ngoài ra, GV và nhà trường cần tạo điều kiện kết nối kiến thức HS thu nhận được với thực tiễn phong phú, sinh động và gần gũi ở các địa phương. Nhà trường không được trở thành "ốc đảo" theo kiểu: "*HS và GV trong môi trường cách biệt với thế giới bên ngoài giống như một hòn đảo cô độc, yên tĩnh*" [39; 259]. HS không nên xa rời thực tế cuộc sống mà phải gắn kiến thức được học với những vấn đề thực tiễn. Có như vậy, giáo dục mới đáp ứng những yêu cầu mà xã hội đặt ra hiện nay.

- *Yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học bộ môn*

Theo nhà bác học La Mã cổ đại Cicero đã nói: "*LS là bằng chứng của thời đại, là ngọn lửa của chân lý, là sinh mệnh của kí ức, là thầy giáo của cuộc sống và là sứ giả của cổ nhân"*. Ở các quốc gia phát triển, vai trò của môn LS được khẳng định

vững chắc. Ở nước ta, bộ môn LS đã được giảng dạy độc lập từ lớp 6 cho HS. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân như: quan niệm về vị thế môn học, chương trình, SGK... mà hiệu quả dạy học LS ở nước ta chưa cao. Một bộ phận không nhỏ quan niệm LS là môn phụ dẫn đến HS không hứng thú học tập bộ môn.

Nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, trong dạy học bộ môn, chúng ta xác định chuyển từ mô hình "*tập trung vào kiến thức*" sang việc phát triển năng lực, phẩm chất của người học; thực hiện phương châm "*lấy HS làm trung tâm*" trong dạy học LS; đổi mới các PPDH truyền thống; sử dụng các PPDH hiện đại để phát huy tích tích cực, chủ động và sáng tạo của HS; đổi mới việc kiểm tra, đánh giá trong DHLS... Ngoài ra chúng ta còn cần chú trọng khả năng vận dụng kiến thức, khả năng thực hành trong môn LS.

Một vấn đề cấp thiết hiện nay là yêu cầu người học biết giải quyết các vấn đề thực tiễn. Từ đó tạo sự kết nối giữa kiến thức được học ở nhà trường với thực tiễn sống động của địa phương, nơi HS sinh ra và trưởng thành. Trong dạy học bộ môn, việc nghiên cứu kiến thức ở các lớp học là con đường chủ đạo. Tuy nhiên, muốn quá khứ như "sống" lại và hiện lên trước mắt HS cụ thể, rõ ràng, GV cần tăng cường các hoạt động ngoài giờ lên lớp, tăng cường hoạt động tìm hiểu những vấn đề thực tế ở ngay tại địa phương mình sinh sống - trong đó cần quan tâm *khai thác các DTLS.* Chúng là nguồn chứa đựng những thông tin LS vô giá; là một loại trực quan đặc biệt, là những di sản văn hóa mà mọi thế hệ đều phải giữ gìn. Thế nên, GV cần thiết phải tìm ra các PPDHLS gắn với DT ở địa phương để phát huy khả năng tiềm tàng to lớn của loại phương tiện trực quan quý giá này.

Tổ chức dạy học với các DTLS ở địa phương như vậy cũng chính là thực hiện đổi mới *hình thức tổ chức* dạy học bộ môn. Thực hiện được điều này trong giờ học nội, ngoại khóa đều sẽ làm cho bài học LS thêm sinh động, HS hứng thú học tập và nâng cao hiệu quả giáo dục LS cho thế hệ trẻ.

2.1.4. Giá trị của di tích lịch sử ở địa phương

Các di tích LS là nơi xảy ra sự kiện LS, nơi gắn bó với nhân vật LS và cũng chứa đựng nhiều hiện vật quý giá của lịch sử. Đó là minh chứng rõ ràng, đầy sức thuyết phục về sự tồn tại của quá trình LS. Các kiến thức LS trong chương trình, SGK và cả sự tự tìm tòi của HS sẽ giúp các em hiểu sâu sắc giá trị LS, văn hóa của các DT đó.

Việc nghiên cứu sự tồn tại của DTLS, những vấn đề LS gắn liền với nó lại giúp HS hiểu sâu, nhớ lâu kiến thức bộ môn. Vì đây cũng là một con đường giúp các em vận dụng kiến thức của mình.

LSDT và LSĐP có mối liên hệ khăng khít với nhau. LSDT là bức tranh chung của các địa phương, thể hiện cái chung. Còn LSĐP nói chung, DTLS ở địa phương nói riêng cũng đóng góp cụ thể, làm phong phú LS chung của cả dân tộc. Học sinh học LSDT để hiểu sâu sắc về LSĐP và ngược lại khi hiểu các vấn đề LSĐP lại giúp các em củng cố kiến thức LSDT. Nội dung LSĐP hết sức đa dạng: đó là các sự kiện, nhân vật LS với nhiều nội dung trên các lĩnh vực khác nhau. Chúng góp phần cụ thể hóa và làm phong phú kiến thức LSDT. Như vậy, DTLS ở địa phương chính là thể hiện cụ thể, sinh động, đa dạng của LSDT - đóng góp sử liệu để xây dựng và cụ thể hóa LSDT qua các thời kỳ.

DTLS ở địa phương là nguồn sử liệu vô cùng gần gũi đối với HS. Chúng thuận tiện cho GV trong việc tổ chức dạy học bộ môn. Là nơi lưu giữ những giá trị truyền thống, các DT này có tác dụng thiết thực trong việc giáo dục cho HS tình yêu quê hương, đất nước hơn bất cứ một phương tiện trực quan nào khác. Di tích LS ở địa phương là nguồn sử liệu, có ưu thế: "*...cụ thể hóa những biến cố lịch sử, cho việc tạo biểu tượng lịch sử, do đó nâng cao chất lượng kiến thức"*. Khai thác tài liệu DTLS ởđịa phương trong dạy học bộ môn sẽ *"tạo nên một tình trạng tâm lý đặc biệt gọi là "cảm thấy có thật" quá khứ lịch sử"* [121; 290].

Chính vì vậy, tổ chức dạy học bộ môn với các DTLS ở địa phương có tác dụng lớn trong việc giáo dục HS. Đây là vấn đề quan trọng thiết thực góp phần thực hiện phương châm học tập LS gắn với cuộc sống. "*Việc sử dụng khéo léo tài liệu địa phương góp phần lớn vào việc tăng cường mối quan hệ giữa dạy học và đời sống"* [121; 285]. Sử dụng DTLS ở địa phương làm cho bài học cụ thể hơn, sinh động hơn, tạo hứng thú cho HS trong DHLS. Mặt khác, DTLS ở địa phương với đặc điểm gần gũi, HS có thể tiếp xúc nhiều nên có ưu thế trong giáo dục HS. Những giá trị của DTLS ở địa phương có tác động giáo dục sâu sắc đối với nhân dân, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ.

2.1.5. Trách nhiệm của nhà trường đối với di tích lịch sử

Di tích LS ở địa phương, nhất là ở những tỉnh giàu truyền thống đấu tranh

cách mạng như Nghệ An hết sức phong phú. Việc bảo tồn và khai thác tối đa giá trị của các DTLS là một nhiệm vụ quan trọng của nhà trường phổ thông. Các DTLS là nơi lưu giữ dấu vết, hiện vật về quá khứ, là một loại di sản văn hóa đặc biệt. Các di sản văn hóa ấy chính là nơi khơi nguồn cho những cảm hứng sáng tạo của thế hệ trẻ. Là tài sản vô giá, song theo các chuyên gia chúng cũng rất "mong manh", dễ bị hư hại. Vì thế, đối với các di sản - trong đó có DT: "*Là vô hạn khi ta nhìn di sản văn hóa như một tiềm năng mà chúng ta chưa khai thác và phát huy có hiệu quả... Là hữu hạn khi ta biết rằng di sản văn hóa là thứ tài sản không thể tái sinh, không thể thay thế, mất đi không thể bù đắp lại được...*" [107; 6].

Thế hệ trẻ cần đọc các thông điệp từ quá khứ thông qua DTLS, song nhà trường cũng góp phần giáo dục ý thức giữ gìn, bảo vệ DTLS cho các em. Vì chúng "*...như một cơ thể sống, mỗi ngày qua đi thì tuổi thọ cao thêm, lại phải chịu mưa nắng, bão lụt, khí hậu nóng ẩm, nấm mốc, sâu mọt hủy hoại và cả sự thiếu hiểu biết và ý thức của con người hàng ngày làm mai một, sai lệch, làm biến dạng, thậm chí hủy hoại giá trị của nó*" [7; 14]. Cùng với hệ thống các bảo tàng, các DTLS ở địa phương đóng vai trò là những *thiết chế* quan trọng góp phần tích cực giáo dục HS. Và đến lượt mình, nhà trường phổ thông cũng cần ý thức một cách rõ ràng về trách nhiệm bảo vệ DTLS.

Muốn vậy, nhà trường phổ thông tại các địa phương cần tuyên truyền, phổ biến về DTLS, nhất là những DTLS tiêu biểu trên địa bàn địa phương thông qua bài học trên lớp ở các môn học như: Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân... Việc tuyên truyền, phổ biến về DTLS cần được thực hiện trong các hoạt động chung của nhà trường: chào cờ, trong các lễ kỷ niệm... Nhà trường cần hình thành cho HS ý thức giữ gìn, tu bổ DTLS ở địa phương và tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành các hoạt động giáo dục với DTLS ở địa phương. Khi có những đề xuất hay, sáng kiến giỏi về dạy học với DTLS ở địa phương, nhà trường nên có các hình thức khen thưởng thích hợp. Và cuối cùng, các trường học phải thiết lập được mối liên kết chặt chẽ với địa phương trong việc bảo vệ, khai thác DTLS.

Ở các nước phát triển, DTLS trở thành "*lớp học thứ hai*" cho học sinh phổ thông. Từ đó tạo cảm hứng, sự say mê học tập, rèn luyện cho HS vì: *"...bảo tàng, di tích và nhà trường đều có vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục tri thức lịch sử*

cho học sinh phổ thông" [103; 20]. Có được điều đó là do có sự phối hợp chặt chẽ giữa bảo tàng, DT với nhà trường trong việc giáo dục HS, trong đó nhà trường có vai trò lớn trong việc lan tỏa, khuyếch trương giá trị, vai trò của DTLS.

2.1.6. Vai trò, ý nghĩa của việc tổ chức dạy học lịch sử với di tích lịch sử ở địa phương

2.1.6.1. Vai trò

DTLS là những thiết chế văn hóa không thể thiếu trong xã hội. Chúng được coi trọng và trở thành một nội dung giáo dục di sản bắt buộc. Ví dụ, tại Nhật Bản: "*...coi việc sử dụng các DTLS, lễ hội truyền thống như là một phương tiện giáo dục thế hệ trẻ hiệu quả nhất*" [113; 29].

Các DTLS đóng vai trò là kênh, nguồn thông tin trực tiếp vô giá và hết sức thuyết phục đối với HS. Chúng phát huy vai trò trên hai khía cạnh:

+ Hỗ trợ đắc lực cho các kiến thức lịch sử mà các em được hình thành theo quy định của chương trình, SGK.

+ Là nguồn cung cấp thông tin chính cho HS trong một số trường hợp đặc biệt, nếu tại địa phương xảy ra sự kiện LS song cũng là sự kiện lớn của LS dân tộc. *Ví dụ*, tại tỉnh Điện Biên, HS có thể biết, hiểu kiến thức về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc với chiến thắng Điện Biên Phủ; tại tỉnh Quảng Nam, HS hiểu LS dân tộc khi trực tiếp đến DT liên quan cuộc khởi nghĩa của Việt Nam quang phục hội ở Tam Kỳ năm 1916; tại Nghệ An, HS có thể học trực tiếp phong trào cách mạng long trời lở đất những năm 1930 -1931 khi được học tập tại các DT LS liên quan đến sự kiện này ở địa phương.

+ Các DTLS ở địa phương là *phương tiện trực quan vô giá* trong dạy học LS và giáo dục các thế hệ. Đó là những nơi sự kiện đã xảy ra hoặc là nơi được dựng lên để ghi nhớ sự kiện, lưu niệm những ký ức về nhân vật LS. Chúng là bằng chứng của LS mà HS có thể đặt chân đến, tận mắt quan sát và cảm nhận được những rung cảm lịch sử mà không có một phương tiện trực quan nào làm được. Là một vùng đất cách mạng, ngay các công trình văn hóa - tâm linh như các ngôi đền, đình, nhà thờ các dòng họ... cũng gắn với LS tranh đấu của nhân dân. Nhiều ngôi đình ở đây được mệnh danh là "*những ngôi đình cách mạng*". *Ví dụ,* đình Lương Sơn (Đô Lương), đình Võ Liệt (Thanh Chương), đình Liên Trì (Yên Thành)... vừa là nơi thờ thành

hoàng làng, thực hiện các nghi lễ, hoạt động chung của cộng đồng làng xã song cũng là địa điểm hoạt động cách mạng. HS đến những địa chỉ đỏ này có thể nhận rõ đây còn là nơi lưu giữ các dạng tư liệu gốc, hiện vật minh chứng cho hoạt động cách mạng qua các thời kỳ.

Khi đặt chân đến một DTLS, các em sẽ tự hỏi: *sự kiện gì đã xảy ra, di tích có ý nghĩa gì, công tác bảo tồn và khai thác DT đã có hiệu quả chưa?* Các em phải huy động năng lực học tập LS của mình để giải đáp và hình thành trách nhiệm của mình đối với DT.

Việc tăng cường, đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương cũng là một biện pháp nhằm thực hiện đổi mới PPDH bộ môn ở trường PT hiện nay.

2.1.6.2. Ý nghĩa

* Bồi dưỡng nhận thức

Việc tiếp cận với di tích LS mang lại lợi ích cụ thể, trước mắt đó là giúp HS hình thành kiến thức LS của mình. "*Tại các di tích, các hiện vật gốc được coi là "công cụ chính của công tác giáo dục*" [103; 15]. Từ các hiện vật, dấu vết đó, HS ghi nhớ sự kiện LS đã diễn ra khi nào, ở đâu, ai tham gia, diễn biến, kết quả, ý nghĩa và tạo biểu tượng chân thực về SKLS. HS hình dung LS dựa trên việc kết hợp năng lực tri giác, tư duy của bản thân với sự hỗ trợ của GV, người hướng dẫn khu di tích. Đây là phương pháp giáo dục trực quan, đầy thuyết phục dựa trên nguồn sử liệu trực tiếp, giúp HS hình dung quá khứ một cách chân thực.

Thông qua các hoạt động liên quan đến di tích như: sử dụng tài liệu về DT, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tham quan tại DT... hoạt động nhận thức của học sinh được nâng cao. Các em sẽ phải tái hiện *sự kiện*, giai đoạn LS tương ứng để lí giải vì sao có DTLS đó. Từ đó, hình thành *biểu tượng* LS cụ thể, là cơ sở cho HS hiểu sâu, ghi nhớ lâu kiến thức.

Trên cơ sở của việc khôi phục sự kiện LS liên quan đến DT, HS hình thành được các biểu tượng LS sinh động. Từ đó, các em cần chỉ rõ các mối liên hệ nguyên nhân - kết quả nhằm lý giải bản chất sự tồn tại của chúng, để đi đến hình thành các khái niệm, quy luật LS.

Ví dụ, khi học sinh tìm hiểu về nhà máy điện Vinh, các em tái hiện được

những sự kiện LS trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, khi chúng điên cuồng chống phá miền Bắc. Chúng đã dội xuống nhà máy trên 300 trận với 2.319 quả bom các loại, 149 quả tên lửa, 64 quả đại bác... Nhà máy đã phải khôi phục lại tới 26 lần. Nhưng: "Địch đánh, ta phục hồi, địch lại đánh ta lại phục hồi, bám trụ kiên cường, thề quyết tử cho dòng điện quyết sinh"; "Ống khói chính đổ, ta làm ống khói bằng tôn, ống khói bằng tôn đổ ta làm đường khói ngầm"... Ngày 4/6/1965, máy bay địch ập tới ném bom xối xả vào Nhà máy, 8 đồng chí cán bộ công nhân đã hy sinh ngay tại nơi đang làm việc. Việc tổ chức dạy học với DT này giúp HS hình thành biểu tượng về sự tàn ác của đế quốc, sự khốc liệt của chiến tranh, cuộc chiến đấu ngoan cường của cán bộ nhà máy; giúp HS hiểu khái niệm "hậu phương", "chiến tranh phá hoại lần thứ nhất" của đế quốc Mĩ. Ngày nay, địa điểm LS này một lần nữa nhắc nhở thế hệ trẻ những sự kiện bi thương trong LS dân tộc và cũng khơi gợi tinh thần tự hào về truyền thống của quê hương.

* Phát triển kĩ năng

Các DTLS là một dạng di sản đặc biệt nên khi làm việc với chúng tạo cho các em hứng thú và phát triển các kỹ năng học tập bộ môn. DTLS là nơi lưu giữ những dấu vết, hiện vật gốc có giá trị nhiều mặt thể hiện bằng chứng sinh động của quá khứ, nên nó là trung tâm chứa đựng *thông tin nguyên gốc*. Đặc điểm của chúng là có thể trực tiếp quan sát (trong một số trường hợp có khi sờ mó được), nên được HS tiếp nhận một cách thích thú, đặc biệt, say mê, sinh động, tạo nên các PP giáo dục trực quan sinh động, gợi mở và suy ngẫm. Khi đến với các DTLS ở địa phương, HS được quan sát trực tiếp, cảm thụ sự tồn tại thật của chúng và các em xâu chuỗi, kết nối, tưởng tượng bức tranh quá khứ. Các thao tác tư duy cũng được củng cố và phát triển. Tổ chức dạy học bộ môn với các DTLS ở địa phương còn giúp phát triển năng lực thực hành như: sử dụng bản đồ, vẽ mô hình di tích, lập hồ sơ di tích, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống...

* Thái độ

Trên cơ sở hình thành kiến thức, phát triển kỹ năng, việc học tập bộ môn với di tích LS còn có tác dụng tích cực trong việc *định hướng thái độ, xúc cảm* cho HS về lịch sử như: đồng tình, phản đối, hứng thú... Từ đó, giáo dục ý thức trân trọng, bảo vệ di tích... *Ví dụ*, khi HS tìm hiểu về đình Phú Nhuận ở Đặng Sơn, Đô Lương,

các em hiểu hơn quá trình đấu tranh cách mạng kiên cường của đồng bào nơi đây. Đình là nơi vang lên tiếng trống tập hợp dân chúng đấu tranh chống sưu cao, thuế nặng, nơi liên kết của các văn thân sĩ phu yêu nước trong phong trào Cần Vương, là nơi mở trường học trong phong trào Đông Du, nơi tập kết thanh niên xuất dương ra nước ngoài hoạt động. Đây là nơi xứ ủy Trung kì và tỉnh ủy Nghệ An làm địa điểm hội họp, cất giấu tài liệu, nơi làm việc của chính quyền Xô viết. Những dấu tích LS nơi đây sẽ giúp HS tái hiện các sự kiện LS thời kì cách mạng sôi nổi 1930-1931. HS sẽ có biểu tượng về tinh thần đấu tranh kiên cường của nhân dân - đặc biệt là nông dân ở đây thời kì này. Từ đó hình thành các khái niệm: phong trào công - nông, xô viết, hình thái hai chính quyền song song tồn tại... HS có thái độ khâm phục, đồng tình với những hành động của các bậc tiền bối, của quần chúng nhân dân. Đó là cơ sở để chúng ta giáo dục tình yêu quê hương, đất nước... cho thế hệ trẻ.

Trên cơ sở ba mặt: kiến thức, kĩ năng, thái độ, tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương góp phần phát triển các năng lực chung[5]: năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; năng lực tự học; các năng lực hợp tác; thuyết trình; tranh luận... và năng lực chuyên biệt như: tái hiện LS, tư duy LS, thực hành lịch sử, vận dụng kiến thức LS vào thực tế, giải quyết một vấn đề LS, sử dụng ngôn ngữ trình bày một vấn đề LS... Từ đó, chúng còn góp phần hun đúc, bồi dưỡng nhiều phẩm chất đạo đức đúng đắn như: tình cảm tự hào, tình yêu đối với quê hương, đất nước; sự tri ân sâu sắc những người đã góp phần công sức, xương máu cho sự bình yên của quê hương mình...

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Khái quát về thực trạng các di tích lịch sử trên địa bàn Nghệ An

Là mảnh đất với bề dày về LS và văn hóa nên "*...Nghệ An có một hệ thống di tích danh thắng phong phú, giá trị. Đó thực sự là niềm tự hào nhưng cũng là một khó khăn, thử thách lâu cho công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể truyền thống trước mắt và lâu dài*" [122; 43].

Theo số liệu của Ban Quản lí di tích và danh thắng Nghệ An cung cấp dựa trên cơ sở quyết định 201 ngày 17 tháng 1 năm 2018, ở Nghệ An hiện có 2602 di tích phân bố khắp 21 huyện, thành, thị của cả tỉnh. Trong đó có 274 di tích cấp tỉnh, 140

[5] Năng lực chung như: NL tư duy phê phán, tư duy logic; NL sáng tạo, tự chủ; NL giải quyết vấn đề; NL làm việc nhóm; NL giao tiếp làm chủ ngôn ngữ; NL tính toán, ứng dụng số; NL đọc - viết; NL công nghệ thông tin - truyền thông.

di tích cấp quốc gia và 04 di tích được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, gồm: cụm di tích Kim Liên, Nam Đàn và cột mốc số 0, Tân Kì; đình Hoành Sơn. Mới đây, ngày 16/12, nhân kỷ niệm 150 năm ngày sinh nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu, tỉnh Nghệ An đã đón nhận bằng xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt đối với Khu lưu niệm cụ Phan Bội Châu tại huyện Nam Đàn.

Theo thống kê của Sở Văn hóa, TT và DL, của phòng Di tích và Danh thắng tỉnh, tại Nghệ An có số lượng các di tích LS lớn - trong số đó có 127 di tích LS cấp quốc gia, 02 di tích LS cấp quốc gia đặc biệt, được sự quan tâm, đầu tư của nhà nước và các cấp ban ngành địa phương. *Ví dụ*, năm 2012 đã hoàn thành Nhà tưởng niệm cố Tổng Bí thư Lê Hồng Phong và Nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai. Năm 2013, khánh thành Nhà tưởng niệm Đại tướng Chu Huy Mân được xây dựng với diện tích 7743m^2. Năm 2014, khu di tích tưởng niệm đồng chí Phùng Chí Kiên tại Diễn Yên, Diễn Châu được khánh thành... Việc tôn tạo Khu di tích Truông Bồn đã được hoàn thành trong năm 2015 gồm 21 hạng mục chính với nguồn kinh phí lớn. Việc trùng tu, tôn tạo với kinh phí từ nhiều nguồn: nhà nước, nguồn xã hội hóa... làm cho các DTLS ở Nghệ An trở thành nơi lưu giữ LS và là điểm đến để giáo dục truyền thống cho nhân dân. Qua đó, phát huy giá trị LS, văn hóa của các DTLS ở địa phương.

Như vậy, hệ thống DTLS ở Nghệ An rất đa dạng, nhiều loại hình, thuộc nhiều giai đoạn LS, nhiều hạng: cấp tỉnh, cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt.

Các DT này có ưu thế trong dạy học LSVN lớp 12 các trường THPT ở đây vì chúng gần gũi, giúp HS dễ nhớ, dễ hiểu các kiến thức cơ bản. Các DT có nhiều giá trị như: lịch sử, văn hóa, khoa học, du lịch... Riêng đối với học sinh, chúng đặc biệt có giá trị giáo dục nhân cách, phẩm chất cho các em như: yêu quê hương, đất nước, tự hào về con người, mảnh đất nơi mình sinh ra, có trách nhiệm đối với đất nước, quê hương...

Tuy nhiên vẫn còn nhiều DT bị xâm hại, nhiều hộ dân lấn chiếm di tích, sử dụng một phần của di tích với nhiều mục đích khác nhau; nhiều di tích LS quan trọng bị xuống cấp, hư hại. Một số di tích ở trong tình trạng hư hỏng nặng, thậm chí trở thành phế tích.

Một số DTLS chưa phát huy hết giá trị, ý nghĩa của nó, sau khi xây dựng hoặc

tu bổ, trùng tu thì chưa khai thác hiệu quả, thậm chí rơi vào tình trạng "*đắp chiếu*". Thực tế đó đòi hỏi các cấp quản lí cần đẩy mạnh việc khai thác DTLS ở địa phương và cần có các giải pháp cụ thể như: tuyên truyền rộng rãi đến người dân, nhất là khối cư dân gần nhất, tạo hiểu biết về DT và ý thức giữ gìn, quảng bá di tích. Công việc đó cần được phối hợp với các nhà trường trên địa bàn tỉnh, chú ý đi vào chiều sâu, chứ không chỉ dừng lại các phong trào nhất thời. Địa phương cũng cần phối hợp các kênh truyền thông, các công ty lữ hành để du khách các nơi biết và tìm đến các "*địa chỉ đỏ*" là các DTLS ở đây.

2.2.2. Thực trạng hoạt động dạy học lịch sử Việt Nam với di tích lịch sử ở địa phương tại các trường THPT tỉnh Nghệ An

Trong những năm gần đây, Bộ GD và ĐT đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở các cấp với mục tiêu giáo dục LSĐP nhằm góp phần thực hiện môn học, gắn lí luận với thực tiễn, gắn nhà trường với xã hội. Trong Chỉ thị số 40/2008/CT-BGDĐT, ngày 22/7/2008 của Bộ GD và ĐT về việc phát động phong trào thi đua "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" trong các trường PT giai đoạn 2008 - 2013 yêu cầu HS tham gia tìm hiểu, chăm sóc và phát huy giá trị các DTLS, văn hóa, cách mạng ở địa phương. Mỗi trường đều nhận chăm sóc một DTLS, văn hóa hoặc DT cách mạng ở địa phương, góp phần làm cho DT ngày một sạch đẹp hơn, hấp dẫn hơn để giới thiệu các công trình, DT của địa phương với bạn bè. Các trường phải có kế hoạch và tổ chức giáo dục truyền thống dân tộc, văn hóa và tinh thần cách mạng một cách hiệu quả cho tất cả học sinh; phối hợp với chính quyền, đoàn thể và nhân dân địa phương phát huy giá trị của các DTLS, văn hóa và cách mạng cho cuộc sống của cộng đồng ở địa phương và khách du lịch.

Sở GD và ĐT Nghệ An đã có các công văn về việc "*Tăng cường sinh hoạt tập thể, đưa học sinh đi tham quan thực tập tại các di tích lịch sử*" nhằm giáo dục toàn diện HS, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa dân tộc. Từ đó giúp HS hiểu rõ quá trình hình thành, phát triển và những đóng góp to lớn của quê hương, của cha ông mình đối với đất nước, từ đó tăng thêm tình yêu, niềm tự hào đối với mảnh đất đã sinh ra và nuôi dưỡng các em khôn lớn. Các hình thức tổ chức dạy học với DTLS chủ yếu là lồng ghép nội dung DTLS vào môn học và hoạt động giáo dục như: tổ

chức chăm sóc DT, các hoạt động giáo dục, dạy học tại nơi có DT; tổ chức tham quan, trải nghiệm DTLS... Các PPDH bộ môn với DTLS qua các phương tiện truyền thông, đa phương tiện được khuyến khích thông qua nhiều sáng kiến kinh nghiệm. Trong các hoạt động đó, ngoài nỗ lực của GV, đòi hỏi HS phải là người chủ động tìm hiểu, khai thác, phổ biến, tuyên truyền tài liệu về DTLS ở địa phương.

Để nắm được chính xác tình hình dạy học LS với di tích ở địa phương, chúng tôi đã trực tiếp phỏng vấn, làm việc với chuyên viên phụ trách môn LS của Sở GD và ĐT tỉnh Nghệ An - bà Nguyễn Thị Thanh Thủy. Trên thực tế, nhất là trong các năm 2007 - 2008, Sở GD và ĐT Nghệ An đã phối hợp với cơ quan quản lý như: bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh, bảo tàng QK 4, đài truyền hình, các khu DT... xây dựng kế hoạch; chỉ đạo các trường phối hợp các tổ bộ môn, đưa học sinh cấp THCS, THPT đến với DT trên địa bàn địa phương. Một số hoạt động như: gắn DTLS với hoạt động ngoại khóa, tuyên truyền, giáo dục qua tham quan, tổ chức tìm hiểu nhân các ngày lễ lớn...; sân khấu hóa những sự kiện LS địa phương tiêu biểu, thi Rung chuông vàng, chăm sóc DT, xây dựng phim về truyền thống CM 1930-1931; về CM tháng Tám, về các sự kiện, nhân vật tiêu biểu trong kháng chiến chống Mỹ...

Trên cơ sở chỉ đạo sát sao của Sở GD và ĐT về việc tổ chức cho HS tham quan, học tập tại các DTLS, các trường THPT trong toàn tỉnh đã tăng cường hoạt động này, coi đây là một nhiệm vụ và cũng đồng thời đáp ứng nguyện vọng của mỗi HS được hiểu biết những DTLS ở ngay tại quê hương mình. Tại trường THPT trong tỉnh mỗi năm các em được đi tham quan một lần. Các đợt tham quan thường được tổ chức đầu năm, theo hai hướng tham quan: các em HS lớp 11 đi tham quan Khu di tích Ngã ba Đồng Lộc, vào mộ đại tướng Võ Nguyên Giáp sau đó quay về khu di tích Nguyễn Du; còn HS khối lớp 10, chia từng nhóm 3-4 lớp, đi tham quan quê Bác và khu di tích Truông Bồn (một số trường kết hợp tham quan lăng mộ, đền Mai Hắc Đế ở Nam Đàn hoặc thăm mộ bà Hoàng Thị Loan), sau đó về tham quan bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh.

Nhiều sáng kiến của các GV đứng lớp cũng đề cập nhiều đến việc sử dụng di tích LS ở địa phương trong bài học LS, đó có thể là những di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh… liên quan đến LS dân tộc hoặc phục vụ cho việc dạy học LSĐP. Một số hoạt động khác cũng được tổ chức tại địa điểm, DT - nơi diễn ra sự kiện lịch sử. *Ví dụ*,

ngày 30/8/2016, Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh đã trưng bày bộ panô với chủ đề: "*Nghệ An - 86 năm xây dựng và phát triển*" tại sân vận động xã Cát Văn. Bộ trưng bày đã thu hút đông đảo bà con nhân dân và học sinh trong vùng đến tham quan, học tập. Nhân dịp kỷ niệm 86 năm ngày Xô viết Nghệ Tĩnh (12/9/1930-12/9/2016) và 115 năm ngày sinh đồng chí Lê Doãn Sửu - cán bộ tiền bối của Đảng (1901-2016), Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh phối hợp với Phòng Giáo dục - Đào tạo thành phố Vinh tổ chức chương trình giao lưu văn hóa với chủ đề: "*Ngọn lửa Xô viết năm 1930"*. Năm 2012, ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã tổ chức phát động cuộc thi "*Tìm hiểu thân thế, sự nghiệp đồng chí Nguyễn Tiềm - Bí thư tỉnh ủy đầu tiên của Nghệ An"* trong các trường học THCS, THPT và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Cuối năm 2017, tại Nghệ An, đã diễn ra hội thảo về "*Tác động của truyền thống gia đình đối với sự hình thành nhân cách đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai*"...

Tuy nhiên, việc tổ chức các hoạt động nói trên không diễn ra đều giữa các trường. Một số trường, nhất là các trường ở những vùng xa, khó khăn, thiếu thốn thì hầu như không tổ chức được các hoạt động với DTLS ở địa phương. Ngay cả các trường ở trung tâm thành phố, không phải năm học nào cũng tổ chức đều đặn. Vì nó liên quan nhiều yếu tố: điều kiện vật chất, các khó khăn trong khâu tổ chức... Việc lựa chọn điểm tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương đôi khi cũng không dựa vào đặc trưng môn học. Ví dụ, tại một số trường, các GV không tư vấn cho BGH lịch trình tham quan ở những địa điểm có giá trị về LS mà chỉ đến những địa điểm nhằm theo kịp xu hướng du lịch của nhiều người. Điều đó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng của các hoạt động này.

2.2.3. Thực trạng tổ chức dạy học Lịch sử Việt Nam lớp 12 với di tích lịch sử tại địa phương ở tỉnh Nghệ An

2.2.3.1. Địa điểm, thời gian khảo sát

Chúng tôi tiến hành khảo sát, điều tra ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong các năm học 2013 - 2014; 2014 - 2015; 2015 - 2016. Việc lấy phiếu điều tra, khảo sát được phân bổ cho các trường đại diện của khu vực nông thôn, miền núi, thành thị của tỉnh Nghệ An.

2.2.3.2. Đối tượng khảo sát

Việc khảo sát do tác giả trực tiếp thực hiện với sự phối hợp của các giáo sinh thực tập khoa Lịch sử, trường Đại học Vinh, các khóa 52 A, 53 A, 54 A Sư phạm

Lịch sử, áp dụng cho 248 học sinh và 102 giáo viên của các trường THPT trên địa bàn tỉnh để tìm hiểu thực trạng dạy học bộ môn nói chung. Trong đó, chúng tôi cũng tập trung lấy ý kiến các giáo viên LS dạy lớp 12, trên tất cả các nhóm: giáo viên trẻ, giáo viên có thâm niên để có thông tin cụ thể về vấn đề nghiên cứu. Học sinh được chúng tôi lựa chọn khảo sát là các em HS lớp 12 tại một số trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Các trường nói trên phân bố ở các địa hình khác nhau của tỉnh, đại diện cho đặc điểm của trường vùng ven biển, đồng bằng, miền núi vùng sâu của Nghệ An.

2.2.3.3. Kế hoạch, nội dung điều tra, khảo sát

** Kế hoạch*

Chúng tôi chuẩn bị các mẫu phiếu điều tra, các bảng hỏi đối với giáo viên và HS. Tại các trường gần hoặc có giáo sinh thực tập, chúng tôi tiến hành điều tra trực tiếp. Tại một số trường ở địa bàn miền núi xa xôi, ví dụ Kỳ Sơn, cách trung tâm TP Vinh trên 300 km, chúng tôi sử dụng email, điện thoại để trao đổi với các bạn đồng nghiệp.

** Nội dung điều tra, khảo sát*

- Việc điều tra, khảo sát đối với GV tập trung vào các nội dung sau:

+ Tình hình dạy học bộ môn với DTLS tại địa phương ở lớp 12 thuộc các trường THPT trên địa bàn Nghệ An.

+ Mức độ sử dụng kiến thức lịch sử địa phương trong dạy học LS Việt Nam.

+ Mức độ, hình thức, biện pháp sử dụng các DTLS ở địa phương trong quá trình dạy học Lịch sử.

+ Những thuận lợi và khó khăn của GV khi tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam với DTLS ở địa phương tại Nghệ An.

+ Kiến nghị, đề xuất của các thầy, cô giáo về việc tổ chức dạy học LS Việt Nam với DTLS ở địa phương tại Nghệ An.

- Việc điều tra, khảo sát đối với HS tập trung vào các nội dung sau:

+ Ý kiến của các em về tình hình dạy học bộ môn LS.

+ Tầm quan trọng của việc tổ chức dạy học LS Việt Nam với DTLS ở địa phương.

+ Các biện pháp GV đã từng sử dụng khi tổ chức dạy học LS Việt Nam với DTLS ở địa phương.

+ Hiểu biết của HS về một số DTLS tiêu biểu tại Nghệ An.

+ Đề xuất, mong muốn của các em trong việc tổ chức dạy học LS Việt Nam

với DTLS ở địa phương.

2.2.3.4. Kết quả điều tra, khảo sát

a. *Đối với giáo viên*

- Về việc dạy học bộ môn với di tích LS ở địa phương

Được sự chỉ đạo của Sở GD và ĐT Nghệ An, việc dạy học với di sản, trong đó một nội dung quan trọng là khai thác DTLS ở địa phương đã được các nhà trường chú trọng.

Hầu hết các giáo viên được hỏi đều ý thức được tầm quan trọng của việc đổi mới phương pháp dạy học bộ môn, trong đó có việc tăng cường dạy học với DTLS ở địa phương. Cùng với việc áp dụng các PPDH tích cực khác, đây là một trong những biện pháp quan trọng trong dạy học bộ môn, góp phần nâng cao chất lượng bài học LS, giúp HS có hứng thú, hiểu bài nhanh và sâu hơn. Như vậy, trong nhận thức của GV bộ môn việc đổi mới PPDHLS là tất yếu. Nên khi được hỏi về sự cần thiết của việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương, có đến 70,59% GV chọn phương án: cần thiết, 18,61% chọn phương án: rất cần thiết; chỉ một tỉ lệ nhỏ 0,88% GV chọn phương án: không cần thiết (PL 2.1.1).

Phần lớn GV được chúng tôi hỏi đều ý thức rất rõ tầm quan trọng của việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương. Theo các thầy cô, "*Dạy học lịch sử với DTLS ở địa phương tạo nhiều hứng khởi cho HS. Nó bổ ích và gần gũi với thực tế*" (cô Trịnh Thị Thu Hương, trường THPT Diễn Châu II). Ý kiến của cô Hứa Hoa Mai, trường THPT Lê Viết Thuật cho rằng: "*Số giờ cho môn Lịch sử rất ít. Tâm lý các em không chọn thi môn học này. Nên GV cũng không thể tổ chức dạy học với các DTLS được nhiều".*

Theo bảng 2.1. Kết quả điều tra về việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương của GV ở lớp 12, tại Nghệ An. *Bảng 2.1.1. Nhóm câu hỏi về ý nghĩa, tác dụng của việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương* (phần Phụ lục):

Các GV ý thức được đây là vấn đề hấp dẫn, giúp họ đổi mới phương pháp dạy học bộ môn ở trường phổ thông. Theo đó, 67.65% các thầy cô được hỏi cho rằng: việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương giúp HS hiểu sâu sắc những gì đã, đang diễn ra ở địa phương, quê hương của mình. 15.67% các GV được hỏi cũng cho rằng điều đó giúp tăng hứng thú cho HS và tính hấp dẫn cho bài học LS. Ngoài ra, 16.67% GV đồng ý tổ chức dạy học LS với DTLS ở địa phương giúp phát

triển các năng lực thực hành cho HS.

Mặc dù quán triệt quan điểm chỉ đạo của các cấp về vấn đề tổ chức dạy học với di sản, DT gần gũi với HS và bản thân GV cũng ý thức đầy đủ tầm quan trọng của vấn đề, song do nhiều nguyên nhân, không phải khi nào GV cũng có thể tổ chức các hoạt động dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương được. Trên thực tế, số trường, lớp tổ chức thường xuyên dạy học LS gắn với DTLS ở địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An chỉ chiếm 3.9%; tỉ lệ trường tổ chức được một năm một lần chiếm 29.4%. Trong khi đó, khoảng 66.7% trường không tổ chức được việc dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương. Việc dạy học với DTLS ở trên lớp rất hạn chế. Các trường chủ yếu tổ chức tham quan thực tế tại DTLS ở địa phương. Song các trường tại địa bàn xa xôi như: miền núi, vùng sâu, vùng xa… thì hầu như chưa tổ chức được việc dạy học với DTLS ở địa phương. *Ví dụ,* các trường tại miền núi phía Tây Nghệ An như: Kì Sơn, Quỳ Châu, Quế Phong, Con Cuông..., việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương là hết sức khó khăn. Điều này do các nguyên nhân: *Thứ nhất*, tại các huyện này, số lượng di tích LS rất ít ỏi. *Ví như,* tại huyện miền núi Kì Sơn, chỉ có di tích đền Pu Nhạ Thầu được công nhận di tích LSVH cấp tỉnh, là nơi thể hiện tín ngường thờ Mẫu kết hợp tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc được lập từ thời Trần (thế kỉ XIV). Hoặc tại huyện Quỳ Châu, các DTLS thuộc giai đoạn 1919 đến nay cũng vắng bóng, chỉ có các di tích danh thắng thuộc giai đoạn LS trước... *Thứ hai*, điều kiện vật chất ở các nơi này còn thiếu thốn, số lượng HS con em đồng bào các dân tộc thiểu số chiếm số lượng nhiều nên việc tổ chức dạy học với DTLS hầu như chưa được chú trọng.

* *Về hình thức tiến hành của việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương*

Dựa theo kết quả bảng 2.1.2: Nhóm câu hỏi về hình thức tiến hành việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương (phần Phụ lục), cho thấy GV đã chỉ ra các *hình thức* chủ yếu có thể tổ chức trong thực tế dạy học. Đối với các bài nội khóa qua các tiết học LS dân tộc và LSĐP, GV lựa chọn với tỉ lệ 11,67%. Vì trong thực tế, số tiết phân bổ cho môn LS rất ít, nội dung kiến thức nhiều nên việc đưa DTLS ở địa phương vào các tiết học nội khóa gặp không ít khó khăn. Đối với hình thức tham quan học tập, tỉ lệ lựa chọn là 14.7%; các hoạt động ngoại khóa là 16.66% và tổng hợp các hình thức (bài nội khóa, tham quan học tập, ngoại khóa) là 56.86%.

Việc dạy học với các DTLS ở địa phương có thể được sử dụng trong *các khâu khác nhau* của bài học LS. Có 33.33% GV cho rằng có thể sử dụng tài liệu về DTLS ở địa phương để xây dựng tình huống nêu vấn đề khi bắt đầu bài học, 31.37% GV cho rằng có thể sử dụng chúng trong tiến trình tổ chức bài học, 12.74% lựa chọn có thể vận dụng ở khâu củng cố kiến thức, 13.72% chọn dùng trong khâu kiểm tra kiến thức và 8.82% dành cho hoạt động tự học của HS.

Các hoạt động ngoại khóa là một cách giải quyết sự thiếu hụt thời gian khi tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương. Trong đó, 36.27% chọn hình thức dạ hội LS, 28.43% chọn việc tổ chức cho HS trải nghiệm tại DT, 35.29% lựa chọn cho các hoạt động công ích xã hội.

Theo bảng 2.1.3. *Nhóm câu hỏi về phương pháp khai thác, tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương* (phần P.lục), với câu hỏi: Biện pháp tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương: 57.84% GV lựa chọn biện pháp tăng cường sử dụng tài liệu về DTLS ở địa phương, 22.55% chọn tiến hành bài học LSĐP tại di tích, 60% chọn sử dụng DTLS để kiểm tra, đánh giá HS. Về phương pháp khai thác nguồn tư liệu để tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương cho HS: 30.39% GV chọn GV và HS có thể sưu tầm từ nguồn LSĐP, 15.68% chọn có thể lấy từ nguồn Internet, 13.72% chọn có thể lập kho dữ liệu điện tử về di tích LS ở địa phương, 15.68% GV giao đề tài cho HS, HS trình bày kết quả nghiên cứu, 16.67% chọn việc trao đổi thông qua: mail, hộp thư ở trường, 7.84% chọn việc lập diễn đàn nghiên cứu, trao đổi về DTLS ở địa phương.

Khi được hỏi về cách thức yêu cầu HS hoạt động trong tiến hành dạy học lịch sử với DTLS ở địa phương: 68.62% cho rằng có thể giao nhiệm vụ cho cá nhân, nhóm tìm hiểu sau đó trình bày, trao đổi trước lớp, 19.60% chọn có thể giao nhiệm vụ cho HS khai thác tư liệu qua mạng Internet và 11.76% lại cho rằng không đủ thời gian nên không giao nhiệm vụ này cho HS.

• Ở **bảng 2.1.4:** *nhóm câu hỏi về khó khăn, đề xuất của GV trong vấn đề tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương* (phần P.lục).

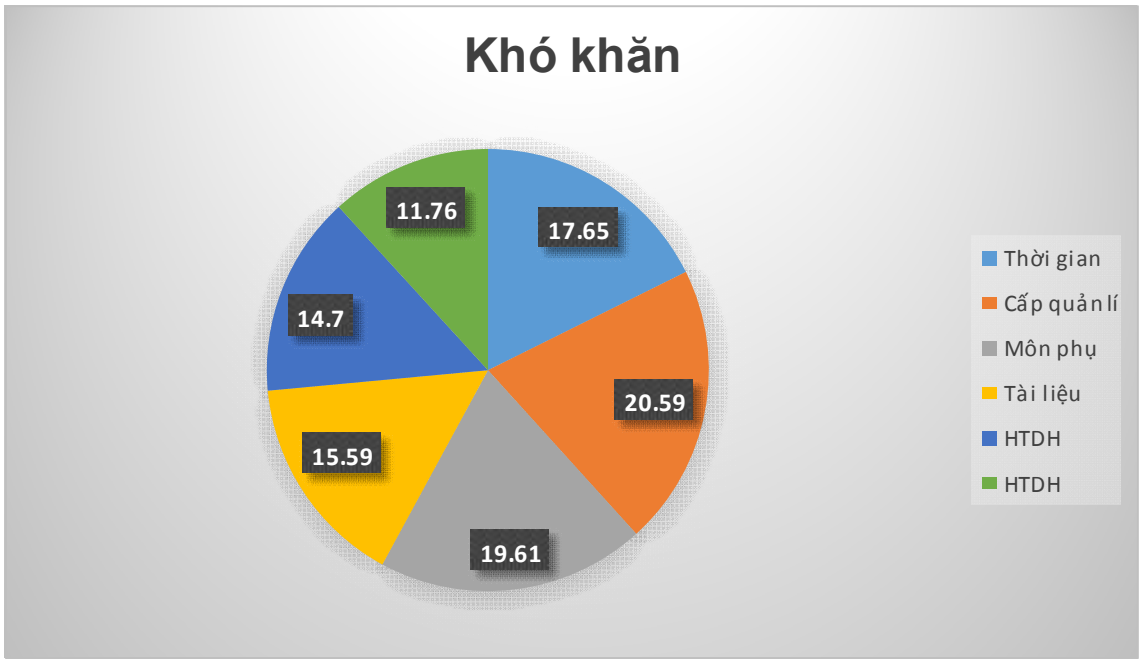

Kết quả trả lời về *những khó khăn* mà GV gặp phải trong khi tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương là: 17.65% chọn do hạn hẹp về thời gian, 20.59% chọn do không được các cấp quản lí ở trường và địa phương quan tâm, tạo điều kiện, 19.61% chọn phương án do HS coi LS là môn phụ nên không thích học, 15.69% chọn do khó khăn trong việc tìm tài liệu liên quan đến các DTLS ở địa phương, 14.70% chọn do không lựa chọn được hình thức tổ chức dạy học phù hợp, 11.76% cho rằng bản thân băn khoăn trong việc lựa chọn biện pháp.

Như vậy, đa số các GV ở trường THPT tại Nghệ An đều hiểu được sự cần thiết phải thay đổi về PPDH bộ môn trong điều kiện hiện nay và tầm quan trọng của việc tổ chức DHLS với DTLS ở địa phương. Về cơ bản, các GV đều nhất trí việc tổ chức dạy học bộ môn với các DTLS ở địa phương có thể và cần thiết phải diễn ra bằng nhiều hình thức. Sự đa dạng về hình thức tổ chức này sẽ giải quyết được vấn đề không có quỹ thời gian tổ chức hoạt động dạy học và làm tăng sự hấp dẫn, lôi cuốn của môn học do sự linh hoạt về hình thức tổ chức.

Trong bài học có sử dụng DTLS ở địa phương, GV có thể sử dụng ở tất cả các khâu khác nhau của bài học, tùy vào dung lượng và ý định sư phạm của GV. GV cũng nhận thức rõ vai trò, hiệu quả của các hoạt động ngoại khóa với DTLS ở địa phương.

b, Đối với học sinh

Theo kết quả khảo sát đối với HS ở bảng 2.2.1: *Nhóm các câu hỏi về ý nghĩa,*

tác dụng của việc tổ chức dạy học bộ môn với di tích LS ở địa phương (phần Phụ lục), chúng tôi có kết quả như sau:

- *Về thái độ của HS đối với bộ môn*: 56.85% các em được hỏi bày tỏ thái độ không yêu thích môn Lịch sử, coi đó là môn học yêu cầu ghi nhớ máy móc, học thuộc lòng các sự kiện, 20.16% cho rằng đây là môn học hấp dẫn nhưng người dạy chưa truyền cảm hứng cho người học do cách dạy học chưa tốt, 16.53% cho rằng đây là môn học hay song cần phải thay đổi nhiều khâu: từ nội dung đến phương pháp và cách thức tổ chức dạy học.

- *Về ý nghĩa, tác dụng của việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương*: HS đều nhận thấy đây là một hình thức có tác dụng trên nhiều mặt, làm thay đổi cách dạy và học, nâng cao hứng thú và hiểu biết cho chính các em: 53.63% cho rằng việc dạy học này giúp tránh được tình trạng "thầy đọc, trò chép" trong lớp học, 25% HS cho rằng tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương giúp các em được hoạt động nhiều hơn, hiểu biết về các di tích và phát triển khả năng quan sát, trí tưởng tượng. 21.37% cho rằng tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương còn là cơ hội để các em hiểu LS dân tộc cũng như LS địa phương mình. HS cũng nhận thức được đây là những dịp mà bản thân có thể được trải nghiệm thực tế nhiều hơn.

- *Về sự cần thiết của việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương*: 50.02% HS được hỏi cho rằng việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương là rất cần thiết, 27.42% chọn phương án: cần thiết, 20.56% chọn phương án: không cần thiết.

Về tần suất tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương mà GV đã thực hiện (phần P.lục, bảng 2.2.2): 57.66% HS được lấy ý kiến cho rằng: GV chưa bao giờ tổ chức dạy học với các tài liệu hay tiến hành tại DTLS ở địa phương, 31.27% khẳng định GV đã từng tổ chức, 8.07%: tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương nhiều lần.

- *Về hình thức tổ chức dạy học* với DTLS ở địa phương: 8.06% HS cho rằng GV đã khai thác tài liệu về DTLS ở địa phương để sử dụng vào bài học trên lớp; 5.24% HS xác nhận GV đã từng tiến hành bài học LS tại các DTLS ở địa phương mình, 29.03% cho rằng GV đã tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương qua hình thức dạy học phần LSĐP. Đa số các em 57.66% cho rằng các GV bộ môn đã tổ chức các hoạt động ngoại khóa với DTLS ở địa phương.

* *Hiểu biết của HS về DTLS ở địa phương* (phần P.lục, bảng 2.2.3): Số HS chọn đánh dấu các DTLS trên địa bàn địa phương còn hạn chế. Đối với câu hỏi, di tích Truông Bồn liên quan đến sự kiện LS nào? 27.42% HS trả lời liên quan đến Xô viết Nghệ Tĩnh, 52.42% HS trả lời liên quan đến sự kiện Mĩ hủy diệt đường chiến lược 15A ngày 31/10/1968, 20.16% HS chọn phương án đúng (liên quan đến sự kiện 72 chiến sĩ Xô viết Nghệ Tĩnh bị hành quyết).

Với câu hỏi: Đền Trung Cần (Nam Đàn) liên quan đến nhân vật nào? 25% HS trả lời phương án (liên quan đến nhân vật Hồ Tùng Mậu), 20.97% trả lời phương án (liên quan đến nhân vật Lê Hồng Sơn), 22.98% trả lời phương án (liên quan đến nhân vật Phạm Hồng Thái), 31.05% trả lời phương án Đúng (liên quan đến nhân vật Tống Tất Thắng).

Khi yêu cầu các em thống kê các DTLS ở địa phương mà em biết, 33.06% không kể tên được DTLS nào, 15.32%: kể tên 2 DTLS ở địa phương, 25%: kể tên 3 DTLS ở địa phương và 26.61% HS có thể kể tên 4 DTLS ở địa phương trở lên. Sau khi nhận được kết quả điều tra này, chúng tôi nhận thấy: Mức độ hiểu biết về các DTLS ở địa phương của HS trên địa bàn tỉnh còn chưa cao. Ngay cả các DTLS cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt phản ảnh những sự kiện tiêu biểu, không chỉ là niềm tự hào của địa phương mà còn của cả nước song HS cũng hiểu biết còn mơ hồ. Vì vậy, chúng tôi thiết nghĩ nhà trường, GV bộ môn cần có trách nhiệm hơn nữa trong việc bồi dưỡng kiến thức về DTLS ở địa phương cho HS. Đó là một phương tiện cũng là một mục tiêu cụ thể trong quá trình dạy học bộ môn.

2.2.4. Nhận xét chung

Qua kết quả điều tra, khảo sát đối với GV và HS, cũng như dựa trên kết quả trao đổi, làm việc với các cơ quan liên quan ở Nghệ An, chúng tôi đã rút ra một số kết luận sau.

- Sở GD và ĐT, các trường THPT ở Nghệ An đã thực hiện tốt công văn, chỉ đạo của Bộ GD và ĐT về việc đưa DTLS vào trường học. GV và HS ý thức rất rõ tầm quan trọng của việc dạy học với DTLS tại địa phương. Và trên thực tế, đã tổ chức các hoạt động dạy học trong giờ nội khóa, đặc biệt các hoạt động ngoại khóa để HS tìm hiểu LS quê hương qua các DTLS. Tuy nhiên, sau khi các phong trào phát động kết thúc với nhiều hoạt động sôi nổi, rầm rộ của một số trường, chúng ta cũng nhận thấy việc tổ chức dạy học bộ môn lại trở về với thực trạng của nó, chỉ

thực hiện nội dung cơ bản theo SGK, chương trình môn học.

- Phần lớn GV và HS đều xác định được vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương. Với số lượng DTLS phong phú tại địa phương, các trường THPT có thể sử dụng, khai thác ở các cấp độ khác nhau. Việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương giúp các em yêu thích bộ môn, hiểu sâu sắc hơn các kiến thức trong chương trình LS dân tộc và hiểu biết về LS địa phương mình. Từ chỗ nâng cao kiến thức, HS sẽ được rèn luyện các năng lực chung và các năng lực chuyên môn; góp phần hình thành và bồi dưỡng phẩm chất, nhân cách của HS.

- Mặc dù nhận thức được ý nghĩa to lớn của việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương, song trên thực tế, số lần HS được học tập bộ môn với các DTLS tại địa phương là rất ít ỏi. Một số GV có tâm huyết đã đưa các tranh ảnh, tài liệu cụ thể về DTLS ở địa phương vào các giờ học LS trên lớp. Các trường THPT cũng đã tổ chức các đợt dã ngoại, tham quan tại các DTLS ở địa phương song số lần tổ chức cũng chưa nhiều. *Một số trường thay vì chọn các điểm đến là di tích LS lại chọn các địa điểm có tính hấp dẫn nhất thời, những cảnh đẹp mới được khám phá... để HS đi tham quan*. Giáo dục thế hệ trẻ - vốn là ưu thế và sở trường của bộ môn chưa được phát huy, DTLS ở địa phương, do đó chưa phát huy vai trò to lớn của nó đối với dạy học LS.

- Hình thức thực hiện chủ yếu thông qua các hoạt động ngoại khóa chung, có sự phối hợp giữa nhiều đoàn thể, cơ quan với nhà trường. Tuy nhiên, sau các hoạt động kỷ niệm đó, trong các giờ học LS, GV hầu như không quan tâm đến việc giúp các em nghiên cứu, tự nghiên cứu, tìm hiểu về DTLS ở địa phương nhằm phát huy năng lực của HS.

- Trong thực tế, HS ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An vẫn chưa nắm vững các sự kiện LS, nhân vật LS tiêu biểu ngay trên quê hương mình. *Ví dụ,* các em không biết các nhân vật LS nổi danh trên vùng đất xứ Nghệ như: Lý Nhật Quang, Nguyễn Biểu, Bạch Liêu, Phạm Kinh Vỹ... Hay các danh nhân liên quan đến các sự kiện gần gũi hơn, hoạt động tích cực trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 như: Lê Viết Thuật, Lê Mao, Nguyễn Trọng Trì, Tôn Thị Quế... Mặc dù không ít đường phố, trường học, địa danh ở đây vinh dự mang tên các nhân vật đó. Vậy nên để HS hiểu và yêu LS đất nước, cần giúp các em biết, hiểu những gì gần

gũi trong cuộc sống thường ngày. Điều này đặt ra vấn đề không chỉ là ý thức được tầm quan trọng của việc đưa tri thức về DTLS vào nhà trường mà quan trọng hơn là phải tìm cách hiện thực hóa nó trong thực tiễn để góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, gắn kết chặt chẽ kiến thức trong sách với thực tiễn sinh động của địa phương. Đó là cơ sở giúp chúng tôi tìm ra các hình thức tổ chức dạy học bộ môn với các DTLS ở địa phương phù hợp ở các chương sau.

* *
*

Như vậy, ở chương 2 của luận án đã đề cập đến các vấn đề chung về mặt lí luận của việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương. Qua đó, tác giả khẳng định vai trò, ý nghĩa cũng như khả năng to lớn của việc tổ chức dạy học LSVN giai đoạn 1919 - 2000 trong chương trình LS lớp 12 (CT chuẩn). Qua việc tiến hành điều tra thực tiễn, chúng tôi cũng nhận thấy nhiều trường THPT ở tỉnh Nghệ An đã khai thác hiệu quả hệ thống DTLS ngay địa bàn sở tại để giáo dục HS. Nhưng vấn đề tổ chức DH bộ môn với DTLS ở địa phương tại các trường này vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế.

Nghệ An là mảnh đất có truyền thống LS - văn hóa lâu đời. Nhiều địa danh, di tích LS tồn tại ở Nghệ An đã minh chứng sự đồng hành cùng dân tộc của mảnh đất địa linh nhân kiệt. Tuy nhiên, trên thực tế, việc giáo dục thế hệ trẻ - nhất là HS tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh thông qua dạy học LS với DTLS ở địa phương chưa đạt kết quả như mong muốn. Từ cơ sở lí luận và thực tiễn nói trên, ở chương 3, chúng tôi nhận thấy cần xác định mức độ kiến thức LSVN ở lớp 12, nội dung lịch sử của các di tích tiêu biểu có thể khai thác phục vụ dạy học bộ môn giai đoạn này cho GV tham khảo. Đồng thời chúng tôi cũng *đề xuất các hình thức tổ chức dạy học LS* mà GV bộ môn cần nắm vững để vận dụng khi tổ chức DH với DTLS ở địa phương cho học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Chương 3
NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ TẠI ĐỊA PHƯƠNG CHO HỌC SINH LỚP 12 Ở NGHỆ AN

Trong chương 3 của luận án, chúng tôi tập trung xác định những *nội dung* LSVN lớp 12 và nội dung DTLS ở địa phương có thể khai thác và đưa ra các *hình thức* tổ chức dạy học môn LS với di tích LS ở địa phương trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Các hình thức tổ chức dạy học với di tích LS ở địa phương bao gồm hoạt động *nội khóa và ngoại khóa*.

3.1. Vị trí, mục tiêu, nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam lớp 12

3.1.1. Vị trí

Trong chương trình lớp 12 THPT (CT chuẩn), môn Lịch sử được học 52 tiết (HK1: 35 tiết, HK2: 17 tiết). Phần LS dân tộc gồm 16 bài, chiếm tỉ trọng lớn trong toàn bộ chương trình LS dân tộc ở bậc THPT. Đây là giai đoạn LS với nhiều biến cố trọng đại như: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời 1930, CM tháng Tám thành công, nước Việt Nam DCCH ra đời 1945, chiến thắng Điện Biên Phủ 1954, Hiệp định Pari được kí kết 1973, nhân dân ta thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chống đế quốc Mĩ. Năm 1975, chính quyền Sài Gòn sụp đổ, hai miền Nam - Bắc sum họp, thống nhất. Từ đó đến nay, non sông thu về một mối, phát triển trong điều kiện hòa bình, thống nhất. Giai đoạn lịch sử này chiếm vị trí quan trọng với nhiều biến cố lớn lao có ý nghĩa thay đổi vận mệnh dân tộc, tác động to lớn đối với giáo dục thế hệ trẻ, trong đó có HS ở các trường THPT.

3.1.2. Mục tiêu

Nội dung LS khóa trình 1919 - 2000 có ý nghĩa quan trọng đối với HS trên các phương diện: hình thành *kiến thức*, rèn luyện *kĩ năng*, định hướng *thái độ* để góp phần phát triển các năng lực chung, năng lực chuyên biệt và các phẩm chất đạo đức đúng đắn.

Việc giảng dạy giai đoạn này giúp HS biết, hiểu các SK chính và đặc điểm của các giai đoạn lịch sử qua đó ***hình thành kiến thức*** LS dân tộc thời kì từ 1919 đến

2000. Năm 1945, CM tháng Tám thành công đã lật nhào ách thống trị của đế quốc - phong kiến. Cuộc kháng chiến chống Pháp diễn ra 9 năm, kết thúc bằng chiến thắng LS Điện Biên Phủ và hiệp định Giơnevơ 1954. Tiếp đến là 21 năm trường kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước, kết thúc bằng việc đánh cho Mĩ cút 1973 với Hiệp định Pari; lật đổ chính quyền Sài Gòn năm 1975 và công cuộc xây dựng đất nước từ 1975 đến 2000. Các khái niệm học sinh cần hiểu ở giai đoạn này như: CMDCTS kiểu mới, CM vô sản, khởi nghĩa, tổng khởi nghĩa, hình thái đấu tranh CM từng phần, từng bộ phận đến toàn phần, tổng khởi nghĩa; chủ nghĩa thực dân kiểu cũ, CN thực dân kiểu mới, chiến tranh đơn phương, CT đặc biệt, Việt Nam hóa chiến tranh v.v... Những kiến thức về LS dân tộc nói trên giúp HS so sánh, đối chiếu để đánh giá sự kiện, hiện tượng LS giai đoạn này.

Về phát triển kĩ năng: học tập khóa trình này giúp HS phát triển các kỹ năng nhận thức nói chung như: khả năng tri giác, tưởng tượng (nghe lời giảng của thầy cô, nghe băng, đĩa, xem video; quan sát tranh ảnh, mô hình, sa bàn; quan sát di tích...). Các em biết đặt sự kiện vào đúng thời điểm lịch sử với các mối quan hệ của nó để phân tích, đánh giá, giải thích khách quan chứ không hiện đại hóa lịch sử. Muốn hiểu sâu một hay nhiều sự kiện, các em phải có kĩ năng tư duy như: phân tích, so sánh, khái quát, tổng hợp; các kĩ năng làm việc với ĐDTQ, tài liệu học tập... Vận dụng PP, kĩ thuật dạy học tích cực trong dạy học giai đoạn này còn giúp các em rèn luyện khả năng tự học, khả năng làm việc nhóm, biết vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống...

Định hướng thái độ, phát triển năng lực: Xuất phát từ các sự kiện LS khách quan, HS có ý thức trân trọng sự hy sinh của các thế hệ cha ông đã hy sinh xương máu vì độc lập, tự do của Tổ quốc cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước. HS được hình thành những *xúc cảm lịch sử* cụ thể, những phản ứng tự nhiên, thái độ rõ ràng đối với một SK hay một nhân vật LS. Trên cơ sở các ý nghĩa đó, dạy học LSVN 1919 - 2000 ở lớp 12 THPT phát triển các năng lực chung, năng lực bộ môn, cũng như bồi dưỡng tư tưởng, phẩm chất đạo đức đúng đắn như: lòng yêu nước, tự hào về truyền thống dân tộc, biết ơn các bậc tiền bối…

3.1.3. Nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam (1919 - 2000) cần khai thác để

tổ chức dạy học với di tích lịch sử ở địa phương

- Giai đoạn 1919 đến 1930

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ 2, làm xã hội Việt Nam có nhiều biến đổi với những giai cấp mới, xu hướng cứu nước mới. Đó là con đường cứu nước CM dân chủ TS (theo xu hướng bạo động và cải cách) nhưng thất bại. Con đường cứu nước vô sản đã được xác lập, với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào mùa xuân năm 1930. Đây là một bước ngoặt LS trọng đại, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng đường lối CM tiến tiến trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở nước ta. Từ đây CM Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. "*Đảng ra đời và lãnh đạo là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt của CM Việt Nam, nhân tố thắng lợi của cách mạng"* [10; 29]. Ở Nghệ An, đây cũng là một giai đoạn LS sôi nổi. Là quê hương của nhiều văn thân, sĩ phu chống Pháp nổi tiếng. Tiêu biểu là Phan Bội Châu với các hoạt động yêu nước theo tư tưởng DCTS theo xu hướng bạo động, là nơi ra đời của đảng Tân Việt và là quê hương của nhiều nhà cách mạng, trong đó có chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Giai đoạn vận động đấu tranh giải phóng dân tộc 1930 -1945

Bằng sự vận dụng linh hoạt lí luận CM vô sản trong điều kiện của một nước thuộc địa, Đảng CSVN đã phát động phong trào cách mạng 1930-1931, cuộc vận động dân chủ 1936 -1939, cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939-1945... - là những cuộc *diễn tập* cho thành công của CM tháng Tám 1945. Với CM tháng Tám, nhân dân ta đã lật nhào ách đô hộ của thực dân Pháp, phát xít Nhật cùng chế độ PK tồn tại hàng ngàn năm, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do trong LS dân tộc.

Trong giai đoạn này, Nghệ An là tỉnh nông nghiệp, vừa là nơi có trung tâm công nghiệp, các nhà máy, đồn điền của thực dân Pháp nên các phong trào cách mạng ở đây phát triển mạnh mẽ, tiêu biểu nhất là sự ra đời của Xô viết Nghệ Tĩnh. Từ năm 1936 -1939, nhân dân Nghệ An đã đấu tranh hưởng ứng phong trào Đông Dương đại hội, đòi dân sinh, dân chủ, đấu tranh trong cuộc bầu cử vào Viện Dân biểu Trung kì (1937). Năm 1941, dưới sự chỉ đạo của Xứ ủy Trung kì và Tỉnh ủy Nghệ An, phong trào đấu tranh chống thực dân, PK diễn ra sôi nổi, tiêu biểu là cuộc

biểu tình của học sinh TP. Vinh ngày 4/1/1941 và cuộc nổi dậy của binh lính Chợ Rạng - Đô Lương (13/1/1941).

Năm 1945, khi Nhật và tay sai rệu rã, chiều ngày 15/8/1945, Ủy ban khởi nghĩa Nghệ - Tĩnh đã ban hành Lệnh khởi nghĩa. Ngày 16/8/1945, nhân dân Thanh Thủy, Thanh Chương đã mở đầu cho phong trào, giành được chính quyền về tay nhân dân. Đến ngày 28/8/1945, cuộc khởi nghĩa, giành chính quyền đã thắng lợi trọn vẹn ở đây, đưa Nghệ An cùng cả nước bước vào thời kì LS mới…

- *Giai đoạn kháng chiến chống Pháp (1945-1954)*

Sau CM tháng Tám, dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng, của Bác Hồ đã đưa đất nước ra khỏi tình thế "ngàn cân treo sợi tóc": giải quyết nạn đói, nạn dốt và khéo léo giữ vững độc lập dân tộc. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta diễn ra trong 9 năm, với đường lối kháng chiến đúng đắn: toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh. Quân và dân ta đã giành nhiều thắng lợi trên các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, ngoại giao... Đặc biệt là trong lĩnh vực quân sự, chúng ta đã giành nhiều thắng lợi quan trọng. Đó là chiến thắng Việt Bắc 1947, chiến thắng Biên giới Thu đông 1950, chiến cuộc Đông xuân 1953- 1954 và đỉnh cao là chiến dịch LS Điện Biên Phủ. Hiệp định Giơnevơ (7/1954) được kí kết, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đây là thắng lợi bước đầu hết sức quan trọng để nhân dân ta tiếp tục chiến đấu ở giai đoạn sau.

Sau CM tháng Tám 1945, ngày 24/2/1946 cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An đã được tổ chức. Nhân dân Nghệ An đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ diệt "giặc đói". Phong trào Hũ gạo tiết kiệm của Nghệ An không chỉ giúp cứu đói tại chỗ mà còn gửi ra ủng hộ đồng bào Miền Bắc (476.562 kg gạo). Để diệt "giặc dốt", tháng 3/1946, toàn tỉnh có 2.200 lớp bình dân học vụ với 7.780 giáo viên và 31.369 học sinh. Thực hiện nhiệm vụ trọng yếu lúc này là đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài, bảo vệ thành quả của CM, Nghệ An đã xây dựng lực lượng vững chắc. Đến cuối 1946, tỉnh có gần 1 vạn bộ đội chủ lực và 10 vạn dân quân tự vệ.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, cùng với các tỉnh bạn, Nghệ An đóng vai trò là hậu phương vững chắc, chi viện sức người, sức của cho chiến trường Bình - Trị - Thiên, chiến trường Lào, chiến trường Bắc Bộ. Là địa bàn thường xuyên bị thực dân Pháp đánh phá bằng máy bay, tàu chiến, biệt kích... nhưng Nghệ

An đã làm tròn nhiệm vụ của mình, góp phần vào chiến thắng chung của dân tộc. Từ năm 1946 đến 1954, Nghệ An huy động hơn 8 vạn thanh niện và bộ đội, hơn 10 vạn dân quân, hơn 1 triệu lượt người đi dân công phục vụ kháng chiến chống Pháp. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, có 3 người con của Nghệ An được phong Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là: Trần Can, Phan Tư (Yên Thành) và Đặng Đình Hồ (Thanh Chương).

- *Giai đoạn chống Mĩ, cứu nước (1954 -1975)*

Sau 1954, miền Bắc xây dựng XHCN, đạt nhiều thành tựu trong xây dựng CNXH qua các kế hoạch 5 năm, là hậu phương lớn của Miền Nam. Miền Nam là tiền tuyến lớn để tiếp tục cùng thực hiện nhiệm vụ chung đấu tranh thống nhất nước nhà. Nhân dân cả nước đã đánh bại các chiến lược quân sự, làm cho Mĩ phải cuốn cờ về nước sau Hiệp định Pari 1973. Ngày 30/04/1975, ta đã lật đổ chính quyền Sài Gòn, thống nhất đất nước, non sông thu về một mối.

Từ 1958 - 1965, nhân dân Nghệ An thu được nhiều thắng lợi trong lao động, sản xuất. Trong điều kiện vừa sản xuất vừa chiến đấu, từ1964 -1968, nhân dân Nghệ An đạt được nhiều kết quả to lớn. Tháng 4/1972, chống lại cuộc chiến tranh đánh phá Miền Bắc lần thứ 2, nhân dân Nghệ An đánh 5.000 trận, bắn rơi 92 chiếc, trong đó có 11 chiếc B52, 1 chiếc F.111A. Nghệ An là tỉnh đứng thứ hai (sau Quảng Bình) về thành tích bắn cháy máy bay và đứng thứ ba (sau Quảng Bình, Thanh Hóa) về thành tích bắn cháy tàu chiến địch ở miền Bắc. Những đóng góp và hi sinh của nhân dân tỉnh Nghệ An đã góp phần làm nên chiến thắng chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn, thống nhất đất nước.

- *Giai đoạn 1975-2000*: Trong giai đoạn này chúng ta tiếp tục hoàn thành việc thống nhất đất nước, tiếp tục đấu tranh bảo vệ Tổ quốc: chiến tranh Biên giới Tây - Nam (1975-1979); chiến tranh Biên giới phía Bắc (1979). Đây cũng là lúc cả nước cùng đi lên CNXH trong một thời kì đầy thử thách. Đại hội Đảng CSVN lần thứ 6 (15-18/12/1986) đánh dấu công cuộc đổi mới của Việt Nam với những thành tựu ngoạn mục. Hiện nay, đất nước phát triển, vị thế trên trường quốc tế ngày càng vững vàng - là minh chứng rõ ràng cho sự đúng đắn trong việc lựa chọn con đường phát triển của dân tộc.

Sau năm 1975, Nghệ An thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm: 1976 -1980,

1981 -1985 với nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, từ những thập niên 80, nền kinh tế có những biểu hiện khủng hoảng. Hưởng ứng công cuộc đổi mới do Đảng ta đề ra, từ 1986, Nghệ An đã hoàn thành nhiều mục tiêu lớn, ổn định về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục... Năm 1991 đến năm 2000, Nghệ An tiếp tục công cuộc đổi mới toàn diện. Từ năm 2001 đến năm 2010, Nghệ An đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo chuyển biến mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực.

Nội dung LS của thời kì 1919 - 2000 của đất nước nói chung, của Nghệ An nói riêng, trải qua nhiều giai đoạn với những đặc điểm khác nhau. Trong đó gần nửa thế kỉ nhân dân ta phải đấu tranh giành và giữ nền độc lập của dân tộc với những mốc son trong lịch sử dân tộc. Làm nên khúc tráng ca đó là sự hi sinh, đổ máu của không biết bao nhiêu thế hệ người Việt Nam, của quân và dân tỉnh Nghệ An. Những nội dung LS này có ý nghĩa giáo dục cao đối với thế hệ trẻ và đối với HS THPT trên địa bàn tỉnh mà chúng ta cần triệt để khai thác.

GV tại các trường THPT ở Nghệ An có thể đưa các nội dung LS địa phương (2 tiết) có quan hệ chặt chẽ với LS dân tộc, trong đó có các DTLS ở địa phương nhằm thực hiện hiệu quả việc giáo dục cho HS trong dạy học bộ môn. Khi tổ chức dạy học LSVN ở lớp 12 với DTLS ở địa phương, GV có thể khai thác theo các hướng:

+ Giảng dạy các sự kiện của LSDT xảy ra trên địa bàn địa phương, ví dụ các sự kiện liên quan đến phong trào CM 1930 - 1931, các sự kiện trong các thời kỳ chiến tranh chống Pháp và chống Mĩ.

+ Giảng dạy các nhân vật có đóng góp lớn trong LS chung của dân tộc, sinh ra và lớn lên trên quê hương Nghệ An như: Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sơn, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Tùng Mậu, Phan Đăng Lưu, Phùng Chí Kiên...

+ Đóng góp của nhân dân địa phương như: nhân dân Nghệ An với phong trào CM 1930 - 1931; nhân dân Nghệ An với cách mạng tháng Tám; nhân dân Nghệ An với kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ; nhân dân Nghệ An với công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước từ 1975 đến nay...

Như vậy, khả năng học tập và giáo dục LS qua việc tổ chức dạy học bộ môn với di tích LS ở địa phương tại Nghệ An là hết sức to lớn. GV cần định hướng và lựa chọn các hình thức tổ chức DHLS phù hợp để mang lại hiệu quả giáo dục cao nhất.

3.2. Các di tích lịch sử ở Nghệ An có thể khai thác để tổ chức dạy học lịch

sử Việt Nam lớp 12 Trung học phổ thông

3.2.1. Yêu cầu của việc tổ chức dạy học lịch sử với di tích LS ở địa phương

- Lựa chọn di tích LS đảm bảo tính khoa học, tiêu biểu

Để phục vụ có hiệu quả công tác dạy học LS giai đoạn này, việc lựa chọn DT phải dựa trên tính khoa học. Điều đó có nghĩa chúng ta phải tiếp cận các nguồn thông tin về DT nói chung, về sự kiện, hiện tượng, nhân vật liên quan một cách khách quan, khoa học về mặt tư liệu, số liệu, về quan điểm đánh giá. GV cần phát huy vai trò định hướng để HS khai thác các nguồn sử liệu liên quan đến DT đã được nhiều nhà khoa học thừa nhận, giúp HS thu thập được những tư liệu chính xác, có thái độ, quan điểm đúng đắn.

Mặt khác, GV cần lựa chọn các DT tiêu biểu, đại diện cho địa phương trong những lĩnh vực khác nhau để khai thác trong quá trình dạy học bộ môn. Đó là những DT liên quan đến các sự kiện LS lớn của dân tộc hoặc của địa phương và có ý nghĩa giáo dục lớn đối với HS THPT.

- Đảm bảo mục tiêu dạy học

Thực tế số tiết dạy học bộ môn ở các trường PT được phân bố trong số lượng thời gian có hạn, GV phải *căn cứ vào mục tiêu dạy học* để lựa chọn DTLS ở địa phương trong khai thác, sử dụng. Tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương cũng nhằm giúp HS hoàn chỉnh kiến thức về LS dân tộc, trên cơ sở đó góp phần định hướng phẩm chất, năng lực cho các em. Ngoài những mục tiêu chung của môn học, chúng còn giúp các em hiểu LS, nơi mình sinh ra và lớn lên. Qua đó củng cố LS dân tộc, hiểu sâu mối quan hệ giữa LSĐP với LSDT. Từ đó phát triển cho HS các kỹ năng học tập bộ môn, đặc biệt là biết vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống, tạo hứng thú cho HS. Việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương cần bồi dưỡng cho HS ý thức văn hóa trong giữ gìn, bảo vệ di sản. Đó cũng là cách để phát triển năng lực HS (bao gồm năng lực chung và năng lực bộ môn) cũng như hình thành phẩm chất đạo đức đúng đắn cho các em.

- Đa dạng hình thức tổ chức dạy học với DTLS ở ĐP

Để tổ chức hiệu quả dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương, *GV cần đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học.* GV cần nắm vững đặc điểm DTLS ở địa phương để lựa chọn hình thức tổ chức phù hợp. Ngoài việc tổ chức hoạt động nội

khóa, GV cần tăng cường các hoạt động ngoại khóa khác với DTLS ở địa phương. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa có sự đầu tư thích đáng, sự phối hợp với nhiều tổ chức cũng như cần có sự chuẩn bị kĩ càng. Tùy vào điều kiện về cơ sở vật chất, địa bàn của nhà trường, đặc điểm của mỗi trường mà GV có thể tổ chức các hoạt động ngoại khóa khác nhau từ đơn giản đến phức tạp. *Ví dụ,* có thể kết hợp dạ hội LS với các trò chơi, đọc sách, kể chuyện; kết hợp hoạt động nội khóa với việc đọc sách, trao đổi, thảo luận của HS...

- *Đa dạng kênh thông tin khai thác về DTLS ở địa phương*

Trong điều kiện học tập ngày nay, HS có thể tiếp cận những kiến thức về DTLS thông qua: các tài liệu hướng dẫn của phòng GD, Sở GD và ĐT ở các địa phương, hồ sơ DT, các tài liệu về DTLS ở địa phương, nhân chứng LS, mạng Internét... Các kênh thông tin về DTLS ở địa phương có thể tiếp cận là: văn bản, hình ảnh, vi deo; tài liệu LS, tài liệu văn học, phim ảnh có liên quan đến DTLS... Đối với mỗi loại tài liệu, GV cần hướng dẫn phương pháp khai thác từng loại tài liệu một cách hiệu quả, đảm bảo tính chính xác với quan điểm đúng đắn.

- *Phải căn cứ đặc điểm DTLS ở ĐP để có phương pháp khai thác phù hợp*

DTLS ở mỗi địa phương có một đặc điểm riêng. Với mật độ dày đặc, các DTLS ở Nghệ An thuộc giai đoạn LS 1919 - 2000 chủ yếu là các di tích LSCM với các DT về sự kiện và DT lưu niệm danh nhân. Mỗi loại DT như vậy, GV cần có biện pháp sư phạm phù hợp. Các DTLS - VH như: đền, đình... song cũng đồng thời là các DTLS cách mạng thì GV và HS chú trọng khai thác giá trị LS cách mạng chứ không tập trung khai thác giá trị văn hóa của chúng. Hay đối với DT nhà lưu niệm các danh nhân, GV cần tập trung ở các điểm như: sưu tầm tranh ảnh, tài liệu về danh nhân - chú ý những sự kiện trọng đại, các bước ngoặt trong cuộc đời và sự nghiệp của nhân vật. HS cần phân tích bối cảnh LS để chỉ ra yêu cầu của LS và đóng góp của nhân vật LS. HS cần tìm các hiện vật còn lại ở DT liên quan đến nhân vật LS...

3.2.2. Khái quát về các di tích lịch sử tiêu biểu ở Nghệ An

Hệ thống DTLS ở địa phương tại Nghệ An để phục vụ dạy học Lịch sử lớp 12 rất phong phú Chúng có những đặc điểm sau:

- Đây là giai đoạn gắn với thời kì LS cận, hiện đại của dân tộc nên các sự kiện,

hiện tượng, nhân vật LS còn tương đối gần gũi với HS.

- Các DT này chủ yếu thuộc loại hình di tích LS cách mạng. Ngay cả những ngôi đền, đình vốn là các DT văn hóa cũng được nhân thêm đặc điểm của DT cách mạng, trở thành các ngôi đình đặc biệt - "*ngôi đình cách mạng*". Các địa điểm này không chỉ gắn với đời sống văn hóa tâm linh của nhân dân địa phương mà đó còn là nơi đặt cơ sở CM, in ấn tài liệu, nơi hội họp của cán bộ, phát động, tuyên truyền quần chúng CM qua các thời kì.

- Số lượng di tích thời kì phong trào 1930-1931 và thời kì kháng chiến chống Mĩ chiếm tỉ lệ tương đối cao. Các di tích thời kì 1945-1954 không nhiều hoặc giá trị chứng tích LS của giai đoạn này được kết hợp trong những DT của thời kì LS khác.

- Sự phân bố các DTLS giai đoạn này trên địa bàn cả tỉnh không đồng đều, tập trung ở các huyện, thị đồng bằng. Miền núi phía Tây Nghệ An là nơi có mật độ DTLS giai đoạn này ít nhất. *Ví dụ*, ở các tỉnh miền núi, chỉ rải rác xuất hiện một số DTLS thời kì 1930-1931 như có DTLS cấp quốc gia - nhà cụ Vi Văn Khang (Môn Sơn, Con Cuông). Hay ở huyện miền núi Tân Kỳ có di tích cột mốc số 0 liên quan đến con đường Hồ Chí Minh huyền thoại trong cuộc kháng chiến chống Mĩ...

- Các DTLS ở Nghệ An giai đoạn này chủ yếu gồm các loại: di tích về sự kiện LS, di tích liên quan đến nhân vật LS, nhà tưởng niệm. Nghệ An là địa bàn có nhiều sự kiện LS dân tộc trọng đại đã diễn ra: như cuộc đấu tranh của công nông trước và sau khi Đảng CSVN ra đời; phong trào đấu tranh giành chính quyền trước CM tháng Tám; chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, xây dựng CNXH ở địa phương. Đây còn là quê hương của nhiều nhà cách mạng nổi tiếng như: Phan Bội Châu, Nguyễn Ái Quốc, Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sơn, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Sỹ Sách, Hồ Tùng Mậu, Phan Đăng Lưu, Phùng Chí Kiên... Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất giàu truyền thống cách mạng, trong những dòng họ nổi danh, các nhân vật LS đã được hun đúc nhiều phẩm chất quý báu. Quê hương tự hào vì đã sản sinh ra những danh nhân và đến lượt mình - những con người đó đã thực sự làm rạng danh mảnh đất quê hương. Thế nên, hệ thống di tích nhà lưu niệm, nhà tưởng niệm ở Nghệ An tương đối nhiều. Đây thực sự là những *địa chỉ đỏ* có thể khai thác để giáo dục HS, đặc biệt là giáo dục tình yêu quê hương, đất nước và truyền thống cách mạng.

3.2.3. Các di tích lịch sử tiêu biểu ở địa phương có thể khai thác trong dạy

học Lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 2000 ở lớp 12, tỉnh Nghệ An

Địa bàn cụ thể (huyện/ thị)	**Tên gọi di tích**	**Phục vụ dạy học nội dung**
Nam Đàn	Di tích lưu niệm nhà Phan Bội Châu, thị trấn Nam Đàn.	Dạy học về phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925.
	Di tích khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Kim Liên.	Có thể dạy học trong cả khóa trình LSVN từ 1919 -2000.
	Nhà thờ họ Từ - cơ sở hoạt động cách mạng của Đảng Xô viết Nghệ Tĩnh thời kỳ 1930 - 1931.	Dạy học về phong trào cách mạng 1930 - 1935.
	Nhà lưu niệm Nguyễn Tiềm.	Dạy học bài 14: Phong trào cách mạng 1930 -1935.
	Đình Đông Viên	- Dạy học bài 14: Phong trào cách mạng 1930 -1935. - Dạy học chương III: Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954
Hưng Nguyên	Nhà thờ họ Phạm, mộ Lê Hồng Sơn, đền Tán Sơn; khu lưu niệm đ/c Lê Hồng Phong.	Dạy học bài 12, mục II: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925.
	Đài tưởng niệm 2/9/1930 ở Thái Lão; nhà ông Hoàng Viện - cơ sở của xứ uỷ Trung kỳ năm 1930 - 1931; đền Xuân Hoà	Dạy học bài 14: Phong trào cách mạng 1930 -1935.
	Đền Rậm	Dạy học về phong trào cách mạng 1930 -1931, kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ.
TP. Vinh	- Ngã ba Bến Thủy: địa điểm đấu tranh của công nông ngày 1/5/1930, nhà thờ họ Uông (trong làng đỏ Lộc Đa), Hưng Lộc; cụm DT làng Đỏ - Hưng Dũng; Cồn Mô; nhà thờ họ Hoàng, đền Trìa, Hưng Lộc.	Dạy học về phong trào cách mạng 1930 -1931
	Nhà máy điện Vinh.	Dạy học về kháng chiến chống Mĩ cứu nước
Nghi Lộc	Đền Phượng Cương, đình Chợ Xâm, đền Chính Vị	Dạy học về phong trào cách mạng 1930 -1931
Diễn Châu	Đình Long Ân	Dạy học về phong trào cách mạng

		1930 -1931, về cách mạng tháng Tám ở Nghệ An.
	Khu lưu niệm đồng chí Phùng Chí Kiên	Dạy học về kháng chiến chống Pháp
Quỳnh Lưu	Đình Quỳnh Đôi, đình Tám Mái, đền Thượng	Dạy học về phong trào cách mạng 1930 -1931, về cách mạng tháng Tám ở Nghệ An.
	Nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu	Dạy học về kháng chiến chống Pháp
	Hang Hỏa tiễn và nghĩa trang liệt sĩ đường sắt	Dạy học về kháng chiến chống Mĩ
Yên Thành	Trường cấp I xã Vĩnh Thành	Dạy học về kháng chiến chống Mĩ
	Địa điểm lịch sử nơi xử bắn 72 chiến sĩ Xô Viết Nghệ Tĩnh, đình Liên Trì, nhà thờ họ Phan Mạc, nhà Lưu niệm Phan Đăng Lưu, đình Sừng, đền Cả	Dạy học về phong trào cách mạng 1930 -1931, về cách mạng tháng Tám ở Nghệ An, về kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ.
Thanh Chương	Nhà thờ họ Nguyễn Duy - nơi tỉnh uỷ Nghệ An chỉ huy phong trào XVNT năm 1930 -1931; đình Võ Liệt - trụ sở của Xô viết trong phong trào XVNT năm 1930 - 1931; nhà thờ họ Nguyễn Sĩ; đền Hai Hầu	Dạy học về phong trào cách mạng 1930 -1931, về cách mạng tháng Tám ở Nghệ An, về kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ.
Đô Lương	Đình Lương Sơn, Đình Phú Nhuận và nhà thờ họ Hoàng Trần, Nhà Thờ họ Thái Đắc	Dạy học về phong trào cách mạng 1930 -1931
	Di tích Truông Bồn	Dạy học về kháng chiến chống Mĩ, cứu nước
Con Cuông	Hiệu Yên Xuân - trụ sở của những người yêu nước Hưng Nghiệp hội xã từ năm 1922 -1926 và cơ sở của đảng những năm 1929 -1930	Dạy học về phong trào cách mạng 1930 -1931
Tân Kỳ	Cột mốc số 0	Dạy học về kháng chiến chống Mĩ, cứu nước

3.2.4. Nội dung cơ bản của một số di tích lịch sử tiêu biểu ở địa phương có thể sử dụng trong dạy học lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 2000 cho học sinh lớp 12 tại Nghệ An (Xem P.Lục 15)

3.3. Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam lớp 12 với di tích lịch

sử ở địa phương

3.3.1. Hoạt động nội khóa

3.3.1.1. Tiến hành bài học lịch sử ở trên lớp

Bài học nội khóa là hình thức cơ bản, bắt buộc, giữ vị trí chủ đạo ở các trường PT. Trong các bài học LS nội khóa trên lớp, loại *bài nghiên cứu kiến thức mới* là yếu tố chủ đạo. Để dạy học với DTLS ở địa phương trong bài học nội khóa trên lớp, GV có thể lựa chọn các sự kiện, nhân vật LS của địa phương được phản ánh trong CT, SGK.

Bài học nội khóa trên lớp là sự thống nhất chặt chẽ giữa hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS. GV đóng vai trò là người chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động nhận thức của HS. HS đóng vai trò chủ đạo, tự điều khiển hoạt động nhận thức của bản thân mình. GV cần giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập của mình, tạo hứng thú cho các em nghiên cứu các vấn đề có tính thực tiễn. Một trong những cách để giúp HS gắn kết lý thuyết với thực tiễn là GV tích cực tổ chức hoạt động học với các DTLS ở địa phương. Với sự nỗ lực sưu tầm tài liệu các DTLS (của cả GV và HS), kết hợp với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, GV có thể tạo cho HS cơ hội khám phá "*nghiên cứu di tích lịch sử khi vẫn ngồi trong lớp học*" [129; 6].

Đưa tài liệu DTLS vào bài học lịch sử ở trên lớp làm cho kiến thức sách vở gần với cuộc sống thực. Chúng *"cho phép dẫn dắt HS từ những cái gần gũi, dễ hiểu đối với những sự kiện được quan sát trực tiếp đến những kết luận sâu sắc và những khái quát của khoa học lịch sử, nghĩa là cho phép tổ chức quá trình nhận thức thành con đường tự nhiên nhất"* [121; 291].

Ví dụ, trong Chương I/Bài 12: *Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925,* phần II, mục 1: *Hoạt động của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và một số người Việt Nam sống ở nước ngoài*, GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu thêm (Trong chương trình giảm tải, mục này thuộc phần đọc thêm). Nội dung phần này đề cập đến sự kiện chí sĩ Phan Bội Châu bị địch bắt giam năm 1913 và sự kiện Phạm Hồng Thái ném bom ở Sa Diện 1924. Hai nhân vật LS nói trên là những người con xứ Nghệ, hiện có các DT, nhà tưởng niệm để lưu danh những nhân vật này. Đó là DT nhà cụ Phan Bội Châu tại thị trấn Nam Đàn và nhà thờ họ Phạm ở Hưng Nhân, Hưng Nguyên, Nghệ An. Nên khi GV dạy LSVN từ 1919 - 1925 cho HS lớp 12 THPT, có thể sử dụng các tài liệu về DT này để cụ thể hóa kiến thức

hoặc liên hệ trong nội dung bài.

Ở chương IV/Bài 22: *Nhân dân hai miền Nam - Bắc trực tiếp chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa sản xuất vừa chiến đấu (1965 - 1973)*, phần II, mục 1: *Mĩ tiến hành chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc,* GV có thể sử dụng các DT để tổ chức hoạt động nhận thức cho HS như: hang Hỏa tiễn và nghĩa trang liệt sỹ đường sắt - tại Hoàng Mai, Quỳnh Lưu, Nghệ An; di tích Truông Bồn - Mĩ Sơn, Đô Lương - nơi ghi dấu chiến công và sự hy sinh của 13 chiến sĩ TNXP ngày 31/10/1968.

Việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương trong bài học LSDT ở trên lớp cần chú ý:

+ Không phải lúc nào cũng có thể đưa thêm kiến thức về DTLS ở địa phương được. Sử dụng tài liệu địa phương rất cần thiết song cần ngắn gọn vì: "*...nó chỉ đóng một vai trò hỗ trợ khi minh họa những sự kiện cơ bản của lịch sử toàn quốc dựa trên tài liệu lịch sử địa phương*" [121; 285].

+ GV phải khéo léo tìm được mối liên hệ giữa kiến thức LSDT và LSĐP mới có thể tổ chức dạy học LS với DT ở địa phương được.

Do vậy, GV cần suy nghĩ và tận dụng những thời điểm có thể để gắn DTLS ở địa phương với bài học trên lớp, giúp HS nhận thức được mối liên hệ khăng khít giữa LSDT và LSĐP, giúp các em am hiểu những vấn đề về con người, sự kiện LS xung quanh mình.

Ngoài ra, theo phân phối chương trình môn Lịch sử lớp 12, thời lượng dành cho LSĐP là 2 tiết. Nội dung của bài học LSĐP có thể do GV tự biên soạn hoặc sử dụng tài liệu đã được Sở GD & ĐT ban hành, phù hợp với CT, SGK, đặc điểm tâm lý, nhận thức của HS. Một số chủ đề GV có thể tập trung lựa chọn để làm nội dung bài LSĐP trên lớp như: các nhân vật ở địa phương tiêu biểu từ năm 1919 đến 2000, các sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn địa phương. Các bài học LSĐP ở trên lớp cần có nội dung gắn bó chặt chẽ, bỗ trợ cho LS dân tộc, chứ không phải là những vấn đề mang tính chuyên sử.

3.3.1.2. Tổ chức tham quan học tập tại di tích lịch sử ở địa phương

Tham quan học tập (tiếng Latinh là *một cuộc đi*) là một hình thức tổ chức DH nội khóa. Chúng giúp HS thoát ly khỏi các bức tường của lớp học: "*Cần phải từ bỏ ý nghĩ cho rằng, đối với một trường tốt, trước hết cần có những phương*

pháp tốt trong những bức tường của lớp học'' [71; 4]. Theo quan điểm của các nhà Giáo dục học, tham quan là để trực tiếp cảm nhận cái đẹp, với những giá trị trọn vẹn của cuộc sống xung quanh. Điểm khác biệt trong hình thức học tập này là *đối tượng của hoạt động nhận thức*. Đó chính là hiện thực trực tiếp - là cuộc sống, di tích, vật thực của LS...

Là một hình thức của hoạt động nội khóa, theo quy định của chương trình. "*...nội dung chủ yếu của buổi tham quan là nhằm củng cố kiến thức đã học hoặc chuẩn bị cho việc học bài mới*" [14; 68]. Chúng phải đảm bảo yêu cầu như: mục tiêu, kế hoạch cụ thể, rõ ràng, chuẩn bị chu đáo, lựa chọn các DT gần gũi nhất có liên quan đến bài học. Điều này tùy thuộc vào địa phương đó có những DTLS tiêu biểu nào có thể khai thác. Cùng phục vụ nội dung của một bài, một chương, nhưng ở mỗi địa phương cụ thể, GV có thể lựa chọn các DTLS khác nhau.

Nó giúp HS mở rộng kiến thức, làm giàu kiến thức thực tế trên cơ sở các em được trực tiếp quan sát, trải nghiệm. Những quan sát trực quan dấu vết, các hiện vật giúp khôi phục những gì đã xảy ra kết hợp với trí tưởng tượng của HS là cơ sở quan trọng để phục dựng bức tranh của quá khứ, từ đó rèn luyện năng lực, bồi dưỡng phẩm chất tốt đẹp cho HS.

Tổ chức tham quan học tập với DTLS ở địa phương cũng có những khó khăn nhất định. Các hiện vật, dấu vết của DTLS bao giờ cũng chỉ là một *mảnh ghép* của quá khứ bị thay đổi, biến dạng qua thời gian nên khi nghiên cứu cần phát hiện những giá trị ẩn chứa của chúng. Muốn hiểu được ngôn ngữ của các DTLS ở địa phương, trong quá trình tổ chức tham quan học tập, GV cần phát huy tối đa tính tích cực, chủ động của người học và có biện pháp SP thích hợp.

Tham quan học tập tại DTLS ở địa phương được tổ chức linh hoạt về thời gian, không gian, giúp HS tham gia tích cực, có tinh thần trách nhiệm, có hành động cụ thể. Qua đó HS biểu hiện được xúc cảm, trách nhiệm, xác định vấn đề, tìm ra giải pháp vì sự phát triển của quê hương.

Đến tận nơi, chứng kiến tận mắt, HS sẽ thấy háo hức, được truyền cảm hứng từ sự hiển hiện có thật của LS. Các em sẽ quan sát, tư duy, liên hệ kiến thức và từ đó bồi dưỡng tình yêu quê hương. Tại các DT, HS sẽ quan sát nhiều hiện vật gốc: "*là những vật chứng chắc chắn nhất, là chứng nhân sinh động và đích thực của*

LS... vì chúng mang rõ những dáng dấp, bộ mặt lịch sử của từng thời đại" [60; 74].

Việc tham quan học tập tại DTLS ở địa phương được thực hiện trong 2 trường hợp:

Một là tiến hành để chuẩn bị cho bài NCKT mới ở trên lớp. *Ví dụ,* để chuẩn bị dạy bài 16 *Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 -1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời*, ở mỗi huyện, xã, thành phố trên địa bàn tỉnh có thể lựa chọn DTLS để tổ chức tham quan học tập cho HS. Tại các lớp 12, trường THPT ở Yên Thành, GV có thể cho HS tham quan một trong các DT: Đình Sừng ở Lăng Thành. Tại ngôi đình cổ này, ngày 12/8/1945, quần chúng nhân dân đã tập trung để tổ chức cướp chính quyền từ tay phong kiến, là nơi tổ chức các cuộc vận động lớn: Tuần lễ Vàng, tuần lễ vũ khí, công phiếu kháng chiến, công phiếu quốc gia, là trường học và là kho thóc phục vụ cho kháng chiến chống Pháp sau này. Hay tại nhà thờ Phan Mạc ở Hoa Thành, Yên Thành, vào tháng 8/1945 là địa điểm tập trung hội viên nông hội, tự vệ đi cướp chính quyền. Trong kháng chiến chống Pháp, nhà thờ là trụ sở chỉ huy của đại đội Cù Chính Lan thuộc sư đoàn 304... Việc tổ chức tham quan học tập tại DTLS này để chuẩn bị học tập kiến thức mới giúp HS hiểu những sự kiện trong CM tháng Tám và việc đóng góp xây dựng chính quyền cách mạng non trẻ của nhân dân ở đây. HS hiểu được cách mạng đã diễn ra vào thời gian nào với hình thức khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền của quần chúng nhân dân. HS sẽ hiểu được cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, thấy được tính chất, bài học và ý nghĩa trọng đại của sự kiện LS lớn lao này. HS cũng được rèn luyện các kĩ năng học tập bộ môn như: hoạt động nhóm, thực hành với DT, di sản... Đây là cơ sở quan trọng cho việc bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, thái độ khâm phục sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam và sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân. Việc tổ chức tham quan học tập trước khi dạy bài mới là dịp để HS hiểu sâu sắc hơn các kiến thức LS dân tộc sẽ học.

Hai là nhằm mục đích củng cố kiến thức sau khi học xong một bài, một giai đoạn, một chương. *Ví dụ*, sau khi học bài 12: *Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925,* bài 13: *Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930,* HS có thể tổ chức tham quan học tập tại DT nhà lưu niệm

Phan Bội Châu, nhà thờ họ Phạm - nhà thờ họ của liệt sĩ Phạm Hồng Thái (hy sinh 1924), mộ Lê Hồng Sơn (hy sinh năm 1933), đền Tán Sơn ở Xuân Hòa, Nam Đàn.

Hoặc sau khi học xong chương II, bài 16: *Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939-1945). Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời*, có thể tổ chức tham quan học tập tại:

+ Khu lưu niệm đồng chí Phùng Chí Kiên ở Diễn Yên, Diễn Châu. Năm 1941 đồng chí được phân công chỉ đạo khởi nghĩa Bắc Sơn. Khi địch khủng bố, đồng chí đã bị bắt và anh dũng hy sinh.

+ Đền Thượng ở Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Lưu. Đây là nơi gắn với cuộc đấu tranh thời kì 1930-1931. Là nơi tổ chức nhiều cuộc hội nghị bí mật nhằm phục hồi chi bộ Đảng của làng và Huyện ủy Quỳnh Lưu trong những năm 1933-1945, nơi thành lập các tổ chức như: Tự vệ đỏ, Nông hội đỏ và thành lập Mặt trận Việt Minh của làng nhằm chuẩn bị lực lượng tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

+ Nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu ở Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu. Ông là người có công lớn từ những ngày đầu thành lập Đảng. Trong kháng chiến chống Pháp, Hồ Chủ tịch đích thân giao nhiệm vụ cho hai cán bộ dày dạn kinh nghiệm Lê Thiết Hùng và Hồ Tùng Mậu lãnh đạo quân sự và chính trị trên địa bàn xung yếu Chiến khu IV. Đồng chí giữ chức Tổng thanh tra Chính phủ năm 1949. Năm 1951, trên đường đi công tác, đồng chí hy sinh tại Còng (Thanh Hóa) vì bị thực dân Pháp ném bom.

Như vậy, tùy vào vị trí của trường kết hợp với DTLS ở ngay địa bàn, mà GV có thể tổ chức tham quan ở nhiều địa điểm khác nhau một cách linh hoạt.

3.3.1.3. Tổ chức bài học lịch sử dân tộc và lịch sử địa phương tại di tích lịch sử

Trong tình hình dạy học bộ môn hiện nay, việc tiến hành bài học LS tại DTLS gặp rất nhiều khó khăn. Song đây là loại bài thể hiện đặc trưng môn học, có ý nghĩa, tác dụng to lớn đối với HS nên trong những điều kiện có thể, các trường, các tổ bộ môn cần sắp xếp việc dạy học LS tại địa điểm, nơi nó đã từng diễn ra. Vì không có gì có thể thay thế được cảm nhận trực tiếp của HS với những cảm xúc rất đặc biệt: bồi hồi, xúc động, "chạm vào quá khứ"... khi HS được xuống trực tiếp tại các DTLS. Nếu tổ chức được thì đây là những tiết học bổ ích, vượt qua sự gò bó của

phòng học nên "*giáo viên phải cố gắng thực hiện trong điều kiện cho phép*" [75; 144]. Tại DTLS ở địa phương, GV có thể tiến hành bài học LSDT và bài học LSĐP.

**** Bài học lịch sử dân tộc tại di tích ở Nghệ An***

Bài học LSDT được tiến hành ngay tại DTLS có giá trị đặc biệt song do những khó khăn khi tổ chức mà số lượng bài học này không nhiều. Ví dụ, dạy chương II/Bài 14: Phong trào cách mạng 1930 - 1935, phần II, gồm hai mục: mục1: *Phong trào cách mạng 1930 - 1931*; mục 2: *Xô viết Nghệ Tĩnh*, tùy địa bàn từng huyện mà GV có thể tiến hành dạy học ngay tại DTLS ở đây. Hoặc tại các trường THPT ở Thanh Chương, GV có thể tiến hành bài học ngay tại đình Võ Liệt - nơi diễn ra nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân địa phương trong phong trào. Tại Yên Thành, bài học có thể được tiến hành tại di tích Tràng Kè - nơi 72 chiến sĩ Xô viết bị xử bắn. Tại Con Cuông có thể tổ chức bài học này tại di tích nhà cụ Vi Văn Khang. Tại Hưng Nguyên, bài học có thể được tổ chức tại di tích đài tưởng niệm 12/09...

Đối với bài 22: *Nhân dân hai miền trực tiếp chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965-1973),* GV có thể tổ chức học LSVN tại các di tích: Địa điểm cột mốc số 0 (di tích LS quốc gia đặc biệt); địa điểm nhà máy điện Vinh, Trung Đô, TP Vinh; địa điểm lưu niệm các thanh niên xung phong đơn vị C271 hy sinh ở Hoàng Mai ngày 28/4/1966 gồm: hang Hỏa tiễn và nghĩa trang liệt sĩ đường sắt; di tích Truông Bồn, Mỹ Sơn, Đô Lương, nơi ghi dấu chiến công oanh liệt và sự hy sinh của các chiến sĩ TNXP ngày 31/10/1968...

Việc tổ chức bài học LSDT tại DTLS ở địa phương đòi hỏi có sự nghiên cứu kĩ, công phu. GV vừa phải đảm bảo nội dung bài học theo khung chương trình chung đồng thời phải nghiên cứu các tư liệu LSĐP giai đoạn này và các tài liệu về DT LS địa phương có liên quan.

****Bài học lịch sử địa phương tại di tích lịch sử ở Nghệ An***

Bài học LSĐP tại các trường THPT tỉnh Nghệ An được dạy theo các chuyên đề. Sở GD và ĐT Nghệ An đã biên soạn tài liệu "*Một số chuyên đề lịch sử địa phương Nghệ An*" dành cho cấp THPT do NXB ĐHQG, HN, 2015 với quy định: khối 10 dạy 01 tiết LSĐP, nội dung ở chuyên đề 1, khối lớp 11 dạy 01 tiết LSĐP, nội dung ở chuyên đề 2 và các lớp khối 12 dạy 02 tiết LSĐP (*chuyên đề 3*: Lịch sử Nghệ An qua các di tích tiêu biểu).

So với bài học LSDT nội khóa, bài học LSĐP được tiến hành tại DTLS có

nội dung phong phú hơn, có nhiều lựa chọn hơn với nhiều chủ đề khác nhau. *Ví dụ,* GV có thể chọn các giai đoạn LS khác nhau để tổ chức bài học LSĐP tại DTLS như: nhân dân Nghệ An với phong trào cách mạng 1930 -1931; đóng góp của nhân dân Nghệ An trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ; đóng góp của thanh niên xung phong Nghệ An trong hai cuộc kháng chiến; đóng góp của nhân dân Nghệ An trong công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc. Chủ đề của bài học LSĐP tại di tích cũng có thể liên quan đến vai trò, đóng góp của các nhân vật LS cụ thể hay truyền thống của mỗi địa phương. *Ví dụ,* vai trò của Phan Bội Châu đối với CM Việt Nam tại nhà lưu niệm mang tên ông ở Nam Đàn; vai trò của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam khi tổ chức bài học tại di tích Kim Liên; đóng góp của các nhân vật như: Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sơn, Phạm Hồng Thái, Phùng Chí Kiên, Hồ Tùng Mậu, Phan Đăng Lưu, Lê Mao, Nguyễn Tiềm... đối với sự nghiệp CM của nhân dân ta.

Điểm khác biệt giữa bài LSDT và bài LSĐP tại di tích LS đó là: Nội dung, chủ đề của bài học LSĐP rộng, phong phú hơn; có tính linh hoạt tùy theo đặc điểm của mỗi trường; không bó buộc về thời điểm diễn ra bài học; khả năng tự khai thác tư liệu của HS cũng nhiều hơn...

Từ những DT ở địa phương, HS sẽ nhận ra thông điệp cụ thể của quá khứ: điều gì đã diễn ra, nhân dân địa phương đã đóng góp như thế nào trong tiến trình LS chung. Tài liệu về DTLS ở địa phương chính là sự cụ thể hóa kiến thức chung của LS dân tộc, giúp các em dễ dàng hiểu các vấn đề khái quát, trừu tượng của môn học để HS hiểu sâu sắc kiến thức. Ngoài ra các em hiểu những kiến thức về di sản nói chung, di tích LS nói riêng. Tổ chức bài học tại DTLS ở địa phương giúp HS rèn luyện các kĩ năng như: sưu tầm tài liệu, phỏng vấn, làm hồ sơ, làm việc nhóm, quay phim, chụp ảnh... Trên cơ sở đó, giúp HS hình thành thái độ tích cực: yêu quê hương, trân trọng những giá trị LS, văn hóa của các DT... Như vậy, việc tổ chức hiệu quả bài học LSĐP tại DTLS ở đây tiếp tục góp phần phát triển năng lực và bồi dưỡng phẩm chất cho HS.

Để tổ chức bài học LS tại di tích (bài LSDT và LSĐP), GV cần thực hiện các công việc như: nghiên cứu kĩ chương trình, SGK để tìm những bài học nào có thể tiến hành giảng dạy tại DTLS ở địa phương, lựa chọn các DTLS ở địa phương tiêu biểu nhất và có khoảng cách địa lý thuận tiện nhất đối với HS để tiến hành giảng

dạy sự kiện nói trên. GV phải đến DTLS để khảo sát, thực hiện công tác điền dã, tìm hiểu vị trí, địa điểm, đường đến DT; lịch sử của DT, những tài liệu hiện vật của DT có thể khai thác được. GV soạn giáo án chi tiết cho bài học tại DTLS ở địa phương, trong đó chú ý hoạt động của các cá nhân, nhóm HS nhằm tương tác với GV. GV cần yêu cầu HS tương tác, chú ý năng lực tự học: yêu cầu HS tìm hiểu về sự kiện LS liên quan, nghiên cứu tài liệu, tranh ảnh, sơ đồ DTLS, biết miêu tả khái quát di tích LS: quá trình xây dựng, bố cục, hiện vật tiêu biểu.., và đánh giá về ý nghĩa của sự kiện LS, khái quát ý nghĩa của DTLS.

* Khi tổ chức bài học LSĐP tại DT, giáo viên cần chú ý:

a. Xác định đúng mục tiêu

Đây là công việc chuẩn bị đầu tiên, quan trọng, giúp định hướng toàn bộ quá trình SP của bài học. Dạy học LS tại các DT không phải là một cuộc dạo chơi, một cuộc pic-nic mà nó phải thực hiện các mục tiêu của mình. Qua việc dạy học tại DT, các em sẽ hình thành, củng cố được những kiến thức LS gì? Các em được rèn luyện thêm kĩ năng nào và định hướng thái độ gì? Từ đó hình thành các năng lực và phẩm chất cụ thể nào? Trả lời được các câu hỏi đó trước khi tiến hành bài học giúp GV tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu chung của bộ môn.

b. Chuẩn bị bài học một cách chu đáo

Bài học LSĐP tại các DTLS ở địa phương được tiến hành trong điều kiện đặc biệt, với rất nhiều yếu tố chi phối. Chúng diễn ra ngoài trời, HS cần di chuyển một khoảng cách nhất định, không gian ở đó không bó hẹp như các phòng học... Bên cạnh những lợi ích mà loại bài này mang lại thì có nhiều khó khăn đặt ra cho GV khi tổ chức chúng. Vì vậy, khâu chuẩn bị bài học có thể coi là yếu tố quan trọng hàng đầu. GV cần cân nhắc cẩn trọng vì nó liên quan đến nhiều vấn đề: thời tiết, tài chính, độ an toàn của HS...

Về phía GV: GV phải chủ động, lên kế hoạch, cân nhắc một cách cẩn trọng các vấn đề. GV cần lựa chọn những *nội dung* LSĐP phù hợp để tiến hành dạy học tại đây. Giáo viên cần *biên soạn nội dung bài học*. Đây là cơ sở quan trọng cho việc thành công của bài học LSĐP tại thực địa. GV phải tham khảo các tài liệu LS địa phương liên quan, các hồ sơ di tích, tư liệu thu thập sau các đợt điền dã. Ví dụ, để dạy bài LSĐP tại Truông Bồn, GV cần tham khảo Hồ sơ di tích Truông Bồn, tài liệu Lịch sử Nghệ An, phần viết về kháng chiến chống Mĩ, các mẩu chuyện về gương

chiến đấu hy sinh của các anh chị TNXP ở đây.

GV cần lên kế hoạch, xin chỉ đạo của nhà trường, dự kiến thời gian, đi tiền trạm, soạn GA, chuẩn bị 01 xe ô tô, dự trù kinh phí... Trong quá trình liên hệ với BQL khu di tích, GV cần tranh thủ sự giúp đỡ của họ về tư liệu, phương tiện dạy học. GV cần có hồ sơ khu DT và bản mô tả cấu tạo khu DT cùng các tài liệu khác, bản đồ về vị trí địa lý của Truông Bồn và con đường chiến lược 15A... Trước khi tiến hành khoảng 2 tuần, GV phổ biến cho HS kế hoạch, yêu cầu của bài học. HS cần có nhiệm vụ tìm hiểu trước về khu DT, cần điền vào phiếu học tập (xem P.lục 7) và cần hoàn thành các báo cáo cá nhân (hoặc nhóm) sau khi tiến hành. Sát ngày diễn ra buổi học, GV liên hệ với BQL khu DT để kiểm tra toàn diện để bài học diễn ra đúng dự kiến.

Về phía HS: GV cần thông báo cho gia đình HS về kế hoạch, thời gian cụ thể của bài học.

c. Vận dụng linh hoạt khâu ổn định lớp và dẫn dắt HS để khởi động quá trình học tập

Việc ổn định HS được thực hiện không chỉ đầu giờ mà cần duy trì suốt thời gian tiến hành bài học. Sau khi di chuyển từ địa điểm tập trung của nhà trường, GV tập trung HS trong khuôn viên của DT, nhắc lại một lần nữa về quy định của buổi học.

GV và HS thực hiện lễ dâng hương, thể hiện sự thành kính, tri ân đối với các liệt sĩ. Sau đó GV thực hiện khâu *dẫn dắt vào bài của bài học tại DTLS ở địa phương*. Đối với bài học tại DTLS, GV không kiểm tra bài cũ mà thay vào đó là những hoạt động khác nhằm hấp dẫn HS, tạo cho các em sự hưng phấn, tò mò trước khi bài học diễn ra. Ở đây, chúng tôi tạo tình huống có vấn đề nhằm lôi cuốn HS và định hướng kiến thức cơ bản cần lĩnh hội cho các em kết hợp việc sử dụng tài liệu văn học nhằm tác động mạnh mẽ vào tình cảm HS. Đối với bài học trên, GV xây dựng THNVĐ như sau: "*Nơi các em đang đứng đây, Truông Bồn huyền thoại, cách đây tròn 50 năm là địa bàn bị bắn phá ác liệt trong chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ. Ngày cuối cùng của tháng 10 năm đó, chỉ 1 ngày sau đó (01/11/1968 Mĩ tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc), các anh chị TNXP nơi đây đã anh dũng hy sinh. Máu của các chị, các anh hòa lẫn với đất Truông Bồn. Hôm nay, cô trò chúng ta chung cảm xúc của nhà thơ* Hoàng Bạch Nga:

"...Mỗi khi qua lại Truông Bồn

Tôi lại thắt lòng trước những hố bom...
...Truông Bồn ngày cuối nát tan
Đất loang máu đỏ
Rừng loang khói vàng
Mười ba anh chị không còn
Thịt xương rải khắp Truông Bồn... xót xa...".

Và giờ đây, chúng ta sẽ cùng trở về quá khứ, tìm hiểu xem cuộc chiến đấu của TNXP, của quân, dân ta ngày ấy diễn ra như thế nào? Cuộc chiến đấu ấy có ý nghĩa ra sao đối với mảnh đất Nghệ An và lich sử dân tộc?". Sau đó, GV giới thiệu khái quát về sự ra đời của khu DT, giúp HS hiểu được quá trình xây dựng và được đầu tư tôn tạo DT cũng như ý nghĩa của nó. Năm 1996, nhà nước công nhận Truông Bồn là DTLS cấp quốc gia. Năm 2010 là thời điểm bắt đầu diễn ra quá trình trùng tu, tôn tạo quy mô lớn. Năm 2015, 21 hạng mục của DT được khánh thành. Việc giới thiệu khái quát về DT giúp HS hiểu được tầm quan trọng, ý nghĩa của DT.

d. Sử dụng đồ dùng trực quan kết hợp với hiện vật, chứng tích ở di tích LS và việc trình bày xúc cảm

DTLS là nơi chứa đựng các phương tiện trực quan vô giá như các chứng tích, các hiện vật, địa hình thực... Chúng có thể khiến cho HS say mê, thích thú và tò mò. Khi dạy về những công việc hàng ngày của TNXP tại Truông Bồn, GV có thể cho các em xem thêm các bức ảnh: *Thanh niên xung phong Truông Bồn san lấp hố bom - 1968, Đại đội 317 Thanh niên xung phong vót cọc tiêu dẫn xe qua Truông Bồn (1968)*... Hoặc khi quan sát ngôi mộ chung - nơi tưởng niệm chiến sĩ đã hy sinh, GV kết hợp cho các em xem ảnh của các TNXP, quan sát một số kỉ vật... kết hợp các *câu hỏi gợi mở* giúp HS hiểu sự kiện, hiện tượng LS. Các hiện vật, chứng tích tại DT có giá trị đặc biệt song nó chưa thể khôi phục đầy đủ bức tranh của quá khứ. Do một số yếu tố về thời gian, ý thức bảo quản, điều kiện bảo quản... mà không ít các hiện vật bị hư hại. Do đó, để cụ thể hóa các SKLS, GV cần bổ sung các ĐDTQ tạo hình hoặc qui ước khác.

Trong quá trình tiến hành bài học tại DTLS ở địa phương, một yếu tố góp phần tạo nên sự thành công của bài học là ngôn ngữ truyền cảm của GV. Lời nói được "*nung nóng*" bằng xúc cảm của con người nên có sức truyền cảm, lan tỏa đặc biệt. Các di vật, hiện vật, chứng tích... tại DTLS ở địa phương dù có phong phú bao

nhiêu, song đó là những "phiên bản im lặng" của LS. "*Người thầy với ngôn ngữ và phong cách sư phạm của mình sẽ làm cho những "phiên bản" ấy của lịch sử sống lại*" [53; 57]. Nếu GV kết hợp lời nói với các thao tác SP nhuần nhuyễn, phù hợp sẽ giúp nâng cao hiệu quả giáo dục của BH tại DTLS ở địa phương. "*Ở đây là sự cộng hưởng, hòa quyện chặt chẽ giữa ngôn ngữ và các động tác của người thầy, nhằm lột tả được bản chất của sự kiện, khơi dậy sức sống của sự kiện*" [53; 59]. Trong điều kiện dạy học mới, với đối tượng là học sinh THPT, GV cần yêu cầu HS tự nghiên cứu, thuyết trình, phản biện, trao đổi. Ở đây, chúng tôi lựa chọn dạy học dự án để tổ chức bài học. GV đóng vai trò thiết kế, hướng dẫn, khái quát vấn đề. Vai trò thuyết minh, đóng vai của HS đóng vai trò chủ đạo. GV cần chú ý rèn luyện khả năng diễn đạt bằng lời cho HS. Qua đó, các thông điệp LS được truyền đi, sự tự tin, khả năng thể hiện bản thân của HS cũng được nâng lên.

Như vậy, việc khai thác lợi thế ĐDTQ (có sẵn tại DT và do GV cung cấp) cùng với lời nói sinh động, giàu hình ảnh kết hợp yêu cầu HS thuyết trình, trao đổi, đàm thoại sẽ giúp bài học LS tại DTLS ở địa phương đảm bảo tốt mối quan hệ giữa GV và HS, giúp các em hình thành kiến thức và phát huy tích tích cực của mình. Đó là cơ sở để bồi đắp thái độ, tình cảm tích cực cho HS.

đ. Kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học để phát huy tính tích cực của học sinh

Phát huy tính tích cực của HS là yêu cầu, mục tiêu và là điều kiện để diễn ra các hoạt động dạy học với DTLS ở địa phương. Việc học tập đạt kết quả tốt khi bản thân HS tích cực và chủ động tham gia vào quá trình dạy học. Tính *tích cực* nhận thức là trạng thái hoạt động của HS, đặc trưng bởi khát vọng học tập, cố gắng trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình nắm vững kiến thức. Còn tính *chủ động* gắn liền với động cơ học tập, là phức hợp của các yếu tố như: mục tiêu học tập, nhu cầu học tập, nhận thức và niềm tin, hứng thú... Khi tổ chức dạy học bộ môn tại DTLS ở địa phương, GV cần ưu tiên và kết hợp các PP dạy học giúp HS phát huy tối đa tính chủ động, tích cực, sáng tạo của mình. Với đặc điểm tâm sinh lý, nhận thức của HS lớp 12 THPT, ở đây chúng tôi đã áp dụng *DH dự án để tổ chức bài nội khóa LSĐP tại di tích LS ở địa phương* nhằm tích cực hóa hoạt động của HS. Đây là cách thức DH, trong đó người học phải thực hiện một dự án - thực chất là một tình huống, một

nhiệm vụ học tập dựa trên năng lực có sẵn của mình, dựa trên các khả năng về lý thuyết và thực hành sẵn có. "*Học theo dự án (project work) là hoạt động học tập nhằm tạo cơ hội cho HS tổng hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực học tập và áp dụng một cách sáng tạo vào thực tế cuộc sống* [30; 125]. DH dự án ưu tiên giải quyết các vấn đề mở, gắn với thực tiễn cuộc sống. HS *chủ động* tìm vấn đề, xác định mục tiêu, lập kế hoạch, đưa ra cách giải quyết vấn đề, thực hiện, tự đánh giá, điều chỉnh và tạo ra các sản phẩm để có thể báo cáo, thuyết trình. Nó đòi hỏi cá nhân nỗ lực cao kết hợp hoạt động nhóm - nhằm mang lại sản phẩm của cả nhóm.

Các bước của bài học này là: Lập kế hoạch, xác định chủ đề, giao nhiệm vụ (các tiểu chủ đề) cho các nhóm làm trong tiết sinh hoạt lớp. HS cần nghiên cứu tài liệu về DT trước khi bài học diễn ra, các em cần làm việc nhóm, hoàn thành các tiểu dự án theo sự phân công cụ thể. Các bước tiếp theo tiếp tục được tiến hành trong các khâu tổ chức hoạt động dạy học tại DT.

HS cần đảm bảo sức khỏe, các tư trang cần thiết (giày, dép, mũ...), các dụng cụ: ba lô, bút, vở... Các em cũng có thể sử dụng điện thoại, máy ảnh, máy quay... phục vụ cho buổi học tại DT. HS cần tập trung đầy đủ, đúng giờ theo quy định của GV.

Tổ chức bài học LSĐP tại DTLS thông qua DH dự án yêu cầu HS phải tự trình bày sản phẩm của mình, phải có kĩ năng phản biện, tranh luận để bảo vệ chính kiến của mình.

Ở đây, GV không phải là "*cầm tay chỉ việc*" cho HS của mình mà họ cần gợi mở, giúp HS phát hiện ý tưởng về một dự án liên quan đến DTLS ở địa phương. Từ đó HS tự lựa chọn các DTLS ở địa phương tiêu biểu nào cần nghiên cứu, xác định các nhiệm vụ cụ thể, tự tổ chức, tự giải quyết nhiệm vụ. Như vậy, GV không còn giữ vai trò chủ đạo trong quá trình dạy học mà trở thành người hướng dẫn, người giúp đỡ HS, tạo môi trường thuận lợi nhất cho các em trên con đường thực hiện dự án với các DTLS ở địa phương. *Ở đây chúng tôi vận dụng DH dự án để tổ chức bài học nội khóa LSĐP tại DTLS*, gồm một số bước:

- *Bước 1: Lập kế hoạch*

GV có thể sử dụng một tiết sinh hoạt lớp để hướng dẫn HS lập kế hoạch cho việc tổ chức bài học. GV cần nêu chủ đề, dự án, định hướng mục tiêu hoạt động

"*Xuất phát từ nội dung học, GV đưa ra một chủ đề với những gợi ý hấp dẫn, kích thích người học tham gia thực hiện*" [30; 125]. Bước này tạo động cơ, sức thu hút đặc biệt đối với HS nếu GV đồng hành và khơi gợi vấn đề cùng các em. Lựa chọn vấn đề cần đảm bảo: tính khả thi, tính thiết thực, gợi sự tò mò và hứng thú cho HS... "*Khi bắt đầu dự án, HS sẽ có xu hướng khám phá. Nhu cầu để lựa chọn một chủ đề, câu hỏi hay vấn đề nghiên cứu tạo ra sự gợi mở. Sự gợi mở này sẽ khiến hoạt động học tập trở nên khó đoán trước, vốn là một đặc trưng cơ bản của việc dạy học theo dự án*" [30; 125].

Ví dụ, tại các trường THPT ở Nghệ An, trước khi tổ chức bài LSĐP tại DT, GV chọn thời điểm thích hợp ở trên lớp, định hướng vấn đề: "Với chủ đề*: Truông Bồn - dấu ấn huyền thoại của quân dân Nghệ An trong kháng chiến chống Mỹ", các em mong muốn tìm hiểu những gì?"* HS nêu ý tưởng, GV lắng nghe, khéo léo dẫn dắt để hình thành các tiểu dự án sau:

1. *Tìm hiểu truyền thống đấu tranh của nhân dân Mĩ Sơn, Đô Lương, về vị trí chiến lược của Truông Bồn, của con đường chiến lược 15 A trong kháng chiến chống Mĩ.*

2. Đế quốc Mĩ đã hủy diệt Truông Bồn như thế nào? Những công việc của TNXP ở Truông Bồn?

3. Tường thuật về cuộc chiến đấu dũng cảm của các thanh niên xung phong ở Truông Bồn ngày 31/10/1968.

4. Khái quát về kiến trúc, các hạng mục chính của Truông Bồn cũng như giá trị LS, văn hóa của khu DT, đề xuất các giải pháp phát huy, lan tỏa giá trị của khu DT.

Các nhóm HS phân công trưởng nhóm, thư ký và thảo luận, lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của tiểu dự án. Trong đó xác định nội dung vấn đề nghiên cứu cụ thể là gì, công việc cần làm, dự kiến thời gian, kinh phí, phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi thành viên, sử dụng phương tiện gì, sản phẩm cần đạt...

Việc hướng dẫn HS giải quyết vấn đề trong việc dạy học theo các tiểu dự án giúp HS làm quen với quy trình nghiên cứu. Về nội dung, HS có thể xây dựng sơ đồ tư duy để xác định các vấn đề cụ thể, mối liên hệ giữa các nội dung cần tìm hiểu. Muốn vậy, cần tập hợp ý kiến, tìm ra những ý tưởng chung, hợp lý, xây dựng mô hình, các vấn đề nhỏ tương ứng, xác định nhiệm vụ cụ thể. HS có thể tìm hiểu các vấn đề như sau:

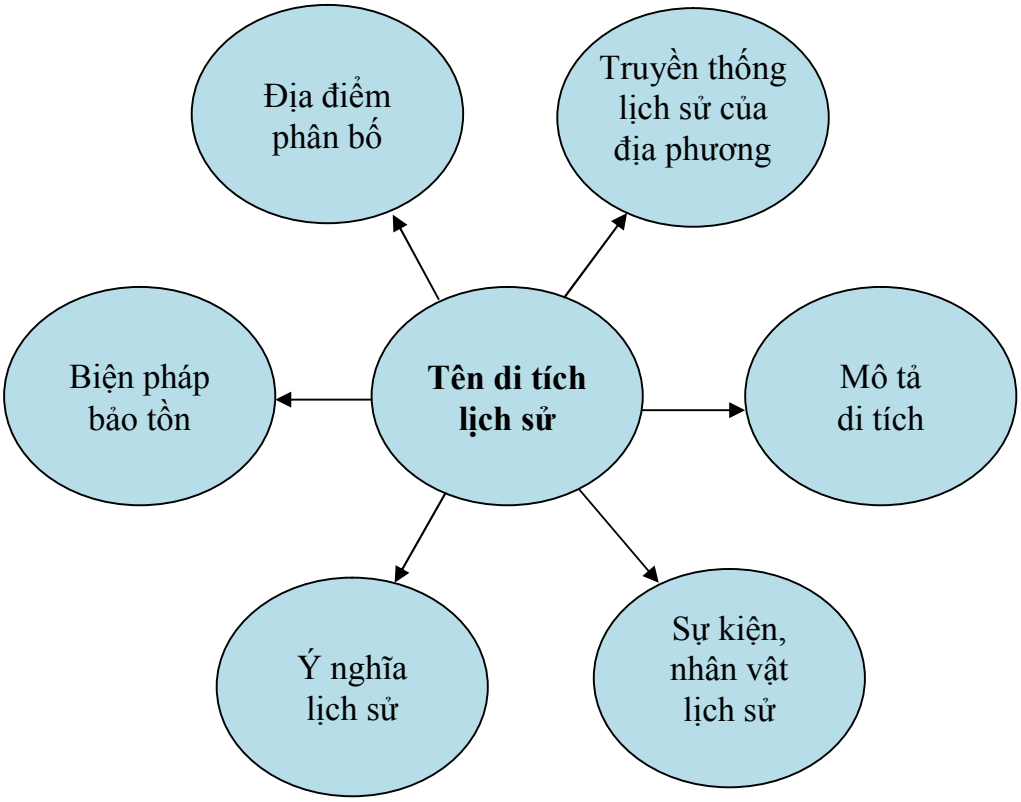

Sau khi đã thống nhất kế hoạch cụ thể, các nhóm cần cử đại diện trình bày trước GV và cả lớp kế hoạch của mình, tiếp tục xin ý kiến tập thể và nếu hợp lý thì thảo luận để điều chỉnh. Sau đó, dưới sự chỉ đạo của GV, sẽ cho ra bản kế hoạch thực hiện dự án của cả lớp.

* *Bước 2*: *Thực hiện dự án*

- Tìm kiếm dữ liệu, thu thập thông tin: việc thu thập thông tin được các cá nhân, các nhóm thực hiện theo sự phân công của dự án. Các em có thể thu thập thông tin một cách trực tiếp như: đến DT, phỏng vấn nhân chứng LS... Hoặc có thể thông qua cách gián tiếp từ sách, báo, tài liệu, tài liệu trên mạng Internet...

- Xử lí thông tin: thông tin cả nhóm thu thập được phải được xử lý một cách khéo léo, gọn gàng trên cơ sở quan điểm LS cụ thể, khách quan, khoa học. Ví dụ, khi tìm hiểu về các DTLS, chúng ta cần tìm hiểu một cách chân thực sự kiện LS gắn liền với các di tích, từ đó xác định giá trị LS của chúng.

* *Bước 3*: *Tổng hợp báo cáo kết quả*

Sau khi xử lý thông tin, các nhóm trình bày kết quả nghiên cứu của mình thành các sản phẩm. Đó là thành quả của các thành viên trong nhóm trong việc giải quyết nhiệm vụ chung. Nó có thể được trình bày dưới nhiều dạng như: báo cáo, thuyết

trình, trưng bày triển lãm, mô hình, các màn biểu diễn, trình chiếu power-point..

Kết quả nghiên cứu cần được nhóm trình bày trước tập thể lớp, trước thầy cô giáo. Tùy vào sự phân công mà các thành viên có vai trò khác nhau trong phần trình bày kết quả này. "*Sản phẩm của dự án có thể được trình bày trong lớp, có thể được giới thiệu trước toàn trường hay ngoài xã hội"* [30; 138]. Ví dụ, sau khi tìm hiểu về các hiện vật ở Truông Bồn, ngoài các tranh ảnh về DT, nhân vật và sự kiện liên quan, HS cần trình bày các nội dung cụ thể, khái quát, giúp hình dung được giá trị của DTLS đó.

e. Kết thúc bài học linh hoạt, sáng tạo

Được tiến hành trong điều kiện ngoài trời, với không gian rộng mở, sau khi dạy xong nội dung bài học tại DTLS, GV có thể suy nghĩ cách kết thúc bài học linh hoạt, sáng tạo, đem lại hiệu quả cao. Bài học tại DTLS là bài nội khóa, chúng ta có thể áp dụng cho bài LS dân tộc hoặc bài LS địa phương. Đây là dịp để GV giúp HS củng cố, bồi dưỡng thêm kiến thức LS chung của đất nước cũng như hiểu thêm về mảnh đất quê hương của các em.

Sau khi GV tổ chức các hoạt động tại DTLS ở địa phương cho các em nắm vững nội dung bài học, GV có thể áp dụng nhiều biện pháp khác nhau để kết thúc bài học. Việc này dựa trên cơ sở khai thác ưu thế của giờ học tại thực địa, tại DTLS kết hợp khả năng sáng tạo của GV. GV có thể kết hợp với các hoạt động ngoại khóa dễ tổ chức như dành một số thời gian cuối buổi học cho HS chơi các trò chơi. Có nhiều dạng trò chơi LS giúp các em củng cố kiến thức vừa thỏa mãn nhu cầu vui chơi sau giờ học. GV cũng có thể kết thúc bài học bằng cách cho các em đi tham quan nhà lưu niệm của DT, các DT lân cận, chăm sóc cho các DTLS... Nhìn chung hoạt động này tương đối linh hoạt, tùy điều kiện thời gian, sự bố trí của các DT, chủ ý sư phạm của GV. Việc kết thúc bài học như thế giúp HS không cảm thấy nhàm chán, giải phóng năng lượng, cảm xúc, gắn những vấn đề vừa học với một hành động thực tiễn. Và như vậy, chúng giúp HS hình thành không chỉ kiến thức, kĩ năng mà cả những thái độ, hành vi tích cực đối với một loại di sản đặc biệt của địa phương.

+ Nếu GV tổ chức bài học theo dạy học dự án thì kết thúc bài học GV tổ chức cho các nhóm đánh giá việc thực hiện dự án. GV cần kết hợp việc đánh giá của mình với việc HS tự đánh giá lẫn nhau để tạo sự khách quan, đa dạng kênh đánh giá. Kết thúc bài học, GV nhận xét ưu, nhược điểm của các tiểu dự án, xếp loại các

nhóm và trao phần thưởng để khích lệ tinh thần học hỏi của các em.

f. Chú ý năng lực tự học sau bài học

Bài học tại DTLS ở địa phương kết thúc với dư âm tốt đẹp, nhưng muốn củng cố vững chắc kết quả đó thì GV cần lưu ý đến tổ chức việc tự học, tự nghiên cứu sau bài học. GV có thể yêu cầu các em hoàn thiện các phiếu học tập (xem P. Lục 8), điền vào phiếu theo mẫu KWHL để tiếp tục suy nghĩ về vấn đề của bài học. Nếu tổ chức bài học theo dạy học dự án, thì GV giao nhiệm vụ cho các cá nhân và nhóm tiếp tục hoàn thiện báo cáo của mình để GV đánh giá, cho điểm.

3.3.2. Hoạt động ngoại khóa

Việc tổ chức hoạt động ngoại khóa với các DTLS ở địa phương giúp HS hiểu sâu sắc những vấn đề LS mà HS đã được học nên chúng có tác dụng tác dụng hỗ trợ đắc lực cho bài học nội khóa, nhằm thực hiện mục tiêu chung. Đó là: "*Công tác ngoại khóa mở ra những khả năng rộng lớn để tái tạo quá khứ trong việc miêu tả và trong hoạt động (kịch, trò chơi...*" [8; 303]. Tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương tạo: "*khả năng đáp ứng tiếp tục phát triển hơn nữa những hứng thú nhận thức cá nhân và cả những năng khiếu của HS trong lĩnh vực lịch sử*" [121; 304].

Một số hình thức ngoại khóa với di tích LS ở địa phương

Trong thực tế dạy học bộ môn, việc tiến hành hoạt động ngoại khóa không phải được tiến hành thường xuyên. Vì chúng đòi hỏi sự chuẩn bị kĩ lưỡng, có thời gian, kinh phí tổ chức, thực hiện... *Thế nên*, trong khuôn khổ của luận án, chúng tôi chỉ tập trung một số hoạt động ngoại khóa cơ bản có thể thực hiện với di tích LS ở địa phương tại các trường THPT tỉnh Nghệ An. Đó là các hình thức:

3.3.2.1. Trải nghiệm tại di tích lịch sử ở địa phương

Việc dạy học với DTLS trong hoạt động ngoại khóa có thể được diễn ra ngoài thiên nhiên theo chu trình học tập kiểu "*kinh nghiệm - hành động*". Chu trình này được UNESCO đưa ra dựa trên quy luật: cái mới được hình thành và phát triển dựa trên những kiến thức, kinh nghiệm có sẵn của HS. HS sẽ làm giàu kinh nghiệm sống của mình qua chuỗi: nhu cầu → tư duy → hành động → đánh giá.

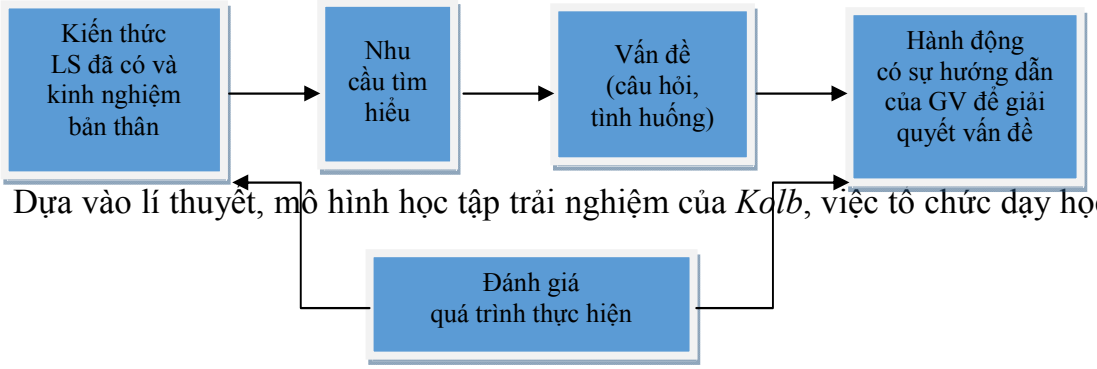

Dựa vào lí thuyết, mô hình học tập trải nghiệm của *Kolb*, việc tổ chức dạy học

với các DTLS ở địa phương cũng cần thông qua các hoạt động trải nghiệm. Chúng là những hoạt động tập thể, ngoài giờ lên lớp giúp HS hình thành những phẩm chất, năng lực cụ thể. Hoạt trải nghiệm không những chỉ dựa vào kinh nghiệm thực tế mà còn chú trọng mặt xúc cảm, ý chí cùng các trạng thái tâm lý khác nhau của các em.

Hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp trong học tập môn lịch sử chính là tham quan ngoại khóa. Hoạt động này hỗ trợ, bổ sung cho bài học nội khóa. Chúng có tác dụng trong việc hình thành kiến thức LS cho HS. HS đến với di tích, chứng kiến trực tiếp địa bàn diễn ra sự kiện, các hiện vật... giúp cụ thể hóa các SK, nhân vật, hiện tượng LS. Theo *Thomas Armstrong*, việc HS trực tiếp tri giác tài liệu khi HS tham quan các DT là một dạng "trí tuệ đặc biệt". "*Nhờ được "xem tận mắt"(một thấy bằng mười nghe) các mô hình cụ thể của các dạng trí tuệ khác nhau như vậy nên học sinh nắm bắt được khái niệm đa trí tuệ hơn ngồi trong lớp nghe giảng suông"* [2; 56].

Qua đó, phát triển khả năng tri giác và tưởng tượng LS để hiểu các sự kiện liên quan đến các DT mà mình đến tham quan. Nếu GV khéo léo tổ chức, tham quan ngoại khóa với DTLS ở địa phương giúp HS có những trải nghiệm thú vị, giúp "*chạm*" vào quá khứ, "*hóa thân*" vào LS trên cơ sở phát triển tư duy, khả năng giải quyết vấn đề và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Chúng hình thành một số năng lực như: hoạt động và tổ chức hoạt động; năng lực tự nhận thức và tích cực hóa bản thân; định hướng nghề nghiệp; khám phá và sáng tạo...

Việc tổ chức trải nghiệm tại DTLS ở địa phương còn hình thành thái độ, tình cảm tích cực cho HS; góp phần tạo những chuyển biến trong hành vi của học sinh. Trên cơ sở những thông điệp toát lên từ DTLS, các em sẽ biết phân biệt cái tốt, cái xấu, biết khâm phục những gương hi sinh dũng cảm, biết giá trị của đấu tranh cách mạng, biết trân trọng những giá trị lịch sử.

**** Tiến trình của hoạt động trải nghiệm tại DTLS ở địa phương***

+ Chuẩn bị: đây là khâu quyết định sự thành công của hoạt động TNST. Thứ nhất, GV cần xác định rõ mục tiêu của hoạt động TN tại DTLS ở địa phương. Buổi trải nghiệm cần hình thành những kiến thức, năng lực, phẩm chất gì? Nếu không, HS chỉ quan sát qua loa, biến hoạt động này thành một cuộc đi chơi. Nên GV cần xác định rõ mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ để qua đó phát triển năng lực và bồi dưỡng phẩm chất cho HS. GV cần có sự chuẩn bị hết sức chu đáo, vì nó diễn ra ngoài phạm vi lớp học, nhà trường. Đặc biệt, HS lại hiếu động nên GV phải tính

toán, chuẩn bị các tình huống để đảm bảo hoạt động TN tại DTLS ở địa phương đạt kết quả tốt trên cơ sở an toàn, hào hứng của HS.

Thứ hai, GV cần đến trước thực hiện công tác khảo sát, tiền trạm. GV phải cân nhắc đường đi ngắn nhất, các phương án đi lại, những điểm nghỉ ngơi... thuận lợi, an toàn cho HS.

Thứ ba, GV cần tìm hiểu kĩ các hiện vật tại DTLS có thể giới thiệu cho HS trong hoạt động TN. Các hiện vật ở các DTLS rất phong phú nhưng GV cần lựa chọn những hiện vật có giá trị, phục vụ đắc lực cho việc giáo dục HS trong hoạt động TN. Nếu những nội dung nào cần các chuyên gia hoặc hướng dẫn viên giới thiệu, GV cũng cần bàn bạc, trao đổi cụ thể với họ để thực hiện đúng kế hoạch sư phạm của mình. Nếu không các HDV có thể lôi cuốn HS vào những điều kì thú nhưng lại xa với mục tiêu của hoạt động TN.

Thứ tư, GV quán triệt công tác chuẩn bị đối với HS. Các em phải biết trước địa điểm DTLS nào được tổ chức hoạt động TN. HS cần tìm hiểu DTLS ở mức độ nào, các em cũng cần chuẩn bị các đồ dùng học tập như: bút, vở ghi chép, có thể chuẩn bị các máy ghi âm, chụp ảnh, quay phim... Trước ngày tổ chức hoạt động TN, GV cần tổ chức để lớp thảo luận về công tác kỉ luật, đảm bảo quân số, về an toàn, y tế, hiệu lệnh chung...

- Ngay trước khi lên đường đến di tích, GV tập hợp cả lớp, GV sử dụng các câu hỏi để xem các em đã hiểu nhiệm vụ của mình. Cần đặc biệt lưu ý các em "*...đây không phải là một cuộc dạo chơi*" mà là một hoạt động trải nghiệm phục vụ học tập.

Hoạt động TN với DTLS ở địa phương cần có sự chuẩn bị công phu, kĩ lưỡng từ cả nhiều phía, nhất là công tác chuẩn bị của GV và HS. GV cần chuẩn bị về nội dung, kể cả trong trường hợp GV không hướng dẫn. Trong kế hoạch sư phạm của mình, GV phải hoạch định cụ thể các hoạt động của HS và đảm bảo tính kỉ luật của hoạt động này.

Thứ năm, GV cần phát huy tối đa tính tích cực, độc lập của HS trong các buổi trải nghiệm tại DTLS ở địa phương. Trong quá trình đó, HS tích cực quan sát, trao đổi, thảo luận. Sau khi kết thúc, có thể cho "*HS xây dựng các mô hình, các bản mẫu, phản ánh các di tích LS, các vật dụng sinh hoạt, các loại vũ khí...*" [8; 309]. HS xây dựng các bộ sưu tập, tổ chức góc lịch sử, bảo tàng.

GV hoặc người hướng dẫn tại DTLS cần hướng dẫn cho HS thấy "*ngôn ngữ của các vật thể"* vì*"nhận thức quá khứ LS thông qua việc tri giác trực tiếp và tư duy tích cực các di tích và các vật thể quá khứ...*" [8; 335].

Trong dạy học LS lớp 12 ở trường THPT tại Nghệ An, tùy điều kiện của mỗi trường, GV có thể tổ chức hoạt động TN tại các DTLS ở gần địa bàn trường đóng. GV chú ý chọn các DT tiêu biểu, có tác động, ý nghĩa nhất đối với việc giáo dục HS.

Chúng tôi đã tiến hành hoạt động trải nghiệm tại khu DT Kim Liên cho học sinh tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An giúp khắc sâu, hiểu sâu hơn về chủ tịch Hồ Chí Minh, một trong những biểu tượng nhân vật chung có tính xuyên suốt khóa trình. Việc tổ chức trải nghiệm tại DTLS Kim Liên có ý nghĩa quan trọng. Đây là quê hương của lãnh tụ Hồ Chí Minh, người con ưu tú của dân tộc, người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc, giải phóng dân tộc khỏi xiềng xích đế quốc, phong kiến.

Thực nghiệm sư phạm được giáo viên ở 3 trường gồm: THPT Lê Viết Thuật, PT Dân tộc Nội trú THPT số 2 Nghệ An (gồm 5 lớp 12 A1, A2, A3, A4, C1), trường THPT Thanh Chương 1 (gồm các lớp: 12 C2, A3, A2, B4).

Tại trường THPT Lê Viết Thuật, chúng tôi ủy nhiệm cho cô giáo Hứa Thị Hoa Mai tổ chức hoạt động TN cho học sinh của các lớp: 12 A3, 12A6.

* Về phía GV: Ngay khi học kì I bắt đầu, GV đã lập kế hoạch năm học, trong đó đưa việc tổ chức hoạt động TN tại DT với những dự trù cụ thể về mọi mặt: thời gian, kinh phí, phối hợp với các đoàn thể... để Ban giám hiệu nhà trường phê duyệt.

+ Dự trù kinh phí: nguồn kinh phí từ nhà trường và hội phụ huynh đóng góp. GV dự trù tương đối chính xác kinh phí các khoản: vé vào khu DT, nước uống, đồ ăn nhẹ... GV cũng cần chuẩn bị một cơ số thuốc đề phòng HS đau ốm đột xuất (nguồn thuốc từ y tế của nhà trường hoặc mua bổ sung).

+ Công tác tiền trạm: Trước khi hoạt động trải nghiệm chính thức diễn ra, GV liên hệ trực tiếp với BQLDT, nêu yêu cầu từ phía nhà trường để được phối hợp, giúp đỡ.

GV cũng phải nắm rõ về khu DT trên thực tế, nghiên cứu kĩ tài liệu, các hiện vật... Có như vậy, việc hướng dẫn, tổ chức, mới truyền cảm hứng cho HS.

- Trước buổi trải nghiệm từ 1- 2 ngày:

+ GV tập hợp HS, phổ biến cho HS kế hoạch chi tiết của buổi trải nghiệm, các yêu cầu về đồng phục, chuẩn bị tư trang cá nhân, đặc biệt lưu ý kỉ luật, các em phải đảm bảo trật tự, không được rời đoàn, giám sát lẫn nhau (có thể chia các đội, tổ nhỏ để HS tự quản lý). GV cũng nêu các yêu cầu cần đạt sau khi buổi trải nghiệm kết thúc, chú ý các vấn đề, bài tập thu hoạch cần hoàn thiện...

+ Chia nhóm để các em chuẩn bị các câu hỏi, các hoạt động.

- Phổ biến trước để HS chuẩn bị. HS cần biết nội dung, mục tiêu của buổi trải nghiệm. Nhằm phát huy tối đa năng lực của HS, GV chia lớp thành các nhóm để tìm hiểu, nghiên cứu về nội dung trải nghiệm. Ở đây, mỗi lớp được cô Hứa Hoa Mai chia thành 03 nhóm, với các nhiệm vụ cụ thể:

+ *Nhóm 1: Tìm hiểu về vị trí địa lý của khu di tích, tìm hiểu truyền thống lịch sử, văn hóa của vùng đất Nam Đàn nói chung, Kim Liên nói riêng.*

+ *Nhóm 2: Tìm hiểu về di tích, các hiện vật ở quê ngoại Bác Hồ.*

+ *Nhóm 3: Tìm hiểu về di tích, các hiện vật ở quê nội Bác Hồ.*

GV lưu ý: mỗi HS, mỗi nhóm có vấn đề gì thắc mắc, cần ghi chép lại để cùng trao đổi sau khi tiến hành buổi trải nghiệm.

- GV gặp gỡ hướng dẫn viên khu di tích Kim Liên, ở đây, GV bộ môn đã trao đổi kế hoạch sư phạm của buổi trải nghiệm với hướng dẫn viên Dương Thị Bích Thủy (sinh năm 1975, người đã có 20 năm kinh nghiệm hướng dẫn tại khu di tích), để cùng thống nhất cách thức tổ chức, tiến hành. Điểm mới của buổi trải nghiệm là việc thuyết trình tại khu di tích không còn là công việc của hướng dẫn viên. Mà hướng dẫn viên đóng vai trò là nhà cố vấn, hướng dẫn khái quát, còn người thuyết trình, báo cáo từng phần là các nhóm học sinh.

GV cũng cần yêu cầu về bài thu hoạch, điền phiếu học tập cho HS. GV nêu số trang viết tối thiểu, đảm bảo kiến thức cơ bản, rõ ràng, có ý kiến của cá nhân; có thể trình bày kết hợp hình ảnh minh họa qua phần mềm power - point, các mô hình, bức vẽ...

* Về phía HS:

+ Ôn tập lại các kiến thức đã học liên quan đến di tích

+ Chuẩn bị máy ghi âm, chụp ảnh (nếu có), bút, giấy...

+ Hoàn thiện các phần tìm hiểu của nhóm mình.

+ Phân công các nhóm theo sở thích, tìm hiểu các vấn đề được theo sự phân

công của nhóm trưởng, chuẩn bị cho bài báo cáo tại di tích Kim Liên.

+ Vào đúng ngày, giờ theo kế hoạch đã xác định, GV tập hợp HS theo tại địa điểm xác định để chuẩn bị buổi hướng dẫn viên.

* *Tiến trình buổi trải nghiệm tại di tích Kim Liên (Nam Đàn)* (xem P.lục 13)

Sau khi tổ chức thành công, chúng tôi sử dụng các câu hỏi nhanh, đa số các em đều thích thú, hứng khởi với hoạt động trải nghiệm tại DT Kim Liên. Các em hiểu hơn về cuộc đời, con người, nhân cách Hồ Chí Minh, thêm yêu mảnh đất quê hương mình. Kiểm tra kết quả học tập sau hoạt động trải nghiệm cho thấy HS rất xúc động, hào hứng, phấn khởi, nhớ lâu kiến thức. Chúng tôi tổng hợp ở bảng sau:

Bảng 3.1. Tổng hợp kết quả học tập của lớp thực nghiệm và đối chứng

Lớp *(sĩ số HS)*	***Kết quả thực nghiệm (tỉ lệ%)***			
	Giỏi *(9-10 điểm)*	***Khá*** *(7-8 điểm)*	***Trung bình*** *(5-6 điểm)*	***Yếu*** *(< 5 điểm)*
Thực nghiệm *(210 HS)*	58 *(27,6%)*	95 *(45,2%)*	52 *(24,8%)*	5 *(2,4%)*
Đối chứng *(216 HS)*	46 *(21,3%)*	82 *(38%)*	59 *(27,3%)*	29 *(13,4%)*

Như vậy, tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoại khóa với DTLS ở địa phương chính là: "*...cơ hội để các em bộc lộ khả năng độc lập, củng cố những kiến thức đã học được từ các môn học, tìm hiểu các vấn đề trong thực tiễn có liên quan, nối liền kiến thức trong bài học với thực tiễn, vận dụng các kiến thức đã có trong việc nhận ra và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn"* [112;5]. Đây là một hình thức thiết thực, bổ ích và có tính khả thi cao mà GV cần chú ý khai thác trong quá trình dạy học phần LS dân tộc 1919 - 2000 ở lớp 12 tại các trường THPT tỉnh Nghệ An.

3.3.2.2. Tổ chức dạ hội lịch sử về di tích lịch sử ở địa phương

"*Dạ hội là một hoạt động ngoại khóa có tính chất tổng hợp, thu hút tất cả học sinh trong lớp, trường tham dự*" [77; 281]. Sử dụng các nguồn tư liệu về DTLS ở địa phương để tổ chức dạ hội LS (có thể kết hợp triễn lãm, trưng bày kết quả học tập) là hình thức phù hợp nhất trong dạy học bộ môn với DTLS.

Tổ chức dạ hội với DTLS ở địa phương giúp HS tiếp tục *hình thành và củng cố, mở rộng kiến thức*, bởi vì hoạt động này không chỉ giúp HS tái hiện, hiểu sâu

sắc các sự kiện LS tiêu biểu diễn ra ngay trên địa phương, quê hương mình mà dạ hội LS là sự tổng hòa của nhiều yếu tố: các nội dung LS, văn hóa, ca nhạc, vũ đạo; các trang trí nghệ thuật... cho nên có tác dụng làm phong phú kiến thức ở nhiều lĩnh vực cho các em. Đây còn là dịp các năng khiếu, sở trường diễn xuất, nghệ thuật của các em được bộc lộ. Các hoạt động nhóm độc lập, phối hợp trình diễn, diễn xuất đòi hỏi HS phải có tư duy để phân tích đúng bản chất sự kiện SK, để hiểu và tái hiện chúng, giúp các em phát triển NL chung, NL bộ môn - đặc biệt là khả năng tư duy LS. Mặt khác, chúng giúp bồi dưỡng cho HS *tình cảm* đối với quê hương, trân trọng những thành tựu đạt được trên nhiều phương diện. Do vậy, chúng vừa có tác dụng nâng cao kiến thức khoa học và còn giúp HS biết thưởng thức nghệ thuật, hướng tới các giá trị Chân - Thiện - Mỹ. Qua đó, HS hiểu giá trị vô giá của các DTLS. Từ đó hình thành cho các em ý thức giữ gìn DTLS ở địa phương mình. Đặc biệt đối với giai đoạn LS từ 1919 đến 2000, với nhiều nội dung LS phong phú, việc tổ chức các hoạt động dạ hội kết hợp trưng bày, triển lãm học tập về DTLS ở địa phương tại các trường THPT tỉnh Nghệ An có thể khai thác trên nhiều phương diện nhằm giáo dục cho HS.

Việc tổ chức dạ hội LS cần có sự chuẩn bị công phu nên không dễ thực hiện: nó đòi hỏi sự phối hợp giữa các tổ chuyên môn, đoàn thể trong nhà trường, cần có kế hoạch chu đáo, thời gian và kinh phí.

Chủ đề của dạ hội LS rất phong phú: về LSĐP, các vấn đề của cuộc sống hiện nay, các SK, nhân vật LS được kỉ niệm trong năm… Đối với LSĐP về di tích, chúng ta có thể tổ chức về các chủ đề như:

+ Di tích LS ở địa phương và sự kiện LS tiêu biểu

+ Di tích LS ở địa phương và nhân vật LS liên quan

Nội dung dạ hội với DTLS ở địa phương tại Nghệ An rất phong phú. *Ví dụ* có thể tổ chức nhân kỉ niệm ngày sinh, ngày mất của các nhân vật lịch sử như: ngày sinh Hồ Chí Minh (19/05/1890); ngày mất đồng chí Nguyễn Sĩ Sách (19/ 12/1929) - người cộng sản kiên trung, bị giặc bắt, bắn vào lưng và qua đời ở tuổi 21, ngày sinh đồng chí Nguyễn Tiềm (10/11/1912) - bí thư tỉnh ủy đầu tiên của tỉnh Nghệ An, đồng chí hy sinh khi vừa tròn 20 tuổi, đồng chí Lê Mao (mất vào đêm 2/05/1931), 28 tuổi, đồng chí bị địch bắt trên đường công tác, bị bắn chết tại cầu cảng Bến

Thủy, Hồ Tùng Mậu (sinh ngày 15/06/1896) - hy sinh tại Thanh Hóa vào 23/07/1951, Phùng Chí Kiên - nhà hoạt động cách mạng và quân sự Việt Nam, đồng thời là vị tướng đầu tiên của quân đội nhân dân Việt Nam. Ngày 22 tháng 8 năm 1941, địch chặt đầu ông rồi đem cắm ở đầu cầu Ngân Sơn để hòng uy hiếp tinh thần cán bộ, nhân dân địa phương...

Việc tổ chức dạ hội có thể được tổ chức vào những ngày kỉ niệm các sự kiện LS diễn ra trên địa bàn địa phương như: ngày kỉ niệm phong trào đấu tranh của công - nông chống thực dân, phong kiến 01/05/1930; ngày thực dân Pháp đàn áp cuộc biểu tình của công - nông tại Hưng Hưng Nguyên 02/09/1930; ngày 28/04/1966, 33 chiến sĩ thanh niên xung phong hy sinh khi Mĩ dội xuống hang Hỏa Tiễn (hang Khỉ) ở Quỳnh Thiện, Quỳnh Lưu; ngày 31/10/1968, Mĩ ném bom làm 12 chiến sĩ TNXP đã hy sinh tại Truông Bồn, Mĩ Sơn, Đô Lương...

DTLS ở địa phương tại Nghệ An rất phong phú, là một nguồn tài liệu để GV và HS khai thác trong việc tổ chức các hoạt động dạ hội kết hợp triển lãm học tập. Hoạt động này mặc dù có tính tự nguyện, linh hoạt song thu hút tất cả HS trong lớp, trường tham dự. Lực lượng tham gia gồm 2 nhóm, một số HS tham gia biểu diễn (đóng kịch, báo cáo, thi, hùng biện...) còn số đông HS khác đóng vai trò là khán giả-hợp tác và tham gia cổ vũ cho đội của mình.

Sau khi tổ chức dạ hội LS kết hợp trưng bày, triển làm học tập tại trường THPT Thanh Chương 1 với chủ đề: "Di tích lịch sử ở địa phương với truyền thống đấu tranh cách mạng của Thanh Chương", chúng tôi tổ chức thăm dò thái độ, hứng thú của HS. Các em thể hiện sự yêu thích, hứng thú đối với buổi dạ hội, yêu thích môn học, hiểu biết về LS quê hương. Về mặt định lượng, chúng tôi có bảng kết quả:

Bảng 3.2. Tổ chức dạ hội LS với di tích lịch sử ở địa phương (xem P. lục 15)

Lớp	*Sĩ số HS*	*Giỏi*		*Khá*		*Trung bình*		*Kém*	
		Số HS	*Tỉ lệ %*	*Số HS*	*Tỉ lệ %*	*Số HS*	*Tỉ lệ %*	*Số HS*	*Tỉ lệ %*
Thực nghiệm (12A3)	44	9	*20,45*	20	*45,45*	12	*27,3*	3	*6,8*
Đối chứng (12D2)	46	5	*10.86*	18	*39*	16	*34,7*	7	*15,2*

3.3.2.3. Tổ chức trò chơi, thi tìm hiểu về di tích lịch sử ở địa phương

* *Tổ chức trò chơi*

Trò chơi trí tuệ thực hiện ba chức năng là: *Enrich* (làm giàu tri thức), *Educate* (giáo dục), *Entertain* (Giải trí tích cực). Các trò chơi có sử dụng nội dung về DTLS ở địa phương tại Nghệ An không chỉ có tác dụng giải trí, thay đổi không khí mà còn là dịp để HS phát triển trí tuệ, chiếm lĩnh kiến thức có tác dụng tạo hứng thú, hoạt động hóa người học, góp phần khắc phục tình trạng "*uể oải của trí tuệ*" do hoạt động trí óc mang lại. Nó cũng tạo sự thi đua cần thiết giữa các HS để tìm câu trả lời nhanh nhất. Việc tổ chức trò chơi trong DHLS "*phải làm giàu kiến thức, phải là phương tiện làm cho trẻ em phát triển toàn diện, phát triển năng lực, gợi những tình cảm tốt đẹp, tổ chức đời sống tập thể trẻ em bằng một số nội dung bổ ích*" [25; 6]. Khi tổ chức trò chơi với DTLS ở địa phương trong DH bộ môn, cần đảm bảo yêu cầu: tạo hứng thú, dựa trên nguyên tắc "học mà vui", "vui mà học", gắn với nội dung chương trình...

Khi tổ chức trò chơi trong dạy học LS dân tộc ở lớp 12 với DTLS ở địa phương, HS phải đóng vai trò là người tích cực tham gia còn GV là người thiết kế, điều khiển. GV lựa chọn nội dung và quyết định hình thức tổ chức. Hiệu quả của trò chơi là tạo không khí sôi nổi, thu hút đông đảo HS tham gia, giúp HS hiểu bài, nắm vững kiến thức đã học. Điều này phụ thuộc rất lớn ở năng lực, biệt tài tổ chức của người GV: "*Một trò chơi thông minh trong tay một người tổ chức giỏi có thể biến thành một công cụ giáo dục và dạy học có hiệu lực, đòi hỏi ở học sinh sự căng thẳng đáng kể về mặt trí tuệ đồng thời lại làm cho trẻ em hài lòng, thỏa mãn"* [25; 8]. Trước khi tổ chức trò chơi, yêu cầu GV phải suy nghĩ thật kỹ mục đích, nội dung, phân phối thời gian, tổ chức hoạt động cá nhân hay nhóm, tập thể, lựa chọn hình thức gì... GV cần khéo léo tổ chức để tất cả HS tham gia và phát huy tối đa khả năng của bản thân.

Sau đây là một số hình thức trò chơi có thể vận dụng trong DHLS với DTLS ở Nghệ An:

* ***Ô chữ:*** là hình thức dễ tổ chức, sử dụng với các dạng có cấu tạo khác nhau: ô chữ hàng ngang, hàng dọc, ô chữ xoáy ốc; ô chữ cắt nhau... Ví dụ, loại ô chữ hàng ngang bao gồm nhiều đáp án phụ ở các hàng ngang song đáp án chính lại ở hàng dọc. Ô chữ xoáy ốc có độ dài của vòng ốc không hạn chế, các ô chữ kéo dài liên tục, nối tiếp nhau theo vòng xoáy ốc sao cho chữ cuối của đáp án trước là chữ đầu của đáp án sau.

* ***Xúc xắc:*** Vật liệu để làm các quân xúc xắc có thể làm bằng bìa cứng. GV chuẩn bị khoảng 20 tấm hình để dán lên. Các hình ảnh này chụp, mô phỏng các

DTLS hay các nhân vật, sự kiện LS liên quan đến di tích đó. Số lượng ảnh tùy thuộc vào số chủ đề. GV chia đều 20 quân bài thuộc các chủ đề trên cho 4 hay 5 em. Một Hs gieo xúc xắc trên đó đánh số tương ứng với mỗi chủ đề. Gặp chủ đề nào thì HS có quân bài thuộc chủ đề đó phải giới thiệu về chúng và được đặt xuống một quân bài. Ai hết bài trước, người đó thắng cuộc. Ai có quân bài mà quên nội dung LS, không giới thiệu được thì mất lượt.

* ***Quay số***: GV chuẩn bị trước hai tấm bìa dày, hình tròn, đóng trên cùng một tấm gỗ, gắn đinh ở giữa làm trục. Hai hình tròn đặt cách nhau bởi một mũi tên cố định có hai đầu chỉ về hai đĩa. Trên mỗi hình tròn lại chia các ô tròn khác nhau, thành nhiều múi. *Ví dụ*, một hình tròn ghi các DTLS tiêu biểu của địa phương, trong khi hình tròn kia ghi các nội dung: địa điểm DT, truyền thống lịch sử, văn hóa tại nơi có DT, sự kiện gắn với DT, nhân vật gắn với DT, khảo tả DT, ý nghĩa của DT... Khi quay một lượt, cả hai ô tròn dừng lại, tương ứng mỗi DT ở ô tròn kia, yêu cầu HS phải trình bày nội dung theo yêu cầu ghi trên ô tròn còn lại. HS tham gia trò chơi này phải nhanh trí để huy động càng nhiều sự kiện, kiến thức LS càng tốt để có câu trả lời cụ thể, thuyết phục.

* ***Trò "phải"/" không", "đúng"/ "sai"?***

Để thực hiện trò chơi này, GV đưa ra tên gọi một DTLS và bên dưới là các thông tin liên quan hoặc không liên quan đến DT đó. Cột bên trái GV đề "phải" hay "không" hoặc "đúng", "sai" để HS xác định, lựa chọn.

Ví dụ: đối với HS ở các trường ở Hưng Nguyên, Nghệ An, GV có thể thiết kế như sau:

1. Nơi giặc Pháp tàn sát cuộc đấu tranh ngày 12 tháng 9 năm 1930

ĐÚNG ... SAI

a. Tại Thái Lão, Hưng Nguyên. .....
b. Cuộc biểu tình của công nhân và nông dân .....
c. Cuộc biểu tình của nông dân .....
d. Pháp đã ném bom làm 217 người chết .....

2. Địa điểm của nhà ông Hoàng Viện - cơ sở của xứ uỷ Trung kỳ năm 1930-1931

a. Ở chân núi Nhón, Hưng Châu, Hưng Nguyên. .....
b. Nơi Xứ ủy Trung kỳ đóng, chỉ đạo phong trào 1930 -1931. .....
c. Là địa điểm họp bàn Tổng khởi nghĩa toàn tỉnh ngày 8/8/1945 .....

3. Di tích nhà thờ họ Phạm ở Hưng Nguyên

a. Hưng Nhân .....
b. Nhà thờ của dòng họ Phạm Hồng Thái . ....
c. Là nơi sinh hoạt đảng, cất giấu tài liệu, tập hợp quần chúng thời kì 1930-1931...

d. Nơi tập hợp quần chúng cướp chính quyền trong CM tháng Tám. .....

4. Khu lưu niệm đồng chí Lê Hồng Phong

a. Hưng Thông, Hưng Nguyên. . .....

b. Lưu niệm về cố Tổng bí thư Lê Hồng Phong (1935-1936). .....

c. Lễ hội tưởng nhớ được tổ chức vào ngày mất Lê Hồng Phong (6/9) hàng năm.....

5. Đền Rậm

a. Hưng Nhân, Hưng Nguyên .....

b. Thờ các vị thần, các anh hùng. .....

c. Nơi hoạt động cách mạng của Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Phong .....

d. Những năm 1930-1931 và 1945, là nơi tập hợp lực lượng để nghe diễn thuyết về cách mạng, đấu tranh cướp chính quyền. .....

e. Trong kháng chiến chống Mỹ đền Rậm là nơi để vũ khí, nơi trung chuyển vũ khí từ Bắc vào Nam bằng đường thuỷ trên sông Lam. .....

Tổ chức trò chơi yêu cầu GV phải có kế hoạch, nêu rõ quy tắc cho người chơi và khéo léo động viên, khích lệ sự hăng say của các em. Nếu như vậy, "*Các trò chơi này không những cần giúp cho HS nắm vững hơn tài liệu học tập mà còn làm hiểu sâu hơn những vấn đề khác nhau trong quá trình học tập, giúp HS mở rộng tầm mắt, làm cho kiến thức thêm phong phú*" [25; 23].

*** Tổ chức thi tìm hiểu về DTLS ở địa phương**

Tổ chức thi tìm hiểu về DTLS ở địa phương giúp HS củng cố, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, rèn luyện kĩ năng tự tìm hiểu, nghiên cứu độc lập, kết hợp với nhau. Qua đó, hình thành ý thức trách nhiệm đối với quê hương, nâng cao ý thức giữ gìn DTLS ở địa phương cho HS.

Muốn thực hiện được điều này, GV cần tìm hiểu, nghiên cứu kĩ đối tượng HS của mình. GV phải nắm chắc địa bàn sinh sống của các em. Từ đó hình thành các nhóm (tổ) HS với số lượng 5 -7 em để tìm hiểu, lập hồ sơ, nêu phương án bảo quản, phát huy giá trị DTLS trên địa bàn các em sinh sống. *Ví dụ,* tại trường THPT Bắc Thành, tại lớp 12A1, trong năm học 2016 - 2017, GV chia lớp thành 04 nhóm. Mỗi nhóm 9 em.

- Tổ 1 (do bạn Lê Bá Trường làm TT): *Lập hồ sơ di tích Tràng Kè tại xã Mỹ Thành, nơi kẻ thù đã sát hại dã man 72 chiến sỹ Xô viết - Nghệ Tĩnh*.

- Tổ 2 (do bạn Bùi Thị Hoa làm TT): *Lập hồ sơ di tích nhà lưu niệm Phan Đăng Lưu tại xã Hoa Thành, lưu niệm về Phan Đăng Lưu - nhà lãnh đạo tiền bối xuất sắc của Đảng.*

- Tổ 3 (do bạn Ngô Việt Dũng làm TT): *Lập hồ sơ di tích trường cấp 1 Vĩnh Thành, nơi Bác Hồ có cuộc nói chuyện với cán bộ và nhân dân Vĩnh Thành ngày 10/12/1961, khi Bác về thăm Vĩnh Thành, đơn vị tiêu biểu trong phong trào thi đua sôi nổi từ 1958 -1960.*

Sau khi giao nhiệm vụ cho các nhóm, GV định hướng cách thức làm việc của

các nhóm, hướng dẫn thêm cho các em phương pháp tiến hành. *Ví dụ*, lấy tài liệu thành văn từ nguồn nào, tài liệu tranh ảnh, video lấy ở đâu, phân chia các ô mục kết quả tìm kiếm thế nào... GV bố trí thời gian, tổ chức thi tìm hiểu về DTLS ở địa phương. Qua đó, HS thể hiện khả năng độc lập nghiên cứu, vững vàng hơn khi trả lời các câu hỏi của đội bạn. Hoạt động này có thể kết hợp trong các buổi dạ hội, tham quan. GV cần khích lệ, động viên HS bằng các giải thưởng, món quà nhỏ...

Sau khi tổ chức thi tìm hiểu về DTLS tại trường THPT Bắc Yên Thành , chúng tôi quan sát thấy HS rất hào hứng, tỏ rõ sự yêu thích lịch sử, bộc lộ năng lực hoạt động nhóm, tranh luận, trao đổi trong, ngoài nhóm. Chúng tôi tiến hành kiểm tra kiến thức LS và có kết quả như sau:

Bảng 3.3. Tổ chức thi tìm hiểu về di tích lịch sử ở địa phương (xem P. lục 12)

Lớp	***Sĩ số HS***	***Giỏi***		***Khá***		***Trung bình***		***Kém***	
		Số HS	***Tỉ lệ %***	***Số HS***	***Tỉ lệ %***	***Số HS***	***Tỉ lệ %***	***Số HS***	***Tỉ lệ %***
Thực nghiệm (12A2)	39	7	*17.94*	20	*51.3*	10	*25.64*	2	*5.13*
Đối chứng (12D3)	42	5	*11.9*	18	*42.9*	15	*35.7*	4	*9.52*

Kết quả TNSP nói trên chứng tỏ biện pháp mà chúng tôi đưa ra ở đây có tính khả thi, giúp nâng cao nhận thức, phát triển năng lực, bồi dưỡng phẩm chất cho HS.

3.3.2.4. Hoạt động công ích với di tích lịch sử ở địa phương

Một số hình thức công tác công ích xã hội với DTLS ở địa phương có thể tổ chức đó là: tìm hiểu và phổ biến kiến thức về một DTLS ở địa phương, tham gia chăm sóc, bảo vệ DTLS ở địa phương....Đây là dịp giúp giáo dục toàn diện HS: hình thành kiến thức, kĩ năng và bồi dưỡng tình yêu quê hương, ý thức trách nhiệm, bảo vệ DTLS ở địa phương.

Muốn tổ chức các hoạt động công ích với DTLS ở địa phương, GV bộ môn cần phối hợp với các tổ chức như: đoàn TNCS tại các trường học, các xã, phường và các ban ngành khác. Vào các dịp kỉ niệm các sự kiện LS như: 12/9, ngày 27/7, lễ tết; ngày sinh của chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày sinh của các nhân vật LS có đóng góp lớn cho LSDT và LSĐP... các nhà cần tổ chức cho HS tham gia chăm sóc DTLS ở địa phương như: dọn dẹp vệ sinh, sửa sang cảnh quan, trồng cây; làm lễ dâng hương...

Những hoạt động nói trên nếu được quan tâm thực hiện sẽ giúp HS nâng cao nhận thức. Đứng trước các DTLS, HS sẽ ghi nhận một cách sâu sắc những kết quả

mình được tận hưởng ngày hôm nay là thành quả xương máu của các thế hệ đi trước. Các em còn biết tôn tạo, bảo vệ và giữ gìn các DTLS - niềm tự hào của bản thân và của quê hương các em.

* *
*

Tóm lại, ở chương 3 của luận án, dựa vào thực tiễn dạy học LSVN lớp 12, giai đoạn 1919 -2000 tại Nghệ An, chúng tôi nhận thấy rằng để phát huy tác dụng của việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương, GV cần xác định được nội dung kiến thức (LS dân tộc và LS địa phương) cũng như nội dung LS của các DT tiêu biểu có thể khai thác.

GV cũng cần xác định những hình thức tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương để vận dụng một cách hiệu quả nhất. Đó là các hình thức của hoạt động nội khóa như: bài học LS ở trên lớp, bài học tại DT, tham quan học tập. Tùy điều kiện của mỗi trường, GV có thể hết sức linh hoạt trong việc lựa chọn hình thức ngoại khóa như: tham quan NK, dạ hội LS, tổ chức trò chơi và các hoạt động công ích khác...

Bằng năng lực chuyên môn, tâm huyết nghề nghiệp, trên cơ sở nguyên tắc "*di tích, di sản ở quanh ta*", GV cần khéo léo phát động và tổ chức, giúp HS hoàn chỉnh kiến thức, kĩ năng, giáo dục phẩm chất cho các em.

Chương 4
MỘT SỐ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919 – 2000) VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ TẠI ĐỊA PHƯƠNG CHO BÀI HỌC NỘI KHÓA Ở TRÊN LỚP TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH NGHỆ AN. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

Với hệ thống DTLS hết sức đa dạng trên quê hương Nghệ An, việc tổ chức dạy học bộ môn với các DT ở đây có thể được tiến hành qua nhiều hình thức dạy học khác nhau, cả trong giờ nội và ngoại khóa. Tuy nhiên, do bài học lịch sử dân tộc trong giờ nội khóa ở trên lớp chiếm vị trí chủ đạo trong dạy học lịch sử ở các trường THPT, nên ở chương này chúng tôi tập trung đề xuất *một số biện pháp sư phạm chủ yếu để tổ chức dạy học lịch sử dân tộc với DTLS ở địa phương trong bài học nội khóa*.

4.1. Yêu cầu khi lựa chọn biện pháp

Việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương trong dạy học ở trường THPT cần đảm bảo các yêu cầu:

+ ***Lựa chọn biện pháp tổ chức phải đảm bảo mục tiêu dạy học***: mục tiêu là căn cứ để lựa chọn biện pháp sư phạm: "*Bước chuẩn bị quan trọng nhất của giáo viên đối với mỗi giờ học là sự suy nghĩ kĩ và làm sáng tỏ mục đích của bài học"* [74; 47]. GV có thể lựa chọn biện pháp tổ chức dạy học với DTLS khác nhau, tùy điều kiện cụ thể song nhằm đảm bảo các hoạt động đó phải tích cực góp phần thực hiện *mục tiêu* môn học, bài học đã đề ra. Trước khi dạy học với DTLS, GV phải xác định sẽ thực hiện mục tiêu bồi dưỡng kiến thức như thế nào, rèn luyện kĩ năng, định hướng thái độ ra sao, qua đó góp phần phát triển các năng lực chung, năng lực bộ môn và bồi dưỡng phẩm chất gì cho HS? GV cần xác định mục tiêu cốt lõi. Những yêu cầu cụ thể đó sẽ là cơ sở để GV lựa chọn nội dung, PP, biện pháp thích hợp để tổ chức tốt việc dạy học với DTLS ở địa phương. Việc xác định mục tiêu rõ ràng, cụ thể giúp quá trình dạy học đi đúng hướng, đạt hiệu quả giáo dục cao nhất. Ví dụ, tại di tích Kim Liên, HS cần đạt được những kiến thức và đặc biệt là tình cảm kính

yêu, thái độ ngưỡng mộ đối với nhân cách của Bác Hồ. Thế nên, khi tổ chức dạy học tại DT này, GV yêu cần HS sưu tầm các chuyện kể về thời thơ ấu của Bác, về hai lần Bác về thăm quê để thực hiện tốt mục tiêu của việc tổ chức dạy học tại DT này.

+ ***Phải giúp HS lĩnh hội kiến thức cơ bản của bài học:*** Do điều kiện về thời gian hạn chế đối với môn học ở trường THPT nên trong quá trình giảng dạy, GV cần thực hiện việc đảm bảo kiến thức cơ bản cho HS. *Kiến thức cơ bản* là những vấn đề cốt lõi, giúp HS hiểu được bản chất của sự kiện, hiện tượng LS. Mặt khác, kiến thức cơ bản còn là những kiến thức có tác động mạnh mẽ nhất đối với người học trên các phương diện. *Vì vậy*, trước khi tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương, GV cần căn cứ vào mục tiêu của mỗi khóa trình, mục tiêu của mỗi bài học cũng như đặc điểm nhận thức, trình độ, đặc điểm vùng miền của HS để xác định kiến thức cơ bản. Từ đó, lựa chọn những DTLS nào gần nhất, có tác dụng làm cụ thể hóa kiến thức cơ bản cũng như có tác động mạnh mẽ đến người học nhất.

+ ***Phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh***.

Một trong những yêu cầu tối quan trọng của việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương đó là cần phát huy tính tích cực, chủ động của HS. Khi tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương, GV cần tổ chức, điều khiển để việc học tập của HS được diễn ra trong môi trường các *hoạt động* của chính các em, trên cơ sở sự tích cực, chủ động của HS. HS hoạt động và hoàn thành các sản phẩm của mình. Để làm được điều đó HS cần được giao nhiều trách nhiệm hơn nữa. HS cần thực hiện quy trình: chuẩn bị cho hoạt động, tiến hành hoạt động, kết thúc hoạt động, đánh giá kết quả của hoạt động. *Ví dụ*, trước khi học bài nội khóa ở trên lớp, HS tự tìm hiểu tài liệu về DTLS ở địa phương thông qua việc khai thác tài liệu học tập từ nhiều nguồn, tìm hiểu qua nhân chứng LS, tìm hiểu ý kiến của nhân dân. Các em có thể hoạt động cá nhân, nhóm hay tập thể để sưu tầm tài liệu. Khi đã có sản phẩm, HS có thể chủ động báo cáo, trình chiếu, trình diễn (nếu được chuyển thể sang các hoạt cảnh, các kịch bản...). Điều này thực sự mang lại niềm vui, sự hứng khởi cho các em. Những bài học với DTLS như vậy thêm thú vị, gần gũi bởi có công sức, sự đóng góp tích cực của chính HS.

+ Biện pháp lựa chọn phải phù hợp, vừa sức với HS

Tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương cần đảm bảo nguyên tắc vừa sức HS. Vì chỉ khi việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương phù hợp với trình độ, năng lực, tâm lí của HS thì mới đạt hiệu quả. GV không nên chọn vấn đề nghiên cứu của HS quá dễ hay quá khó. Tuy nhiên, tính "vừa sức" cần đặt trong trạng thái động, chứ không phải trạng thái tĩnh. Vừa sức phải đồng thời tạo ra "sức", vì việc giáo dục đạt hiệu quả tối ưu khi nó tập trung vào "*vùng phát triển gần nhất*" trong trí tuệ của HS. Một biện pháp có thể thích hợp với lớp học, cấp học này song có thể không phát huy tác dụng ở các lớp học và cấp học khác. Ví dụ, đối với việc tổ chức trải nghiệm tại di tích Truông Bồn, GV có thể áp dụng dạy hoc dự án kết hợp dạy học hợp đồn cho HS cấp 3. Song đối với HS cấp 2, GV chỉ nên vận dụng tinh thần của hình thức dạy học này do trình độ, năng lực của các em.

+ Sử dụng kiến thức liên môn khi tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương

Khi tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương, GV cần sử dụng các kiến thức liên môn như Văn học, Địa lý... để hỗ trợ bài học. Ngoài ra, GV cần sử dụng kiến thức về di sản, di tích như giúp HS phân biệt khái niệm: đình, đền, chùa, các yếu tố kiến trúc cấu thành di tích. Từ đó, BHLS không chỉ giúp các em hiểu những SK, hiện tượng, nhân vật LS mà còn tạo nên thái độ ứng xử văn hóa đối với DT...

4.2. Một số biện pháp tổ chức dạy học lịch sử Việt Nam lớp 12 với di tích lịch sử ở địa phương

Một trong những hình thức quan trọng bậc nhất, có nhiều thuận lợi của việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương đó là *sử dụng các nguồn sử liệu về DT trong dạy học các bài học LS dân tộc ở trên lớp.* Nguồn sử liệu về DTLS rất phong phú, gồm: tư liệu thành văn (tài liệu LS, Văn học, Địa lý...), hiện vật, tranh ảnh... Chúng đều có tác dụng to lớn trong tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương ở trên lớp. Vấn đề ở đây là GV sẽ tổ chức như thế nào, thông qua các biện pháp gì để đạt hiệu quả cao nhất mà vẫn đảm bảo các nội dung khác của bài học LS ở trên lớp?

Trong điều kiện dạy học hiện nay, GV cần lựa chọn mô hình nào tạo điều kiện phát huy năng lực HS tốt nhất, vì: "*Để hoạt động học tập LS trở thành phương tiện và môi trường phát triển năng lực cho HS thì bản thân nó phải được tổ chức sao cho có thể phát huy tối đa tính tích cực và hứng thú nhận thức của HS*" [61; 25]. Ở

đây, chúng tôi tập trung tổ chức dạy học với DTLS trong bài nghiên cứu kiến thức mới theo kiểu dạy học *nêu và giải quyết vấn đề* - là kiểu DH có ưu thế trong việc phát huy khả năng chủ động, tích cực, sáng tạo của người học, giúp HS có động lực học tập tốt, tạo cơ hội thực hành, phát triển khả năng giải quyết vấn đề, kĩ năng hợp tác, kĩ năng ứng phó với những thay đổi, các kĩ năng học tập suốt đời và kĩ năng tự đánh giá.

Việc đưa kiến thức về DTLS ở địa phương vào BH ở trên lớp một mặt giúp nâng cao nhận thức, phát triển kĩ năng, định hướng thái độ, trong đó đặc biệt làm tăng tính trách nhiệm cho HS khi HS biết liên hệ thực tế cuộc sống. Áp dụng DHNVĐ vào việc tổ chức dạy học bộ môn với di tích LS ở địa phương, chúng ta có thể sử dụng các *biện pháp* sau:

4.2.1. Sử dụng tài liệu di tích lịch sử để kích hoạt hoạt động nhận thức

Theo trang từ điển mở Wikipedia, *kích hoạt*, (tiếng Anh: Provocation) là phương pháp tư duy sáng tạo, là một kĩ thuật tư duy quan trọng. Tác động chính của phương pháp là thoát ly nền nếp suy nghĩ cũ, theo những phương thức quen thuộc mà chúng ta sử dụng để giải quyết vấn đề. Việc tạo một dạng thức khác, bất ngờ, "lạ" để giải quyết vấn đề yêu cầu não bộ, tư duy của HS T tìm ra câu trả lời như là một "kiểu khác" của vấn đề, cấu trúc não bộ sẽ gây khó khăn cho chúng ta để liên kết các lời giải này. Kích hoạt là một phương pháp dùng để liên kết các kiểu tư duy này với nhau và tạo thành một giải pháp mới.

Kích hoạt trong khởi động bài học có tác động gần giống sự tấn công não bộ *(storm braining),* tạo hứng thú cho HS trước khi nghiên cứu kiến thức mới. Chúng đóng vai trò là động lực, tác nhân kích thích mạnh mẽ, khơi gọi nhu cầu và hứng thú của quá trình nhận thức. Để kích hoạt quá trình nhận thức trong dạy học LS với DTLS ở địa phương, giáo viên có thể sáng tạo nhiều cách thức khác nhau. Ví dụ: dạy học nêu vấn đề, sử dụng một đoạn video ngắn, một số tranh ảnh, một số tình huống xung đột... Trong đó, GV có thể tiếp tục xây dựng các tình huống nêu vấn đề kết hợp phương tiện trực quan về di tích LS ở địa phương nhằm đưa ra biểu tượng rõ ràng, lôi cuốn nhận thức, định hướng quá trình tư duy của các em.

Các tình huống NVĐ là các dạng mâu thuẫn: mâu thuẫn giữa kiến thức cũ và kiến thức mới, xung đột trong các ý kiến đánh giá... Chúng làm nảy sinh ở HS những

thắc mắc, câu hỏi, vấn đề, đòi hỏi được giải quyết. Việc xây dựng các THNVĐ một mặt phản ánh nội dung cơ bản của bài học đồng thời có tác dụng tạo hứng thú, kích thích sự tìm tòi của HS. THNVĐ có thể xuất hiện trong các khâu của quá trình dạy học, nhưng thời điểm thường sử dụng nhất đó là *đầu bài, đầu các tiểu mục*.

Đặc trưng của DHNVĐ là GV đưa ra tình huống để dẫn dắt HS thông qua các câu hỏi, bài tập nhận thức. Việc giải quyết các THNVĐ giúp HS khôi phục, tái hiện sự kiện, hiện tượng LS; lý giải sự tồn tại, vận động của chúng và biết vận dụng các kiến thức đã được học vào việc giải thích kiến thức mới cũng như vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

Các trường hợp có thể tạo THNVĐ trong dạy học LS, đó là:

1. Hướng dẫn HS tạo mâu thuẫn, xung đột về kiến thức giữa điều đã biết với điều chưa biết và tìm cách giải quyết chúng.

2. Đưa ra các ý kiến khác nhau, yêu cầu HS tìm ra ý kiến đúng.

3. Nêu tình huống lựa chọn, quyết định của LS, HS cần trả lời câu hỏi: Vì sao để hiểu thấu đáo vấn đề LS.

Ở đây, GV có thể kết hợp với tranh ảnh, đoạn phim ngắn, tư liệu LS... nhằm tạo ra các THNVĐ và nêu bài tập nhận thức theo trường hợp thứ 3.

Ví dụ, khi dạy thực nghiệm bài 14: Phong trào cách mạng 1930 -1935, phần II, mục 1: *Phong trào cách mạng 1930 -1931*, mục 2: *Xô viết Nghệ Tĩnh*, là mục trọng tâm của bài, nghiên cứu về một sự kiện tiêu biểu của Nghệ An và của dân tộc, GV có thể sử dụng âm nhạc kết hợp tài liệu và hình ảnh về DTLS khởi động, định hướng cho HS. Nếu bài giảng sử dụng phần mềm power - point, trước khi dạy học mục này, GV phóng ảnh hoặc chuẩn bị trình chiếu hình ảnh về DTLS ở địa phương như:

Tượng đài công – nông

Đài tưởng niệm liệt sĩ Thái Lão

Đình Võ Liệt

+ Ảnh chụp ngã ba Bến Thủy và tượng đài Công - Nông. Tượng đài cao 10m, rộng 16,2m, trên tượng đài khắc biểu tượng búa liềm, mặt trước gắn biểu tượng trống Xô viết, trên nền bia ghi lại những sự kiện lịch sử diễn ra ở Cồn Mô, nơi có cuộc biểu tình rầm rộ, quy mô của công nhân với nông dân ngày 01/05/1930. Sự kiện này minh chứng: "*Lần đầu tiên trong lịch sử CM xứ ta, công - nông - binh bắt tay nhau giữa trận tiền*".

+ Ảnh đài liệt sỹ Thái Lão, di tích ghi dấu sự tàn bạo của thực dân, phong kiến đàn áp phong trào biểu tình của quần chúng ngày 12/09/1930 làm 217 người đã ngã xuống.

+ Ảnh đình Võ Liệt

GV trình chiếu các bức ảnh, HS quan sát, yêu cầu các em nêu tên gọi DT. Sau đó, khi HS đã quan sát kĩ, GV nêu: "*Đây là những di tích gắn liền với các sự kiện lớn trong phong trào CM 1930-1931. Vậy, các sự kiện LS giai đoạn này đã diễn ra trên quê hương Xô viết như thế nào? Tại sao phong trào CM 1930-1931 lại nổ ra và nổ ra quyết liệt nhất ở Nghệ Tĩnh? Tại sao Xô viết Nghệ Tĩnh được coi là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931? Vì sao phong trào cách mạng 1930 - 1931 được coi là cuộc diễn tập lần thứ nhất cho Cách mạng tháng Tám...?*"

HS có thể biết nhiều địa điểm tại TP.Vinh, Nghệ An nhưng khi nhắc đến các DTLS nổi tiếng gắn với nhiều sự kiện LS lớn thì không phải HS nào cũng biết. Việc sử dụng các câu hỏi kết hợp hình ảnh, tư liệu không chỉ gợi cho các em sự tò mò, thích thú mà còn có tác dụng định hướng kiến thức cơ bản cần phải nghiên cứu của bài học.

Bài 14 do cô Hứa Hoa Mai, trường THPT Lê Viết Thuật, Nghệ An tiến hành. Sau đó, chúng tôi tiến hành *thực nghiệm từng phần* để kiểm chứng tính khả thi của biện pháp sử dụng DTLs ở địa phương như một nguồn tư liệu trong dạy học các bài học LS dân tộc ở trên lớp. Chúng tôi tách các nội dung nhỏ để thu thập kết quả. Ở khâu đầu tiên, nếu đem so với tiết học đối chứng, việc GV *sử dụng tài liệu DTLS để khởi động, tạo tình huống, nêu bài tập nhận thức* có tác dụng rõ rệt. Về mặt định tính, chúng tôi quan sát thấy HS xác định được trọng tâm của bài học, hứng khởi, tích cực nghiên cứu bài mới. Các khả năng tri giác (nghe, nhìn...), các thao tác tư duy: phân tích, so sánh, tổng hợp... được huy động một cách tích cực. Đặc biệt, qua

việc sử dụng tài liệu về DTLS ở địa phương kết hợp tư liệu để tạo tình huống, nêu BTNT đã kích thích HS tìm hiểu về LS địa phương, HS thấy gắn bó với quê hương liên hệ kiến thức sách vở, lý thuyết với thực tiễn sống động bên ngoài. *Như vậy*, việc tạo tình huống nêu vấn đề và nêu BTNT để khởi động quá trình tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương trong bài học ở trên lớp đã đem lại kết quả. Tuy nhiên có được kết quả đó còn phải phụ thuộc các khâu khác như: gợi mở, tổ chức hoạt động nhận thức cho HS...

4.2.2. Tổ chức hoạt động nhận thức của HS với nguồn sử liệu về DTLS

Mục tiêu của bài học LS trước hết là giúp HS hình thành kiến thức cơ bản về môn học. Đó là những kiến thức tối ưu, cần thiết cho hiểu biết của các em về LS dân tộc và thế giới. Kiến thức cơ bản bao gồm các yếu tố: sự kiện LS, năm tháng, địa danh LS, nhân vật LS, biểu tượng, khái niệm, quy luật, nguyên lí, phương pháp học tập cũng như vận dụng kiến thức. Đối với HS lớp 12, kiến thức cơ bản được tăng cường trên phương diện lí luận, giúp các em hiểu sâu sự kiện, hiện tượng LS, biết liên hệ, so sánh, vận dụng để hiểu bản chất của chúng.

**** Sử dụng DTLS ở địa phương như một nguồn sử liệu để khôi phục sự kiện LS***

Tài liệu học tập tự nó đã chứa đựng nhiều yếu tố kích thích, động viên tính ham hiểu biết và tính tích cực tư duy của HS. "*Đó là tính chất mới lạ của tri thức khoa học, tính sáng tỏ của các sự kiện, tính độc đáo của các kết luận, phương pháp đặc sắc để phát hiện ra các khái niệm đã được hình thành, sự thâm nhập sâu xa vào bản chất của hiện tượng...*" [59; 88]. Các tài liệu về DTLS ở địa phương có thể do GV cung cấp hoặc do chính HS tự tìm tòi trước khi học bài ở trên lớp.

Tài liệu về DTLS giúp các em tưởng tượng rõ ràng, sinh động các SKLS vì nội dung của chúng phong phú, đa dạng hơn những tư liệu được phản ánh trong SGK. Tính cụ thể, sống động qua các phần miêu tả, tường thuật của các tài liệu LS liên quan đến DTLS ở địa phương giúp HS hình dung rõ ràng về các sự kiện diễn ra trên mảnh đất quê hương. Trên cơ sở đó, kết hợp với sự bổ sung của GV, HS sẽ hiểu được sự kiện, hiện tượng liên quan đến DTLS. Tuy nhiên, do thời gian dành cho tiết học ở trên lớp rất ít ỏi nên GV cần tăng cường hoạt động nghiên cứu, chuẩn bị bài ở nhà của HS. GV có thể phô tô các phần tư liệu cần thiết kết hợp việc yêu cầu HS tự tìm tòi để việc nghiên cứu kiến mới ở trên lớp diễn ra thuận lợi. GV yêu

cầu HS tự tìm hiểu về nhân vật LS liên quan đến DTLS ở địa phương hoặc giao bài tập yêu cầu HS tìm hiểu về mối liên hệ giữa các SKLS giai đoạn này như cuộc đấu tranh ngày 01/05/1930, 02/09/1930 với các di tích như Cồn Mô, đài tưởng niệm Thái Lão...

Ví dụ, khi dạy học bài 14: *Phong trào cách mạng 1930 -1935*, cần làm rõ các sự kiện sau:

+ *Cuộc biểu tình ngày 1/5/1930* ở khu vực Vinh - Bến Thủy, hiện nay tại địa điểm này có *di tích Cồn Mô, tượng đài Công- Nông,* là những nơi gắn với các cuộc biểu tình chống đế quốc, PK của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của xứ ủy Trung kỳ, tỉnh ủy Vinh - Bến Thủy, với các đồng chí cốt cán như: Nguyễn Phong Sắc, Lê Mao, Lê Viết Thuật, Lê Doãn Sửu... HS sưu tầm tư liệu về cuộc biểu tình của công nhân và hơn 1.200 nông dân tại ngã ba Bến Thủy; địch bắn chết 6 người, làm bị thương 18 người, bắt hơn 100 người. Đây là sự kiện quan trọng, là mốc mở đầu của cao trào cách mạng tại Nghệ An, để lại dấu ấn vô cùng xúc động về mối đoàn kết công - nông. Đây là "*lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng xứ ta, công - nông - binh bắt tay nhau giữa trận tiền*".

HS nghiên cứu một số tài liệu GV đã in đọc trước (xem P.L 04), ví dụ: đoạn miêu tả kết hợp tường thuật sự kiện cuộc biểu tình của hơn 20 ngàn nông dân ngày 12/9/1930 tại Hưng Nguyên.

Năm 1931 phong trào đấu tranh của nhân dân Nghệ Tĩnh gặp khó khăn, HS *nghiên cứu tài liệu (P. Lục 04)* để thấy tình hình bị địch o ép, đánh phá ráo riết bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, cơ quan Xứ ủy Trung Kỳ vẫn tồn tại trong sự bảo vệ tài tình của quần chúng cách mạng. HS được tạo biểu tượng về đồng chí *Lê Viết Thuật* - Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ lúc đó vẫn kiên trì bám trụ ở vùng Yên Dũng và phố Đệ Thập (nay đều thuộc thành phố Vinh) để chỉ đạo phong trào.

GV giới thiệu hoặc phô tô những đoạn tiêu biểu để hỗ trợ (thành các phiếu Hỗ trợ thông tin cho HS). *Ví dụ,* đoạn trích sau được sử dụng để tường thuật, tạo biểu tượng về diễn biến kịch tính dẫn đến đổ máu trong cuộc biểu tình ngày 1/5/1930 tại Vinh - Bến Thủy do đồng chí Lê Mao trực tiếp chỉ đạo. Giám binh, chánh cảnh sát, tên mật thám (*Rôbe*) đều chĩa súng bắn liên thanh đã thẳng tay giết anh em dân cày và thợ thuyền. Cuộc biểu tình phải giải tán, để lại 6 người chết và 18 người bị

thương (xem P.Lục 04)

GV cũng có thể cung cấp thêm các tư liệu, ý kiến của đối phương về phong trào CM 1930 - 1931, ví dụ ý kiến của Robe trong báo cáo ngày 01/06/1931: "*Từ khi nước Pháp đặt đô hộ trên đất nước này chưa bao giờ có một nguy cơ nào đe dọa an ninh nội bộ lớn hơn, thực sự hơn"*. Hoặc ý kiến của Saten (Châtel) - Khâm sứ Trung Kỳ trong bản báo cáo gửi Chính phủ Pháp ngày 5/7/1930: "*Lâu nay, chúng ta chỉ mới biết những phương pháp hoạt động của các đảng phái cách mạng cũ. Lần này, các quan lại hình như lúng túng, bối rối về sự tổ chức hoàn hảo của cộng sản theo kiểu châu Âu...*". Những tư liệu như thế giúp HS nhìn nhận SK LS một cách đa chiều, tạo sức thuyết phục đặc biệt.

Việc đưa tài liệu về DTLS vào giờ học nội khóa phải đảm bảo một số *yêu cầu* sau: phải căn cứ vào nội dung chính của bài học, từ đó khai thác triệt để và chỉ ra mối liên hệ giữa DT với các sự kiện trong bài; phải có sự lựa chọn, tìm được di tích nào tiêu biểu, điển hình nhất, ưu tiên di tích ở gần nhất nơi nhà trường đóng và có sự chuẩn bị chủ động, tích cực từ phía HS. Bên cạnh đó, GV phải sử dụng các kênh hình, kênh chữ... giúp HS có biểu tượng sinh động về di tích.

**** Tổ chức các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu về DTLS ở địa phương và báo cáo trên lớp***

Các tiết học nội khóa ở trên lớp được giảng dạy theo nội dung qui định của chương trình, trong thời gian 45 phút. Trong khoảng thời gian này, GV cần đảm nhận trách nhiệm tổ chức, điều khiển hoạt động nhận thức giúp HS nắm vững kiến thức cơ bản. Với quỹ thời gian hạn hẹp ở trên lớp, GV muốn thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục thì phải huy động tối đa khả năng tự học, tự nghiên cứu của HS. Đặc biệt trong điều kiện hiện nay, dưới sự tác động sâu sắc của cuộc CM công nghiệp 4.0, khi mà lượng thông tin của nhân loại không ngừng tăng lên thì HS có thể dễ dàng tìm kiếm kiến thức từ các nguồn khác nhau.

Vì thế, ngoài việc chọn lọc một số tài liệu tiêu biểu về DTLS ở địa phương để đưa vào bài học nội khóa ở trên lớp, GV có thể giao cho các nhóm HS tự tìm hiểu về DT đó và tiến hành báo cáo tại lớp. HS khi được phân thành từng nhóm nhỏ riêng biệt, chịu trách nghiệm về một mục tiêu duy nhất, được thực hiện thông qua nhiệm vụ riêng biệt của từng người. Các hoạt động cá nhân riêng biệt được tổ chức lại, liên kết hữu cơ với nhau nhằm thực hiện một mục tiêu chung. Phương

pháp làm việc nhóm được sử dụng nhằm giúp cho mọi HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, tạo cơ hội cho các em có thể chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý kiến để giải quyết các vấn đề có liên quan đến nội dung bài học; tạo cơ hội cho các em được giao lưu, học hỏi lẫn nhau, cùng nhau hợp tác giải quyết những nhiệm vụ chung.

Khi HS tự tìm tòi kiến thức về DTLS ở địa phương, về các SK, hiện tượng LS, thì chúng trở thành tài sản của các em. Con đường chiếm lĩnh kiến thức vững chắc nhất là tự mình khám phá. Và khi đó, HS có thể sẵn sàng tranh luận, phản biện với các ý kiến khác để bảo vệ lập luận, quan điểm cá nhân của mình. Đối với HS lớp 12, hình thành NL tranh luận, phản biện là hết sức quan trọng. Các em phải thiết lập, xâu chuỗi các sự kiện LS liên quan đến DTLS, đưa ra lập luận vững chắc trên cơ sở quan điểm, phương pháp luận của CN Mac - Lênin về LS.

Với cách này, GV một mặt giúp các em có điều kiện tìm hiểu DTLS ở địa phương, qua đó phát huy khả năng độc lập nghiên cứu của cá nhân hoặc của các nhóm HS. Thông qua việc tự nghiên cứu tài liệu về DTLS của HS ở nhà, các em không chỉ hình thành, củng cố, mở rộng kiến thức mà còn rèn luyện các kĩ năng như: tìm tài liệu, phân tích, đánh giá, hợp tác trong làm việc nhóm. Căn cứ vào nội dung bài học, năng lực của HS, vào sự đa dạng của DTLS ở địa phương đó, GV và HS có thể thực hiện các biện pháp này như sau:

- *Bước 1*: xác định chủ đề, mục đích, nội dung sưu tầm tài liệu về DTLS ở địa phương. Nhằm phát huy tối đa tính tích cực của HS, GV có thể ưu tiên cho các em đề xuất ý tưởng. Hoặc GV gợi ý và định hướng những nội dung LS và DT nào có thể được khai thác. GV hướng dẫn cách tìm kiếm thông tin về DTLS ở địa phương: qua hồ sơ DT, qua các tài liệu viết, qua các địa chỉ web...

- *Bước 2*: GV hướng dẫn HS xây dựng kế hoạch thực hiện. Trong đó, xác định rõ mục đích, yêu cầu của việc sưu tầm tài liệu, những công việc cần làm, thời gian dự kiến, phương pháp tiến hành và phân công cụ thể công việc trong nhóm...

- *Bước 3:* thực hiện kế hoạch đã đề ra. GV cần đưa ra chỉ dẫn cụ thể để HS xác định được những việc cần làm, tránh lãng phí thời gian. GV cần tạo sự liên lạc thường xuyên với các nhóm HS (qua email, zalo, face book, điện thoại...).

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, các cá nhân, nhóm HS cần nỗ lực đưa ra

những ý tưởng riêng, chung, giúp cả nhóm có được sản phẩm tốt nhất về tài liệu DTLS ở địa phương.

- *Bước 4*: Khi tiến hành bài học, các nhóm HS cử đại diện trình bày, giới thiệu sản phẩm của nhóm trước lớp (các báo cáo, bộ sưu tập tranh ảnh, bài trình chiếu...). Dưới sự điều khiển của GV, sau khi các nhóm trình bày, cả lớp trao đổi, thảo luận, rút ra những kết luận cần thiết; tranh luận với các nhóm khác để bảo vệ ý kiến của mình. Cuối cùng GV chốt kiến thức quan trọng nhất cần lĩnh hội.

Ví dụ, trước khi dạy *Chương I, bài 12: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925, ở mục II,* GV chia lớp thành 03 nhóm. Mỗi nhóm được giao nhiệm vụ tìm hiểu về một DTLS ở địa phương liên quan đến bài học: *Nhóm 1* - Tìm hiểu về DT nhà cụ Phan Bội Châu (thị trấn Nam Đàn), nơi ông sinh ra và lớn lên đến khi thoát ly gia đình, hoạt động CM lúc 38 tuổi. *Nhóm 2*: Tìm hiểu di tích Mộ Lê Hồng Sơn, đền Tán Sơn (Xuân Hoà - Nam Đàn). Đồng chí Lê Hồng Sơn hoạt động cách mạng từ những ngày sơ khai. Thực dân Pháp kết án tử hình đồng chí ngay tại làng Xuân Hồ, quê hương của đồng chí vào ngày 19/2/1933. Thi hài của đồng chí được nhân dân chôn cất tại Rú Tán. *Nhóm 3*: Tìm hiểu về DT nhà Thờ họ Phạm (Hưng Nhân - Hưng Nguyên) thuộc dòng họ của liệt sỹ Phạm Hồng Thái - người đã mưu sát toàn quyền Méc Lanh 1924.

Để tiết kiệm thời gian, tăng cường hoạt động tự học, hoạt động nhóm, GV giao bài tập trước khi học bài mới để HS thực hiện các bài tập này ở nhà. Đến giờ học sau, GV gọi các em trình bày ngắn gọn báo cáo của mình. Việc được báo cáo trước lớp trong giờ học nội khóa rèn luyện cho HS khả năng trình bày và thái độ tự tin về sản phẩm của mình. GV cần có cách đánh giá tích cực để khích lệ các em có báo cáo tốt trước lớp về DTLS ở địa phương.

Để thực hiện việc báo cáo trong giờ nội khóa của HS về DTLS đạt hiệu quả, GV chú ý các điểm sau:

- Lựa chọn kiến thức cơ bản có mối liên hệ với DTLS ở địa phương. Không giao quá nhiều DTLS, làm loãng nội dung bài học trên lớp.

- GV cần giám sát chặt chẽ, giữ liên hệ thường xuyên để điều chỉnh kế hoạch, cách thức làm việc của các nhóm.

- GV cần khích lệ tinh thần nghiên cứu của các em bằng những phần thưởng nhỏ.

- Do thời gian trên lớp hạn hẹp, GV cần duyệt nội dung của mỗi nhóm trước khi báo cáo nhằm đảm bảo các bài báo cáo đề cập được đúng nội dung yêu cầu, hình thức hấp dẫn trong một khung thời gian nhất định, để không ảnh hưởng đến các khâu khác của giờ học trên lớp.

**** Tích cực hóa hoạt động nhận thức của HS để tìm ra bản chất của sự kiện, hiện tượng lịch sử***

Quá trình dạy học LS ở các trường THPT thực chất là quá trình giáo viên tổ chức các hoạt động nhận thức của HS. Do đó, HS là chủ thể của quá trình nhận thức của chính các em. *Hoạt động* chính là môi trường của các em. HS cần được hoạt động hóa để phát huy tối đa tính tích cực, chủ động và sáng tạo của mình. Việc hoạt động hóa quá trình nhận thức có ý nghĩa quan trọng. Qua đó giúp HS hình thành kiến thức, hiểu các vấn đề LS cũng như hình thành các kĩ năng, năng lực và phẩm chất tương ứng.

Nhằm mục đích hoạt động hóa quá trình nhận thức của HS, giáo viên có thể thực hiện các cách như: tiến hành trao đổi, đàm thoại; tổ chức hoạt động nhóm; giao nhiệm vụ yêu cầu HS tự tìm hiểu và báo cáo trước lớp...

Trước hết, GV cần chú ý sử dụng hệ thống câu hỏi bao gồm câu hỏi nêu vấn đề (đầu bài, đầu tiểu mục) nhằm phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS. Sau đó, GV sử dụng PP đàm thoại với hệ thống câu hỏi gợi mở (*Ơrixtic*) trong bài học nội khóa trên lớp với DTLS ở địa phương giúp HS phát hiện từng vấn đề nhỏ nhằm giải quyết từng phần nhiệm vụ nhận thức được nêu trong CH nêu vấn đề.

Trao đổi đàm thoại được thông qua việc dẫn dắt, đặt câu hỏi của chính GV. HS có thể tự trao đổi tay đôi, nhóm để tìm câu trả lời. GV có thể thực hiện các công việc sau để tiến hành trao đổi, đàm thoại trong dạy học LS ở trên lớp với DTLS ở địa phương.

- GV nêu ngắn gọn, hấp dẫn về DTLS ở địa phương cần nghiên cứu để thu hút HS tham gia qua CH nêu vấn đề.

- GV nêu câu hỏi theo hướng mở, ngắn gọn, dễ hiểu, tạo sự tranh luận, đi đến giải quyết nhiệm vụ của CH nêu vấn đề.

- HS suy nghĩ, đọc SGK, tài liệu do GV cung cấp, tài liệu do HS tự tìm để trả

lời câu hỏi. Tùy vào độ khó của câu hỏi, GV nên dành thời gian để cho HS suy nghĩ trước khi đưa ra câu trả lời.

- Hết thời gian suy nghĩ, GV yêu cầu trao đổi đa chiều. Đây là phần chính của việc tổ chức đàm thoại. HS tự trình bày ý kiến, trao đổi với nhau (theo cặp đôi, nhóm), trao đổi giữa GV và HS để nêu ra các quan điểm, tranh luận và tìm câu trả lời chuẩn xác.

Ví dụ, khi dạy chương I, bài 12: *Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925, ở mục II,* GV đặt câu hỏi: Ở mục 1 của SGK xuất hiện những nhân vật lịch sử nào quê ở Nghệ An? Dựa vào SGK, HS sẽ trả lời, đó là: Phan Bội Châu, Lê Hồng Sơn, Phạm Hồng Thái, Hồ Tùng Mậu. GV tiếp tục gợi mở: *Em hãy tìm các di tích LS ở Nghệ An liên quan đến các nhân vật LS nói trên? Tên của DTLS? Xác định địa điểm cụ thể của di tích? Mối liên hệ giữa di tích đó với các nhân vật LS nói trên?* HS sẽ nghiên cứu SGK và qua tài liệu bổ sung, trao đổi với nhau và trả lời CH của GV. Khi tiến hành trao đổi, đàm thoại, HS không chỉ ghi nhớ, hiểu các sự kiện trong phong trào đấu tranh CM của dân tộc giai đoạn này mà các em còn biết liên hệ thực tế để hiểu vị trí của DT, ý nghĩa và có những giải pháp bảo vệ DTLS nói trên.

GV cần chú ý lựa chọn DTLS gắn với sự kiện tiêu biểu để giúp HS nắm vững kiến thức cơ bản. Nội dung câu hỏi GV đặt ra cần ngắn gọn, chính xác, không gây sự khó hiểu hay hiểu nhầm cho HS. GV cũng cần lưu ý thời điểm đặt câu hỏi, thời điểm tổ chức tranh luận. Vì chúng còn liên quan nhiều yếu tố khác của giờ học. Các câu hỏi cần hướng đến số đông HS đồng thời cũng có những nội dung khó nhất định để HS khá, giỏi có thể trả lời. Như thế GV phải thực hiện tốt việc hướng đến tính đại trà và phân hóa của HS trong việc đặt CH, tổ chức đàm thoại. CH cũng cần đa dạng về hình thức hỏi, có thể kết hợp với việc sử dụng ĐDTQ như trình chiếu ảnh về DTLS để đặt câu hỏi nhằm tạo hứng thú cho HS. Trong quá trình trao đổi, GV phải chú ý quan sát, lôi cuốn HS vào việc giải đáp câu hỏi. GV cần khích lệ, động viên, kịp thời gợi ý khi HS lúng túng, thắc mắc. Việc đặt câu hỏi, tổ chức trao đổi đàm thoại trong giờ học nội khóa trên lớp với các DTLS ở địa phương là rất cần thiết, giúp HS tăng hứng thú, hiểu kiến thức cơ bản của bài học cũng như tạo cơ hội cho các em hiểu thêm về LS quê hương mình.

**** Hướng dẫn HS sử dụng tài liệu về DTLS để rút ra kết luận khái quát về các vấn đề lịch sử***

Việc rút ra các kết luận khái quát là hết sức cần thiết đối với HS. Từ các sự kiện riêng lẻ, HS nhận thức được bản chất vấn đề, giúp các em hình thành các khái niệm LS. Khái niệm LS phản ánh những vấn đề bản chất nhất, nêu được đặc trưng, giúp định hình, phân biệt SK, hiện tượng LS này với SK, hiện tượng LS khác. Từ đó, giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức và có thể so sánh nội dung LS này với nội dung LS khác.

Rút ra kết luận khái quát về LS dựa trên tài liệu về DTLS ở địa phương giúp HS nâng cao hiểu biết về lí luận, về phương pháp nhận thức bộ môn. Việc khái quát kiến thức LS trong giờ lên lớp có thể được thực hiện thông qua việc nêu ra các ý kiến đánh giá, yêu cầu HS chọn ý kiến đúng: sử dụng tranh ảnh, hiện vật về DTLS ở địa phương để khái quát.

Ví dụ, khi dạy bài 16: *Phong trào giải phóng dân tộc và tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939 - 1945). Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời,* phần III: *Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền* (Tiết 25), mục 3: *Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945*, khi dạy về diễn biến của cuộc Tổng khởi nghĩa trên toàn quốc, GV có thể hỗ trợ thông tin, để HS biết về nơi khởi nghĩa giành chính quyền sớm nhất ở Nghệ An và gắn với di tích chùa Viên Quang ở Nam Thanh, Nam Đàn.

Chùa Viên Quang, Nam Đàn, Nghệ An

Đây là một trong 400 ngôi chùa cổ ở Nghệ An. Chùa được xây dựng từ thời Lê, đến năm 2012 mới được phục dựng. Sự kiện này cũng đi vào ca dao: "*Nam Thanh quật khởi vùng lên. Dẫn đầu toàn tỉnh chính quyền về tay. Bốn lăm Ất Dậu ấy ngày. Mười sáu tháng Tám cờ bay rợp trời. Kể sao hết nỗi mừng vui. Kể sao hết cảnh người người hân hoan*".

Từ đoạn tư liệu lịch sử (GV in thành Phiếu hỗ trợ thông tin cho học sinh) như sau:

"Ngày 14/8/1945, Mặt trận Việt Minh xã Thanh Thủy nhận được lệnh của Ủy ban Khởi nghĩa liên tỉnh Nghệ Tĩnh truyền đạt "Bố trí ngay việc cướp chính quyền, lập Ủy ban nhân dân Cách mạng ở làng, không câu nệ là làng trước hay huyện trước". "Bắt" được chỉ thị của trên, ngày 15/8/1945, Mặt trận Việt Minh xã Thanh Thủy bí mật họp tại chùa Viên Quang quyết định khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 16/8, toàn bộ nhân dân Thanh Thủy đồng loạt nhất tề đứng. Trước khi thế như triều dâng thác đổ, bọn cường hào, hương lý không dám phản ứng chống lại mà nhanh chóng giao nộp con dấu cùng các loại sổ sách, kho quỹ thóc nằm trong các gia đình địa chủ, phú nông… Thừa thắng xông lên, đoàn biểu tình kéo sang Gia Mỹ (tức xã Nam Nghĩa ngày nay).

Chính quyền cũ bị tan rã, Ủy ban khởi nghĩa lâm thời được thành lập, trụ sở đóng tại đình Đức Nam. Bùi Danh Châu được bầu làm Ủy viên quân sự của Ủy ban khỏi nghĩa xã Thanh Thủy. "Lúc này, mới chỉ có xã Thanh Thủy giành được chính quyền, bởi vậy, việc giữ chính quyền là điều hết sức quan trọng. Ủy ban khỏi nghĩa quyết định thực hiện chính sách "nội bất xuất, ngoại bất nhập"cho đến ngày 23/8/1945, khi cả huyện Nam Đàn giành được chính quyền thành công.

Khi Ủy ban khởi nghĩa được thành lập, hai tên lính Nhật mang theo súng đột nhập vào đình Đức Nam. Trước sự hung hãn của 2 tên lính nhật, người dân kéo đến, bao vây. Vòng vây khép lại, hai tên lính tựa lưng vào nhau cố thủ, tay lăm lăm khẩu súng sẵn sàng nhả đạn. Ông Năm Cẩm xông vào, quật ngã một tên lính, nhiều người khác ào lên, bắt gọn cả 2 tên, bảo vệ thành công chính quyền cách mạng vừa thành lập được ít ngày".

Kết hợp với tư liệu về việc khởi nghĩa giành chính quyền ở các địa phương trong cả nước, GV *dẫn dắt giúp HS rút ra kết luận khái quát* về thời cơ của khởi nghĩa, hình thái của khởi nghĩa: kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang -

trong đó đấu tranh chính trị làm nòng cốt; kết luận về tính chất, đặc điểm của CM tháng Tám 1945 ở Việt Nam. Từ việc phân tích diễn biến nhanh chóng của Cách mạng tháng Tám ở các địa phương, trong đó có Nghệ An, GV có thể nêu ý kiến của các nhà nghiên cứu cũng được GV và HS phân tích, liên hệ để làm sáng tỏ các kết luận khái quát của mình hoặc để tranh luận. Ví dụ, về CM tháng Tám, các học giả cho rằng:

Ý kiến của Stein Tonnesson	**Ý kiến của các sử gia trong nước**
"Trong các cuộc cách mạng cộng sản, cách mạng của những người Việt Nam nổi lên như là một trong những *cuộc có sức sống và làm đảo lộn nhiều nhất*". "Cuộc cách mạng đã thành công dễ dàng đến thế". CM tháng Tám diễn ra trong "*khoảng trống quyền lực"*	"Cách mạng Tháng Tám là con đẻ của nhân dân Việt Nam. Vì nó, nhân dân Việt Nam đã không ngại chịu đựng biết bao hy sinh, xương máu... Cuộc Cách mạng Tháng Tám đã ngấm vào máu thịt, tình cảm, đã bắt rễ sâu trong lòng nhân dân Việt Nam đến mức không có một lực lượng nào, dù mạnh đến đâu có thể rút ra được".

Để kiểm tra tính khả thi của biện pháp tổ chức hoạt động nhận thức của HS với các nguồn sử liệu về DTLS để hình thành kiến thức, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm từng phần bài LS dân tộc (bài NCKT mới).[6] Kết quả TNTP như sau:

Bảng 4.1. Kết quả thực nghiệm từng phần biện pháp tổ chức hoạt động nhận thức của HS với các nguồn sử liệu về DTLS để hình thành kiến thức

Lớp	***Sĩ số HS***	***Giỏi***		***Khá***		***Trung bình***		***Kém***	
		Số HS	*Tỉ lệ (%)*	*Số HS*	*Tỉ lệ (%)*	*Số HS*	*Tỉ lệ (%)*	*Số HS*	*Tỉ lệ (%)*
Thực nghiệm (12 A4)	41	5	*12.19*	18	*43.90*	15	*36.59*	3	*7.32*
Đối chứng (12 D5)	43	4	*9.3*	18	*41.86*	16	*37.21*	5	*11.63*

(Tại trường THPT Nghi Lộc 2), Bài 12: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925)

Trong quá trình tiến hành thực nghiệm, xét về mặt định tính, chúng tôi quan sát được không khí học tập của lớp học hứng thú, phấn khởi. HS say sưa và nỗ lực cá nhân kết hợp sự trao đổi tay đôi và nhóm để tìm câu trả lời cho các vấn đề của

[6] Tại lớp 12A3 do cô Hoàng Thị Tố Yên thực hiện ở trường THPT Chuyên Đại học Vinh.

bài học. Còn về mặt định lượng, dựa vào kết quả thực nghiệm, chúng tôi thấy ở lớp TN, số HS khá, giỏi tăng so với lớp ĐC. Như vậy, chúng tôi có thể khẳng định: với biện pháp sư phạm này, hiệu quả của bài học LS đã được nâng lên rõ rệt. Kết quả đó minh chứng cho tính khả thi của biện pháp SP mà chúng tôi vừa nêu.

4.2.3. Sử dụng tài liệu về di tích lịch sử ở địa phương để củng cố, luyện tập

Việc luyện tập kiến thức cho HS là một công việc quan trọng đối với người GV bộ môn ở trường THPT. Chúng giúp HS củng cố kiến thức, nắm những vấn đề cơ bản nhất của bài học về kiến thức, kĩ năng, thái độ. Khi tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương, có nhiều cách để giúp HS luyện tập - trong đó GV có thể kiểm tra hoạt động nhận thức nhằm luyện tập cho các em.

KT với các DTLS ở địa phương giúp GV thu nhận phản hồi từ phía HS. Qua đó GV biết được hiệu quả của tiết học, bài học ở mức độ nào. Việc kiểm tra hoạt động nhận thức của HS được thực hiện ngay trong tiến trình bài học để GV kịp thời có sự điều chỉnh cho phù hợp.

Để củng cố và xem xét kết quả học tập của HS, GV có thể sử dụng bài tập nhận thức đã đặt ra ở đầu bài học hoặc có thể thay đổi cách hỏi cho hấp dẫn và phù hợp hơn. *Ví dụ*, đối với bài 12, mục II: *Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925*, Gv có thể sử dụng sơ đồ về mối quan hệ giữa kiến thức LS cơ bản với các yêu cầu của bài tập nhận thức sau: *Do tác động của hoàn cảnh LS trong và ngoài nước làm cho phong trào CM ở Việt Nam thời gian này phát triển sôi nổi, rầm rộ dưới nhiều hình thức phong phú. Phong trào đã diễn ra như thế nào? Tại sao nói: Phong trào DTDC từ 1919 -1925 có những nét mới? Biểu hiện của nó?* Nội dung này được chuẩn bị sẵn bằng giấy A0 hoặc trên máy để trình chiếu, yêu cầu HS nối câu trả lời đúng.

Sơ đồ về mối quan hệ giữa sự kiện lịch sử cơ bản với bài tập nhận thức

- *Em hãy nối các sự kiện trong bảng với các yêu cầu của BTNT*

Phong trào CM từ 1919 -1925 phát triển theo khuynh hướng DCTS, những di tích nào ở Nghệ An liên quan đến nôI dung này?	1. Tháng 6/1925, ông về nước, tuyên truyền chống chế độ quân chủ, đề cao dân quyền. 2. 1924, về Quảng Châu tuyên truyền lí luận cách mạng vô sản. 3. Viết Thất điều thư, vạch ra 7 tội đáng chém của Khải Định. 4. 1921, lập Hội liên hiệp thuộc địa. 5. 1919, gửi đến hội nghị Vécxai bản Yêu sách của nhân dân An Nam. 6. Các nhà xuất bản tiến bộ: Nam Đồng thư xã, Cường học thư xã, Quan Hải tùng thư… 7. Tháng 6/1925, ông bị thực dân Pháp bắt, đưa đi an trí ở Huế. 8. Năm 1923, tổ chức Tâm tâm xã ra đời. 9. 1920, đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. 10. Ra đời báo bằng tiếng Pháp: Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê. 11. Viết Bản án chế độ thực dân Pháp. 12. Tháng 6/1924. Phạm Hồng Thái mưu sát Méc Lanh. 13. Phong trào đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất cảng lúa gạo của Pháp. 14. 1920, bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản 15. Lập Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên. 16. Lập đảng Lập Hiến. 17. Đòi trả tự do cho Phan Bội Châu 1925. 18. 1923, dự Hội nghị Quốc tế Nông dân, đại hội V của Quốc tế cộng sản. 19. Lễ truy triệu Phan Châu Trinh năm 1926. 20. Bãi công của công nhân Ba Son tháng 8/1925. 21. Nhà lưu niệm cụ Phan ở thị trấn Nam Đàn. 22. Nhà thờ họ Phạm ở Hưng Nguyên. 23. Di tích Kim Liên - Nam Đàn, Nghệ An.	***Sự kiện nào đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động CM của Nguyễn Ái Quốc?***
Sự kiện nào liên quan đến khuynh hướng CM vô sản ở Việt Nam từ 1919 - 1925? Các di tích nào ở Nghệ An liên quan đến nội dung này?		

Hoặc khi dạy bài 14: Phong trào cách mạng 1930 - 1935, chúng ta có thể sử dụng sơ đồ:

- *Em hãy nối các sự kiện trong bảng với các BTNT*

Nguyên nhân bùng nổ của phong trào cách mạng 1930 - 1931 là gì?		
Tại sao nói Xô viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của phong trào? Những di tích LS nào ghi dấu các sự kiện LS đó?	- Thực dân Pháp trút gánh nặng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 -1933 lên nhân dân các nước thuộc địa - trong đó có Việt Nam. - Cuộc đấu tranh ngày 1/5/1930 tại *di tích Cồn Mô*, Bến Thủy, Vinh của công nhân và nông dân. Pháp xả súng vào đoàn biểu tình làm 7 người chết, 18 người bị thương, bắt hơn 100 người. - 3.000 nông dân Thanh Chương biểu tình, phá đồn điền Kí Viện, cắm cờ búa liềm lên nóc nhà, tịch thu ruộng đất chia cho nông dân. Thực dân Pháp đàn áp. - Cuộc khủng bố vào đoàn biểu tình của nông dân tại Thái Lão, Hưng Nguyên ngày 12/9/1930 (di *tích đài tưởng niệm Thái Lão*). - Cuộc đấu tranh sôi nổi của nông dân và công nhân ở Nghệ An, Hà Tĩnh (9, 10/1930), làm tê liệt bộ máy chính quyền cấp huyện, xã của thực dân, đế quốc. *Di tích tiêu biểu: đình Võ Liệt (Thanh Chương), cụm DT làng Đỏ Hưng Dũng, đình Lương Sơn (Đô Lương)...* - Nhân dân ở Nghệ An, Hà Tĩnh lập các xôviết, nắm chính quyền ở địa phương, thực thi các chính sách tiến bộ, trấn áp bọn phản động, xây dựng bộ máy nhà nước của dân, do dân và vì dân. - Khẳng định đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng. - Thực dân Pháp thực hiện chính sách khủng bố trắng. - Mâu thuẫn giữa các giai cấp, tầng lớp với thực dân, PK sâu sắc - Xây dựng được liên minh công - nông rộng lớn.	*Vì sao nói: phong trào CM 1930 -1931 là "cuộc diễn tập đầu tiên" cho sự thành công của CM tháng Tám sau này?*

Với bài tập trên, GV không những kiểm tra các kiến thức cơ bản trong bài học mà còn giúp HS hiểu trả lời BTNT đầu giờ học và giúp các em liên hệ với DTLS trên quê hương của mình.

Ngoài ra, GV có thể yêu cầu HS lập các bảng thống kê, bảng tổng hợp, bảng so sánh... giúp HS khái quát, ghi nhớ và hiểu các kiến thức LS. *Ví dụ*, trong bài 22, tiết 2: *Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương (1965-1968),* vào cuối bài, GV nêu bài tập:

Thời gian	*Sự kiện*
1. 1959	... Sự kiện Vịnh Bắc Bộ
2. 1/11/1968	...Ném bom Cồn Cỏ (Vĩnh Linh), Đồng Hới (Quảng Bình).
3. 5/8/1964	... 13 chiến sĩ TNXP "Tiểu đội thép" hy sinh ở Truông Bồn, Mĩ Sơn, Nghệ An.
4. 7/2/1965	... Mở đường chiến lược Hồ Chí Minh (đường bộ)
5. 31/10/1968	... 33 chiến sĩ TNXP đơn vị C.271 hy sinh tại hang Hỏa tiễn, Hoàng Mai, Quỳnh Lưu, Nghệ An.
6. 28/4/1966	... Mĩ tuyên bố ngừng ném bom toàn miền Bắc.

Chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm từng phần (tại lớp 12 A3 do cô Nguyễn Thị Ngân Giản thực hiện ở trường THPT Thanh Chương I) để kiểm tra tính khả thi của việc sử dụng tài liệu về DTLS ở địa phương nhằm luyện tập cho HS (bài 14). Kết quả như sau:

Bảng 4.2. Kết quả kiểm tra hoạt động nhận thức HS

Lớp	*Sĩ số HS*	*Giỏi*		*Khá*		*Trung bình*		*Kém*	
		Số HS	*Tỉ lệ %*	*Số HS*	*Tỉ lệ %*	*Số HS*	*Tỉ lệ %*	*Số HS*	*Tỉ lệ %*
Thực nghiệm (12 A 3)	44	6	*13.6*	21	*45.65*	15	*34,1*	2	*4.5*
Đối chứng (12 D2)	46	6	*13*	20	*43.48*	14	*30.43*	6	*13.04*

Sau khi phát phiếu và xử lý kết quả, chúng tôi nhận thấy việc luyện tập kiến thức của HS thông qua kiểm tra hoạt động nhận thức là cần thiết và chúng giúp các em khắc sâu kiến thức về DTLS ở địa phương vừa học. Đồng thời HS cũng biết đặt các DT đó trong mối tương quan với các sự kiện LS quan trọng. Biện pháp này giúp HS ghi nhớ DTLS ở địa phương trên cơ sở nắm vững chắc kiến thức về tình hình Việt Nam trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mĩ.

4.2.4. Hướng dẫn HS sưu tầm tài liệu về DTLS để vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống và hoạt động kiểm tra, đánh giá

Sau khi HS được luyện tập qua các hình thức phong phú khác nhau, yêu cầu GV phải giúp các em *vận dụng* kiến thức. Từ đó HS biết liên hệ với những sự kiện đã học, biết kết nối kiến thức của LS dân tộc và LS thế giới, biết áp dụng những

hiểu biết cụ thể để lí giải những vấn đề của đời sống thực tiễn.

Để thực hiện việc mở rộng và vận dụng kiến thức, GV có thể sử dụng các BTVN. Đây là công việc quan trọng trong dạy học LS. GV cần chú trọng đến công việc này để giúp HS ghi nhớ, củng cố, hoàn thiện kiến thức, đồng thời rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức, ứng dụng vào thực tiễn. Trên cơ sở đó, rèn luyện cho HS phong cách học bộ môn. HS biết tự tìm hiểu, nghiên cứu vấn đề trong thời kì bùng nổ thông tin, thời kì cách mạng công nghệp 4.0. Sự chủ động của HS tạo thói quen tự học để mở rộng kiến thức. GV có thể ra BTVN yêu cầu HS sưu tầm tài liệu về DTLS để mở rộng kiến thức và vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống nhằm hình thành một số kĩ năng thiết thực như: giao tiếp, chia sẻ, khai thác thông tin, ghi chép, xử lý, phân tích, so sánh... thông tin mình thu thập được. Các em sẽ đi nhiều hơn, hỏi người thân hoặc cư dân địa phương nhiều hơn, phải sử dụng được các phương tiện kĩ thuật để chụp ảnh, quay vi deo... Tình cảm đối với quê hương nảy sinh từ đó và hình thành các kĩ năng sống. Qua đó phát triển năng lực tự học, khả năng giải quyết vấn đề, năng lực thực hành môn LS của HS.

Trên thực tế, qua những đợt điều tra, khảo sát tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An, chúng tôi nhận thấy một bộ phận không nhỏ HS hiểu biết hạn chế về các vấn đề của địa phương. Nhiều HS không biết các DTLS nổi tiếng ở ngay địa phương mình. Như vậy, các em cũng không nắm rõ sự kiện, nhân vật LS liên quan nên cũng không hiểu truyền thống quê hương mình. *Ví dụ*, các em tại các trường THPT Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Phong (Hưng Nguyên), khi chúng tôi phỏng vấn trực tiếp: *Vì sao ngôi trường có tên gọi đó? Liên quan nhân vật LS nào? Di tích nào ở địa phương gợi cho em về điều đó?* Số lượng các em trả lời chính xác câu hỏi rất ít. Phần đông vẫn rất mơ hồ, nhầm lẫn, có em trả lời không biết. Trong khi đó, Hưng Nguyên là một trong những huyện có mật độ DTLS tương đối dày liên quan đến giai đoạn 1919 - 2000. Khi tiến hành bài học LSDT với DTLS ở địa phương trên lớp, GV có thể hướng dẫn HS làm một số dạng bài tập sau:

+ Trả lời một câu hỏi tổng hợp, lập bảng thống kê các DT của một bài, một giai đoạn LS.

+ Bài tập rèn kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức...*Ví dụ*, GV ra các bài tập:

Hãy tìm hiểu những DTLS liên quan đến các giai đoạn LS từ 1919- 2000 tại Nghệ An. GV có thể yêu cầu HS rút ra đặc điểm của DTLS. Từ đó HS thấy được đặc diểm chung, riêng của DT, giúp HS nhớ kĩ, lâu kiến thức LS.

+ **Phiếu học tập** có thể được sử dụng ở trên lớp, nhất là trong các giờ ôn tập, tổng kết và còn được sử dụng để ra bài tập về nhà cho HS. Phiếu BT là bản phác thảo các công việc HS, nhóm HS trong thời gian xác định để hoàn thành một nhiệm vụ học tập nhất định. Phiếu học tập có thể thiết kế bởi 1, 2 câu hỏi bài tập, bảng biểu, sơ đồ, đề cương trống... yêu cầu HS trả lời, trình bày, điền hoặc sắp xếp thông tin... nhằm hình thành kiến thức hoặc phát triển một kĩ năng nhất định.

GV cũng có thể thiết kế các dạng **thẻ nhớ** để ra bài tập về nhà cho HS, yêu cầu các em làm việc với DTLS. "*Thẻ nhớ hay phiếu nhớ (Flash Cards) là một loại công cụ học tập được thiết kế và in rời dưới dạng văn bản nhằm hỗ trợ HS trong việc ghi nhớ các nhân vật, sự kiện, khái niệm LS một cách lôgic*". Cấu tạo của thẻ nhớ có hai phần: hình ảnh di tích và các thông tin định hướng cho HS những hiểu biết liên quan đến di tích đó. Thẻ nhớ di tích là địa điểm xảy ra sự kiện lịch sử. Ví dụ, HS điền vào thẻ nhớ sau:

Di tích Kim Liên, Nam Đàn

- Địa điểm:.....
- Nhân vật:.....
- Đặc điểm của di tích:.....
- Ý nghĩa của di tích:.....

Di tích Kim Liên - Nam Đàn

- Hướng dẫn học sinh lập hồ sơ trên hệ thống dữ liệu điện tử về DTLS ở địa phương

Trong thời kì của cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ thông tin - *IT (infomation technology)* được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực *giáo dục*. Chúng đóng vai trò là phương tiện, công cụ của GV và HS, từ đó tạo ra môi trường học tập mới, môi trường học tập ảo (virtual learning environment). Ở đây chúng tôi khai thác thế mạnh của công nghệ thông tin trong dạy học với DTLS ở địa phương như là một biện pháp hiệu quả trong khâu ra **BTVN** cho HS. Chúng thể hiện khả năng độc lập của HS trong việc vận dụng CNTT để lập *hồ sơ dữ liệu* về các DTLS ở địa phương phục vụ cho học tập bộ môn.

Việc yêu cầu, khích lệ HS lập hồ sơ dữ liệu điện tử về các DTLS ở địa phương có ý nghĩa quan trọng. Nó giúp các em củng cố, ghi nhớ kiến thức đã học. Qua đó, các em khắc sâu các sự kiện LS đã diễn ra trên quê hương mình, chỉ ra mối liên hệ với các sự kiện của LS dân tộc. Trên cơ sở đó, hình thành ở các em những tình cảm đặc biệt đối với địa phương, nơi mình sinh sống và hướng đến tình yêu đất nước. Đặc biệt ở lứa tuổi của HS THPT, khi được tiếp xúc và tìm kiếm thông tin từ mạng Internet giúp HS hứng thú, khơi gợi sự tìm tòi và niềm vui cho các em.

Để việc lập hồ sơ DTLS ở địa phương có tác dụng, tạo hứng thú và thực sự đem lại hiệu quả, cần có sự hướng dẫn, chỉ đạo của GV. Do thời lượng của bài học nội khóa quá ít, GV nêu rõ sự cần thiết của việc tự tìm hiểu và lập hồ sơ dữ liệu về DTLS ở địa phương cho HS. GV cần tìm hiểu đối tượng HS: đặc điểm HS, địa bàn sống của các em, có thể phân lớp thành bao nhiêu nhóm. Mỗi nhóm có thể được GV định hướng một chủ đề, giao bài tập sưu tầm, sắp xếp thành các hồ sơ DTLS của mỗi nhóm. Muốn làm được, các em phải tự tạo các trang web của lớp, trong đó có các phần trưng bày, các đường link chỉ dẫn các kết quả tìm tòi của các em. Mỗi Website có một địa chỉ xác định, khi truy cập vào đó, HS có thể thu nhận tổ hợp các loại tài liệu, dưới nhiều dạng thức khác nhau: văn bản, hình ảnh, video, âm thanh... Mỗi Website lại bao gồm nhiều *web-page* chứa các nội dung khác nhau. Trong đó có các đường link để minh họa cụ thể khi HS cần. *Ví dụ*, tại trường THPT Bắc Yên Thành, trước và sau *khi học chương III: Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954, bài 20,* GV định hướng một số di tích liên quan đến giai đoạn LS này, cả lớp được chia nhiều nhóm với nhiệm vụ chung là thiết lập thông tin hình ảnh và một số tư liệu

điển hình, ngắn gọn giới thiệu về DTLS ở Nghệ An. Đó là các DT: Nhà thờ họ Phan Mạc (Hoa Thành), Đình Sừng, (Lăng Thành), Đền Cả (Nhân Thành), Đình Liên Trì (Liên Thành), đình Trụ Pháp (Mỹ Thành)... Những ngôi đình làng, từ đường dòng họ, các ngôi đền ở làng quê là những không gian văn hóa tâm linh, nơi lưu giữ hồn cốt quê hương. Và chúng còn gắn liền với những dấu ấn lịch sử hào hùng của dân tộc, là địa chỉ đỏ hun đúc tình yêu quê hương, niềm tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ. Đây là những địa điểm hoạt động của Đảng trong những năm 1930-1931, là địa điểm tập trung hội viên nông hội, tự vệ đi cướp chính quyền trong Cách mạng tháng Tám, là nơi đặt trụ sở của ta trong kháng chiến chống Pháp…

Mỗi nhóm có nhiệm vụ lập một *web page*. Sau khi thảo luận, GV chia lớp là 5 nhóm, mỗi nhóm phụ trách việc tìm tranh ảnh, tài liệu để giới thiệu trên trang web page của mình.

Khi tổ chức dạy học với di tích lịch sử ở địa phương, nhằm giúp HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cũng như mở rộng kiến thức, GV cần chú ý khâu *kiểm tra, đánh giá* học sinh. Đây là "*một khâu không thể thiếu được của quá trình dạy học, là biện pháp quan trọng để năng cao chất lượng dạy học*" [74;216]. Tổ chức KT, ĐG với DTLS ở địa phương trong dạy học bộ môn giúp HS ghi nhớ, hiểu sâu kiến thức: tái hiện được sự kiện, hiện tượng LS; hiểu bản chất, lí giải được những mối quan hệ của chúng... Đó là cơ sở để hình thành cho các em các năng lực bộ môn cần thiết và bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp như: biết ơn, tự hào về truyền thống quê hương, ý thức giữ gìn DT LS...

KT, ĐG với DTLS ở địa phương trong dạy học LS có thể tập trung vào những nội dung như: về sự kiện tiêu biểu trong LS dân tộc diễn ra ở địa phương, các nhân vật LS ở địa phương có đóng góp lớn cho dân tộc, các nội dung về LS địa phương...

Khi sử dụng tài liệu DTLS ở địa phương để KT, ĐG học sinh, GV cần chú ý đa dạng hóa hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá. GV cần kết hợp kiểm tra, ĐG bằng câu hỏi tự luận và trắc nghiệm KQ. Điều này giúp GV kiểm tra độ sâu của kiến thức, khả năng diễn đạt, lập luận lôgic, thái độ, tình cảm của HS... Đồng thời giúp kiểm tra kiến thức trên diện rộng, khả năng phản ứng nhanh, linh hoạt của HS...

Để đạt được hiệu quả KT, ĐG trong quá trình tổ chức dạy học LS với các

DTLS ở địa phương, GV cần linh hoạt, đa dạng các hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá, cần đảm bảo tính toàn diện, chính xác, khách quan, công bằng.

Căn cứ vào mục tiêu từng bài học, đối tượng HS, điều kiện thực tế, GV cần vận dụng linh hoạt các biện pháp sau để KT, ĐG trong quá trình tiến hành BHLS hiệu quả hơn.

- Trong bài học LS ở trên lớp có sử dụng tư liệu về DTLS, GV có thể đặt các câu hỏi khái quát giúp HS ghi nhớ kiến thức ngay sau mỗi đơn vị (mô - đun) kiến thức hoặc ngay sau toàn bài.

- KT, ĐG cần được tiến hành thường xuyên trong tiến trình của bài học nội khóa. GV có thể sử dụng tài liệu về DTLS ở địa phương trong quá trình KT, ĐG này. Chúng được thực hiện ở các khâu của BH nội khóa như: KT đầu giờ học, KT trong tiến trình của bài học và KT vào cuối giờ học.

Các hình thức KT, ĐG là:

- ***Kiểm tra miệng***: Đây là hình thức giúp GV nhanh chóng "đo", "đếm" khả năng nắm vững kiến thức LS nói chung và về DTLS ở địa phương của HS như thế nào. Chúng giúp HS rèn luyện khả năng diễn đạt, trình bày, lập luận một vấn đề LS bằng ngôn ngữ nói. GV có thể sử dụng câu hỏi tự luận kết hợp các câu hỏi TNKQ để kiểm tra miệng với các biện pháp như:

+ Sử dụng các loại ĐDTQ như tranh, ảnh, bản đồ, lược đồ... để kiểm tra kiến thức về DTLS ở địa phương mà HS đã được học trong bài. Trong bài nội khóa các kiến thức về DTLS ở địa phương một mặt đã được GV khéo léo đưa vào hoặc đó chính là thành quả khám phá của HS. Nhưng chỉ sau khi KT, chúng ta mới có một sự xác nhận vững chắc về kết quả thu nhận của các em như thế nào. Việc sử dụng ĐDTQ là một biện pháp không những giúp GV kiểm tra kiến thức của HS mà với những đặc điểm của chúng còn giúp các em hình dung cụ thể về DT. Các câu hỏi, BT về xác định DT trên bản đồ, lược đồ... giúp HS ghi nhớ địa điểm của DT và vị trí của chúng trong mối tương quan với các DTLS khác. Trong khi đó, các câu hỏi, BT yêu cầu quan sát vẻ bên ngoài của DT chỉ rõ tên DT lại giúp HS phân biệt DT này với DT khác trên cơ sở sự mô tả những đặc điểm bên ngoài, cấu tạo của DT. Ví dụ, sau khi dạy học bài nói trên, GV có thể chuẩn bị sẵn một bản đồ "câm", chỉ điền một số yếu tố địa lý, địa danh cơ bản và để trống những nơi có DTLS tiêu biểu đã

được nghiên cứu trong bài học. GV ra BT sau cho HS: "*Các em hãy điền những DTLS ở địa phương mà em biết sau khi học về phong trào CM 1930 -1931*". Nhiệm vụ của HS là xác định vị trí của DT đó trên bản đồ.

+ Sử dụng các đoạn tư liệu ngắn (chủ yếu do GV thiết kế) để kiểm tra xem SKLS và di tích nào liên quan. Ví dụ, GV ở các trường tại Thanh Chương, cho HS nghe đoạn thơ:

"Đền Hai Hầu mấy ai không biết
Năm 30 diễn thuyết trong đêm
Có hai hầu Mai Lĩnh, Lâm Xuyên
Con ngựa hồng, ông tượng đá cũng đứng lên đồng tình"

và đặt câu hỏi: "*Theo các em, DTLS nào ở địa phương liên quan đến nội dung nêu trên? Địa điểm, mô tả khái quát về DT*?"

- Kiểm tra viết: Trong DH bộ môn, có thể tiến hành KT viết với DTLS khi kiểm tra 15 phút, kiểm tra một tiết, kiểm tra học kì. Hình thức kiểm tra viết giúp HS hiểu sâu sắc các vấn đề LS. Bởi vì KT viết không chỉ kiểm tra khả năng ghi nhớ mà còn yêu cầu phân tích, đánh giá sự kiện đó như thế nào. Qua kiểm tra viết, năng lực trình bày, diễn đạt, lập luận các vấn đề LS, thể hiện xúc cảm, quan điểm cá nhân. Các đề KT phải được thiết kế đảm bảo tính giá trị, phản ánh năng lực thực tế của HS. Do đó, các câu hỏi KT phải tập trung vào ba mặt toàn diện: khôi phục LS, nhận thức LS và vận dụng kiến thức LS.

GV có thể tiến hành kiểm tra viết cho HS bằng câu hỏi tự luận hoặc câu hỏi TNKQ. Các loại câu hỏi tự luận cần được kết hợp với câu hỏi TNKQ để kiểm tra viết, theo tỉ lệ nhất định: 40% câu tự luận. 60% câu TN. 50% câu tự luận, 50% câu TN. Câu hỏi tự luận không chỉ giúp HS ghi nhớ nhiều nội dung của DTLS như trình bày về SK liên quan, mô tả DT, nêu ra giá trị, giải pháp bảo vệ DT mà còn là dịp để HS thể hiện rõ cách lập luận logic của bản thân về một vấn đề LS cũng như bộc lộ thái độ, cách đánh giá về SK, về DTLS ở địa phương. GV nên đa dạng hóa các câu hỏi tự luận. Ngoài các câu hỏi tái hiện thông thường, GV cần nêu ra câu hỏi giúp HS tư duy, biết phân tích sâu, biết so sánh về DTLS ở địa phương. *Ví dụ*, GV nêu câu hỏi: "*Em hãy trình bày hiểu biết của mình về các DTLS tiêu biểu ở Nghệ An trong giai đoạn 1954-1975. Nhận xét của em về các DTLS thời kì này ở Nghệ An"*. Với câu hỏi này, HS phải nắm chắc tên gọi, đặc điểm, sự kiện LS gắn liền với DT.

Đồng thời các em cần khái quát đặc điểm của DTLS ở địa phương ở giai đoạn này.

Sau khi dạy học các bài 21: *Xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954-1965)* và bài 22*: Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965-1973),* tại lớp thực nghiệm, ở trường THPT Đô Lương I, chúng tôi kiểm tra ở đầu giờ của bài học sau. Chúng tôi sử dụng đề kiểm tra gồm 1 bài tập và một câu hỏi tự luận. Đề KT như sau:

I. *Phân tích điểm giống nhau và khác nhau của chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mĩ.*

II. *Các em hãy nối các thông tin ở 3 cột sau để tạo thông tin LS đúng*

Tên di tích	*Địa điểm*	*Sự kiện LS*
1. Di tích Di tích Truông Bồn	… TP.Vinh	… 33 TNXP hy sinh ngày 28/4/1966
2. Nhà máy điện	… Mỹ Sơn - Đô Lương	… Bác Hồ nói chuyện ngày *10/12/1961*
3. Trường cấp I xã Vĩnh Thành	… Hoàng Mai, Quỳnh Lưu	… 12 TNXP hy sinh ngày 31/10/1968

Qua kết quả chấm bài nói trên, chúng tôi nhận thấy ngoài việc tăng cường sử dụng tài liệu DTLS ở địa phương trong bài học nội khóa trên lớp, nếu GV chú ý đưa những kiến thức về DTLS ở địa phương vào việc hướng dẫn HS sưu tầm tài liệu về DTLS ở ĐP để vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống và kiểm tra, đánh giá thì kết quả thu được tương đối khả quan. Nó giúp HS hiểu sâu các sự kiện LSDT và LSĐP, biết liên hệ với thực tiễn ở địa phương cũng như hình thành các phẩm chất tốt đẹp cho các em.

Việc hướng dẫn HS tiếp tục sưu tầm tài liệu về DTLS để mở rộng kiến thức và vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống thông qua hoàn thành các BTVN và hoạt động KT, ĐG có tác dụng rõ rệt. Chúng có thể được thực hiện qua nhiều biện pháp. Tại lớp thực nghiệm, 12 A3 do cô Nguyễn Thị Hà thực hiện ở trường THPT Bắc Yên Thành, chúng tôi ra bài tập về nhà với câu hỏi: "*Em hãy lập hồ sơ về một di tích LS ở gần nơi em sinh sống liên quan đến lịch sử Việt Nam giai đoạn 1945-1954 ở Nghệ An*".

Xử lý số liệu kiểm tra việc mở rộng và vận dụng kiến thức của HS tại lớp thực nghiệm khi kết thúc bài 20 "*Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết*

thúc (1953-1954)", chúng tôi có kết quả sau:

Bảng 4.3. Kết quả thực nghiệm biện pháp hướng dẫn HS sưu tầm tài liệu về DTLS để vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS

Lớp	***Sĩ số HS***	***Giỏi***		***Khá***		***Trung bình***		***Kém***	
		Số HS	*Tỉ lệ %*	*Số HS*	*Tỉ lệ %*	*Số HS*	*Tỉ lệ %*	*Số HS*	*Tỉ lệ %*
Thực nghiệm (12 A 3)	48	9	*18.75*	23	*48.0*	14	*29.2*	2	*4.2*
Đối chứng (12 D2)	46	6	*13*	23	*52.27*	16	*72.73*	7	*15.22*

4.3. Thực nghiệm sư phạm toàn phần

Từ việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn cũng như việc đề xuất các biện pháp SP nói trên, ở chương 4 chúng tôi đã tiến hành TNSP để kiểm tra tính khả thi của chúng. Trên cơ sở đó, chúng tôi sẽ trình bày đề xuất của mình để GV tăng cường tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở lớp 12 THPT tỉnh Nghệ An.

4.3.1. Mục đích của thực nghiệm

Thứ nhất, thực nghiệm nhằm khẳng định tính khả thi của các biện pháp tổ chức dạy học bộ môn với DTLS tại địa phương vào thực tiễn dạy học bộ môn ở trường TPPT tỉnh Nghệ An qua bài học LS dân tộc trên lớp. Từ đó chỉ rõ sự cần thiết phải đưa kiến thức về DTLS tại địa phương vào DHLS ở lớp 12 THPT ở Nghệ An.

Thứ hai, thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng tính đúng đắn của các biện pháp sư phạm mà luận án đưa ra trong việc sử dụng DTLS ở địa phương trong dạy học LS lớp 12 tại Nghệ An.

4.3.2. Đối tượng, địa bàn, giáo viên thực nghiệm

- Chúng tôi chọn học sinh lớp 12 tại các trường THPT sau đây ở Nghệ An làm địa bàn thực nghiệm toàn phần:

- Trường THPT Hoàng Mai (Quỳnh Lưu)
- Trường THPT Đô Lương 1
- Trường THPT Nội trú Kỳ Sơn
- Trường THPT Nghi Lộc 2
- Trường THPT Thanh Chương 1

- Trường THPT Lê Viết Thuật (TP. Vinh)

Chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm trong các năm học: 2013 - 2014, 2015-2016, 2017 - 2018. Các lớp TN và đối chứng tương đương nhau về: sĩ số, trình độ, năng lực nhận thức. HS tại các lớp thực nghiệm bao gồm các đối tượng khác nhau: giỏi, khá, trung bình, yếu.

- Chúng tôi chọn GV bộ môn hội đủ các điều kiện: có trình độ chuyên môn, năng lực dạy học tốt, có thâm niên trong nghề từ 05 năm trở lên, có trách nhiệm, nhiệt tình và tự nguyện tham gia thực nghiệm.

4.3.3. Nội dung thực nghiệm

* Chọn bài 14 *"Phong trào cách mạng 1930 -1935"* trong SGK Lịch sử lớp 12 để tiến hành dạy học bài học nội khóa trên lớp.

* Chọn bài 22 "*Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất* (1965- 1973), tiết 37.

4.3.4. Phương pháp thực nghiệm

- Tại các trường tiến hành thực nghiệm, chúng tôi chọn hai lớp 12 có sĩ số, trình độ và năng lực tương đương.

Về nội dung, bài TN được chúng tôi chọn để tiến hành thực nghiệm: *thứ nhất* là các nội dung bám sát các sự kiện vừa xảy ra tại địa phương nhưng cũng là những biến cố lớn lao trong LS dân tộc. *Thứ hai*, chúng tôi chọn một sự kiện tiêu biểu của LSĐP trên địa bàn tỉnh để giáo dục lịch sử, giáo dục tình cảm đối với quê hương cho HS. Mặt khác, các bài thực nghiệm có nội dung phản ánh hai giai đoạn khác nhau của lịch sử dân tộc.

- Chúng tôi soạn các giáo án trong đó yêu cầu GV và HS làm việc với các DTLS ở địa phương, sau đó trao đổi, bàn bạc với giáo viên thực nghiệm để hiểu mục tiêu của việc thực nghiệm. Sau khi hai bên đã thống nhất về ý tưởng, kế hoạch, nội dung, phương pháp và phương tiện cụ thể, GV thực nghiệm sẽ tiến hành hoạt động dạy học của mình tại lớp thực nghiệm. Ở lớp đối chứng, GV vẫn dạy theo nội dung, PP thông thường, không đi sâu các DTLS ở địa phương.

- Khi tiến hành các giờ học thực nghiệm, chúng tôi dự giờ, quan sát. Sau bài học, chúng tôi kiểm tra hoạt động nhận thức của HS, thu thập số liệu, xử lý, nêu kết quả về mặt định tính và định lượng.

+ Đánh giá về mặt định tính

Dựa vào các nguồn thông tin có được từ khảo sát thực tiễn, dự giờ, phỏng vấn, trao đổi, quan sát, ghi chép, thực nghiệm cả quá trình để đưa ra các các kết luận có căn cứ khoa học, khách quan.

Tiêu chí đánh giá HS qua các câu hỏi sau bài TN: gồm kiến thức, kĩ năng và thái độ được hình thành ở học sinh sau khi tiến hành dạy học với DTLS ở địa phương tại các trường THPT của tỉnh Nghệ An.

Tiêu chí	Nội dung đánh giá HS
1	Biết *giới thiệu khái quát* truyền thống lịch sử, văn hóa về địa phương có di tích.
2	*Miêu tả khái quát* di tích lịch sử: thời gian xây dựng, cấu tạo của DT, đặc điểm của DT.
3	*Trình bày* về sự kiện, nhân vật LS liên quan đến DTLS.
4	Nêu ý tưởng, giải pháp về việc *bảo vệ* hoặc *tuyên truyền* giá trị của DT ở địa phương.

+ Đánh giá về mặt định lượng:

Để đánh giá tính trung thực của kết quả thực nghiệm, chúng tôi sử dụng toán học thống kê với công thức xác suất thống kê và bảng phân phối student [33] để thống kê và tính toán kết quả thực nghiệm. Cụ thể là các chỉ số sau:

* *Từ tỉ lệ phần trăm*: Nhằm đánh giá mức độ nắm vững kiến thức và kĩ năng của HS giữa hai lớp thực nghiệm và đối chứng.

* *Tính trung bình cộng*: Nhằm so sánh và đánh giá mức độ điểm trung bình của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng. Được tính theo công thức:

$$\overline{X} = \frac{1}{n}\sum_{i=1}^{n} f_i x_i$$

Trong đó: X là giá trị trung bình cộng

f là số học sinh

x_i là giá trị điểm số

f_i là tần số của x_i

+ Độ lệch tiêu chuẩn S: Độ lệch chuẩn phản ánh sự sai lệch hay dao động, phân tán của các số liệu xung quanh giá trị trung bình cộng giữa hai nhóm thực nghiệm và đối chứng, nhóm nào có độ lệch chuẩn nhỏ hơn thì nhóm đó có kết quả cao hơn:

Công thức được tính:

$$S = \sqrt{\frac{\sum f_i (x_i - x)^2}{n-1}}$$

Trong đó: S là độ lệch chuẩn

x_i là giá trị điểm số

$\overline{X}$ là giá trị trung bình cộng

n là tổng số HS tham gia của mỗi nhóm

f_i là tần số của x_i

+ *Hệ số biến thiên V*: Nhằm so sánh mức độ phân tán của các số liệu thu được từ thực nghiệm. V càng nhỏ chứng tỏ số liệu thu được khá tập trung và ngược lại. V được tính theo công thức.

$$V = \frac{S}{X}.100$$

+ *Đại lượng kiểm định t*: Nhằm kiểm tra sự khác nhau của giá trị trung bình, xem sự khác nhau giữa các giá trị điểm trung bình cộng chênh lệch của hai lớp thực nghiệm và đối chứng có ý nghĩa hay không. Chúng tôi sử dụng phép thử này để kiểm nghiệm hiệu quả của việc tổ chức dạy học LSVN (1919 - 2000), lớp 12 với DTLS ở địa phương tại Nghệ An . Nếu $t_d > t_\alpha$ thì sự khác nhau giữa x_1, x_2 là có ý nghĩa và ngược lại. Đại lượng này được tính theo công thức:

$$t_d = \frac{x_1 - x_2}{\sqrt{\frac{S_1^2}{n_1} + \frac{S_2^2}{n_2}}}$$

Trong đó:

T_d là giá trị của phép thử t - Student

x_1, x_2 là các trung bình cộng của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng

S_1^2, S_2^2 là độ lệch chuẩn của nhóm TN và nhóm ĐC

n_1, n_2 là số HS của nhóm TN và nhóm ĐC

Với giá trị tới hạn của t là t_α (chọn $\alpha = 0,05$ theo bảng phân phối Student) với bậc tự do f:

$$f = \frac{1}{\frac{c^2}{n_1 - 1} + \frac{(1-c)^2}{n_2 - 1}}$$

Trong đó:

$$c = \frac{S_1^2}{n_1} \times \frac{1}{\frac{S_1^2}{n_1} + \frac{S_2^2}{n_2}}$$

Ngoài việc trực tiếp tham gia thực nghiệm, tác giả còn nhờ sự giúp đỡ của đồng nghiệp, sinh viên, học sinh. Trong các giờ thực thực nghiệm của đồng nghiệp, tác giả tham gia vào tư vấn, giải đáp thắc mắc, hỗ trợ thêm khi cần thiết. Sau tiết học thực nghiệm học sinh sẽ làm bài kiểm tra để tác giả lấy điểm tham chiếu với lớp đối chứng. Ngoài ra, tác giả xin một số ý kiến qua trao đổi, bằng phiếu (nếu không trực tiếp có mặt)

4.3.5. Tiến hành thực nghiệm

- Nghiên cứu chương trình, SGK, tài liệu tham khảo và thiết kế giáo án: căn cứ vào mục tiêu của việc dạy học với DTLS ở địa phương lớp 12 tại Nghệ An, chúng tôi nghiên cứu kĩ chương trình, SGK, các dạng tài liệu tham khảo (tài liệu chính thống được các ban, ngành ở Nghệ An thẩm định, phê duyệt), các trang web tin cậy, hồ sơ di tích từ Ban Quản lý di tích và danh thắng Nghệ An, tài liệu DTLS của Sở Văn hóa Nghệ An. Trên có sở điều tra, phỏng vấn, dự giờ, tham vấn ý kiến của GV các trường, chúng tôi tiến hành soạn giáo án thực nghiệm và giáo án đối chứng.

- Trao đổi, bàn bạc và thống nhất về ý tưởng, nội dung, PP, biện pháp, phương tiện dạy học với GV dạy thực nghiệm.

- Lựa chọn lớp thực nghiệm và lớp đối chứng

- Kiểm tra các khâu chuẩn bị cho giờ học thực nghiệm.

- GV tiến hành hoạt động dạy học ở hai lớp (TN và ĐC) theo giáo án thực nghiệm và giáo án bình thường.

4.3.6. Kết quả thực nghiệm

**** Về mặt định tính***

Chúng tôi quan sát thái độ học tập của học sinh để đánh giá mức độ hứng thú, say mê; tính tự giác, tích cực, hợp tác của các em trong quá trình thực nghiệm. Sau khi tiến hành thực nghiệm, chúng tôi đã phỏng vấn các GV dạy TN. 79,3% GV cho rằng các biện pháp sư phạm trong dạy học với DTLS ở địa phương là rất cần thiết, 20,7% GV cho rằng cần thiết.

****Về mặt định lượng***

Dựa vào kết quả làm các bài kiểm tra của HS ở lớp ĐC và TN, chúng tôi xếp HS thành các loại: giỏi (9 -10 điểm), khá (7- 8 điểm), trung bình (5 - 6 điểm), yếu (dưới 5 điểm).

Hoạt động TN toàn phần được tiến hành ở 6 trường, kết quả TN cho thấy điểm trung bình cuả nhóm TN cao hơn so với lớp ĐC. Cụ thể như sau:

Trường	**Lớp**	**Sĩ số**	**Bài 1**
Trường THPT Đô Lương 1	**TN**	46	7,33
	ĐC	44	6,64
Trường THPT Nghi lộc 2	**TN**	45	7,42
	ĐC	45	6,67
Trường THPT Lê Viết Thuật	**TN**	45	7,67
	ĐC	43	6,67
Trường THPT DTNT Kỳ Sơn	**TN**	28	7,32
	ĐC	30	6,50
Trường THPT Hoàng Mai	**TN**	43	7,4
	ĐC	45	6,8
Trường THPT Thanh Chương 1	**TN**	46	7,2
	ĐC	42	6,62

Trường	**Lớp**	**Sĩ số**	**Bài 2**

Trường THPT Đô Lương 1	**TN**	46	7,35
	ĐC	44	6,73
Trường THPT Nghi Lộc 2	**TN**	45	7,49
	ĐC	45	6,51
Trường THPT Lê Viết Thuật	**TN**	45	7,38
	ĐC	43	6,79
Trường THPT DTNT Kỳ Sơn	**TN**	28	7,29
	ĐC	30	6,37
Trường THPT Hoàng Mai	**TN**	43	7,49
	ĐC	45	6,69
Trường THPT Thanh Chương 1	**TN**	46	7,37
	ĐC	42	6,74

Cũng trong các kết quả trên cho thấy tỉ lệ điểm khá giỏi của lớp TN cao hơn so với lớp ĐC. Ngược lại, tỉ lệ điểm trung bình và yếu ở lớp TN thấp hơn lớp ĐC. Cụ thể như ở bảng sau:

Nhóm	**Bài TN1**		**Bài TN2**	
	Y-TB	***K-G***	***Y-TB***	***K-G***
TN	22,5	77,5	21,3	78,7
ĐC	43,8	56,2	44,6	55,4

Kết quả thu được như sau:

Bảng 4.4. Bảng điểm kiểm tra bài học lịch sử dân tộc nội khóa ở trên lớp (Bài số 1)

Trường	**Lớp**	**Sĩ số**	**Điểm kiểm tra**							$\overline{X}$	**S**	t_d	t_α
			4	***5***	***6***	***7***	***8***	***9***	***10***				
Trường THPT Đô Lương 1	TN	46	0	3	9	15	11	5	3	7,33	1,28	2,47	1,99
	ĐC	44	2	8	10	12	9	2	1	6,64	1,37		
Trường THPT Nghi Lộc 2	TN	45	0	4	5	15	13	5	3	7,42	1,29	2,79	1,99
	ĐC	45	2	6	11	16	7	2	1	6,67	1,28		
Trường THPT Lê Viết Thuật	TN	45	0	1	5	14	15	8	2	7,67	1.11	4,12	1,99
	ĐC	43	1	5	13	15	6	3	0	6,67	1,15		
Trường THPT DTNT Kỳ Sơn	TN	28	0	2	6	7	8	4	1	7,32	1,28	2,34	1,99
	ĐC	30	2	6	7	7	6	2	0	6,50	1,38		
Trường THPT Hoàng Mai	TN	43	0	4	6	13	12	5	3	7,4	1,33	2,09	1,99
	ĐC	45	2	6	10	12	12	2	1	6,8	1,34		
Trường THPT Thanh Chương 1	TN	46	0	4	8	15	14	4	1	7,2	1,17	2,2	1,99
	ĐC	42	3	5	10	13	9	2	0	6,62	1,29		

Bảng 4.5. Bảng tỉ lệ kết quả bài học lịch sử dân tộc nội khóa ở trên lớp (Bài số 2)

Trường	Lớp	Sĩ số		Xếp loại			
				Yếu	*TB*	*Khá*	*Giỏi*
Trường THPT Đô Lương 1	**TN**	46	SL	0	12	26	8
			%	0	26,1	56,5	17,4
	ĐC	44	SL	2	18	21	3
			%	4.6	40,9	47.7	6,8
Trường THPT Nghi Lộc 2	**TN**	45	SL	0	9	28	8
			%	0	20	62,2	17,8
	ĐC	45	SL	2	17	23	3
			%	4,4	37,8	51,1	6,7
Trường THPT Lê Viết Thuật	**TN**	45	SL	0	6	29	10
			%	0	13,3	64,5	22,2
	ĐC	43	SL	1	18	21	3
			%	2,3	41,9	48,8	7
Trường THPT DTNT Kỳ Sơn	**TN**	28	SL	0	8	15	5
			%	0	28,6	53,5	17,9
	ĐC	30	SL	2	13	13	2
			%	6,7	43,3	43,3	6,7
Trường THPT Hoàng Mai	**TN**	43	SL	0	10	25	8
			%	0	23,3	58,1	18,6
	ĐC	45	SL	2	16	24	3
			%	4,4	35,6	53,3	6,7
Trường THPT Thanh Chương 1	**TN**	46	SL	0	12	29	5
			%	0	26,1	63	10,9
	ĐC	42	SL	3	15	22	2
			%	7,1	35,7	52,4	4,8
Tổng hợp	**TN**	253	SL	0	57	152	44
			%	0	22,5	60,1	17,4
	ĐC	249	SL	12	97	124	16
			%	4,8	39	49,8	6,4

Bảng 4.6. Các tham số kiểm định kết quả kiểm tra bài thực nghiệm số 1

Lớp	N	Tham số				
		$\overline{x}$	*S*	*V*	t_d	t_α
TN	253	7,39	1,24	16,78	6,49	1,96
ĐC	249	6,66	1,29	19,37		

Hình 4.1. Biểu đồ thể hiện kết quả thực nghiệm bài số 1

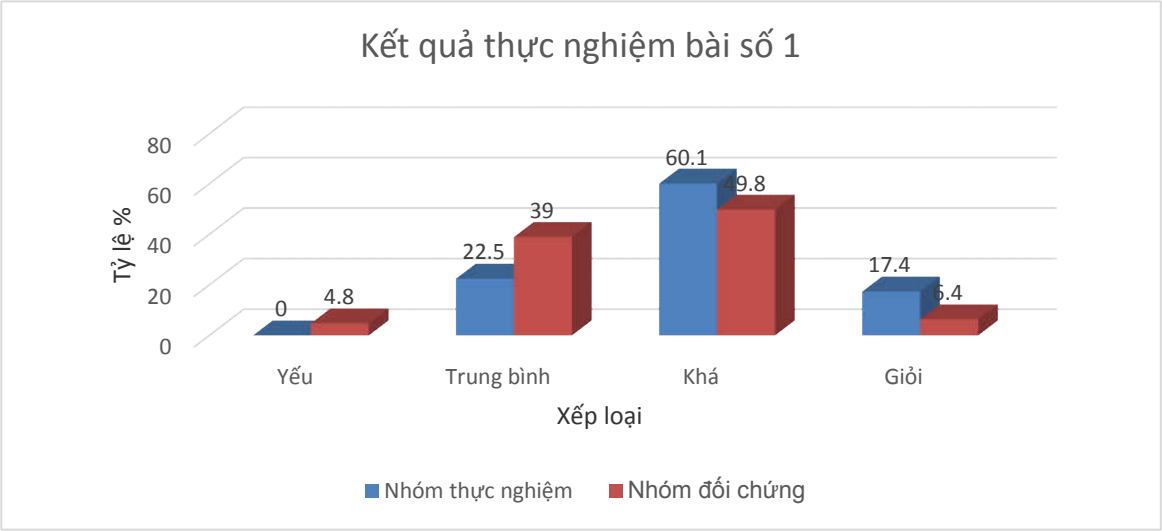

** Kết quả thực nghiệm bài số 2*

- Cách thức thu nhận kết quả: Kiểm tra 15 phút sau khi học xong bài học

- Nội dung kiểm tra: Đề thi được thiết kế có 10 câu trong đó có 2 câu tự luận và 8 câu thực nghiệm. Cụ thể (Đề kiểm tra phần Phụ lục)

- Kết quả thực nghiệm cụ thể như sau:

Bảng 4.7. Bảng điểm kiểm tra bài thực nghiệm số 2

Trường	Lớp	Sĩ số	Điểm kiểm tra							$\bar{X}$	S	t_d	t_α
			4	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*				
Trường THPT Đô Lương 1	**TN**	46	0	4	8	14	10	8	2	7,35	1,32	2,19	1,99
	ĐC	44	2	5	14	11	7	4	1	6,73	1,37		
Trường THPT Nghi lộc 2	**TN**	45	0	4	5	12	15	7	2	7,49	1,27	3,59	1,99
	ĐC	45	3	7	12	13	7	3	0	6,51	1,31		
Trường THPT Lê Viết Thuật	**TN**	45	0	3	7	15	12	6	2	7,38	1,23	2,17	1,99
	ĐC	43	1	5	14	10	9	3	1	6,79	1,3		
Trường THPT DNTN Kỳ Sơn	**TN**	28	0	2	4	10	9	2	1	7,29	1,15	2,69	1,99
	ĐC	30	3	6	7	7	5	2	0	6,37	1,42		
Trường THPT Hoàng Mai	**TN**	43	0	2	6	14	13	6	2	7,49	1,18	2,98	1,99
	ĐC	45	2	7	10	14	9	2	1	6,69	1,33		
Trường THPT Thanh Chương 1	**TN**	46	0	3	6	15	16	5	1	7,37	1,12	2,47	1,99
	ĐC	42	2	7	4	19	7	3	0	6,74	1,27		

Bảng 4.8. Bảng tỉ lệ xếp loại kết quả kiểm tra bài thực nghiệm số 2

Trường	Lớp	Sĩ số		Xếp loại			
				Yếu	*TB*	*Khá*	*Giỏi*
Trường THPT Đô Lương 1	**TN**	46	SL	0	12	24	10
			%	0	26,1	52,2	21,7
	ĐC	44	SL	2	19	18	5
			%	4,5	43,2	40,9	11,4
Trường THPT Nghi Lộc 2	**TN**	45	SL	0	9	27	9
			%	0	20	60	20
	ĐC	45	SL	3	19	20	3
			%	6,7	42,2	44,4	6,7
Trường THPT Lê Viết Thuật	**TN**	45	SL	0	10	27	8
			%	0	22,2	60	17,8
	ĐC	43	SL	1	19	19	4
			%	2,3	44,2	44,2	9,3
Trường THPT DTNT Kỳ Sơn	**TN**	28	SL	0	6	19	3
			%	0	21,4	67,9	10,7
	ĐC	30	SL	3	13	12	2
			%	10	43,3	40	6,7
Trường THPT Hoàng Mai	**TN**	43	SL	0	8	27	8
			%	0	18,6	62,8	18,6
	ĐC	45	SL	2	17	23	3
			%	4,4	37,8	51,1	6,7
Trường THPT Thanh Chương 1	**TN**	46	SL	0	9	31	6
			%	0	19,6	67,4	13
	ĐC	42	SL	2	11	26	3
			%	4,8	26,2	61,9	7,1
Tổng hợp	**TN**	253	SL	0	54	155	44
			%	0	21,3	61,3	17,4
	ĐC	249	SL	13	98	118	20
			%	5,2	39,4	47,4	8

Bảng 4.9. Các tham số kiểm định kết quả kiểm tra bài thực nghiệm số 2

Lớp	N	Tham số				
		$\overline{x}$	S	V	t_d	t_α
TN	253	7,40	1,21	16,35	6,61	1,96
ĐC	249	6,65	1,32	19,85		

Hình 4.2. Biểu đồ thể hiện kết quả thực nghiệm bài số 2

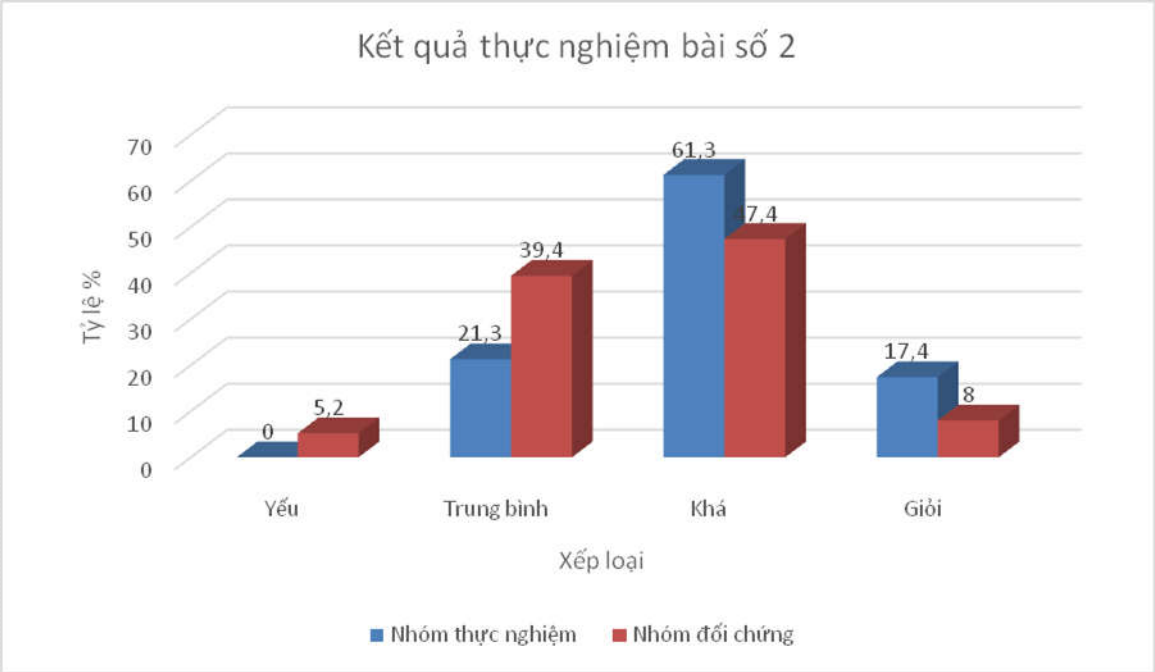

4.4.7 Nhận xét chung về thực nghiệm sư phạm

Qua tiến hành các bài thực nghiệm cùng với một số biện pháp được tiến hành song song trước và sau thực nghiệm như: trao đổi, phỏng vấn GV, quan sát, dự giờ, phiếu hỏi ý kiến sau khi kết thúc giờ thực nghiệm về việc tổ chức dạy học với di tích LS ở địa phương tại Nghệ An, chúng tôi nhận thấy:

- So với các giờ học thông thường, việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương với các biện pháp dạy học đã nêu giúp bài học tránh được sự nhàm chán, HS được động não, được hoạt động, được lôi cuốn vào việc giải quyết các vấn đề ... Qua đó, năng lực của các em được bồi dưỡng và khẳng định.

Từ các kết quả trên cho phép chúng ta khẳng định rằng tổ chức dạy học với DT LS ở địa phương trong bài học LS trên lớp có hiệu quả hơn so với việc vận dụng các PPDH thông thường. Hiệu quả này được thể hiện không chỉ về những chia sẻ, trao đổi, quan sát, dự giờ định tính mà được kiểm chứng bằng các phép thử, đối chiếu thực tế mà kết quả học sinh đạt điểm khá giỏi và hạn chế học sinh có điểm yếu và trung bình của lớp TN. Ngoài các chỉ số tổng thể, các chỉ số cụ thể cũng đồng thời phản ánh kết quả, cụ thể:

- S (độ lệch chuẩn) và **V** (hệ số biến thiên) của lớp TN luôn nhỏ hơn so với lớp ĐC. Đây là giá trị cho thấy độ phân tán của các điểm số quanh giá trị trung bình của lớp TN ít hơn so với lớp ĐC.

- td (giá trị của phép thử t - Student) bao giờ cũng lớn hơn tα (giá trị tới hạn của t tại ngưỡng tin cậy 95% - tra giá trị bảng phân phối Student. Điều này chứng tỏ phép thử có ý nghĩa, nói cách khác việc tổ chức dạy học lịch sử với DTLS ở địa phương tại Nghệ An đã mang lại hiệu quả

Từ kết quả bài kiểm tra thứ nhất ta dựng được bảng phổ điểm như bảng 3.1 và tìm được giá trị trung bình (X), giá trị độ lệch chuẩn (S), ta thực hiện tính theo công thức thức tính được t_d và so sánh t_d với t_α, ta luôn thấy $t_d > t_\alpha$ đó, sự khác biệt điểm trung bình giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng ở từng trường hay xét tổng hợp tất cả các trường là sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Như vậy, việc đưa DTLS ở địa phương vào dạy học bộ môn có tác dụng rõ rệt. Nó tác động không chỉ đến việc hình thành kiến thức cho HS mà còn có ý nghĩa về mặt giáo dục và phát triển HS. Đặc biệt, chúng giúp thu hẹp khoảng cách giữa kiến thức với thực tiễn cuộc sống của các địa phương. HS hiểu những sự kiện LS, những thành quả mà nhân dân địa phương đạt được hòa cùng với LS chung của dân tộc nên càng yêu mảnh đất quê hương. Đó là cơ sở để phát triển năng lực và hình thành lòng yêu nước cùng những phẩm chất công dân tốt đẹp khác.

BẢNG PHÂN PHỐI STUDENT

K: Bậc tự do; $k = n_1 + n_2 - 2$

- P(Tk > t) = P: Kiểm định một hướng

- P(Tk > t hoặc Tk < -t) = P: Kiểm định hai hướng (P là mức xác định được thể hiện)

k	P						
	0,10	**0,05**	**0,025**	**0,01**	**0,005**	**0,001**	**1 hướng**
	0,20	**0,10**	**0,05**	**0,02**	**0,01**	**0,002**	**2 hướng**
1	3,078	6,314	12,706	31,821	63,821	318,313	
2	1,886	2,920	4,303	6,965	9,925	22,327	
3	1,638	2,353	3,812	4,541	5,814	10,215	
4	1,533	2,132	2,776	3,747	4,604	7,173	
5	1,476	2,015	2,571	3,365	4,032	5,893	
6	1,440	1,943	2,447	3,143	3,707	5,208	
7	1,415	1,895	2,365	2,998	3,499	4,785	
8	1,397	1,860	2,306	2,896	3,355	4,501	
9	1,383	1,833	2,262	2,821	3,250	4,297	
10	1,372	1,812	2,228	2,764	3,169	4,144	
11	1,363	1,796	2,201	2,718	3,106	4,025	
12	1,356	1,782	2,179	2,681	3,055	3,930	
13	1,350	1,771	2,160	2,650	3,012	3,852	
14	1,345	1,761	2,145	2,624	2,977	3,787	
15	1,341	1,753	2,131	2,602	2,947	3,733	
16	1,337	1,746	2,120	2,583	2,921	3,686	
17	1,333	1,740	2,110	2,567	2,898	3,646	
18	1,330	1,734	2,101	2,552	2,878	3,611	
19	1,328	1,729	2,093	2,539	2,861	3,579	
20	1,325	1,725	2,086	2,528	2,845	3,552	
21	1,323	1,721	2,080	2,518	2,831	3,527	
22	1,321	1,717	2,074	2,508	2,819	3,505	
23	1,319	1,714	2,069	2,500	2,807	3,485	
24	1,318	1,711	2,064	2,492	2,797	3,467	
25	1,316	1,708	2,060	2,485	2,787	3,450	
26	1,315	1,706	2,056	2,479	2,779	3,435	
27	1,314	1,703	2,052	2,473	2,771	3,421	
28	1,313	1,701	2,048	2,467	2,763	3,408	
29	1,311	1,699	2,045	2,462	2,756	3,396	
30	1,310	1,697	2,042	2,457	2,750	3,385	
40	1,303	1,684	2,021	2,423	2,704	3,307	
60	1,296	1,671	2,000	2,390	2,660	3,232	
120	1,289	1,658	1,980	2,358	2,617	3,160	
∞	1,282	1,645	1,960	2,326	2,576	3,090	

Từ các kết quả trên cho phép chúng ta khẳng định rằng tổ chức dạy DH bộ môn với DTLS ở địa phương có hiệu quả hơn so với việc vận dụng các PPDH thông thường. Hiệu quả này được thể hiện không chỉ về những chia sẻ, trao đổi, quan sát, dự giờ định tính mà được kiểm chứng bằng các phép thử, đối chiếu thực tế kết quả học sinh đạt điểm khá giỏi và hạn chế học sinh có điểm yếu và trung bình của lớp TN. Ngoài các chỉ số tổng thể, các chỉ số cụ thể cũng đồng thời phản ánh kết quả, cụ thể:

- S (độ lệch chuẩn) và V (hệ số biến thiên) của lớp TN luôn nhỏ hơn so với lớp ĐC. Đây là giá trị cho thấy độ phân tán của các điểm số quanh giá trị trung bình của lớp TN ít hơn so với lớp ĐC.

- td (giá trị của phép thử t - Student) bao giờ cũng lớn hơn tα (giá trị tới hạn của t) điều này chứng tỏ phép thử có ý nghĩa, nói cách khác việc tổ chức dạy học lịch sử với DTLS ở địa phương tại Nghệ An đã mang lại hiệu quả.

* *
*

Như vậy, ở chương 4 của luận án, trên cơ sở các yêu cầu cụ thể, với các biện pháp SP cụ thể mà chúng tôi đã đề xuất cho thấy: nếu tăng cường sử dụng nguồn tài liệu về DTLS ở địa phương trong dạy học bài LS dân tộc trên lớp sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học bộ môn, đáp ứng mục tiêu môn học ở trường THPT.

Những biện pháp SP trên là những gợi ý cho GV tham khảo khi giảng dạy khóa trình LS trên ở lớp 12 tại các trường THPT tỉnh Nghệ An.

Chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm SP toàn phần ở 06 trường THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An để kiểm chứng tính khả thi của các biện pháp sư phạm nói trên. Kết quả thực nghiệm cho thấy những biện pháp SP được đề xuất ở chương 4 của chúng tôi có tính khả thi. Điều đó cho thấy, các biện pháp này có thể được triển khai, áp dụng cho các trường THPT ở tỉnh Nghệ An nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của dạy học Lịch sử.

KẾT LUẬN

1. Nằm ở dải đất miền Trung của đất nước, với điều kiện khí hậu khắc nghiệt, Nghệ An là mảnh đất đặc biệt - nơi ghi dấu ấn sâu đậm của nhiều thời kì LS khác nhau. Từ thời nguyên thủy đến các giai đoạn phát triển thăng trầm sau này của đất nước, Nghệ An có nhiều vai trò khác nhau trong tiến trình LS của dân tộc. Đó là nơi có dấu vết người nguyên thủy, là đất phên dậu, địa bàn giao tranh khốc liệt thời phong kiến. Đặc biệt sau này, trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc (chống Pháp và chống Mĩ), đây là mảnh đất đã đóng góp rất lớn về sức người, sức của vào sự thắng lợi chung của dân tộc. Với đặc điểm LS đó, Nghệ An là nơi sinh ra nhiều danh nhân, các nhà cách mạng kiệt xuất, nơi diễn ra nhiều biến cố LS trọng đại.

Vì vậy, Nghệ An có hệ thống các di tích LS dày đặc, đan xen các thời kì, hàm chứa nhiều giá trị. Các DTLS ở đây thuộc nhiều loại, nhiều thời kì. Chúng là một nguồn tư liệu phong phú, có giá trị cho việc dạy học LS ở trường THPT- đặc biệt là giai đoạn LS Việt Nam từ 1919 -2000 trong chương trình Lịch sử lớp 12 THPT. Việc tổ chức dạy học với các DTLS ở địa phương tại Nghệ An có ý nghĩa và tác dụng to lớn. Chúng giúp hoàn thiện kiến thức LS dân tộc và LS địa phương cho các em. Chúng còn hỗ trợ đắc lực cho việc rèn luyện nhiều kĩ năng học tập cần có. Và từ đó, chúng tạo nên những phẩm chất, những giá trị cho HS - thế hệ tương lai của đất nước.

2. Vấn đề tổ chức dạy học lịch sử với DTLS ở địa phương trong dạy học bộ môn ở trường THPT hiện nay, mặc dù còn rất nhiều khó khăn, song nếu GV vận dụng các hình thức tổ chức dạy học khác nhau để dạy học LS với các DT này thì sẽ góp phần tạo hứng thú và nâng cao chất lượng dạy học Lịch sử. Các hình thức dạy học nội khóa và ngoại khóa hết sức đa dạng, có thể tổ chức ngay trong lớp học hoặc ngay tại di tích LS với các bài học LS dân tộc hoặc bài học LS địa phương. Từ các hình thức đó, tùy từng điều kiện các trường cụ thể, GV cần suy nghĩ, vận dụng một cách linh hoạt các biện pháp sư phạm khác nhau để việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương phát huy tác dụng cao nhất.

3. Trên cơ sở xác định nội dung kiến thức LS dân tộc, hệ thống DTLS ở địa phương có thể khai thác cũng như các hình thức tổ chức, biện pháp dạy học cụ thể, L.A đã tiến hành TNSP để kiểm chứng tính khả thi của đề tài. Kết quả của hoạt

động thực nghiêm đã bước đầu khẳng định hiệu quả của các biện pháp sư phạm mà chúng tôi đã đề xuất. Các kết quả nghiên cứu nói trên của L.A sẽ góp phần nâng cao chất lượng của việc dạy học LS Việt Nam tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Kết quả trên cũng là một nguồn tư liệu tham khảo cho các GV bộ môn cũng như các sinh viên ngành SP Lịch sử của Đại học Vinh.

5. Từ đó chúng tôi có một số *khuyến nghị* như sau:

- Bộ GD và ĐT cần yêu cầu các địa phương tăng cường việc đưa các di sản, trong đó có DTLS ở địa phương vào hoạt động dạy học LS ở trường THPT. Bộ GD và ĐT, Sở GD và ĐT cần phối hợp với các cơ quan như: Sở VHTT - Du lịch, các cấp, ban, ngành tại địa phương để nghiên cứu, xuất bản tài liệu hướng dẫn, lập các kênh thông tin điện tử... về di tích LS ở địa phương để GV và HS lấy đó làm nguồn tài liệu. Bộ GD và ĐT cùng với Sở GD và ĐT Nghệ An cần mở các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ nhằm giúp GV tổ chức tốt các hoạt động dạy học với DTLS ở địa phương.

- BGH tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh cần nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của việc tổ chức dạy học Lịch sử với các di tích LS ở địa phương và quan tâm đầu tư kinh phí để tổ chức các hoạt động như: tham quan, tổ chức dạ hội, thi tìm hiểu... Nhà trường cần sử dụng các thời gian như giờ chào cờ, nghỉ lễ... để nhắc nhở các em về những DTLS gần gũi nhất, có liên quan đến nhà trường, đến địa phương. Qua đó, giúp HS hình thành ý thức trân trọng và khơi gợi ý thức tìm hiểu LSĐP cho các em.

- Hiệu quả của việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương phụ thuộc phần lớn ở người GV. Họ phải vượt qua những khó khăn, đi tiên phong và làm lan tỏa niềm hứng khởi khi nghiên cứu DTLS ở địa phương cho học sinh của mình. GV phải tâm huyết với nghề, có năng lực, vững vàng chuyên môn, áp dụng hình thức, biện pháp SP phù hợp để tổ chức dạy học bộ môn vói DTLS ở địa phương. GV cần tạo điều kiện tối đa cho HS tham gia tích cực vào quá trình tìm tòi, nghiên cứu cũng như bảo vệ DTLS ở địa phương. Từ đó, giúp HS phát triển các kĩ năng và hình thành, hoàn thiện các phẩm chất đạo đức cho các em - thế hệ tương lai của đất nước.

CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

I. Đề tài khoa học

1. Đề tài cấp trường (2006): *Tổ chức trò chơi trong dạy học lịch sử Việt Nam giai đoạn 1954-1975 ở lớp 9 THCS*, nghiệm thu 12/2006.
2. Tham gia đề tài khoa học công nghệ cấp Tỉnh: *Nghiên cứu, Biên soạn tài liệu dạy học lịch sử ở trường THPT tỉnh Nghệ An*, do PGS. Bùi Văn Hào (CB), nghiệm thu ngày 29/09/2014.
3. Tham gia đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ: *Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về LSVN phục vụ dạy học lịch sử ở trường phổ thông,* viết 02 chuyên đề, do PGS.Trần Viết Thụ chủ trì, nghiệm thu 13/12/2015.
4. Đề tài khoa học cấp trường: *Sử dụng di tích lịch sử cách mạng ở Đô Lương trong dạy học lịch sử ở trường THPT*, nghiệm thu 6/12/2014.

II. Tham gia viết sách, giáo trình

1. Chủ biên: Sách *Phong tục tập quán Việt Nam*, NXB Lao động, 2016.
2. Thành viên tham gia (PGS.TS. Trần Viết Thụ chủ biên): Giáo trình *Đại cương lí luận dạy học Lịch sử,* NXB Đại học Vinh, 2017.

III. Các bài báo

1. *Sử dụng câu hỏi nêu vấn đề trong dạy học lịch sử ở trường THCS nhằm tích cực hóa hoạt động nhận thức cho học sinh* (viết chung với Trần Viết Thụ), Tạp chí Giáo dục số 149 (kì I, II/2006).
2. *Tổ chức trò chơi trong dạy học lịch sử ở trường Trung học cơ sở*, Tạp chí Giáo dục, 4/2006.
3. *Tổ chức bài học lịch sử tại di tích LS -VH Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia kỉ niệm 50 năm Bác Hồ về thăm quê, 2007
4. *Tổ chức một số hoạt động ngoại khóa trong dạy học lịch sử Việt Nam 1954 - 1975 ở trường Trung học phổ thông,* Kỉ yếu Hội thảo khoa học: Những giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng dạy học lịch sử Việt Nam ở trường phổ thông hiện nay, ĐHSP Hà Nội, 2008.
5. *Rèn luyện kĩ năng sử dụng phương pháp trình bày miệng cho sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử*, Tạp chí Đại học Vinh, số 2 B năm 2009.
7. *Sử dụng câu hỏi nhằm tổ chức hoạt động tự học cho học sinh trong dạy học lịch sử Việt Nam 1930 -1945 ở lớp 12 (Ban cơ bản).* Kỉ yếu Hội thảo khoa học: Nghiên cứu, giảng dạy lịch sử trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển kĩ năng tự học cho học sinh, ĐHSP Hà Nội, 2011.
8. *Tìm hiểu tín ngưỡng thờ anh hùng dân tộc qua di tích đền thờ Mai Hắc Đế, Nam Đàn, Nghệ An*, Kỉ yếu hội thảo khoa học: Nghiên cứu, giảng dạy lịch sử,

văn hóa - xã hội, NXB Khoa học xã hội, 2014.

9. *Tổ chức bài học tại thực địa ở khu di tích Chiến thắng Điện Biên Phủ trong dạy học lịch sử cho HS lớp 12 THPT*, kỉ yếu hội thảo khoa học, NXB Khoa học xã hội, 2014.
10. *Sử dụng di tích lịch sử cách mạng ở Đô Lương trong dạy học lịch sử ở trường THPT*, Tạp chí Giáo dục, 3/2015.
11. *Giáo dục học sinh THPT qua việc tổ chức bài học lịch sử tại di tích Kim Liên, Nam Đàn - Nghệ An*, Tạp chí Giáo dục, 3/2015.
12. *Tổ chức dạy học tại di tích cách mạng Truông Bồn, Mĩ sơn, Đô Lương, Nghệ An cho học sinh THPT, số* 55, Tạp chí khoa học Đại học Vinh.
13. *Hướng dẫn sinh viên sư phạm sử dụng di tích lịch sử ở Nghệ An trong dạy học bộ môn ở trường THPT*, tr.44-47, Kỷ yếu hội nghị: Công đoàn trường Đại học Vinh với việc nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Vinh, 2016.
14. *"Tiến hành bài học lịch sử địa phương với di tích lịch sử cách mạng cho học sinh lớp 12 ở Nghệ An theo tinh thần của dạy học dự án"*, Kỷ yếu hội thảo khoa học "Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử trong bối cảnh hiện nay", Khoa Lịch sử, ĐH Sư phạm Hà Nội, NXB Lý luận chính trị, 09/2016, tr.281 - 292.
15. *Tổ chức bài học lịch sử địa phương tại di tích lịch sử cho học sinh lớp 12 các trường Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An,* Hội thảo Khoa học Quốc tế: Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên môn Lịch sử đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, Sách giáo khoa", NXB CTQG, 2017; tr.125- 132.
16. *Tìm hiểu về đền Hoàng Mười*, Hội thảo: Giá trị lịch sử - văn hóa của di tích đền ông Hoàng Mười, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. B. D.Ananhiép (1968), *Con người là đối tượng nhận thức*, NXB "L.G.Y".
2. Thomas Armstrong (2013), *Đa trí tuệ trong lớp học*, NXB GD Việt Nam.
3. Diệp Quang Ban (1998), *Ngữ pháp tiếng Việt phổ thông*, Tập 2, NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.
4. Ban tổ chức kỉ niệm 40 năm chiến thắng Truông Bồn (2008), *Truông Bồn - chiến công và huyền thoại*, NXB Nghệ An.
5. Ban chấp hành Trung ương khóa XI (2013), *Văn kiện Hội nghị BCHTW lần thứ 8*, khóa XI, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
6. Ban chấp hành Trung ương khóa XI (5/2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ IX*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
7. Đặng Văn Bài: "*Bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững nhìn từ 6 tỉnh miền Trung",* Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An, số 8/2013,
8. Bécnhưcốp, I.Ôdécxki, A.Khơmelep (1963), *Công tác ngoại khóa lịch sử,* NXB Mátxcơva.
9. Benjamin S.Bloom (1994), *Nguyên tắc phân loại mục tiêu giáo dục*, NXB Giáo dục.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tài liệu giáo khoa thí điểm (1996*), Lịch sử lớp 12, Sách giáo viên*, Ban KHXH, NXB Giáo dục, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1999), *Tài liệu hội nghị Đổi mới phương pháp giáo dục và học tập môn Lịch sử ở trường THPT và trường THCS,* Tập 1, Hà Nội.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002), *Một số vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học ở trường THCS, Môn: Địa lý, Lịch sử, Giáo dục công dân* (lưu hành nội bộ).
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Hội Khoa học LS Việt Nam (2012), *Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về dạy học lịch sử ở trường phổ thông Việt Nam*, NXB GD VN.
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ VH - TT và Du lịch (10/2013), *Sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông - Những vấn đề chung* (Tài liệu tập huấn cán bộ quản lí và GV), HN.

15. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Tài liệu hội thảo: Xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh*, HN.
16. Bộ VHTT, Cục Bảo tồn bảo tàng và Bảo tàng Hồ Chí Minh (1997), *Về vấn đề lưu niệm danh nhân cách mạng,* HN.
17. L. N. Bôgôliunốp, E.A.Itrailôvít, N.V.Pôpốp, P.Rắcmanôva (1972), *Phương pháp giảng dạy lịch sử hiện đại* (Giáo trình cho GV), Người dịch: Trần Thị Hòa, Nguyễn Hồng Bích, Trần Thị Vinh, Đặng Thanh Toán, Nguyễn Xuân Trúc, Hiệu đính: Hoàng Trung, NXB Giáo dục, Matxcơva.
18. G.X.Catxchúc (1971), *Phát triển và giáo dục*, Tài liệu lưu trữ tại thư viện Đại học Sư phạm Hà Nội.
19. Nguyễn Hữu Chí (1998*), Những cơ sở khoa học của việc xây dựng chương trình (curriculum) các môn học ở trường phổ thông*, Đề tài B96-49-34, Hà Nội.
20. Nguyễn Thị Côi (CB), Trịnh Đình Tùng (1995), *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử*, Trường Đại học Sư phạm HN.
21. Nguyễn Thị Côi (1998), *Bảo tàng lịch sử, cách mạng trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông trung học*, NXB Đại học Quốc gia, HN.
22. Nguyễn Thị Côi (2006), *Các con đường biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông* (in lần thứ hai), NXB Đại học Sư phạm, HN.
23. Nguyễn Thị Côi (CB, 2009), Trịnh Đình Tùng, Trần Viết Thụ, Nguyễn Mạnh Hưởng, Đoàn Văn Hưng, Nguyễn Thị Thế Bình, *Rèn luyện kĩ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử*, NXB ĐHSP, HN.
24. *Công nghệ thông tin cho dạy học tích cực* (2010), NXB GD Việt Nam. http://www.vvob.be/vietnam
25. G. A. Culaghina (1975), *Một số trò chơi lịch sử*, NXB Giáo dục, HN.
26. Nguyễn Thị Thế Bình (2014), *Phát triển kĩ năng tự học lịch sử cho học sinh*, NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
27. Bobbi Deporter Mike Hernacki (2006), *Phương pháp học tập siêu tốc - khơi dậy năng lực tiềm ẩn trong bạn*, NXB Tri thức.
28. Trần Bá Đệ (CB), Nguyễn Am, Đinh Công Bắc, Nguyễn Thị Côi, Nguyễn Ngọc Cơ, Vũ Thị Hòa, Nguyễn Tiến Hỷ, Trần Trọng Mạch, Nguyễn Cảnh

Minh, Nguyễn Đình Lễ (1992), *Một số vấn đề về nội dung và phương pháp giảng dạy Lịch sử Việt Nam lớp 12 CCGD*, ĐH SP HN 1.

29. Nguyễn Đăng Duy (1993), *Bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa*, NXB Bộ VHTT và trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
30. Dự án Việt - Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kĩ thuật dạy học,* NXB ĐHSP, HN.
31. N.G.Đairi (1973), *Chuẩn bị giờ học lịch sử như thế nào?*, NXB GD, Hà Nội.
32. M.A.Đanhilốp, M.N.Xcatkin (CB) (1980), *Lý luận dạy học ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
33. Hồ Ngọc Đại (1985, tái bản năm 2010), *Bài học là gì?,* NXB GD, Hà Nội.
34. Nguyễn Văn Đạm (1999), *Từ điển tường giải và liên tưởng tiếng Việt*, NXB Văn hóa thông tin, HN.
35. Vũ Cao Đàm (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học* (xuất bản lần thứ 12 có chỉnh lí bổ sung), HN.
36. Lữ Đạt, Chu Mãn Sinh (CB, 2010), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển: cải cách ở Anh,* NXB GD Việt Nam, Người dịch: Trần Hữu Nùng.
37. Lữ Đạt, Chu Mãn Sinh (CB, 2010*), Cải cách giáo dục ở các nước phát triển: cải cách ở Nhật Bản và Ôxtrâylia*, NXB GD Việt Nam, Người dịch: Nguyễn Như Diện.
38. Lữ Đạt, Chu Mãn Sinh (CB, 2010), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển: cải cách ở Pháp và Đức,* NXB GD Việt Nam, Người dịch: Nguyễn Trung Thuần.
39. Lữ Đạt, Chu Mãn Sinh (CB, 2010), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển: cải cách giáo dục ở Mĩ,* Q.3, NXB GD Việt Nam, Người dịch: Trần Thị Thanh Liêm.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (7/1998), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 BCH TW khóa VIII,* NXB Chính trị Quốc gia.
42. Trần Bá Đệ (CB, 1991), *Một số vấn đề về nội dung và phương pháp giảng dạy lịch sử Việt Nam lớp 12 CCGD*, Sách bồi dưỡng GV PTTH, Trường ĐHSP Hà Nội 1.

43. Phan Ngọc Liên (CB, 1996), *Đổi mới việc dạy học lấy học sinh làm trung tâm*, ĐHQG, ĐHSP Hà Nội.
44. B.P.Êxipốp (CB) (1971), *Những cơ sở của lý luận dạy học*, T. 3, NXB GD.
45. N. A.Êrôphêép (1981), *Lịch sử là gì?,* NXB GD, Hà Nội.
46. Ninh Viết Giao (ST, 1997), *Thơ văn Xôviết Nghệ Tĩnh*, Hội nhà văn Nghệ Tĩnh.
47. V. A.Gruchetxki (1989), *Những cơ sở của tâm lí học sư phạm*, NXB GD.
48. Hoàng Thanh Hải (2000), *Sử dụng các di tích lịch sử ở Thanh Hóa trong dạy học lịch sử ở trường THCS,* Luận án Tiến sỹ trường ĐHSP Hà Nội.
49. Bùi Văn Hào (CB, 2014), Đề tài khoa học công nghệ cấp Tỉnh: Nghiên cứu, *Biên soạn tài liệu dạy học lịch sử ở trường THPT tỉnh Nghệ An,* nghiệm thu ngày 29/09/2014.
50. Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo (2001), *Từ điển giáo dục học*, NXB Từ điển Bách khoa.
51. Phó Đức Hòa, Ngô Quang Sơn (2011), *Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường sư phạm tương tác*, NXB ĐH Sư phạm.
52. Trần Bá Hoành (1995), *Đánh giá trong giáo dục*, Hà Nội.
53. Kiều Thế Hưng (1999), *Hệ thống thao tác sư phạm trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông trung học*, NXB ĐHQG Hà Nội.
54. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại - Lí luận, biện pháp, kĩ thuật,* NXB ĐH QG Hà Nội.
55. Đặng Văn Hồ, Trần Quốc Tuấn (2005), *Bài tập lịch sử ở trường phổ thông* (sách dùng cho hệ đào tạo từ xa), NXB GD, HN.
56. Hội giáo dục lịch sử Việt Nam (1998), *Thuật ngữ khái niệm lịch sử phổ thông*, NXB ĐHQG Hà Nội.
57. N. M. Iacốplép (1975), *Phương pháp và kĩ thuật lên lớp trong trường phổ thông,* Tập 1, NXB GD, HN.
58. K. A. Ivannốp (1915), *Khảo luận về phương pháp luận sử học*, Xanh Petéc bua.
59. I. F. Khalamốp (1978), *Phát huy tính tích cực của học sinh như thế nào,* Tập 2, NXB GD, HN.
60. Phan Khanh (1992), *Bảo tàng - Di tích - Lễ hội*, NXB VHTT, Hà Nội.

61. Khoa Lịch sử, ĐH Sư phạm Hà Nội (09/2016), "*Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử trong bối cảnh hiện nay",* Kỷ yếu hội thảo khoa học, NXB Lý luận chính trị.
62. Lê Văn Khoa (CB), Phan Văn Kha, Phan Thị Lạc, Nguyễn Thị Minh Phương (2011), *Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường*, NXB Giáo dục Việt Nam.
63. Khoa Lịch sử, ĐH Vinh (2014), "*Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử, văn hóa - xã hội",* Kỷ yếu hội thảo khoa học, NXB Khoa học xã hội.
64. Nguyễn Kỳ (1995), *Phương pháp giáo dục tích cực, lấy người học làm trung tâm,* NXB GD, HN.
65. Vũ Ngọc Lan, Nguyễn Phụng Hoàng (1996), *Phương pháp trắc nghiệm trong kiểm tra và đánh giá thành quả học tập*, NXB GD.
66. Nguyễn Mạnh Hưởng (CB), Nguyễn Văn Ninh: *Ôn luyện thi trắc nghiệm THPT năm 2017 Khoa học xã hội môn Lịch sử*, NXB ĐHQG, 2017.
67. P.S.Lâybengrúp (1960), *Những yêu cầu về lí luận dạy học đối với một bài học lịch sử,* Mátxcơva (tài liệu dịch).
68. I. Ia.Lecne, *Bài tập nhận thức trong giảng dạy lịch sử, viện chương trình và phương pháp - Tư liệu đánh máy*, Nguyễn Cao Lũy và Văn Chu dịch.
69. I.Ia.Lecne (1982), *Phát triển tư duy của học sinh trong dạy học lịch sử*, Dịch: Trần Kim Vân, Đinh Ngọc Bảo, Phan Huy Khánh, Nguyễn Thị Côi. Hiệu đính: Nguyễn Khoa, NXB GD Mátxcơva, bản chép tay lưu tại ĐHSPHN.
70. A. N. Leonchiev (1989), *Hoạt động ý thức và nhân cách,* NXB GD.
71. Phan Ngọc Liên, Trần Văn Trị, Nguyễn Phan Quang (1968), *Công tác ngoại khóa thực hành bộ môn Lịch sử,* NXB GD.
72. Phan Ngọc Liên, Trần Văn Trị (1980), *Phương pháp dạy học Lịch sử*, T.2, NXB GD.
73. Phan Ngọc Liên, Trần Văn Trị (1992), *Phương pháp dạy học lịch sử*, NXB GD, Hà Nội.
74. Phan Ngọc Liên, Trần Văn Trị (CB), 1998. Tái bản vào các năm: 2002, 2009, *Phương pháp dạy học lịch sử,* NXB GD, HN.
75. Phan Ngọc Liên (CB) (1999), *Thiết kế bài học lịch sử ở trường THPT*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
76. Phan Ngọc Liên (CB), Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng (2002), *Phương*

pháp dạy học lịch sử, T.1, NXB ĐHSP, HN.

77. Phan Ngọc Liên (CB), Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng (2002), *Phương pháp dạy học lịch sử,* T.2, NXB ĐHSP, HN.
78. Phan Ngọc Liên, Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng, Trần Vĩnh Tường (đồng CB, 2002), *Một số chuyên đề về phương pháp dạy học lịch sử*, NXB ĐHQG Hà Nội.
79. Phan Ngọc Liên, Nguyễn Xuân Trường (đồng CB), Nguyễn Hải Châu, Đinh Ngọc Bảo, Nguyễn Sĩ Quế, Nghiêm Đình Vỹ, Nguyễn Ngọc Cơ, Nguyễn Quốc Hùng - Trình Đình Tùng (2009), *Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kỹ năng môn Lịch sử THCS*, NXB GD Việt Nam.
80. Nguyễn Văn Ninh (2017), *Hệ thống tư liệu gốc trong dạy học lịch sử*, NXBĐHQG, HN.
81. Nguyễn Cảnh Minh *(CB): Lịch sử địa phương*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1989.
82. *Luật Giáo dục* (2014), NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
83. A.X. Macarencô (1976), *Giáo dục trong thực tiễn*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
84. Giselle O.Martin - Kniep (2013), *Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi,* NXB GD Việt Nam.
85. Robert J Marzano (2013), *Nghệ thuật và khoa học dạy học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
86. Robert J.Marzano, Debra J.Pickering- Jane E. Pollock (2013), *Các phương pháp dạy học hiệu quả,* NXB Giáo dục VN.
87. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2014), *Lí luận dạy học hiện đại - cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, NXB Đại học SP, HN.
88. Lê Khắc Nhãn, Hoàng Triều, Hoàng Trọng Hanh (1961), *Sơ thảo phương pháp giảng dạy Lịch sử*, Tập II, NXB Giáo dục, HN.
89. Lê Đức Ngọc, Trần Thị Hoài (biên tập) (04/2012), *Phát triển chương trình giáo dục trình độ đại học, tài liệu tham khảo,* Vinh.
90. Hoàng Đức Nhuận, Lê Đức Phúc (1996), *Cơ sở lý luận của việc đánh giá chất lượng học tập của học sinh phổ thông*, Chương trình khoa học cấp nhà nước KX-07-08, HN.
91. V.Ôkôn (1976), *Những cơ sở của dạy học nêu vấn đề*, NXB Giáo dục, HN.

92. Geoffrey Petty (2002), *Dạy học ngày nay*, NXB Stanley Thornes, United Kingdom.
93. Jean Piaget, Barbel Inhelder, Vĩnh Bang (2000), *Tâm lí học trẻ em và ứng dụng tâm lí học Piaget vào trường học*, NXB ĐH Quốc gia HN.
94. Nguyễn Ngọc Quang (1989), *Lý luận dạy học đại cương*, trường CB quản lí giáo dục TW 1.
95. Xavier Roegiers (1996), *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*, Người dịch: Đào Trọng Quang, Nguyễn Ngọc Nhị, NXB Giáo dục.
96. N.V.Savin (1983), *Giáo dục học*, Tập 1, NXB Giáo dục.
97. M.N. Sácđacốp (1982), *Tư duy học sinh*, NXB Giáo dục.
98. James H.Stronge (2013), *Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả,* NXB GD Việt Nam, (người dịch: Lê Văn Canh),
99. Trần Minh Siêu (biên soạn, 1993), *Kim Liên trong lòng nhân dân và bầu bạn,* NXB Nghệ An.
100. *Tập san 50 năm bảo tồn - tôn tạo Khu di tích Kim Liên* (1956 - 2006), Kim Liên, 2006.
101. Đỗ Hồng Thái (1996), *Nghiên cứu và dạy - học lịch sử địa phương ở Việt Bắc,* NXB HN.
102. Ngô Tứ Thành (2003), "E-learning và mô hình giáo viên, học sinh trong thời đại viễn thông tin học", *Tạp chí Giáo dục* (số 72).
103. Nguyễn Thị Kim Thành (2014), *Bảo tàng, di tích - nơi khơi nguồn cảm hứng dạy và học lịch sử cho học sinh phổ thông*, NXB Giáo dục VN, HN.
104. Hà Nhật Thăng, Lê Tiến Hùng (1995), *Tổ chức hoạt động giáo dục,* HN.
105. Hồ Hữu Thới, Trần Minh Siêu, Lê Tùng Dương (2001), "*Nghệ An di tích danh thắng"*, Sở VHTT**,** NXB Nghệ An.
106. Trần Thị Thanh Thủy (CB), Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Văn Ninh, Nguyễn Mạnh Hưởng, Bùi Xuân Anh, Lưu Thị Thu Hà (2016), *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh,* Q. 2, NXB Đại học SP, HN.
107. Lưu Trần Tiêu: "*Con đường tiếp cận di sản văn hóa*", Tạp chí Xưa và Nay, Số

295, 11/2007; tr.5,6.

108. Tiểu ban nghiên cứu Lịch sử Đảng (2000), *Xô viết Nghệ Tĩnh*, NXB Nghệ An.
109. Đỗ Hương Trà (CB), Nguyễn Văn Biên, Trần Khánh Ngọc, Trần Trung Ninh, Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Vũ Bích Hiền (2015), *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh*, Q.11, Khoa học tự nhiên, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
110. Trần Văn Trị, Phan Ngọc Liên, Hoàng Trọng Hanh, Nguyễn Cao Lũy, Nguyễn Tiến Cường (1966), *Phương pháp giảng dạy lịch sử*, Phần đại cương, T.1, NXB GD.
111. Lưu Minh Trị, Vũ Quang Du (2006), *Di tích cách mạng và kháng chiến ở Hà Nội*, NXB Hà Nội.
112. Nguyễn Hoàng Trí, Đặng Văn Đức, Nguyễn Quang Ninh, Trịnh Đình Tùng, Đặng Tuyết Anh, Vũ Thu Hương, Nguyễn Thành Công (2010), *Mô đun: dạy học dựa trên giải quyết vấn đề. Dạy và học từ thực tế địa phương trong các hoạt động ngoài giờ lên lớp,* Sách bồi dưỡng giáo viên THCS, Hà Nội.
113. Doãn Đoan Trinh (2005, CB), *Hà Nội - di tích cách mạng và kháng chiến,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
114. Trịnh Đình Tùng (CB, 2010), *Dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Lịch sử 12,* Nxb Đại học Sư phạm.
115. Trịnh Đình Tùng (CB, 2010), *Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học phổ thông với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
116. Trịnh Đình Tùng (1993), *Mấy biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục qua 1 bài học lịch sử*, Nghiên cứu Giáo dục số 3.
117. Trịnh Đình Tùng (CB, 2004), *Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường THCS*, HN.
118. Trịnh Đình Tùng (2/2007), "Để nâng cao chất lượng dạy và học bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông", *Tạp chí Giáo dục*, số 155, kỳ 1.
119. Trịnh Đình Tùng (CB, 2014), *Đổi mới phương pháp dạy học lịch sử*, NXB Đại học Quốc gia HN.

120. Thái Duy Tuyên (1998), *Những vấn đề cơ bản giáo dục học hiện đại,* NXB Giáo dục.
121. A. A. Vaghin (1972), *Phương pháp giảng dạy lịch sử ở trường phổ thông,* T. 2, NXB Mátxcơva. Người dịch: Hoàng Trung, hiệu đính: Phan Ngọc Liên, tổ PPDHLS ĐHSP Hà Nội.
122. Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, UBND tỉnh Nghệ An (2013), Tập tài liệu HT quốc gia, *Di sản văn hóa và di sản thiên nhiên khu vực Bắc miền Trung - bảo tồn và phát huy giá trị*, Vinh.
123. Phạm Viết Vượng (1996), *Giáo dục học đại cương*, NXB ĐHQG Hà Nội.
124. Phạm Viết Vượng (2005), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, Hà Nội.
125. L.X.Vưgốtxki (1977), *Tuyển tập Tâm lí học,* NXB ĐHQG Hà Nội.
126. A. Xmiếcnốp (CB chính, 1975), *Tâm lí học*, Tập 1, 2, NXB Giáo dục, HN.
127. L.V.Zancốp (1985), *Lý luận dạy học và đời sống*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh

128. Avramidis, E. (2006), "*Promoting inclusive education: from "expertism" to sustainable inclusive practices*". In Webb, R. (ed.) Changing Teaching and Learning in the Primary School, Maidenhead: Open University Press.
129. *History of those new to teaching the subject* (NSW Department of Education and Training, 2010).
130. David A. Jacobsen, Paul Eggen, Donald Kauchak (2002), *Method for teaching,* Prentice Hall - Gale.
131. Terry Haydn (2013), *Using New Technologies to Enhance Teaching and Learning in History,* Routledge.

Tài liệu tiếng Nga

132. М.Т Студеникин (2007), *Современные технологии преподавателя истории в школе, Библиотека учителя истории*, Гуманитарный Издательский Центр Владос, Москва.
133. А.Г.Колоскова (Под редакцей) (1984)*, Актуальные вопросы методики обучения истории в средней школе*, Пособие для учителя, Просвещение, Москва.
134. С.А.Ежова, Н.М.Лебедева, А.В.Дружкова и др (1986), *Методика*

преподавания истории в средней школе, Москва.

135. М.В. Короткова, М.Т. Студеникин (1999), *Методика обучения истории в схемах, таблицах, описнях,* Гуманитарный Издательский Центр Владос, Москва.
136. Е.Е.Вяземский, О.Ю.Стрелова (2001), *Методика преподавания истории в школе,* Гуманитарный Издательский Центр Владос, Москва.

PHỤ LỤC

MỤC LỤC PHỤ LỤC

Trang PL

PHỤ LỤC 1
Phụ lục 1 PHIẾU ĐIỀU TRA THỰC TRẠNG DẠY HỌC VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ Ở ĐỊA PHƯƠNG TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM LỚP 12 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH NGHỆ AN 1
Phụ lục 2. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA 6
Phụ lục 3. GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM, ĐỀ KIỂM TRA 11
Phụ lục 4 PHIẾU THÔNG TIN HỖ TRỢ HỌC SINH 22
Phụ lục 5. TƯ LIỆU THAM KHẢO ĐỂ THIẾT KẾ PHIẾU THÔNG TIN HỖ TRỢ HỌC SINH 26
Phụ lục 6. ĐỀ KIỂM TRA BÀI HỌC NỘI KHÓA TRÊN LỚP 29
Phụ lục 7. TỔ CHỨC BÀI HỌC LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG TẠI DI TÍCH LỊCH SỬ TRUÔNG BỒN (MỸ SƠN, ĐÔ LƯƠNG) CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, TỈNH NGHỆ AN 30
Phụ lục 8. ẢNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ TẠI ĐỊA PHƯƠNG Ở NGHỆ AN 43
Phụ lục 9. PHIẾU HỌC TẬP 51
Phụ lục 10. PHIẾU GIAO VIỆC NHÓM 52
Phụ lục 11 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM NGOẠI KHOÁ 55
Phụ lục 12. PHIẾU HỌC TẬP 63
Phụ lục 13 TÀI LIỆU SỬ DỤNG CHO HỌC SINH KHI TỔ CHỨC TRẢI NGHIỆM TẠI DI TÍCH KIM LIÊN, NAM ĐÀN, NGHỆ AN 64
Phụ lục 14 NỘI DUNG BÁO CÁO CUỘC THI TÌM HIỂU VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ Ở ĐỊA PHƯƠNG Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG BẮC YÊN THÀNH 70
Phụ lục 15 DẠ HỘI LỊCH SỬ KẾT HỢP TRƯNG BÀY, TRIỂN LÃM HỌC TẬP 73
Phụ lục 16. BẢNG HỎI THEO KĨ THUẬT DẠY HỌC "KWLH" 77
Phụ lục 17 NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ TIÊU BIỂU Ở NGHỆ AN PHỤC VỤ DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1919 -2000 78

DANH MỤC BẢNG, HÌNH PHỤ LỤC

Trang PL

Bảng 2.1. Kết quả điều tra giáo viên 6
Bảng 2.1.1. Nhóm câu hỏi về ý nghĩa, tác dụng của việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương 6
Bảng 2.1.2. Nhóm câu hỏi về hình thức tiến hành việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương 7
Bảng 2.1.3. Nhóm câu hỏi về phương pháp khai thác, tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương 7
Bảng 2.1.4. Nhóm câu hỏi về khó khăn, đề xuất của GV trong vấn đề tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương 8
2.2. Kết quả điều tra học sinh 9
Bảng 2.2.1. Nhóm các câu hỏi về ý nghĩa, tác dụng của việc tổ chức dạy học bộ môn với di tích LS ở địa phương 9
Bảng 2.2.2. Tần suất, biện pháp tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương mà Gv đã thực hiện 10
Bảng số 2.2.3. Điều tra về hiểu biết của HS về DTLS ở địa phương 10

PHỤ LỤC

Phụ lục 1
PHIẾU ĐIỀU TRA THỰC TRẠNG DẠY HỌC VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ Ở ĐỊA PHƯƠNG TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM LỚP 12 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH NGHỆ AN

1.1. Phiếu dành cho giáo viên

Để có cơ sở thực tiễn cho việc đánh giá thực trạng dạy học với di tích lịch sử ở địa phương trong dạy học lịch sử Việt Nam lịch sử ở địa phương có hiệu quả, xin quí thầy (cô) vui lòng cung cấp cho chúng tôi các thông tin sau:

Họ và tên:…… Số năm đứng lớp:……

Trường:…….Huyện:……, tỉnh Nghệ An

Thầy (cô) vui lòng đánh dấu x vào trước phương án trả lời đúng.

1. Theo thầy (cô), việc tổ chức dạy học lịch sử với di tích LS ở địa phương là:

☐ Cần thiết

☐ Rất cần thiết

☐ Không cần thiết

2.

	Nội dung trả lời	*Đúng*	*Phân vân*	*Sai*
Câu 2. Mục đích của việc tổ chức dạy học lịch sử dân tộc với di tích lịch sử ở địa phương tại Nghệ An.	Giúp HS nắm vững kiến thức LS dân tộc			
	Giúp HS nắm vững kiến thức LS địa phương			
	Tăng cường khả năng trực tiếp quan sát, trải nghiệm, tạo hứng thú cho HS			
	Bồi đắp tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước; bồi dưỡng lí tưởng cách mạng			
	Ý kiến khác			

3. Trong thực tiễn dạy học lịch sử ở trường THPT, thầy (cô) đã tiến hành bài học với di tích lịch sử ở địa phương bao nhiêu lần?

☐ Chưa bao giờ tổ chức.

☐ Đã tiến hành nhiều lần.

☐ Thỉnh thoảng

4. *Theo thầy (cô), việc tổ chức dạy học liên quan đến di tích lịch sử địa phương có thể tiến hành bằng những hình thức:*

☐ Bài học LS nội khóa (bài: LS dân tộc và LS địa phương)

☐ Tham quan học tập

☐ Các hoạt động ngoại khóa

☐ Tất cả các hình thức nói trên

5. Để tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương, thầy (cô) vận dụng những biện pháp nào dưới đây:

☐ Tăng cường sử dụng tài liệu về DTLS ở địa phương

☐Tiến hành bài học LS địa phương tại di tích

☐ Tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh với di tích LS ở địa phương

6. Để có nguồn tư liệu về DTLS ở địa phương, thầy (cô) đã:

☐ GV và HS có thể sưu tầm từ nguồn LS ĐP

☐ GV và HS có thể lấy từ nguồn Internet

☐ GV và HS lập kho dữ liệu điện tử về di tích LS ở địa phương

☐ GV giao đề tài cho HS, HS trình bày kết quả nghiên cứu

☐ GV và HS trao đổi thông qua: mail, hộp thư ở trường

☐ Lập diễn đàn nghiên cứu, trao đổi về DTLS ở địa phương

7. Để hướng dẫn HS học tập LS với DTLS ở địa phương, thầy (cô) đã:

☐ Giao nhiệm vụ cho cá nhân, nhóm tìm hiểu sau đó trình bày, trao đổi

☐ Giao nhiệm vụ cho HS khai thác tư liệu qua mạng Internet

☐ Không đủ thời gian nên không giao nhiệm vụ cho HS

8. Thầy (cô) thường tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương trong hoạt động nội khóa qua các khâu:

☐ Xây dựng tình huống nêu vấn đề khi bắt đầu bài học

☐ Trong tiến trình tổ chức bài học

☐ Trong khâu củng cố kiến thức

☐ Trong khâu kiểm tra kiến thức

☐ Trong hoạt động tự học của HS

9. Theo thầy (cô), tác dụng của việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương là:

☐ HS hiểu sâu các vấn đề thực tiễn của địa phương

☐ Tăng hứng thú, hấp dẫn cho bài học

☐ Tăng cường năng lực thực hành cho HS

10. *Thầy (cô) gặp những khó khăn gì khi dạy học với DTLS ở địa phương mình?*

☐ Không bố trí được thời gian

☐ Các cấp quản lí ở trường và địa phương không quan tâm

☐ HS coi LS là môn phụ nên không thích học

☐ Khó khăn trong việc tìm tài liệu

☐ Không lựa chọn được hình thức dạy học phù hợp

☐ Băn khoăn trong việc lựa chọn biện pháp

11. *Thầy (cô) đã tổ chức hoạt động ngoại khóa lịch sử nào dưới đây tại di tích LS ở địa phương:*

☐ Tham quan tại di tích

☐ Dạ hội lịch sử

☐ Tổ chức cho học sinh trải nghiệm tại di tích

☐ Công tác công ích xã hội

☐ Chưa tổ chức lần nào

12. *Thầy (cô) có đề xuất gì cho việc dạy học với DTLS ở địa phương có hiệu quả*?

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn quí thầy (cô)!

1.2. Phiếu dành cho học sinh

Để có cơ sở thực tiễn cho việc đánh giá thực trạng dạy học với di tích lịch sử ở địa phương trong dạy học lịch sử Việt Nam lớp 12 THPT trong tỉnh Nghệ An, xin các em vui lòng cung cấp cho chúng tôi các thông tin sau:

Họ và tên:…… Học sinh lớp:……

Trường:…….Huyện:……, tỉnh Nghệ An

Các em vui lòng đánh dấu x vào trước phương án trả lời đúng!

1. *Suy nghĩ của em về môn Lịch sử ở trường phổ thông hiện nay*:

☐ Là môn học nhàm chán, chỉ có học thuộc lòng và ghi nhớ các sự kiện.

☐ Là môn học hay song các thầy cô dạy chưa tốt nên các em không thích học.

☐ Là môn học hay, cần thiết song cần thay đổi nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

☐ Ý kiến khác:……

2. Ở trường em học, đã có khi nào giáo viên tổ chức dạy học tại di tích lịch sử ở địa phương chưa?

☐ Chưa bao giờ.

☐ Đôi khi.

☐ Nhiều lần.

3. *Em có suy nghĩ gì nếu thầy (cô) giáo tổ chức dạy học với di tích lịch sử ở địa phương:*

☐ Không phải ngồi nghe "thầy đọc, trò chép".

☐Được hoạt động nhiều, hiểu thêm di tích LS ở địa phương, phát triển khả năng quan sát, trí tưởng tưởng.

☐ Hiểu rõ hơn lịch sử dân tộc, lịch sử địa phương mình

4. Suy nghĩ của em về tác dụng của việc sử dụng tài liệu, tranh ảnh về di tích LS ở địa phương trong dạy học bộ môn ở trường PT?

☐ Giúp minh họa, khắc sâu các sự kiện LS.

☐ Giúp có biểu tượng sâu sắc về sự kiện, nhân vật LS gắn với DTLS.

☐ Giúp phát triển khả năng tri giác tích cực

☐ Tạo hứng khởi cho việc nghiên cứu kiến thức LS

☐ Phát triển tư duy

5. Suy nghĩ của em về tác dụng của việc được học tập LS với di tích LS ở địa phương?

☐ Giúp em hiểu bài học

☐ Tạo hứng thú học tập

☐ Được trải nghiệm thực tế

6. Theo em, các hình thức tổ chức nào sau đây thầy (cô) em đã thực hiện khi sử dụng DTLS ở địa phương?

☐ Khai thác để sử dụng ở trên lớp
☐ Tiến hành bài học tại các DTLS ở địa phương
☐ Tổ chức các hoạt động ngoại khóa
☐ Chỉ sử dụng khi dạy học bài LSĐP

7. Cảm nhận của em khi được học LS với các di tích lịch sử ở địa phương, mà thầy (cô) em đã thực hiện:

☐ Tiến hành bài học một cách "lấy lệ", qua quít.
☐ Độc thoại, không phát huy tính tích cực quan sát, tư duy của HS.
☐ Thực hiện giờ học có hiệu quả, học sinh hiểu sự kiện LS.
☐ Tạo được hứng thú học tập cho HS.

8. Theo em, tổ chức học tập lịch sử với di tích LS ở địa phương là cần thiết vì:

☐ Giảm số tiết học trên lớp, việc học tập bớt căng thẳng
☐ Tạo hứng thú học tập, học sinh được trực tiếp quan sát
☐ Tạo ý thức bảo vệ, giữ gìn di tích, di sản

9. Trong các di tích LSCM sau, di tích nào thuộc tỉnh Nghệ An:

☐ Ngã ba Đồng Lộc
☐ Địa đạo Vĩnh Mốc
☐ Làng chiến đấu Cự Nẫm, Cảnh Dương
☐ Đài tưởng niệm 12/09
☐ Di tích Truông Bồn
☐ Di tích cồn Mô
☐ Di tích Tràng Kè

10. Di tích lịch sử Truông Bồn, Mỹ Sơn, Đô Lương liên quan đến sự kiện nào sau đây:

☐ Xô viết Nghệ Tĩnh
☐ Đế quốc Mĩ ném bom triệt phá đường chiến lược 15 A ngày 31/10/1968
☐ Thực dân Pháp hành hình 72 chiến sĩ Xô viết Nghệ Tĩnh

11. Di tích lịch sử đình Trung Cần (Nam Trung, Nam Đàn) liên quan đến nhân vật nào dưới đây:

☐ Hồ Tùng Mậu
☐ Lê Hồng Sơn
☐ Phạm Hồng Thái
☐ Tống Tất Thắng

12. Bằng hiểu biết của mình, em hãy cho biết ở NghệAn có những di tích lịch sử tiêu biểu nào?

…….....
…….....

Cảm ơn sự hợp tác của các em!

Phụ lục 2. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

Bảng 2.1. Kết quả điều tra giáo viên

Bảng 2.1.1. Nhóm câu hỏi về ý nghĩa, tác dụng của việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương

Câu hỏi số	*Nội dung hỏi*	*Phương án trả lời*	*Số GV chọn*	*Tỉ lệ (%)*
1	*Mức độ cần thiết của việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương*	Cần thiết	72	70,59
		Rất cần thiết	19	18,61
		Không cần thiết	09	08,8
3	*Số lần thực hiện trên thực tế việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương*	Chưa bao giờ tổ chức.	68	66,7
		Đã tiến hành nhiều lần.	04	3,9
		Thỉnh thoảng	30	29,4
9	*Tác dụng của việc tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương so với các bài học khác.*	HS hiểu sâu các vấn đề thực tiễn của địa phương	69	67,65
		Tăng hứng thú, hấp dẫn cho bài học	16	15,67
		Tăng cường năng lực thực hành cho HS	17	16,67

Câu hỏi số	*Nội dung câu hỏi*	*Phương án trả lời*	*Đúng*	*Phân vân*	*Sai*
2	*Mục đích của việc tổ chức dạy học lịch sử dân tộc với di tích lịch sử ở địa phương tại Nghệ An.*	Giúp HS nắm vững kiến thức LS dân tộc	80 (78,43%)	18 (17,65%)	04 (3,92%)
		Giúp HS nắm vững kiến thức LS địa phương	77 (75,49%)	22 (21,57%)	03 (2,94%)
		Tăng cường khả năng trực tiếp quan sát, trải nghiệm, tạo hứng thú cho HS	79 (77,45%)	20 (19,61%)	03 (2,94%)
		Bồi đắp tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước; bồi dưỡng lí tưởng cách mạng	82 (80,39%)	15 (14,71%)	05 (4,9%)
		Ý kiến khác			

Bảng 2.1.2. Nhóm câu hỏi về hình thức tiến hành việc tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương

Câu số	*Câu hỏi*	*Phương án trả lời*	*Số GV*	*Tỉ lệ (%)*
4	*Hình thức tổ chức dạy học với di tích lịch sử địa phương*	Bài học nội khóa trên lớp và tại DT bao gồm bài: lịch sử dân tộc và lịch sử địa phương	12	11,76%
		Tham quan học tập	15	14,70%
		Các hoạt động ngoại khóa	17	16,66%
		Tất cả các hình thức nói trên	58	56,86%
8	*Các khâu có thể vận dụng dạy học với các di tích LS ở địa phương*	Xây dựng tình huống nêu vấn đề khi bắt đầu bài học	34	33,33%
		Trong tiến trình tổ chức bài học	32	31,37%
		Trong khâu củng cố kiến thức	13	12,74%
		Trong khâu kiểm tra kiến thức	14	13,72%
		Trong hoạt động tự học của HS	09	8,82%
11	*Các hình thức ngoại khóa lịch sử có thể tổ chức với di tích LS ở địa phương*			
		Dạ hội lịch sử	37	36,27%
		Tổ chức cho học sinh trải nghiệm tại di tích	29	28,43%
		Công tác công ích xã hội	36	35,29%

Bảng 2.1.3. Nhóm câu hỏi về phương pháp khai thác, tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương

Câu hỏi số	*Nội dung hỏi*	*Phương án trả lời*	*Số GV*	*Tỉ lệ*
6	*Phương pháp khai thác nguồn tư liệu của di tích LS tại địa phương trong dạy học bộ môn ở trường THPT*	GV và HS có thể sưu tầm từ nguồn LS ĐP	31	30,39%
		GV và HS có thể lấy từ nguồn Internet	16	15,68%
		GV và HS lập kho dữ liệu điện tử về di tích LS ở địa phương	14	13,72%
		GV giao đề tài cho HS, HS trình bày kết quả nghiên cứu	16	15,68%
		GV và HS trao đổi thông qua: mail, hộp thư ở trường	17	16,67%
		Lập diễn đàn nghiên cứu, trao đổi về DTLS ở địa phương	08	7,84%

5	*Biện pháp tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương*	Tăng cường sử dụng tài liệu về DTLS ở địa phương trong bài học trên lớp	59	57,84%
		Tiến hành bài học LS địa phương tại di tích	23	22,55%
		Tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh với di tích LS ở địa phương	20	19,60%
7	*Cách thức tổ chức các hoạt động của HS khi tiến hành dạy học lịch sử với di tích LS ở địa phương*	Giao nhiệm vụ cho cá nhân, nhóm tìm hiểu sau đó trình bày, trình chiếu và trao đổi	70	68,62%
		Giao nhiệm vụ cho HS khai thác tư liệu qua mạng Internet	20	19,60%
		Không đủ thời gian nên không giao nhiệm vụ cho HS	12	11,76%

Bảng 2.1.4. Nhóm câu hỏi về khó khăn, đề xuất của GV trong vấn đề tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương

Câu hỏi số	*Nội dung hỏi*	*Phương án trả lời*	*Số GV*	*Tỉ lệ*
10	*Những khó khăn gặp phải khi dạy học với DTLS ở địa phương.*	Không bố trí được thời gian	18	17,65%
		Các cấp quản lí ở trường và địa phương không quan tâm	21	20,59%
		HS coi LS là môn phụ nên không thích học	20	19,61%
		Khó khăn trong việc tìm tài liệu	16	15,69%
		Không lựa chọn được hình thức dạy học phù hợp	15	14,70%
		Băn khoăn trong việc lựa chọn biện pháp	12	11,76%

2. 2. Kết quả điều tra học sinh

Bảng 2.2.1. Nhóm các câu hỏi về ý nghĩa, tác dụng của việc tổ chức dạy học bộ môn với di tích LS ở địa phương

Câu số	*Nội dung hỏi*	*Phương án trả lời*	*Số HS*	*Tỉ lệ (%)*
1	*Suy nghĩ của em về môn Lịch sử ở trường phổ thông hiện nay*	Là môn học nhàm chán, chỉ có học thuộc lòng và ghi nhớ các sự kiện.	141	56,85
		Là môn học hay song các thầy cô dạy chưa tốt nên các em không thích học.	50	20,16
		Là môn học hay, cần thiết song cần thay đổi nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.	41	16,53
		Ý kiến khác	16	6,45
3	*Suy nghĩ về việc tổ chức dạy học bộ môn với di tích lịch sử ở địa phương* .	Không phải ngồi nghe "thầy đọc, trò chép".	133	53,63
		Được hoạt động nhiều, hiểu thêm di tích LS ở địa phương, phát triển khả năng quan sát, trí tưởng tưởng	62	25
		Hiểu rõ hơn lịch sử dân tộc, lịch sử địa phương mình	53	21,37
5	*Suy nghĩ về tác dụng của việc được học tập LS với di tích LS ở địa phương.*	Giúp em hiểu bài học	93	37,50
		Tạo hứng thú học tập	74	29,84
		Được trải nghiệm thực tế	81	32,66
7	*Tình hình dạy học lịch sử với các di tích lịch sử ở địa phương của GV.*	Các thầy (cô) chỉ tiến hành bài học một cách "lấy lệ", qua quít.	132	53,23
		Các thầy (cô) độc thoại, không phát huy tính tích cực quan sát, tư duy của học sinh.	66	26,61
		Các thầy (cô) đã thực hiện giờ học có hiệu quả, học sinh hiểu sự kiện lịch sử và tạo được hứng thú học tập.	50	20,16
8	*Sự cần thiết của việc tổ chức học tập lịch sử với di tích LS ở địa phương*	Làm cho việc học tập bớt căng thẳng	129	52,02
		Tạo hứng thú học tập, chúng em được trực tiếp quan sát	68	27,42
		Tạo ý thức bảo vệ, giữ gìn di tích, di sản	51	20,56

Bảng 2.2.2. Tần suất, biện pháp tổ chức dạy học bộ môn với DTLS ở địa phương mà Gv đã thực hiện

Câu hỏi số	Nội dung hỏi	Phương án trả lời	Số lượng HS	Tỉ lệ (%)
2	*Số lần thầy (cô) tổ chức dạy học với di tích lịch sử ở địa phương.*	Chưa bao giờ.	143	57,66
		Đôi khi.	85	34,27
		Nhiều lần	20	8,07
4	*Tác dụng của việc sử dụng tài liệu, tranh ảnh về di tích LS ở địa phương khi tiến hành bài học ở trên lớp.*	Giúp cụ thể hóa, khắc sâu các sự kiện LS.	85	34,27
		Giúp có biểu tượng sâu sắc về sự kiện, nhân vật LS gắn với DTLS	64	25,81
		Giúp phát triển khả năng tri giác tích cực	56	22,58
		Giúp chúng em thêm yêu quê hương, tự hào về quê hương	43	14,34
6	*Các thầy (cô) thường sử dụng hình thức tổ chức khi tổ chức dạy học với DTLS ở địa phương.*	Khai thác để sử dụng ở trên lớp	20	8,06
		Tiến hành bài học tại các DTLS ở địa phương	13	5,24
		Tổ chức các hoạt động ngoại khóa	143	57,66
		Chỉ sử dụng khi dạy học bài LSĐP	72	29,03

Bảng số 2.2.3. Điều tra về hiểu biết của HS về DTLS ở địa phương

Câu hỏi	*Nội dung trả lời*	*Số HS*	*Tỉ lệ (%)*
Đánh dấu các DTLS ở Nghệ An	Đài tưởng niệm 12/9	103	41,53
	Di tích Truông Bồn	93	37,50
	Di tích cồn Mô	30	12,10
	Di tích Tràng Kè	22	8,87
Di tích Truông Bồn liên quan đến sự kiện LS nào?	Xô viết Nghệ Tĩnh	68	27,42
	Mĩ hủy diệt đường chiến lược 15 A ngày 31/10/1968	130	52,42
	72 chiến sĩ Xô viết Nghệ Tĩnh bị hành quyết	50	20,16
Đền Trung Cần (Nam Đàn) liên quan đến nhân vật nào?	Hồ Tùng Mậu	62	25
	Lê Hồng Sơn	52	20,97
	Phạm Hồng Thái	57	22,98
	Tống Tất Thắng	77	31,05
Thống kê các DTLS ở địa phương mà em biết	Không kể tên được DTLS nào	82	33,06
	Kể tên 2 DTLS ở địa phương	38	15,32
	Kể tên 3 DTLS ở địa phương	62	25
	Kể tên 4 DTLS ở địa phương trở lên	66	26,61

Phụ lục 3. GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM, ĐỀ KIỂM TRA

3.1. Giáo án thực nghiệm bài lịch sử Việt Nam (giờ học nội khóa ở trên lớp)

CHƯƠNG II: VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 - 1945

BÀI 14: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1935 (TIẾT 20, 21)

A. Mục tiêu bài học: Học xong tiết học này, HS đạt được:

1. **Kiến thức**

- Trình bày, phân tích bối cảnh lịch sử, nguyên nhân làm bùng nổ phong trào, trình bày được diễn biến chính của phong trào cách mạng trong những năm 1930.
- Đánh giá để rút ra tính chất, quy mô của phong trào.
- Liên hệ với thực tế địa phương qua các tài liệu về DTLS tiêu biểu ở Nghệ An.

2. Kĩ năng

- Phát triển khả năng tri giác LS, các kĩ năng tư duy LS như: phân tích, đánh giá, so sánh, chỉ ra mối liên hệ của các sự kiện LS.
- Phát triển kĩ năng sử dụng đồ dùng trực quan như: bản đồ diễn biến của phong trào, sử dụng SGK, biết sưu tầm tài liệu về DTLS ở địa phương.

3. Thái độ

- Bồi dưỡng cho HS thái độ căm ghét sự tàn bạo của kẻ thù, khâm phục hành động cách mạng của quần chúng công - nông và các tầng lớp nhân dân khác.
- Khâm phục sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, biết trân trọng, giữ gìn những thành quả cách mạng của cha ông.
- Có ý thức giữ gìn di tích, di sản của quê hương.

=> Phát triển năng lực, bồi dưỡng phẩm chất

- Phát triển các năng lực chung: NL hợp tác, giao tiếp, tự học và các năng lực bộ môn như: NL tái hiện LS, tư duy LS, thực hành LS…
- Bồi dưỡng cho HS các phẩm chất đạo đức đúng đắn: tình yêu, trách nhiệm đối với quê hương, đất nước; tin tưởng vào sự lãnh đạo tài tình của Đảng; tình cảm biết ơn, kính yêu đối với các bậc tiền bối, các anh hùng, liệt sĩ…

B. Thiết bị, tài liệu dạy học

1. GV chuẩn bị

- Phương tiện: Máy vi tính kết nối máy chiếu, bút chỉ...
- Bản đồ diễn biến phong trào CM 1930-1931, ảnh các di tích: tượng đài Công - Nông, di tích 12/09 (Thái Lão, Hưng Nguyên)...
- Tài liệu học tập

+ Phiếu thông tin hỗ trợ HS

+ Nguyễn Thị Côi: *Kênh hình trong dạy học Lịch sử ở trường THPT*, Tập 1, NXB ĐHQG, Hà Nội, 2000.

2. HS chuẩn bị

- Nghiên cứu SGK, phiếu thông tin hỗ trợ HS.

- Các nhóm chuẩn bị nhiệm vụ theo yêu cầu của GV:

+ *Nhóm 1*: Phân tích tình hình kinh tế ở Việt Nam trong những năm 1929 -1933.

+ *Nhóm 2*: Phân tích tình hình xã hội Việt Nam trong những năm 1929 -1933.

+ *Nhóm 3:* Tường thuật sự kiện 1/5/1930 ở Bến Thủy kết hợp tranh ảnh, trình chiếu về **di tích Cồn Mô, tượng đài Công - Nông** (Bến Thủy, TP. Vinh).

+ *Nhóm 4*: Tường thuật sự kiện 12/9/1930 kết hợp tranh ảnh hoặc phần trình chiếu về **di tích Đài tưởng niệm 12/9/1930 ở Hưng Nguyên**.

C. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học

I. Khởi động/dẫn dắt/ tạo động cơ học tập (5 phút)

1. *Mục tiêu*: Tạo động cơ học tập, thúc đẩy mong muốn tìm hiểu kiến thức mới của HS. Đồng thời, định hướng kiến thức cơ bản của bài học.

2. *Phương thức*: Nêu vấn đề kết hợp sử dụng âm nhạc, quan sát ảnh các DTLS ở địa phương tiêu biểu (trên slide hoặc trong phiếu hỗ trợ thông tin cho HS)

- GV cho HS nghe một đoạn bài hát "Trên quê hương xô viết Nghệ Tĩnh" của nhạc sỹ Dân Huyền với đoạn thơ: "*Ta đi trên đường 12/9. Bỗng nhớ những người. Bất khuất, trung kiên. Dậy trời Thái Lão. Chuyển rung đất Hưng Nguyên. Trong cao trào Xô viết...*".

- GV nêu câu hỏi*: "Lời bài hát các em vừa nghe phản ánh điều gì? Gợi cho các em suy nghĩ đến nội dung gì của lịch sử dân tộc?"*

- GV nêu vấn đề: "Phong trào cách mạng l930 - 1931 đã diễn ra sôi nổi, là phong trào CM đầu tiên dưới sự lãnh đạo của ĐCS Việt Nam. *Vậy, tại sao phong trào lại diễn ra? Phong trào diễn ra như thế nào? Các DTLS ở Nghệ An có mối liên hệ như thế nào đối với các sự kiện LS giai đoạn này?"*

II. Tổ chức các hoạt động dạy học

Mục I. Việt Nam trong những năm 1929 - 1933

Hoạt động 1*: Tìm hiểu tình hình kinh tế Việt Nam sau khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 -1933(lớp/cá nhân/nhóm)*

- Mục tiêu:

+ HS nêu được những nét khái quát về khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933

+ Phân tích tác động của cuộc khủng hoảng KT thế giới 1929-1933 đối với Việt Nam.

- Hình thức: cả lớp, cá nhân, cặp đôi.
- Thời gian: 7 phút.
- Phương pháp, kỹ thuật DH: HS đàm thoại, nghiên cứu SGK, thảo luận cặp đôi, nhóm.
- Loại sản phẩm: *Trình bày khái quát về cuộc khủng hoảng KT thế giới 1929-1933.*

Kiến thức cơ bản cần đạt	Hoạt động của GV - HS
I. **Việt Nam trong những năm 1929 -1933** 1. Tình hình kinh tế - Khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 tác động tiêu cực đến các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam.	- *B.1*[7]*:* GV nêu vấn đề, tổ chức đàm thoại với HS về những nét cơ bản của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933. + GV: Tính chất của khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933? Nó có tác động như thế nào đối với thế giới? + HS dựa vào những hiểu biết của mình trả lời câu hỏi. + GV nhận xét, chốt ý: - Là cuộc khủng hoảng thừa. - Để lại hậu quả nặng nề đối với thế giới, trong đó có các nước thuộc địa như Việt Nam. - *B.2:* GV đặt vấn đề: *Cuộc khủng hoảng KT thế giới 1929- 1933 có tác động như thế nào đến tình hình kinh tế Việt Nam lúc bấy giờ?* - GV yêu cầu HS trình bày, rút ra hậu quả của kinh tế thế giới 1929 - 1933 đối với Việt Nam. + GV yêu cầu khi một nhóm trình bày, nhóm còn lại bổ sung ý kiến, nhận xét. + *GV chốt ý*: - Từ năm 1930, Việt Nam bước vào thời kì suy thoái, khủng hoảng trầm trọng.
- Biểu hiện cụ thể: + Khủng hoảng trong nông nghiệp. + Công nghiệp suy sụp, đình đốn.	- Hậu quả của cuộc khủng hoảng KT 1929 - 1933 đối với Việt Nam hết sức nặng nề.

[7] B1; Bước 1

Hoạt động 2: *Phân tích, đánh giá tác động của khủng hoảng kinh tế tế giới 1929 -1933 đối với xã hội Việt Nam. Chính sách của thực dân Pháp lúc này là gì?*

- *Mục tiêu*

+ HS trình bày được tình hình xã hội, đời sống của các giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế tế giới 1929 -1933.

+ Xác định được mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam lúc đó .

+ Chính sách khủng bố của thực dân Pháp sau khởi nghĩa Yên Bái làm cho tình hình chính trị, xã hội thêm căng thẳng.

- *Hình thức*: cả lớp, cá nhân, cặp đôi.

- Thời gian: 8 phút

- *Phương pháp, kỹ thuật*: HS nghiên cứu SGK kết hợp đàm thoại, thảo luận nhóm.

- Loại sản phẩm: *Báo cáo của các nhóm về về hậu quả của khủng hoảng KT thế giới 1929 - 1933 đối với Việt Nam.*

Kiến thức cơ bản cần đạt	Hoạt động của GV - HS
2. Tình hình xã hội - Làm trầm trọng tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân lao đông (nông dân, công nhân và các tầng lớp khác). - Thực dân Pháp đẩy mạnh chính sách khủng bố. - Mâu thuẫn giai cấp, dân tộc càng sâu sắc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời giúp phong trào đấu tranh chống thực dân, PK phát triển mạnh mẽ.	- *Bước 1:* GV tổ chức HS trao đổi về tình hình các giai cấp ở Việt Nam trong cuộc khủng hoảng KT thế giới 1929 -1933. - <u>*B.2:*</u> - HS theo dõi SGK, trả lời câu hỏi.. - GV chốt ý: + Làm trầm trọng tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân lao đông (nông dân, công nhân và các tầng lớp khác). <u>*B.3:*</u> GV tổ chức trao đổi cho HS hiểu về chính sách khủng bố của thực dân Pháp sau khởi nghĩa Yên Bái thất bại. <u>*B.4:*</u> GV gợi mở giúp HS rút ra kết luận: mâu thuẫn giai cấp, dân tộc càng sâu sắc. - Nhân tố nào thúc đẩy phong trào đấu tranh chống đế quốc, PK phát triển mạnh mẽ? - GV bổ sung tư liệu: sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái, thực dân Pháp đẩy mạnh khủng bố trắng: năm 1930, ở Nam Kỳ, > 17.000 người bị kết án, trong đó có hơn 400 án đại hình. - Gv chốt ý: xác định mâu thuẫn cơ bản của Việt Nam lúc này. Đây cũng chính là **nguyên nhân** dẫn đến phong trào.

Mục II. Phong trào cách mạng 1930 -1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ Tĩnh

1. Phong trào cách mạng 1930 - 1931

Hoạt động 3: *Trình bày, đánh giá phong trào cách mạng 1930 -1931. Liên hệ tài liệu di tích LS ở địa phương*

- Mục tiêu

+ HS trình bày được diễn biến chính, nêu đặc điểm của phong trào.

+ Phân tích điểm khác biệt so với các phong trào CM trước đó.

+ Liên hệ với thực tiễn đấu tranh của nhân dân địa phương qua sử dụng tài liệu về DTLS.

+ Rèn luyện NL giải quyết vấn đề, hợp tác, NL tự học, sử dụng công nghệ thông tin...

- Thời gian: 15 phút

- Phương pháp, kỹ thuật DH: làm việc nhóm, sử dụng công nghệ thông tin kết hợp các kĩ thuật "5 xin" và "321".

- Loại sản phẩm: *Trình bày diễn biến, đánh giá phong trào CM 1930 -1931. Phân tích các tài liệu về DTLS (tiêu biểu) ở địa phương có liên quan.*

Kiến thức cơ bản	Hoạt động của GV - HS
1. **Phong trào cách mạng 1930 -1931** a, *Phong trào đấu tranh trong cả nước* - Bùng lên khắp 3 miền từ năm 1929. - 1930 phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân diễn ra mạnh mẽ khắp cả nước. - có sự lãnh đạo của ĐCS. - giai cấp công nhân đóng vai trò tiên phong. => *điểm khác so với phong trào trước đó, mở đầu cao trào cách mạng mới do ĐCS*	- *B.1*: GV đặt vấn đề: Những sự kiện nào chứng minh phong trào đấu tranh mạnh mẽ của công - nông trong năm 1930 trên phạm vi toàn quốc? -*B.2*: HS theo dõi SGK, nghiên cứu phiếu hỗ trợ thông tin HS, trao đổi. - *B.3:* GV chốt ý. + 2/1930: bãi công của 3.000 công nhân cao su Phú Riềng. + 4/1930: bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định (4.000 người); Bến Thủy, Hải Phòng, Sài Gòn, Dầu Tiếng... + phong trào nông dân sôi nổi ở nhiều địa phương. - *B.1*: GV hỏi: *Phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục phát triển như thế nào trong năm 1930?* - *B.2*: *HS* trình bày về sự phát triển của phong trào CM năm 1930. - *B.3*: GV chốt ý, bổ sung: Pháp điên cuồng đàn áp, 31/5/1930 Hội đồng nội các Pháp phải họp để tìm cách đối phó.

lãnh đạo. - Phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng tiếp tục dâng cao +5/1930: là thời điểm số lượng các cuộc đấu tranh tăng nhiều nhất. + sôi nổi khắp ba miền + hình thức đấu tranh phong phú	-
b, *Phong trào đấu tranh tại Nghệ Tĩnh* -1/5/1930: + Cuộc đấu tranh của công nhân Bến Thủy cùng với nông dân. + Cuộc đấu tranh của nông dân Thanh Chương biểu tình phá đồn điền Kí Viện.	<u>*- B.1*:</u> Yêu cầu các nhóm trả lời (dựa trên sự chuẩn bị ở nhà, SGK và phiếu hỗ trợ thông tin). - *Nhóm 1*: Tường thuật sự kiện 1/5/1930 ở Bến Thủy kết hợp tranh ảnh, trình chiếu về **di tích Cồn Mô, tượng đài Công - Nông**.
- 1/8/1930: cuộc bãi công của công nhân Vinh - Bến Thủy => đánh dấu "*một thời kì mới, thời kì đấu tranh kịch liệt đã đến"* - Cuộc đấu tranh của nông dân Nam Đàn, Thanh Chương, Can Lộc... lan rộng khắp hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh. -12/9/1930: thực dân Pháp đàn áp dã man cuộc biểu tình của 2 vạn người ở Hưng Nguyên (Nghệ An): cho máy bay ném bom, triệt hạ hai làng, làm 217 người chết => Nông dân các huyện vũ trang khởi nghĩa, đập phá huyện lị, bộ máy CQ ở nhiều xã, huyện bị tê liệt.	- *Nhóm 2*: Tường thuật sự kiện 12/9/1930 kết hợp tranh ảnh hoặc phần trình chiếu về **di tích Đài tưởng niệm 12/9/1930 ở Hưng Nguyên**. - GV bổ sung: "*Chỉ trong vòng vài tuần, chủ nghĩa cộng sản lan dần từ chỗ này đến chỗ khác, hầu như khắp các làng trong thung lũng sông Cả và đồng bằng Hà Tĩnh*" (báo cáo của Moorché). - <u>B.2:</u> GV chốt ý: Phong trào công nông nổ ra mạnh mẽ ở các làng quê Nghệ Tĩnh thể hiện khí thế xung thiên của đội quân chủ lực của CM, làm tê liệ, tan rã chính quyền phong kiến, thực dân ở làng xã, dẫn đến sự ra đời của các Xô viết. *Đây là mô hình chính quyền Xô viết lần đầu tiên xuất hiện ở nước ta.*

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa và nâng cao kiến thức về hoàn cảnh lịch sử của phong trào CM 1930 -1931, phân tích hoạt động, chỉ ra bản chất của chính quyền Xô viết ở Nghệ Tĩnh.

2**. Phương thức**

- *Chuyển giao nhiệm vụ:* Yêu cầu HS:

+ Vẽ sơ đồ về những biện pháp của chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh?

+ Nhận xét tính chất của chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh.

- *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* HS vẽ sơ đồ, trả lời câu hỏi (trên lớp hoặc ở nhà).

- *Báo cáo sản phẩm:* báo cáo hoặc GV kiểm tra nếu bài tập được giao về nhà.

- *Nhận xét, đánh giá:* GV nhận xét đánh giá việc thực hiện bài tập của HS.

3. Thời gian: 5 phút

4. Dự kiến sản phẩm

- HS vẽ sơ đồ về những biện pháp của chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh.

- Trình bày bản chất của chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh.

IV. VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG

*1. Mục tiêu***:** Nhằm vận dụng, liên hệ mở rộng kiến thức về phong trào CM 1930-1931 và hiểu biết về DTLS ở địa phương.

2. Thời gian: 5 phút

3. Phương thức

- *Chuyển giao nhiệm vụ:* Yêu cầu HS:

+ Sưu tầm tài liệu, tranh, ảnh, tạo video ngắn giới thiệu về một DTLS thuộc phong trào CM 1930 -1931 trên quê hương Xô viết.

- *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* HS sưu tầm, lập hồ sơ di tích (trên lớp hoặc ở nhà).

- *Báo cáo sản phẩm:* báo cáo hoặc GV kiểm tra nếu bài tập được giao về nhà.

- *Nhận xét, đánh giá:* GV nhận xét đánh giá việc thực hiện bài tập của HS.

4. Dự kiến sản phẩm

- Báo cáo của HS về DTLS ở địa phương kết hợp tường thuật ngắn gọn về sự kiện LS.

TIẾT 2, BÀI 14: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1935 (tiết 21)

Hoạt động **khởi động** (5 phút)

1. Xô viết Nghệ Tĩnh

Hoạt động 1: *Phân tích bản chất của chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh*

1. Mục tiêu: Nhằm phân tích được bản chất của chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh.

2. Phương thức

- *Chuyển giao nhiệm vụ:* Yêu cầu HS:

+, Nghiên cứu SGK, phiếu hỗ trợ thông tin cho HS để phân tích các chính sách cụ thể của chính quyền xô viết Nghệ Tĩnh.

- *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK, phiếu hỗ trợ thông tin HS, vẽ sơ đồ về chính sách của xô viết, trao đổi cặp đôi..

- *Dự kiến sản phẩm:* sơ đồ, báo cáo

- *Thời gian:* 15 phút

Kiến thức cần đạt	*Hoạt động của GV và HS*
3. Xô viết Nghệ Tĩnh -Từ tháng 9/1930, các xô viết đã ra đời ở Nghệ Tĩnh. - Chính sách của xô viết: +, *Về chính trị*: quần chúng tham gia các đoàn thể CM, lập đội tự vệ đỏ, tòa án nhân dân. +, *Về kinh tế*: chia lại đất công, bỏ các loại thuế, xóa nợ... +, *Về văn hóa - xã hội:* dạy chữ quốc ngữ, bài trừ các hủ tục... - Tồn tại được 4-5 tháng. Pháp cấu kết với phong kiến đàn áp, mua chuộc, giữa năm 1931 phong trào CM lắng xuống. => là mô hình nhà nước của dân, do dân, vì dân. Xô viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của phong trào CM 1930 -1931.	*B.1*: Gv nêu vấn đề: Tại sao nói: **Xô viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của phong trào CM 1930-1931?** *B.2*: HS nghiên cứu SGK, phiếu thông tin hỗ trợ HS, trao đổi với nhau, vẽ sơ đồ: thời gian, địa bàn ra đời của các xô viết, chính sách cụ thể của các xô viết? *GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ:* 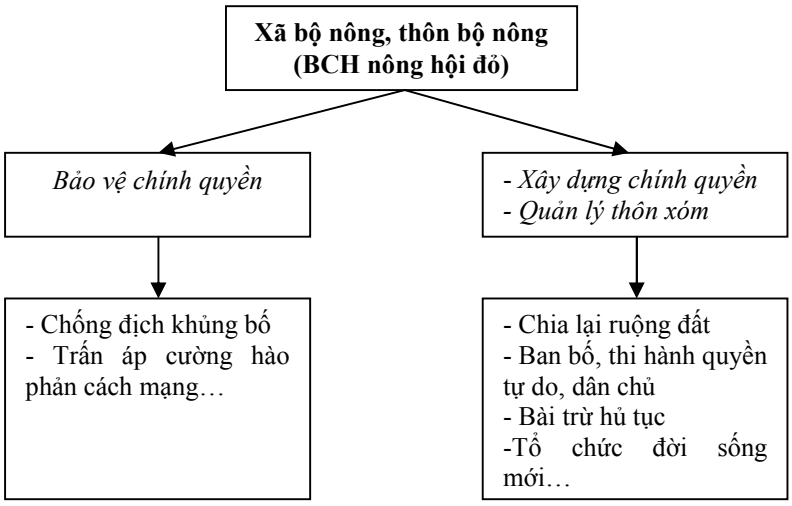 *B.3*: Gv hỏi: Vậy tính chất của xô viết Nghệ Tĩnh là gì? *B.4*: GV bổ sung kiến thức về di tích LS ở địa phương, tạo biểu tượng về di tích Tràng Kè, Yên Thành, Nghệ An, nơi 72 chiến sĩ cộng sản bị Pháp xử bắn năm 1931. *B. 5*: Gv chốt kiến thức.

Hoạt động 2: *Phân tích nội dung, đánh giá về Luận cương chính trị của Đảng tháng 10/1930*

1.Mục tiêu

+, HS nêu được những bối cảnh, thời gian, địa điểm ra đời của bản Luận cương chính trị của Đảng tháng 10/1930.

+, Đánh giá vai trò của đồng chí Trần Phú đối với sự nghiệp cách mạng.

+, Phân tích, đánh giá mặt tích cực, hạn chế của bản Luận cương chính trị của Đảng tháng 10/1930

2. Phương thức: Nêu vấn đề kết hợp trao đổi đàm thoại, DH nêu vấn đề.

3. Thời gian: 15 phút

4. Dự kiến sản phẩm: Kẻ bảng trình bày khái quát nội dung của Luận cương

Kiến thức cần đạt	*Hoạt động của GV và HS*
2. Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10-1930). a, *Bối cảnh, thời gian, địa điểm* - Phong trào CM dâng cao - BCHTW Đảng họp HN lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) - Thông qua Luận cương chính trị của Đảng b, *Nội dung* - Luận cương xác định: +, Tính chất của CM: tư sản dân quyền kiểu mới +, Động lực: công - nông +, Lãnh đạo: vô sản (đội tiên phong là Đảng Cộng sản) +, Xác định hình thức, PP đấu tranh. +, Liên hệ mật thiết với CM thế giới. - *Hạn chế* +, Chưa chỉ ra mâu thuẫn chủ yếu, nặng về đấu tranh giai cấp +, Chưa lôi kéo các tầng lớp trung gian về phe CM ⇨ Là một văn kiện quan trọng của Đảng, có tác động thúc đẩy phong trào CM	*B.1*: Gv nêu vấn đề, chuyển giao nhiệm vụ: *Trong khi phong trào CM phát triển mạnh mẽ, chủ trương, đường lối của Đảng ta như thế nào?* *B.2*: Hs dựa vào SGK nêu các ý: BCHTW Đảng họp HN lần I họp ở đâu? Thời gian nào? Bầu ai làm Tổng bí thư của Đảng, thông qua văn kiện gì? *B. 3*: Cho HS quan sát ảnh đồng chí Trần Phú trong SGK và trên slide. Hỏi: Em biết gì về đồng chí Trần Phú? Sau đó GV chốt ý tạo biểu tượng về đồng chí Trần Phú. *B.4*: HS sử dụng SGK và phiếu thông tin hỗ trợ HS về nội dung của Luận cương. HS trả lời các câu hỏi và điền vào bảng về: tính chất, nhiệm vụ, động lực, lãnh đạo, PP đấu tranh, quan hệ với CM thế giới. (liên hệ với Hội nghị TW VIII tháng 5/1941: là minh chứng sự đúng đắn của Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt ...) *B.5*: HS đánh giá về Luận cương chính trị tháng 10/1930. GV chốt ý.

Hoạt động 3: *Phân tích ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 -1931*

- *Mục tiêu*

+, HS phân tích được ý nghĩa của phong trào CM 1930 -1931 đối với trong và ngoài nước.

+, Khái quát những bài học kinh nghiệm được rút ra từ phong trào CM 1930 -1931.

- *Thời gian*: 10 phút

- *PP, kĩ thuật*: trao đổi đàm thoại, DH nêu vấn đề.

- *Loại sản phẩm*: Phân tích ý nghĩa, bài học kinh nghiệm của phong trào CM 1930-1931.

Kiến thức cần đạt	*Hoạt động của thầy và trò*
4.Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 -1931 a, *Ý nghĩa* - Khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng - Khẳng định sứ mệnh lãnh đạo CM của g/c vô sản - Hình thành khối liên minh công - nông - Được đánh giá cao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế b, *Bài học kinh nghiệm* - Về công tác tư tưởng - Về xây dựng liên minh công - nông và mặt trận dân tộc thống nhất. - Về tổ chức, lãnh đạo quần chúng => *là cuộc tập dượt lần đầu tiên cho CM tháng Tám sau này*.	-B.1: Gv sử dụng đoạn tài liệu tạo biểu tượng về ý nghĩa của phong trào CM 1930 -1931: "*Xô viết Nghệ Tĩnh là một hiện tượng độc đáo trong phong trào giải phóng dân tộc toàn thế giới. Ảnh hưởng của Xô viết Nghệ Tĩnh không những vang dội trong toàn quốc mà còn chấn động dư luận quốc tế...*"[8] *B. 2*: Hs dựa vào SGK kết hợp phiếu hỗ trợ thông tin cho HS, trao đổi cặp đôi, trả lời câu hỏi: *Ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930 -1931 đối với trong và ngoài nước?* *B. 3*: Gv chốt kiến thức *B. 4*: HS đọc SGK, nghiên cứu phiếu hỗ trợ thông tin cho HS, tự rút ra bài học kinh nghiệm của phong trào CM 1930 - 1931. *B.5*: GV chốt ý, khái quát toàn bộ bài học

[8] Tiểu ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, Tỉnh ủy Nghệ An, *Xô viết Nghệ Tĩnh*, NXB Nghệ An, 2000, tr.154

III. **Phong trào cách mạng trong những năm 1932 -1935** *(Phần này giảm tải, không dạy)*

1. Cuộc đấu tranh phục hồi phong trào cách mạng
2. Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương (3/1935)

C. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

1. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa và nâng cao kiến thức về hoàn cảnh lịch sử của phong trào CM 1930-1931, phân tích hoạt động, chỉ ra bản chất của chính quyền Xô viết ở Nghệ Tĩnh.

2. *Phương thức: kiểm tra 15 phút* (KT lấy kết quả thực nghiệm)

- *Chuyển giao nhiệm vụ:* Yêu cầu HS:

+, Vẽ sơ đồ về những biện pháp của chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh?

+,Vì sao Xô viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của phong trào CM 1930 -1931?

+, Nêu hiểu biết của em về một DTLS ở địa phương ở giai đoạn này.

- *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* HS vẽ sơ đồ, trả lời câu hỏi (trên lớp hoặc ở nhà).

- *Báo cáo sản phẩm:* báo cáo hoặc GV kiểm tra nếu bài tập được giao về nhà.

- *Nhận xét, đánh giá:* GV nhận xét đánh giá việc thực hiện bài tập của HS.

3. Dự kiến sản phẩm

- HS vẽ sơ đồ về những biện pháp của chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh.
- Trình bày bản chất của chính quyền Xô viết Nghệ Tĩnh.

D. VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG

1.Mục tiêu: Nhằm giúp HS biết vận dụng, liên hệ hiểu biết về Luận cương chính trị, về ý nghĩa, bài học của phong trào CM 1930-1931 để hiểu một số vấn đề thực tiễn như.

2. Phương thức: thực hiện ở nhà

- *Chuyển giao nhiệm vụ:* Yêu cầu HS:

+, Lập bảng so sánh nội dung chính của Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo (3/2/1930) và Luận cương chính trị do Trần Phú soạn thảo (10/1930). Nhận xét điểm giống và khác nhau của hai văn kiện về nội dung. Đánh giá về hai văn kiện đó.

+, Thế hệ trẻ ở Nghệ An đã làm gì để bảo vệ thành quả của CM, bảo vệ di sản, DTLS ở địa phương mình?

- *Tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:* HS lập bảng so sánh hai văn kiện nói trên, nêu các giải pháp bảo vệ DTLS ở địa phương giai đoạn này.

- *Báo cáo sản phẩm:* báo cáo hoặc GV kiểm tra nếu bài tập được giao về nhà.

- *Nhận xét, đánh giá:* GV nhận xét đánh giá việc thực hiện bài tập của HS.

Phụ lục 4
PHIẾU THÔNG TIN HỖ TRỢ HỌC SINH
(*Tiết 1, bài 14, Lịch sử 12*)

** Di tích Cồn Mô (Bến Thủy, tp. Vinh) với cuộc đấu tranh ngày 1/5/1930 ở Nghệ Tĩnh.*

"...Hòa nhập các cuộc đấu tranh ở nhiều nơi trong toàn quốc, tại Vinh - Bến Thủy, đúng ngày **1/5/1930** đã nổ ra cuộc biểu tình lớn của công nông nội ngoại thành thành phố Vinh và đồng bào Nghi Xuân (Hà Tĩnh). Cuộc biểu tình này do đồng chí *Lê Mao* (Ủy viên TW Đảng, Ủy viên Thường trực Xứ ủy Trung Kỳ, Bí thư Tỉnh bộ Vinh - Bến Thủy) trực tiếp chỉ đạo. Được sự chuẩn bị chu đáo từ trước, sáng ngày 1/5/1930, khoảng 1.200 nông dân các làng Yên Dũng, Lộc Đa, Đức Thịnh (xưa thuộc Hưng Nguyên, nay thuộc thành phố Vinh), Song Lộc, Tân Hợp, An Hậu, Đức Hậu (thuộc huyện Nghi Lộc) biểu tình kéo vào thành phố Vinh để phối hợp với công nhân các nhà máy đấu tranh đòi thực dân Pháp phải thực hiện các yêu sách như: đòi tăng lương, giảm sưu thuế, ngày làm 8 giờ... Đoàn biểu tình không có trang bị vũ khí, chỉ kéo cờ búa liềm và chăng biểu ngữ, hàng ngũ chỉnh tề, vừa đi vừa hô khẩu hiệu và đọc to bài Quốc tế ca (bằng thơ của Nguyễn Ái Quốc)... Tên công sứ Pháp ở Vinh đã huy động lính đến canh gác, bảo vệ các nhà máy và sai tri phủ Hưng Nguyên đưa lính đến ngăn cản, nhưng binh lính đã không bắn vào dân chúng và đoàn biểu tình vẫn tiến về phía cổng Nhà máy sửa chữa xe lửa Trường Thi. Công nhân trong nhà máy bị vây hãm. Chỉ có công nhân ở ngoài nhà máy nhập vào đoàn biểu tình và cũng tiến theo đường Thuộc địa số 1, kéo về Bến Thủy. Báo "*Người Lao khổ*" của Xứ ủy Trung Kỳ số ra ngày 2/5/1930 đã **tường thuật** dài về cuộc biểu tình này: "*...Tiếng hô vang trời của anh em, chị em làm cho đế quốc tư bản kinh hồn. Thằng giám binh chĩa súng bắn vào anh em, chị em... Một người chạy lại tát thằng giám binh, giật lấy súng trường, đập gãy. Thằng giám binh bèn lấy súng lục bắn, bắt anh em binh lính cùng bắn... Thằng giám binh, thằng chánh cảnh*

sát, thằng mật thám (Rôbe) đều chĩa súng bắn liên thanh. Lại cả thằng Calabi cũng đứng trong nhà máy bắn ra. Thế là quân đế quốc và quân tư sản thẳng tay giết anh em dân cày và thợ thuyền.. Cuộc biểu tình phải giải tán, để lại 6 người chết và 18 người bị thương"[9]

** Về cuộc đàn áp 12/9/1930 ở Thái Lão, Hưng Nguyên*

"**Sáng ngày 12/9/1930**, khoảng 8.000 nông dân thuộc ba tổng: Phù Long, Thông Lạng (Hưng Nguyên) và Nam Kim (Nam Đàn) hàng ngũ chỉnh tề, trang bị gậy gộc, giáo mác, dây thừng, gương cờ đỏ búa liềm kéo về ga Yên Xuân. Đoàn biểu tình xếp hàng tư, một đội cầm cờ và hai đội tuyên truyền đi trước, hai đội xích vệ yểm hộ hai bên, nhân dân đi ở giữa. Đầu đoàn đã đến cầu xi măng chợ Phủ mà cuối đoàn còn ở Hoàng Cần, tức khoảng 3 - 4 km. Ban chỉ huy ra lệnh trói viên xếp ga lại và cắt đường dây điện tín. Một chuyến tàu từ Bắc vào bị chặn lại. Khách trên tàu cũng xuống dự cuộc mít tinh của quần chúng biểu tình. Chị Phia (Nguyễn Thị Quỳnh Nga) đứng lên diễn thuyết, tố cáo tội ác của thực dân Pháp và Nam triều phong kiến, kêu gọi quần chúng đi theo Đảng Cộng sản đấu tranh đòi quyền lợi. Tiếng hô khẩu hiệu vang dậy một vùng.

Bị một toán lính bắn dọa, trời lại mưa to, nhưng đoàn biểu tình vẫn giữ vững hàng ngũ, tiến về phía phủ lị *Hưng Nguyên*. Khi đoàn biểu tình vừa tiến đến Thái Lão, bỗng nhiên bầu trời xuất hiện hai chiếc máy bay Pháp. Chúng nhào xuống bắn liên thanh và trút bom giữa đám đông làm nhiều người chết và bị thương. Mặt khác, bọn lính ùa tới đàn áp. Cuộc biểu tình giải tán. Buổi chiều, khi bà cọn nông dân ra khâm liệm và mai táng những đồng bào đã hy sinh, máy bay Pháp lại đến tàn sát một lần nữa. Tổng số người thiệt mạng lên tới 217 người và 125 người bị thương. Ngoài ra, chúng còn bắt giam hàng chục người khác. Vụ tàn sát cực kỳ dã man này đã làm chấn động dư luận trong nước và quốc tế...".[10]

---

[9] Tiểu ban nghiên cứu Lịch sử Đảng, *Xô viết Nghệ Tĩnh*, NXB Nghệ An, 2000, tr.44- 47.
[10] Tiểu ban nghiên cứu Lịch sử Đảng, *Xôviết Nghệ Tĩnh*, NXB Nghệ An, 2000, tr.75-78.

"Những người cách mạng, dựa trên những hiểu biết sơ lược về chính quyền Xô viết nước Nga - tiếp thu được qua các tài liệu huấn luyện và báo chí của Đảng - đứng ra tổ chức và điều hành công việc. Thực chất đó là một chính quyền cách mạng sơ khai do giai cấp công nhân lãnh đạo. *Về chính trị,* chính quyền mới đã ban bố quyền tự do dân chủ cho nhân dân. Quần chúng được tự do hội họp, thảo luận và hoạt động trong các tổ chức đoàn thể cách mạng như Nông hội, Đội tự vệ, Đoàn thanh niên cộng sản, Phụ nữ giải phóng, Hội cứu tế đỏ... *Về kinh tế*, chính quyền mới đã thi hành một số biện pháp tích cực như tịch thu ruộng đất công, lúa công chia cho dân cày nghèo, bãi bỏ các thứ thuế vô lí, bất công do bọn đế quốc phong kiến đặt ra như thuế thân, thuế chợ, thuế đò, thuế muối..., thực hiện giảm tô và xóa nợ cho người nghèo. *Về văn hóa - xã hội*, chính quyền cách mạng tổ chức đời sống mới: mở các lớp dạy chữ Quốc ngữ cho các tầng lớp nhân dân; xóa bỏ tệ nạn xã hội, các hủ tục, mê tín dị đoan; xây dựng tình thân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong quan hệ họ hàng, làng xóm. Xô viết Nghệ Tĩnh trở thành nguồn cổ vũ manh mẽ quần chúng công nông trong cả nước. Khắp nơi, trong các cuộc đấu tranh, ngoài khẩu hiệu đòi tăng lương, giảm giờ làm, bỏ sưu, giảm thuế còn có khẩu hiệu mạng tính chính trị: ủng hộ Xô viết Nghệ Tĩnh, ủng hộ Liên bang Xô viết".[11]

"Thực dân Pháp *khủng bố dã man* phong trào đấu tranh ở Nghệ Tĩnh, nhưng trước các cuộc biểu tình, thị uy của quần chúng càng trở nên quyết liệt. Trước tình hình đó, chúng tập trung lực lượng và dùng những thủ đoạn thâm độc để đối phó. Những tên thực dân đầu sỏ và tay sai khét tiếng tàn bạo được phái tới Nghệ - Tĩnh để xem xét và vạch kế hoạch đàn áp, như toàn quyền Patxkie (Pasquier), khâm sứ Trung Kỳ Lơ Phôn (Le Fol), Nguyễn Hữu Bài, Tôn Thất Đàn... Một chương trình bình định Nghệ Tĩnh về quân sự, chính trị, văn hóa lập tức được thi hành. Nhiều đơn vị khố đỏ, lính lê dương được điều đến Nghệ Tĩnh. Lệnh thiết quân luật được ban bố. Chúng dùng thủ đoạn thâm độc "buộc dân cày ra đầu thú", bắt nhân dân tổ chức "rước cờ vàng", "nhận thẻ quy thuận". Chúng ráo riết săn lùng những người cộng sản, xuất bản sách báo vu cáo CN CS và Liên Xô..."

"Chỉ trong vòng vài tuần, chủ nghĩa cộng sản lan dần từ chỗ này đến chỗ khác, hầu như khắp các làng trong *thung lũng sông Cả và đồng bằng Hà Tĩnh*" (báo cáo của Moorché). "Họ hoàn toàn bất lực, chẳng làm được điều gì để ngăn cản sự mở rộng của phong trào. Chính quyền bản xứ thuộc mọi cấp trong tỉnh đều tê liệt, không thể nêu tên một người cầm đầu nào, không thể nhờ cậy vào một sự trợ giúp nào của các chức trách cấp tổng và xã, khiến người ta có cảm giác rằng họ đã mất

[11] Đinh Xuân Lâm (chủ biên), Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ, *Đại cương lịch sử Việt Nam,* T2, NXB Giáo dục, 1998, tr.309.

hết tất cả uy quyền trên đám quần chúng mà họ cai trị. Sự sợ hãi làm tê liệt các ông quan, các ông này khóa cổng, chui vào trong nhà và chỉ lo có mỗi một việc phòng vệ cho chính bản thân của họ. Mỗi khi các ông tri phủ, tri huyện đi tuần theo quân đội hoặc lính bản xứ, họ đi mà mình mẩy, chân tay lẩy bẩy"(toàn quyền Rôbanh*)*[12].

"*Kìa Bến Thủy đứng đầu dậy trước*
Nọ Thanh Chương tiếp bước bước lên
Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên
Anh Sơn, Hà Tĩnh, một phen dậy rồi,
Không có lẽ ta ngồi chịu chết,
Phải cùng nhau cương quyết một phen!
Tổng này xã nọ kết liên
Ta hò ta hét thét lên thử nào!
Trên gió cả, cờ đào phất thẳng
Dưới đất bằng, giấy trắng tung ra,
Giữa thành một trận xông pha,
Bên kia đạn sắt, bên ta gan vàng!…"[13]

Tên Saten (Châtel) - Khâm sứ Trung Kỳ đã thừa nhận trong bản báo cáo gửi Chính phủ Pháp ngày 5/7/1930: "*Lâu nay, chúng ta chỉ mới biết những phương pháp hoạt động của các đảng phái cách mạng cũ. Lần này, các quan lại hình như lúng túng, bối rối về sự tổ chức hoàn hảo của cộng sản theo kiểu châu Âu...".*[14]

Báo cáo của Robin ngày 01/06/1931: "Từ khi nước Pháp đặt đô hộ trên đất nước này chưa bao giờ có một nguy cơ nào đe dọa an ninh nội bộ lớn hơn, thực sự hơn".[15]

---

[12]*Lịch sử Việt Nam*, Tập 2, in lần thứ hai, NXB KHXH, Hà Nội, 1989, tr.260.
[13] Nguyễn Chánh Kỷ, Ninh Viết Giao (ST), *Thơ văn Xô viết Nghệ Tĩnh,* Hội nhà văn Nghệ Tĩnh, 1997, tr.73
[14]Tiểu ban nghiên cứu Lịch sử Đảng, *Xô viết Nghệ Tĩnh*, NXB Nghệ An, 2000, tr.55 - 60.
[15]Nghiên cứu Lịch sử, số 4, 1978, Cao Huy Thuần: "*Nhận định và phản ứng của Pháp trước phong trào cộng sản 1930 -1931",* tr.33.

Phụ lục 5. TƯ LIỆU THAM KHẢO ĐỂ THIẾT KẾ PHIẾU THÔNG TIN HỖ TRỢ HỌC SINH

(*Tiết 2, bài 14, Lịch sử 12*)

"Đặc biệt, trong Chỉ thị thanh đảng của Xứ ủy Trung kỳ có câu rất "tả": "*Thanh trừ trí phú địa hào, đào tận gốc trốc tận rễ*" ... Chỉ thị thanh đảng của Xứ ủy Trung kỳ đã có tác hại trực tiếp đến lực lượng của Đảng trong bối cảnh phong trào đang đi xuống, các cơ sở đảng còn đang bị tấn công từ nhiều phía... Ngay sau khi nhận được thông tin về vấn đề thanh đảng của Xứ ủy Trung kỳ, ngày 20/5/1931, BCH TW Đảng đã gửi Chỉ thị cho Xứ ủy Trung kỳ, nghiêm khắc phê bình những sai lầm khuyết điểm về thanh đảng và vạch ra phương hướng để uốn nắn những lệch lạc đó".[16]

"Ngày 2/9/1930, Khâm sứ Trung Kỳ *Lơ Phôn* (Le Fol) cùng với *Nguyễn Hữu Bài,* Thượng thư bộ Lại, Chủ tịch Viện Cơ mật của triều đình Huế đã ra khảo sát thực trạng tình hình ở Nghệ Tĩnh. Sau đó, chúng đã cử Bonnom (Bonnhome) và Tôn Thất Đàn, Thượng thư bộ Hình ra trực tiếp chỉ huy cuộc "*dẹp loạn"* ở Nghệ Tĩnh. Trổ tài khuyển mã, Đàn đã thề một câu rất độc địa: "*Hữu Nghệ - Tĩnh bất phú, vô Nghệ - Tĩnh bất bần*" (có Nghệ Tĩnh không giàu, không có Nghệ Tĩnh cũng không nghèo", hàm ý: cứ mặc sức "làm cỏ" dân Nghệ Tĩnh cho triệt giống cộng sản đi, nếu có chết hết cũng không sao! Khoảng giữa tháng 9/1930, thực dân Pháp đã điều từ các nơi đến Nghệ Tĩnh nhiều đơn vị lính mới. Ngoài số lính khố xanh được bổ sung thêm, chúng còn đưa 250 lính lê dương cùng súng ống đạn dược và cả máy bay nữa. Sang đầu tháng 10/1930, chúng lại điều thêm về Vinh một đội lính Thổ. Chúng ra lệnh thiết quân luật toàn hạt Nghệ Tĩnh và thi hành cho mãi đến giữa năm 1931. Chúng trắng trợn cho lính lê dương đóng cả trong Trường quốc học Vinh và xưởng ô tô Phạm Văn Phi... Tính đến đầu năm 1931, Nghệ An có 68 đồn, Hà Tĩnh có 55 đồn binh được bố trí trên tất cả các vùng trong hai tỉnh, chưa kể mạng lưới bang tá (mỗi tên có 5 lính) rải đều khắp các làng. Tại Nghệ An, hàng trăm lính lê dương đã dùng xăng đốt trụi 277 nóc nhà của nông dân hai làng Tân Lập và Song Lộc, huyện Nghi Lộc, bắn chết 30 người, sau đó lại xử tử hình 9 người. Tại Thanh Chương, ngày 6/10/1930, lính lê dương ở đồn Thanh Quả sục vào làng Ngọc Lâm bắt lợn gà. Quần chúng nổi trống mõ báo động và kéo ra đuổi lính. Chúng đã bắn xả vào dân làm 103 người chết và nhiều người bị thương. Tại Hà Tĩnh, lính đồn Ba Giang, Phù Việt (huyện Thạch Hà) đốt cháy 270 nóc nhà dân, triệt hạ làng Phù Việt

[16] Tiểu ban nghiên cứu Lịch sử Đảng, *Xô Viết Nghệ Tĩnh*, NXB Nghệ An, 2000, tr.117-119.

trong ngày 10/12/1930. Ngày 22/12/1930, binh lính đồn Nghèn (huyện Can Lộc) xả súng bắn vào dân biểu tình, giết chết 42 người và làm bị thương hàng chục người khác... Thực dân Pháp và tay sai đã dùng nhiều hình thức tra tấn, giết chóc dã man như: treo rút ngược người lên xà nhà, giẫm giày đinh lên bụng, cùm ngửa, kê tre giữa lưng, giam người giữa trưa hè nóng bỏng không cho uống nước, bắt tuốt tay bằng nứa cho máu tuôn phọt ra, dùng súc gỗ lim dựng lên xô xuống đè bẹp người: thậm chí, chúng dùng tre kẹp cổ rồi cưa hoặc chặt đầu bêu lên ngọn tre... Nhà lao Vinh chứa tới khoảng 2.000 tù nhân, trong đó có 900 người đã thành án, có cả trẻ em từ 14 đến 16 tuổi. Mỗi phòng giam ở đây chỉ rộng 6m x 15 m mà giam tới 150 người; sáu tháng liền không cho tắm giặt... Tại nhà lao Ngũ Phúc, Thanh Chương, chúng chôn 12 người vào một hố!"[17].

Chính quyền thực dân phong kiến Nghệ An dự định sẽ bố trí cho một tên tay sai đứng ra làm lễ quy thuận đầu hàng giặc và xin "vái cờ vàng", buộc quần chúng phải hô to những câu chúng ghi sẵn trong thẻ quy thuận: "Phục nguyện nhất tâm quy thuận. Ngưỡng thừa triều đình bảo vệ an toàn. Nhược phụ a tòng á đảng, cam chịu tử tội" (*Xin nguyện một lòng quy thuận, nghe lệnh triều đình bảo vệ an toàn; nếu theo đảng chống đối, cam chịu tội chết*).

... Xuyên suốt trong thời gian từ khi hình thành Xô viết (1/9/1930) đến giữa năm 1931, hình thái giằng co giữa ta và địch diễn ra quyết liệt và ngày càng thêm tàn khốc, đẫm máu, thể hiện trên các mặt: địch phá Xô viết, ta lập lại Xô viết, địch khủng bố, ta chống khủng bố; địch thực hiện âm mưu thủ đoạn cưỡng bức, đầu thú, ta chống việc rước cờ vàng và phát thẻ quy thuận; địch lập đoàn phu, bang tá, lập đồn binh, ta chống lại bằng cách vây đồn, đánh lính, thủ tiêu bang tá, cướp súng, địch bắt cán bộ, ta giải thoát..."[18]

"Tính chất quần chúng rộng rãi và liên tục là một đặc điểm điển hình của phong trào nông dân Nghệ An mà tiêu biểu nhất là phong trào nông dân Thanh Chương"[19].

Ý nghĩa

"Với đường lối chính trị đúng đắn, vai trò lãnh đạo của Đảng ta được thực hiện và khẳng định ngay từ cao trào cách mạng 1930 -1931. Qua cao trào này đã đem lại cho quần chúng công nông lòng tin vững chắc ở sức mạnh của mình, thấy rõ con đường giải phóng dân tộc và giải phóng công nông không thể là con đường

---

[17]Tiểu ban nghiên cứu Lịch sử Đảng, *Xô Viết Nghệ Tĩnh*, NXB Nghệ An, 2000, tr.105- 108

[18] Tiểu ban nghiên cứu Lịch sử Đảng, *Xô Viết Nghệ Tĩnh*, NXB Nghệ An, 2000, tr.128-130.

[19]Sở Văn hóa thông tin, Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh, *Kỷ yếu hội thảo khoa học- 65 năm Xô Viết Nghệ Tĩnh*, Vinh, tháng 3/1996, tr.39

trông chờ sự giúp đỡ từ bên ngoài mà phải dựa vào chính sức mình. Hai khẩu hiệu chiến lược "độc lập dân tộc và người cày có ruộng" của Đảng đề ra đã trở thành niềm tin và hy vọng của nhân dân lao động có sức động viên rất lớn đối với quảng đại quần chúng. Cũng qua cao trào cách mạng này đã rút ra bài học quý báu về thực hiện sự liên minh giữa công nhân và nông dân, điều kiện cơ bản đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng và là cơ sở để xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất sau này"[20].

"Xôviết Nghệ Tĩnh là một hiện tượng độc đáo trong phong trào giải phóng dân tộc toàn thế giới. Ảnh hưởng của Xô viết Nghệ Tĩnh không những vang dội trong toàn quốc mà còn chấn động dư luận quốc tế... Những công xã và xôviết kể trên hầu hết xuất hiện ở những nước tư bản hay nửa thuộc địa và đều là Xôviết công nhân hoặc chủ yếu là công nhân thành thị (và binh sĩ như ở Hunggari). Chỉ có Xôviết Nghệ Tĩnh là xuất hiện ở một nước thuộc địa nửa phong kiến và lại ở vùng nông thôn cách xa thành thị. Có tài liệu gọi là "*xôviết nông dân*" chính là vì vậy".[21]

"Thành quả lớn nhất của cao trào cách mạng 1930-1931, thành quả mà cuộc khủng bố trắng tàn khốc của đế quốc và phong kiến sau đó đã không xóa nổi là ở chỗ: nó khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo của giai cấp vô sản, đồng thời đem lại cho đông đảo quần chúng công nông lòng tin ở sức mạnh của mình. Đó là thắng lợi đầu tiên có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ tiến trình phát triển về sau của cách mạng. *Trực tiếp mà nói, không có những trận chiến đấu giai cấp rung trời chuyển đất những năm 1930-1931, trong đó công nông đã vung ra nghị lực phi thường của mình, thì không thể cao trào những năm 1936 -1939*".[22] "Cao trào cách mạng 1930-1931 và Xôviết Nghệ Tĩnh có một nhược điểm lớn là chưa xây dựng được Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc. Nhược điểm này có nguyên nhân sâu xa từ đường lối chỉ đạo có xu hướng "tả" khuynh của Quốc tế cộng sản từ những năm 1927-1928, chỉ nhấn mạnh đấu tranh giai cấp, coi nhẹ yếu tố dân tộc, coi tất cả địa chủ, quan lại, tư sản là kẻ thù của cách mạng giải phóng dân tộc".[23]

"Các tổ chức quần chúng ở Nghệ Tĩnh và các nơi khác vẫn chỉ có *một màu "đỏ"*: công hội đỏ, nông hội đỏ,sinh hội đỏ, cứu tế đỏ, thanh niên cộng sản đoàn... nên không thu hút được rộng rãi các tầng lớp nhân dân khác..."[24]

---

[20] Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Sử học, Văn Tạo (chủ biên), *Cách mạng Tháng Tám - một số vấn đề lịch sử*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995, tr.19.

[22] Lê Duẩn, *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng*, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1970, tr.35-36.
[23] Tiểu ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, Tỉnh ủy Nghệ An, *Xô viết Nghệ Tĩnh,* NXB Nghệ An, 2000, tr.176.
[24]Tiểu ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, Tỉnh ủy Nghệ An, *Xô viết Nghệ Tĩnh*, NXB Nghệ An, 2000, tr.179-180.

Phụ lục 6. ĐỀ KIỂM TRA BÀI HỌC NỘI KHÓA TRÊN LỚP
(Bài 14: Phong trào cách mạng 1930 -1935)

*** Đề ra:**

1.Vì sao nói: Xô viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930- 1931?

2. Các em hãy điền tên DTLS ở Nghệ An (được nhắc tới trong bài) và chỉ rõ sự kiện LS tương ứng trong phong trào cách mạng 1930 - 1931.

Tên di tích	*Địa điểm phân bố*	*Sự kiện LS*	*Nội dung lịch sử*	*Các giai đoạn tương ứng của phong trào*
1. Di tích Cồn Mô				
2.Tượng đài Công - Nông				
3.Đình Võ Liệt				
4.Tượng đài 12/9				
5.Di tích Tràng Kè				

*** Đáp án**

1. *Vì sao nói: Xô viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931?*

- Từ tháng 9/1930, các xô viết đã ra đời ở Nghệ Tĩnh.
- Chính sách của xô viết:

+ *Về chính trị*: quần chúng tham gia các đoàn thể CM, lập đội tự vệ đỏ, tòa án nhân dân.

+ *Về kinh tế*: chia lại đất công, bỏ các loại thuế, xóa nợ...

+ *Về văn hóa - xã hội:* dạy chữ quốc ngữ, bài trừ các hủ tục...

- Tồn tại được 4 -5 tháng. Pháp cấu kết với phong kiến đàn áp, mua chuộc, giữa năm 1931 phong trào CM lắng xuống.

=> là mô hình nhà nước của dân, do dân, vì dân. Xô viết Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của phong trào CM 1930 -1931.

2. *Các em hãy điền tên DTLS ở Nghệ An (được nhắc tới trong bài) và chỉ rõ sự kiện LS tương ứng trong phong trào cách mạng 1930 - 1931.*

Tên di tích	*Địa điểm phân bố*	*Sự kiện LS*	*Nội dung lịch sử*	*Các giai đoạn tương ứng của phong trào*
1. Di tích Cồn Mô	Bến Thủy, Vinh	1/5/1930	Biểu tình của công - nông chống TD, PK	Mở đầu
2.Tượng đài công - nông	Bến Thủy, Vinh	1/5/1930	Biểu tình của công - nông chống TD, PK	Mở đầu
3.Đình Võ Liệt	Võ Liệt, Thanh Chương	1/6/1930; 1/9/1930...	nông dân đấu tranh, kéo lên huyện đường, giành chính quyền.	Cao trào
4.Tượng đài 12/9	Thái Lão, Hưng Nguyên	12/9/1930	Thực dân Pháp đàn áp cuộc biểu tình của nông dân liên kết với công nhân.	Cao trào
5.Di tích Tràng Kè	Mỹ Thành, Yên Thành	11/1930 -> 9/1931	Thực dân Pháp xử bắn 72 chiến sĩ xô viết.	Thoái trào

Phụ lục 7. TỔ CHỨC BÀI HỌC LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG TẠI DI TÍCH LỊCH SỬ TRUÔNG BỒN (MỸ SƠN, ĐÔ LƯƠNG) CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, TỈNH NGHỆ AN

DẠY HỌC DỰ ÁN: "TRUÔNG BỒN - DẤU ẤN HUYỀN THOẠI CỦA QUÂN DÂN NGHỆ AN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ".

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm dạy bài nội khóa về LSĐP tại di tích Truông Bồn,[25] với chủ đề "*Truông Bồn - dấu ấn huyền thoại của quân dân Nghệ An trong kháng chiến chống Mĩ*".[26]

A. Đối tượng: Học sinh lớp 12 A1 - Trường THPT Thanh Chương I

B. Giáo viên thực hiện: Nguyễn Thị Giản Ngân.

C. Thời gian: ngày 16/02/2018

D. Mục tiêu dự án**:** Học xong bài này HS đạt được

1. Kiến thức

- Hiểu rõ bối cảnh lịch sử của miền Bắc trong chiến tranh phá hoại lần thứ 1 của đế quốc Mĩ. Mĩ đã thực hiện leo thang chiến tranh ra toàn miền Bắc, trong đó có điểm nóng là con đường 15 A ở Mĩ Sơn, Đô Lương, Nghệ An.

- Hiểu được cuộc chiến đấu dũng cảm của các TNXP ở Truông Bồn vào ngày 31/10/1968 và rút ra các nhận xét, đánh giá về ý nghĩa của sự kiện lịch sử nói trên.

2. Kĩ năng

- Phát triển kĩ năng quan sát thực địa, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng làm việc với các vấn đề liên quan đến thực tiễn.

- Phát triển kĩ năng thu thập, xử lý thông tin để hiểu về sự kiện LS xảy ra ở DT.

- Phát triển các kĩ năng trình bày (miệng, viết, trình chiếu) về các vấn đề liên quan đến DTLS.

3. Thái độ

- Bồi dưỡng thái độ khâm phục hành động anh dũng của các TNXP bảo vệ huyết mạch giao thông cho cuộc kháng chiến, căm ghét chiến tranh phi nghĩa.

= > ***Phát triển năng lực, hình thành phẩm chất:***

+, Phát triển năng lực chung: NL vận dụng kiến thức, NL hợp tác, NL sử dụng công nghệ, NL giải quyết vấn đề thực tiễn...và các năng lực chuyên môn: NL tái hiện LS, NL tư duy, thực hành LS, đánh giá sự kiện LS...

+, Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước, ý thức giữ gìn, bảo vệ di tích LS cho HS.

---

[25] Do cô Nguyễn Thị Giản Ngân thực hiện đối với lớp 12A1, trường THPT Thanh Chương I.

[26] Chúng tôi trao đổi với ông Chu Vĩnh Hiệp - trưởng ban quản lí DT Truông Bồn và các hướng dẫn viên ở đây về cách thức tổ chức bài học.

D. Chuẩn bị của GV và HS trước khi tổ chức bài học

1. Về phía GV

- Thông qua kế hoạch, xin ý kiến của nhà trường, xây dựng dự án, kế hoạch tổ chức dạy học tại di tích.

- Thông qua Ban quản lí khu DT về kế hoạch tổ chức bài học tại di tích về: thời gian cụ thể, nội dung, kế hoạch học tập.

- GV cần chủ động yêu cầu Ban QL khu DT giúp đỡ: lựa chọn những địa điểm chính, hiện vật trong khu DT để tiến hành dạy học.

- GV chuẩn bị tài liệu, tranh ảnh, phiếu học tập, phiếu nhận xét... liên quan đến cuộc chiến đấu ở Truông Bồn 31.10.1968.

- Thông báo cho HS và phụ huynh về kế hoạch học tập *(địa điểm, thời gian, yêu cầu, những quy định về việc học tập nơi trang nghiêm, những lưu ý về trang phục, dụng cụ học tập, đồ dùng cá nhân…)*

- Phô tô tài liệu học tập cho HS.

2. Chuẩn bị ở lớp trước khi tiến hành bài học tại DT

- GV phổ biến kế hoạch tổ chức bài học LSĐP tại DTLS ở Truông Bồn cho HS trong giờ lên lớp trước khi tổ chức 07 - 10 ngày.

- GV chia lớp thành **04 nhóm** phụ trách 04 tiểu dự án, cử các Trưởng nhóm, thư ký nhóm. Giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm, tìm hiểu về DTLS Truông Bồn trước khi đến học tập ở đây.

- Nêu yêu cầu cho HS: HS cần hợp tác để giải quyết nhiệm vụ của các tiểu dự án trước khi bài học diễn ra. Trong quá trình tổ chức bài học tại DT, HS có nhiệm vụ quan sát, lắng nghe, báo cáo, ghi chép và điền thông tin vào phiếu học tập.

- Phổ biến quy định cho HS, yêu cầu HS giữ trật tự, kỷ luật suốt toàn bộ chuyến đi.

E. PHƯƠNG PHÁP: Sử dụng dạy học dự án để tổ chức dạy học bài LS ĐP tại di tích Truông Bồn nhằm phát triển năng lực sáng tạo của HS

F. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN *(diễn ra tại lớp, trước giờ học tại di tích 1 tuần)*

1. *Mục tiêu*: Xác định chủ đề, HS định hướng được mục tiêu, hình thành các tiểu chủ đề, lựa chọn nhiệm vụ.

2. *Hình thức*: cả lớp, cá nhân, nhóm.

3. *Thời gian*: 15 phút.

4. *Phương pháp, kĩ thuật:* Sử dụng di tích kết hợp nêu vấn đề, làm việc nhóm kết hợp phương pháp động não.

5. *Gợi ý sản phẩm*: Tên chủ đề và tiểu chủ đề của dự án.

6. *Quy trình thực hiện*:

+ Bước 1: GV cho HS xác định chủ đề dự án

- GV cho HS quan sát một số hình ảnh về khu di tích Truông Bồn và đặt câu hỏi: *Các em hãy cho biết đây là những hình ảnh của di tích nào tại Nghệ An? Di tích này liên quan đến sự kiện gì trong lịch sử dân tộc?*

- HS quan sát, trả lời.

- GV chốt ý và hình thành chủ đề dự án "*Truông Bồn - dấu ấn huyền thoại của quân dân Nghệ An trong kháng chiến chống Mỹ"*

+ Bước 2: GV giúp HS hiểu lí do lựa chọn chủ đề dự án bằng câu hỏi định hướng.

- GV nêu câu hỏi: Vì sao chúng ta phải tìm hiểu về chủ đề "*Truông Bồn - dấu ấn huyền thoại của quân dân Nghệ An trong kháng chiến chống Mỹ"*

- HS nêu ý nghĩa của việc thực hiện dự án.

- GV chốt ý: thực hiện dự án giúp chúng ta hiểu sâu sắc những kiến thức cơ bản về cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân cả nước nói chung và đóng góp của nhân dân Nghệ An nói riêng. Qua đó, giúp HS hiểu được vị trí chiến lược của Truông Bồn, tái hiện sự kiện LS ngày 31/10/1968, thấy được sự hy sinh to lớn của các chiến sĩ TNXP ở đây. Từ đó ý thức được giá trị LS, văn hóa của khu DT.

+ Bước 3: GV hướng dẫn HS hình thành các tiểu chủ đề.

- GV nêu câu hỏi: *Với chủ đề "Truông Bồn - dấu ấn huyền thoại của quân dân Nghệ An trong kháng chiến chống Mỹ" các em mong muốn tìm hiểu những gì?*

- HS nêu những mong muốn, GV lắng nghe, khéo léo dẫn dắt để hình thành các tiểu dự án sau:

1. Tìm hiểu truyền thống đấu tranh của nhân dân Mĩ Sơn, Đô Lương, về vị trí chiến lược của Truông Bồn, của con đường chiến lược 15 A trong kháng chiến chống Mĩ.

2. Đế quốc Mĩ đã hủy diệt Truông Bồn như thế nào? Những công việc của TNXP ở Truông Bồn?

3. Tường thuật về cuộc chiến đấu dũng cảm của các thanh niên xung phong ở Truông Bồn ngày 31/10/1968.

4. Khái quát về kiến trúc, các hạng mục chính của Truông Bồn cũng như giá trị LS, văn hóa của khu DT, đề xuất các giải pháp phát huy, lan tỏa giá trị của khu DT.

+ Bước 4**:** GV chia lớp thành 04 nhóm tương ứng với 04 tiểu chủ đề đã hình thành, giao nhiệm vụ cho các nhóm.

II. THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. *Mục tiêu*

+ Các nhóm thực hiện các tiểu dự án của mình.

+ Phát triển kỹ năng sưu tầm và xử lý nguồn tài liệu, kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp ứng xử, sử dụng công nghệ thông tin...

+ Phát triển NL tự học, NL làm việc nhóm, NL giải quyết vấn đề, NL sử dụng ngôn ngữ...

2. *Phương pháp*: làm việc nhóm, sử dụng công nghệ thông tin, xin ý kiến chuyên gia...

3. *Loại sản phẩm*: Bài thuyết trình về nhiệm vụ dự án.

4. *Quy trình thực hiện*:

+ Bước 1: GV hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện dự án (theo mẫu)

BẢNG 3.1. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Nhóm	*Nhiệm vụ*	*Phương tiện*	*Thời gian thực hiện*	*Dự kiến sản phẩm*
1.	- Lập đề cương - Đọc tài liệu từ sách, mạng... - Tìm sơ đồ, bản đồ	Máy ảnh Máy tính	02 tuần	Báo cáo trình bày về tiểu chủ đề.
2.	- Lấy tài liệu từ sách, mạng... - Tìm tranh, ảnh	Máy ảnh Máy tính	02 tuần	Báo cáo trình bày về tiểu chủ đề.
3.	- Lấy tài liệu từ sách, mạng... - Chụp ảnh - Tìm tranh, ảnh	Máy ảnh Máy tính	02 tuần	Báo cáo trình bày về tiểu chủ đề.
4.	- Lấy tài liệu từ sách, mạng... - Chụp ảnh	Máy ảnh Máy tính	02 tuần	Báo cáo trình bày về tiểu chủ đề.

+ *Bước 2*: GV hướng dẫn cho HS làm việc nhóm để tạo ra sản phẩm dự án

- HS:

+ Thực hiện dự án - thu thập tài liệu, thông tin dưới nhiều hình thức và chuẩn bị báo cáo.

+ Trao đổi với giáo viên/ chuyên gia về những khó khăn trong quá trình thực hiện dự án qua điện thoại, email, zalo, facebook... hoặc tư vấn trực tiếp.

+ Sửa chữa, hoàn chỉnh sản phẩm.

+ Tập thuyết trình về sản phẩm của nhóm.

- GV:

+ Theo dõi học sinh thực hiện, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc.

+ Giáo viên cung cấp cho học sinh các tài liệu hỗ trợ thêm (nếu có)

+ Giới thiệu các chuyên gia hỗ trợ cho HS hoàn thành nhiệm vụ...

C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TẠI DI TÍCH TRUÔNG BỒN

- HS di chuyển từ trường THPT Thanh Chương 1 đến Khu di tích Truông Bồn

1. *Mục tiêu*

+ Đoàn HS đến di tích đúng thời gian, an toàn (7h 15phút - 7 h 40phút)

+ Hình thành ý thức kỉ luật, chấp hành quy định sử dụng phương tiện giao thông công cộng.

+ Hiểu khái quát về những địa điểm trên đường di chuyển.

2. *Phương thức*: Tổ chức trò chơi đố vui liên quan đến địa danh xe đi qua.

3. *Quy trình thực hiện*:

+ *Bước 1*: 7h 15 phút HS tập trung, điểm danh, kiểm tra lại tư trang và dụng cụ học tập.

+ *Bước 2:* GV tổ chức đàm thoại, chia sẻ giúp HS biết cách sử dụng phương tiện giao thông nơi công cộng.

+ *Bước 3*: Trên xe, GV thông báo lịch trình học tập tại DS và tổ chức trò chơi *Đố vui* với hệ thống câu hỏi tìm hiểu lịch sử, địa lý, văn hoá... về những vùng đất xe đi qua.

- Hoạt động 1: Giới thiệu khái quát về khu di tích, nêu vấn đề của bài học (7h45 đến 8h)

+ *Bước 1*: Tập trung HS, dâng hương tại đài tưởng niệm.

+ *Bước 2*: GV nêu nhiệm vụ của bài học:: "Truông Bồn là một đoạn đường núi nằm trên địa phận xã Mỹ Sơn (Đô Lương, Nghệ An). Nơi đây đã trở thành trọng điểm giao thông ác liệt, ghi dấu tội ác của đế quốc Mĩ và cũng là nơi thể hiện tinh thần chiến đấu kiên cường của quân, dân Mỹ Sơn, đặc biệt là gương anh dũng hi sinh của các thanh niên xung phong. Họ đã hi sinh tuổi trẻ cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước, 13 đồng chí đã vĩnh viễn ra đi vào ngày 31/10/1968. *Vậy, chúng ta cùng tìm hiểu huyền thoại Truông Bồn đã được tạo nên như thế nào?*"

- Hoạt động 2: HS làm việc với hiện vật, chứng tích để tiếp tục thực hiện dự án (8h -9 h)

1. *Mục tiêu*

+ HS sử dụng hiện vật, tranh ảnh, mô hình, sa bàn, tại khu di tích Truông Bồn để trình bày được những nét cơ bản về truyền thống LS của đội TNXP ở đây, về cuộc chiến đấu của TNXP Truông Bồn.

+ HS hình thành kỹ năng làm việc với đồ dùng trực quan khi thuyết trình.

2. *Hình thức*: nhóm

3. *Thời gian*: 60 phút

4. *PP, kỹ thuật DH*: làm việc nhóm kết hợp sử dụng hiện vật tại DT, các loại đồ dụng trực quan...

+ *Bước 1*: GV nêu yêu cầu về nhiệm vụ của các nhóm *"Tìm hiểu, sử dụng các hiện vật tại khu di tích Truông Bồn để hoàn thiện nhiệm vụ đã được giao"*. Đồng thời, đề nghị chuyên gia tư vấn hỗ trợ trực tiếp cho các nhóm.

+ *Bước 2*: HS chủ động tìm hiểu và lựa chọn các hiện vật trong khu di tích để sử dụng. Với sự tư vấn, hướng dẫn của GV và các chuyên gia, các em chuẩn bị bài thuyết trình có sử dụng hiện vật *(nội dung bài thuyết trình đã được HS chuẩn bị trong bước Triển khai dự án)*

=> Các nhóm thảo luận, thống nhất ý kiến, hoàn thành bài thuyêt trình.

- Hoạt động 3: Các nhóm báo cáo sản phẩm (9 -10h)

1. *Mục tiêu*

+ HS sử dụng các hiện vật tại di tích thuyết trình về sản phẩm dự án.

+ Rèn luyện kỹ năng thuyết trình có sử dụng đồ dùng trực quan, kỹ năng đặt và trả lời câu hỏi, nhận xét - đánh giá, làm việc nhóm...

+ Rèn luyện sự tự tin, tư duy giải pháp trong đánh giá - nhận xét.

+ Rèn luyện năng lực trình bày và giải quyết vấn đề.

2. *Hình thức*: nhóm

3. *Thời gian*: 60 phút

4. *PP, kĩ thuật DH*: làm việc nhóm kết hợp các kĩ thuật "5 xin" và "321"

5. *Loại sản phẩm*: Bài thuyết trình của các nhóm có sử dụng hiện vật tại khu di tích

Kiến thức cơ bản	Hoạt động của GV- HS
I. Vị trí địa lý củaTruông Bồn - *Xác định vị trí:* + Truông Bồn có chiều dài khoảng 5 km, thuộc xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương. + Từ cầu Om đến đầu truông là dốc U Bò. Cuối truông là dốc Kỳ Lợn. - *Đặc điểm địa hình, địa thế*: Nhiều rừng cây, thung lũng, khe suối. -*Truông Bồn trong lịch sử đấu tranh của dân tộc* + Chỗ dựa cho các cuộc chiến đấu chống ngoại xâm thời PK, thời kì chống Pháp. + Là địa bàn hoạt động của các chiến sỹ cộng sản trong phong trào CM 1930 - 1931. + Trong kháng chiến chống Mỹ, khi đường quốc lộ 1A, đường xe lửa, đường biển bị địch phong toả thì con đường 15A ẩn mình dưới tán cây xanh, được các ngọn núi che chắn giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong mặt trận giao thông vận tải để chi viện cho chiến trường miền Nam. ⇨ Vị trí chiến lược, trọng yếu.	*** Nhóm 1 trình bày tiểu dự án***:* Tìm hiểu truyền thống đấu tranh của nhân dân Mỹ Sơn, Đô Lương, về vị trí chiến lược của Truông Bồn, của con đường chiến lược 15 A trong kháng chiến chống Mĩ. - *B.1*: GV tổ chức cho nhóm 1 sử dụng bản đồ, sa bàn tại phòng lưu niệm trình bày tiểu dự án. - *B.2:* Các nhóm khác nhận xét, góp ý, nêu câu hỏi tương tác theo kĩ thuật 321. - *B.3:* Nhóm 1 giải đáp những câu hỏi của các nhóm khác. Chuyên gia tư vấn, hỗ trợ nhóm 1 ở những tình huống khó. - *B.4*: GV chốt kiến thức: +*Một là,* vị trí, đặc điểm địa hình, địa thế của Truông Bồn. +, *Hai là,* Truông Bồn gắn liền với lịch sử đấu tranh của dân tộc. *** Nhóm 2 trình bày tiểu dự án:** Đế quốc Mỹ đã hủy diệt Truông Bồn như thế nào? Những công việc của TNXP

II.Truông Bồn trong kháng chiến chống Mỹ *-Đế quốc Mỹ đã hủy diệt Truông Bồn như thế nào?* Phát hiện ra Truông Bồn là một trọng điểm vận tải ở mặt đất nên đế quốc Mỹ không tiếc bom đạn để huỷ diệt. Các loại máy bay Mỹ xuất phát từ các căn cứ quân sự như: Utapao, Cò Rạt (Thái Lan); từ đảo Wusam (Philippin)… liên tục quần lượn, ném bom. Địa hình truông hẹp, đường dã chiến thường bị lún, lầy nên đế quốc Mỹ vừa sử dụng bom bi, bom sát thương, bom từ trường,… đánh xen kẽ với bom nổ chậm để gây khó khăn, phức tạp cho ta trong công tác bảo vệ, sửa chữa. Bom đạn của địch đã làm cho vùng Truông Bồn, Mỹ Sơn trù phú xanh tươi trở thành một bãi chiến trường. Hàng ngàn héc ta rừng bị cháy trụi, cây xanh bị tiêu huỷ, ruộng vườn bị tàn phá. - *Quân dân, TNXP ở Truông Bồn đã chiến đấu như thế nào?* Để cho con đường huyết mạch không bị tắc, dân quân, thanh niên xung phong (đại đội C.317 và C.304) Mỹ Sơn vượt mọi khó khăn như sự khắc nghiệt của thời tiết, sự thiếu thốn về hậu cần, phương tiện làm việc…để thực hiện các nhiệm vụ khác nhau nhằm thông đường cho những đoàn xe nối đuôi ra tiền tuyến. Họ san lấp đất, đá, san lấp hố bom, tháo, gỡ bom, mìn - trong đó có những loại bom cực kì nguy hiểm như bom từ trường. Trong	ở Truông Bồn? - *B.1:* Nhóm 2 cử đại diện trình bày - *B.2:* Các nhóm khác bổ sung, nhận xét, góp ý, nêu câu hỏi tương tác theo kĩ thuật 321. - *B.3:* Nhóm 2 thảo luận, giải đáp những câu hỏi của các đội. Chuyên gia tư vấn, hỗ trợ nhóm 2 ở những tình huống khó. - *B.4:* GV chốt kiến thức: + Truông Bồn trở thành địa điểm đánh phá ác liệt của đế quốc Mỹ + Nhân dân Mĩ Sơn và thanh niên xung phong đã chiến đấu ngoan cường để giữ vững con đường huyết mạch 15 A.

những đêm tối trời, các anh chị thanh niên xung phong mặc những chiếc áo trắng đứng thành hàng cách nhau 3- 4m làm cọc tiêu sống dẫn xe trong đêm vòng tránh ổ gà, hố bom và bom nổ chậm. **III. Cuộc chiến đấu ngày 31/10/1968 tại Truông Bồn**	* *Nhóm 3*: **Tường thuật** về cuộc chiến đấu dũng cảm của các thanh niên xung phong ở Truông Bồn ngày 31/10/1968 - *B.1*: Nhóm 3 cử đại diện trình bày - *B.2*: Các thành viên nhóm khác bổ sung, nhận xét, góp ý, nêu câu hỏi tương tác theo kĩ thuật 321.
- *14 chiến sĩ TNXP Truông Bồn đã chiến đấu như thế nào trong ngày 31/10/1968*? + Bị thất bại nặng ở chiến trường miền Nam, năm 1968, địch cay cú, điên cuồng ném miền Bắc. Máy bay Mỹ cũng chà đi xát lại nhiều lần ở Truông Bồn, mặt đường nham nhở, gập gềnh và chi chít những hố bom lớn nhỏ, cây xanh bị phát trụi, trở nên xơ xác tiêu điều.	- *B.3:* Nhóm 3 hội ý nhóm, giải đáp những câu hỏi của các đội. Chuyên gia tư vấn, hỗ trợ nhóm 3 ở những tình huống khó. - *B.4*: GV chốt kiến thức
+Các TNXP gác mọi việc riêng tư (*có hai anh chị chuẩn bị làm đám cưới, một số chị nhận được giấy báo nhập học*…) để tập trung thông đường, tháo bom cho xe ra tiền tuyến. + 4h sáng ngày 31/10/1968, toàn đơn vị ăn vội bát cơm sáng tiến ra vị trí làm đường làm nhiệm vụ san lấp hố bom. +5 h sáng, bất ngờ có báo động, mọi người rút về hầm trú ẩn an toàn, chỉ còn lại tổ trực chiến phải rút cuối cùng để kiểm tra chiến đấu. Hàng loạt bom đạn làm rung chuyển toàn khu vực. Ngớt tiếng bom cả đại đội cùng với nhân dân xã Mỹ Sơn chạy ra hiện trường. Cả chiến trường chìm trong biển khói bom dày đặc, khét lẹt. Đây đó tiếng nổ lách tách của tre nứa bị cháy, mặt đất, mặt đường bị cày nát. Tổ trực chiến đã ra đi	+ Năm 1968, tình hình trên chiến trường Miền Nam hết sức căng thẳng, Mĩ dồn lực hủy diệt Truông Bồn. + Mỹ dội bom ngày 31/10/1968, 12/13 thanh niên xung phong Truông Bồn đã mãi mãi ra đi. + Thời điểm hy sinh đặc biệt: chỉ một ngày sau, đế quốc Mĩ ra lệnh ngừng ném bom toàn miền Bắc. B5: GV hỏi cả lớp: Nêu ý nghĩa của cuộc chiến đấu. => Sự hy sinh dũng cảm của Tiểu đội Thép, của 14 chiến sĩ TNXP, thực hiện: "*tất cả vì tuyền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*" => Là tấm gương sáng cho cán bộ, nhân dân, thế hệ trẻ noi theo. - *B.6:* GV đọc một đoạn bài thơ

mãi mãi. Mọi người dùng cả máy ủi để đào bới, tìm kiếm. Trong 14[27] đồng chí, chỉ có chị Thông là sống sót. Sau mấy ngày làm việc căng thẳng, chỉ tìm thêm được thi hài 5 đồng chí còn nguyên vẹn, còn các đồng chí khác không tìm được thi thể trọn vẹn. Anh em trong đơn vị đã chia ra 7 phần, mai táng chung ở một nắm mộ ngay **đồi cây Công**, nơi họ đã làm việc và đã hy sinh. Họ ra đi khi tuổi đời còn rất trẻ, từ 17 - 22 tuổi, là những người con từ khắp các miền quê Nghệ An đã tụ hội về đây, sống chết với con đường, đã vui với niềm vui của từng đoàn xe nối đuôi nhau ra chiến trường an toàn và đã hồi hộp lo âu, căng thẳng đếm từng quả bom rơi chính xác để kịp thời phá bỏ, sửa đường thông xe… **IV. Truông Bồn ngày nay** 1.Hiện trạng khu di tích - DT được khánh thành ngày 7/8/2015. - Diện tích: 22ha với nhiều cụm công trình quy mô lớn, kéo dài theo trục đường 15A huyền thoại. - Hạng mục chính: Nhà che mộ 13 liệt sỹ, Khu tưởng niệm, Khu quảng trường, Đài chiến thắng, Tháp chuông còn có nhiều công trình phụ trợ khác làm nên cảnh quan tổng thể của khu di tích.. - Đài tưởng niệm: địa điểm đặc biệt. Tượng trưng đài hương gồm *ba cây hương* (đá xanh nguyên khối), cao 27m, đường kính hơn 1m. Trên có những áng mây phủ đồng tượng trưng cho những nén tâm nhang gửi đến những anh hùng liệt sỹ đã hy sinh tại Truông Bồn. Phía sau là bức phù điêu lớn với nhiều họa tiết được chạm khắc tinh xảo, tái hiện hình ảnh cuộc sống, quá trình lao	*Huyền thoại Truông Bồn*" của tác giả Hoàng Bạch Nga: *"... Mỗi khi qua lại Truông Bồn* *Tôi lại thắt lòng trước những hố bom...* *...Truông Bồn ngày cuối nát tan* *Đất loang máu đỏ* *Rừng loang khói vàng* *Mười ba anh chị không còn* *Thịt xương rải khắp Truông Bồn... xót xa..."* [3; 209 - 211]. để tạo biểu tượng cho HS -<u>B.7:</u> Đánh giá về cuộc chiến đấu của quân, dân Nghệ An ở Truông Bồn? *Nhóm 4*: Đại diện nhóm 4 cáo khái quát về kiến trúc, các hạng mục chính của Truông Bồn cũng như giá trị LS, văn hóa của khu DT, đề xuất các giải pháp phát huy, lan tỏa giá trị của khu DT. * **N**hóm 4 sử dụng bản đồ, sa bàn giới thiệu hiện trạng của khu di tích; đề xuất giải pháp bảo vệ, phát huy giá trị khu di tích. - <u>*B.1*</u>: Đại diện nhóm 4 trình bày, các thành viên nhóm khác bổ sung, nhận xét. - <u>*B.2*</u>: Các nhóm khác nhận xét, góp ý, nêu câu hỏi tương tác theo kĩ thuật 321. - <u>*B.3:*</u> Nhóm 4 thảo luận trong nhóm, giải đáp những câu hỏi của các đội. Chuyên gia tư vấn, hỗ trợ nhóm 4 ở những tình huống khó.

[27] Gồm 13 anh, chị: Nguyễn Thị Văn, Nguyễn Thị Hoài, Phan Thị Dung, Nguyễn Thị Tâm, Hà Thị Đang, Hoàng Thị Nhung, Nguyễn Thị Phúc, Vũ Thị Hiên, Đàm Thị Bốn, Trần Thị Doãn, Đinh Thị Vinh, Trần Văn Hạp, Cao Ngọc Hòa.

động, chiến đấu của các cán bộ, chiến sĩ và TNXP trên tuyến đường. Phần chính giữa bức phù điêu là bia ghi danh *1.240* liệt sỹ hy sinh tại Truông Bồn. Xung quanh Đài tưởng niệm là 2 nhóm tượng và 6 trụ huyền thoại khắc tạc hình ảnh mang tính biểu tượng cho tinh thần chiến đấu, hy sinh anh dũng của lực lượng TNXP nơi đây. 2.Giá trị LS - văn hóa của di tích Truông Bồn a, *Giá trị*: là ký ức về LS, nơi giáo dục truyền thống cách mạng. b, *Giải pháp bảo vệ, phát huy giá trị:* + Tham gia tích cực việc bảo vệ, chăm sóc DS + Tích cực tham gia các cuộc thi tìm hiểu giá trị của DT. + Tích cực quảng bá, lan tỏa hình ảnh DT và tuyên truyền giá trị của DT. đồng.	- *B.4*: GV chốt kiến thức: - Truông Bồn là địa chỉ đỏ cho việc giáo dục thế hệ trẻ. ***Hoạt động 5*: Em cần làm gì để bảo vệ, phát huy giá trị của DT Truông Bồn?** - HS trao đổi, trả lời câu hỏi.

D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (tổ chức trên xe di chuyển về trường)

1. *Mục tiêu*

- Củng cố những kiến thức cơ bản của bài học, giúp HS hiểu sâu sắc.kiến thức của bài học, rèn luyện sự tự tin, tinh thần động đội, sự linh hoạt.

2. *Hình thức*: cả lớp, cá nhân.

3. *Thời gian*: 20 phút

4. *PP, kĩ thuật*: Tổ chức trò chơi dưới hình thức trả lời nhanh câu hỏi trắc nghiệm.

E. VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG

1. *Mục tiêu*

- Củng cố những kiến thức cơ bản của bài học, giúp mở rộng kiến thức, hiểu sâu sắc kiến thức của bài học.

- Có kỹ năng liên hệ thực tế

- Rèn luyện năng lực sưu tầm và xử lý tư liệu lịch sử, năng lực tự học.

2. *Phương thức*

Sử dụng di tích lịch sử ở địa phương nêu vấn đề cho HS tiếp tục tìm hiểu: Sưu tầm những mẩu chuyện, bài thơ viết về các TNXP Truông Bồn.

***Một số tranh ảnh phục vụ bài học tại di tích Truông Bồn**

Bộ đội và lực lượng thanh niên xung phong bàn phương án bảo vệ đường Truông Bồn năm 1968. Ảnh tư liệu

Chân dung các liệt sỹ Tiểu đội 2 Thanh niên xung phong hy sinh ngày 31/10/1968.

Đài Tưởng niệm anh hùng liệt sỹ Truông Bồn

Các nữ TNXP Đại đội 317 san lấp hố bom để thông đường ở Truông Bồn trong những năm chiến tranh.

Phụ lục 8. ẢNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ TẠI ĐỊA PHƯƠNG Ở NGHỆ AN

THI ĐUA DẠY TỐT, HỌC TỐT

THI ĐUA DẠY TỐT, HỌC TỐT
GIÁO VIỆT NAM 20-11

THI ĐUA DẠY TỐT, HỌC TỐT

HS trường THPT Thanh Chương I học LSĐP tại di tích Truồng Bồn (16/02/2018)

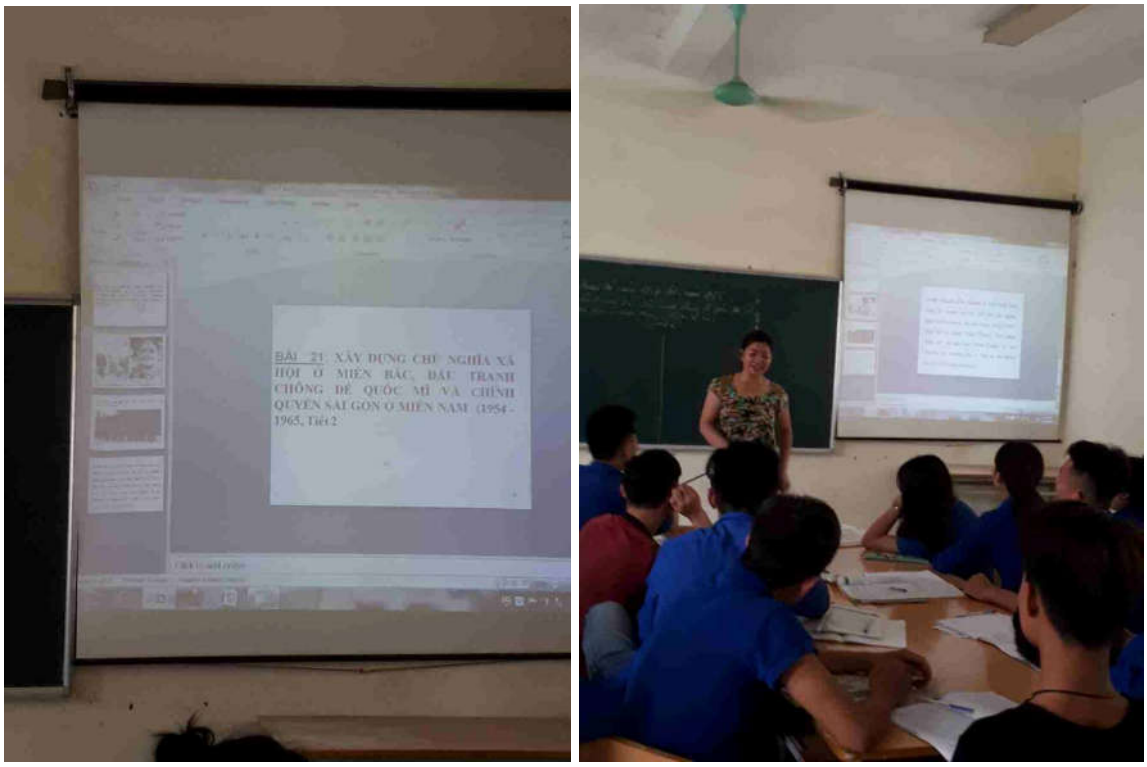

HS trường THPT DTNT Kỳ Sơn học bài 21, tiết 2 Lịch sử Việt Nam lớp 12

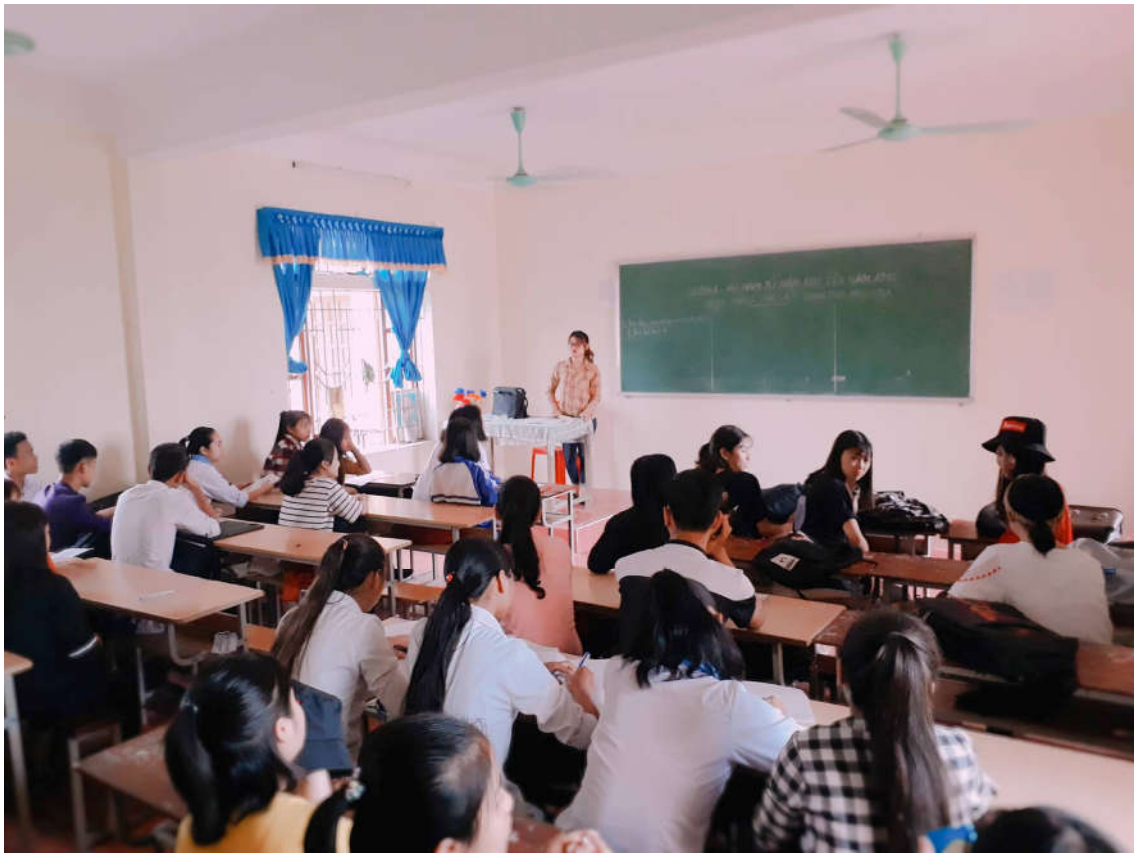

HS trường THPT Thanh Chương 1 học bài 14 Lịch sử lớp 12

Supreme

Phụ lục 9. PHIẾU HỌC TẬP

(Dùng cho HS khi học bài học LSĐP tại khu di tích lịch sử Truông Bồn)

1. **Quan sát qua bản đồ và thực địa**

1.1. Em hãy cho biết đặc điểm địa hình, địa thế của Truông Bồn?

.....

.....

1.2. Em hãy trình bày khái quát đóng góp của Truông Bồn trong lịch sử dân tộc.

.....

.....

1.3. Em hãy cho biết con đường 15 A và Truông Bồn (Mĩ Sơn, Đô Lương, Nghệ An) có vị trí như thế nào trong cuộc kháng chiến chống Mĩ?

.....

.....

.....

2. Em hãy trình bày tội ác của đế quốc Mĩ ở Truông Bồn trước khi xảy ra sự kiện 31.10.1968.

.....

.....

3. Em hãy trình bày ngắn gọn đặc điểm công việc của các TNXP ở Truông Bồn.

.....

.....

4. Em hãy tường thuật sự kiện ngày 31.10.1968 tại Truông Bồn, Mĩ Sơn, Đô Lương.

.....

.....

.....

5. Em hãy cho biết khu di tích Truông Bồn gồm những hạng mục chính nào?

.....

.....

.....

6. Sau khi học tập tại di tích, em có suy nghĩ gì? Thế hệ trẻ cần làm gì để bảo vệ di tích?

.....

.....

.....

Phụ lục 10. PHIẾU GIAO VIỆC NHÓM

Phụ lục 10.1. **PHIẾU GIAO VIỆC NHÓM**

Nghệ An, ngày.....

1. Chủ đề:

2. Mục tiêu cần đạt:

- Trình bày được
- Biết...
- Hiểu được...

3. Nhiệm vụ:

- Nhóm 1:
- Nhóm 2:
- Nhóm 3:

4. Tài liệu tham khảo

5. Tiêu chí đánh giá

- Về sản phẩm: bố cục, nội dung, hình thức
- Đánh giá trình bày chung của nhóm: sự chính xác, sâu sắc của nội dung, cách trình bày thuyết phục, khả năng sử dụng công nghệ để trình chiếu sản phẩm

Phụ lục 10.2: **Biên bản làm việc nhóm, hợp đồng nhóm**

BIÊN BẢN LÀM VIỆC, HỢP ĐỒNG NHÓM

1. Nhóm số:.....Lớp:.....
2. Các thành viên nhóm:

.....

.....

.....

3. Nội dung công việc

.....

.....

.....

4. Nhiệm vụ của thành viên:

.....

.....

.....

5. Tiến độ công việc

.....

.....

6. Đánh giá chung

.....

.....

.....

7. Đề xuất

.....

.....

.....

Thư ký	Nhóm trưởng
(Họ tên, chữ ký)	*(Họ tên, chữ ký)*

Phụ lục 10.3: Mẫu phiếu hợp đồng học tập

HỢP ĐỒNG HỌC TẬP

Nhiệm vụ:

Họ và tên học sinh:..... Họ và tên giáo viên:.....

Mục tiêu:

Phương thức thực hiện của HS:

Nhiệm vụ của học sinh:

Hỗ trợ của giáo viên:

Sản phẩm học tập:

Đánh giá sản phẩm:

Các lần trao đổi trong quá trình làm việc

1. ..... 2. .....

3. ..... 4. .....

Chữ ký của học sinh *Chữ ký của giáo viên*

Phụ lục 11
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM NGOẠI KHOÁ
"HÀNH TRÌNH VỀ NGUỒN VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ
KIM LIÊN - QUÊ HƯƠNG BÁC HỒ"

I. ĐỐI TƯỢNG TRẢI NGHIỆM: HS lớp 10 A3, Trường THPT Lê Viết Thuật, TP. Vinh, Nghệ An

II. THỜI GIAN: Ngày 25/02/2018

III. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Thông qua hoạt động trải nghiệm giúp HS đạt được những mục tiêu sau:

+ Tái hiện những sự kiện LS gắn liền với quê hương, gia đình và thời thơ ấu của Bác Hồ nhằm tạo biểu tượng về Bác Hồ kính yêu.

+ Ghi nhớ về khu di tích, về các sự kiện, nhân vật LS liên quan đến DT, đến cuộc đời và hoạt động của Người.

+ Phân tích, đánh giá tác động của các yếu tố: gia đình, quê hương... đối với sự hình thành nhân cách của Người

+ Phân tích được giá trị lịch sử - văn hoá tiêu biểu của di tích.

2. Về kỹ năng

- Kĩ năng phân tích, xác nhận mối liên hệ giữa truyền thống quê hương, gia đình với sự hình thành nhân cách của Bác Hồ.

- Kĩ năng quan sát, khai thác thông tin LS từ các hiện vật của di tích.

3. Thái độ, tình cảm

+ Bồi dưỡng tình cảm kính yêu lãnh tụ, tin tưởng vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã lựa chọn.

+ Hình thành ý thức giữ gìn di tích LS cho học sinh

=> *Phát triển năng lực, bồi dưỡng phẩm chất:*

+ Phát triển các năng lực chuyên biệt như: năng lực tái hiện các sự kiện lịch sử, năng lực đánh giá, sử dụng đồ dùng trực quan...

+ Năng lực chung: năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, năng lực tổ chức sự kiện, liên hệ thực tiễn...

IV. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của GV

- Xây dựng kế hoạch, kịch bản hoạt động ngoại khoá trải nghiệm *"Hành trình về nguồn với di tích lịch sử Kim Liên - quê hương Bác Hồ"*, thông qua tổ bộ môn, xin ý kiến BGH.

- Bàn bạc, thống nhất với Ban quản lí khu di tích về thời gian, cách thức tổ chức trải nghiệm.

- Yêu cầu khu DT hỗ trợ trên các phương diện: sắp xếp lịch trình, địa điểm trải nghiệm, các hiện vật tiêu biểu nhất, nội dung quan trọng cần khai thác..

- GV nghiên cứu kĩ hồ sơ DT, các sự kiện LS liên quan, nghiên cứu các hiện vật và chỉ ra mối liên hệ giữa chúng với các sự kiện LS. Tìm tranh ảnh, giới thiệu các tài liệu cần thiết, chuẩn bị phiếu học tập cho HS, phiếu giao việc cho mỗi nhóm.

- Trước khi tiến hành trải nghiệm một tuần, GV phổ biến thời gian, địa điểm cụ thể của hoạt động TN.

- GV giới thiệu khái quát về ý nghĩa LS, VH của khu di tích Kim Liên. GV nêu các nội dung, phương pháp tiến hành trải nghiệm. HS cần chuẩn bị nghiên cứu trước về nội dung (cá nhân, nhóm), cần có kĩ năng lắng nghe, ghi chép, quan sát, đặt câu hỏi... khi TN. Phổ biến quy định khi HS tham gia trải nghiệm tại DT: giữ gìn trật tự, tích cực quan sát, lắng nghe, cảm nhận, đặt câu hỏi, ghi phiếu học tập...

- Kế hoạch cụ thể:

+ Trước khi tổ chức hoạt động trải nghiệm: chia lớp thành 04 nhóm, bầu nhóm trưởng, thư ký nhóm. Yêu cầu cá nhân tìm tài liệu (tự tìm, GV phô tô, hướng dẫn địa chỉ, tên sách cụ thể...), phối hợp nhóm để nghiên cứu vấn đề của nhóm mình. Nhiệm vụ mỗi nhóm như sau:

+ Nhóm 1: *Tìm hiểu truyền thống LS, văn hóa của Kim Liên, Nam Đàn.* (đóng vai các **Cán bộ văn hóa địa phương**)

+ Nhóm 2: *Tìm hiểu khu di tích Hoàng Trù - quê ngoại Bác Hồ* (đóng vai nhóm những **Nhà sử học trẻ tuổi**)

+ Nhóm 3: *Tìm hiểu khu di tích làng Sen - quê nội của Bác Hồ*. (đóng vai các **Hướng dẫn viên du lịch**)

+ Nhóm 4: *Giải pháp tuyên truyền, quảng bá, lan tỏa những giá trị lịch sử, văn hóa của khu DT* (đóng vai các **nhà Quản lý văn hóa**)

- Phổ biến cho HS các quy định về kỉ luật để đảm bảo cho buổi trải nghiệm diễn ra hiệu quả, an toàn.

+ Liên hệ với BQL Khu di tích LS Kim Liên đăng kí thời gian, chuẩn bị phòng học, trang thiết bị, thuyết minh viên...

+ Liên hệ phương tiện và các dịch vụ kèm theo.

2. Chuẩn bị của HS

- Đọc trước tài liệu, làm việc nhóm.

- Thông báo cho gia đình kế hoạch học tập tại DT.

- Chuẩn bị trang phục phù hợp, dụng cụ học tập, những vật dụng phục vụ cho học tập tại DT theo yêu cầu.

V. PHƯƠNG PHÁP: Sử dụng phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoại khoá cho HS tại DSVH Kim Liên.

VI. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC

A. XUẤT PHÁT

1. *Mục tiêu*

+ Đoàn di chuyển từ trường THPT Lê Việt Thuật (Tp.Vinh) đến DSVH Kim Liên đúng lịch trình (dự kiến từ 07h30 phút - 08h10 phút)

+ HS nắm vững lịch trình, có thêm những hiểu biết về các vùng đất xe đi qua.

2. *Phương thức*: Hoạt động tập thể

Thiết kế hoạt động dạy - học	*Hoạt động của GV- HS*
Hoạt động 1: Chuẩn bị khởi hành	
- *Thời gian*: 5 phút - *Mục tiêu* + HS đến có mặt đúng giờ (07h15), chuẩn bị đầy đủ các tư trang và dụng cụ học tập. + Biết cách sử dụng phương tiện giao thông nơi công cộng, có văn hoá ứng xử với di tích, di sản. - *PP, kỹ thuật DH*: Đàm thoại	- *B.1*: 07h15 phút GV tập trung HS tại sân trường, điểm danh, kiểm tra tư trang và dụng cụ học tập. GV lập những nhóm nhỏ để kiểm quản lý lẫn nhau (3 em) - *B.2*: GV tổ chức đàm thoại (hoặc giao cho Lớp trưởng) giúp HS biết cách sử dụng phương tiện giao thông nơi công cộng. GV tiếp tục tổ chức đàm thoại, lưu ý thái độ ứng xử của HS khi đến di tích qua các câu hỏi: + Có được sờ vào hiện vật ở DT không? + Có được chụp ảnh thiếu lịch sự ở DT không? + Có khắc tên lên các cây trước di tích Kim Liên không? + Xử lý với rác sinh hoạt của bản thân như thế nào ở DT? - *B.3*: GV chốt ý.
Hoạt động 2: Khởi động	
- *Thời gian*: 30 phút - *Mục tiêu*: + HS nắm vững lịch trình của hoạt động ngoại khoá. + Có thái độ hứng thú đối với chương trình. + Có thêm những hiểu biết về vùng đất xe đi qua (*di tích tượng đài 12/9; di tích đền, mộ Lê Hồng Phong; quê hương Phạm Hồng Thái*) - *PP, kỹ thuật DH*: trò chơi lịch sử.	- *B.1*: GV kiểm tra sĩ số, ổn định chỗ ngồi, thông báo cho HS lịch trình hoạt động trải nghiệm tại di tích Kim Liên. - *B.2*: GV tổ chức trò chơi tìm hiểu về các di tích lịch sử nơi HS đi qua. + GV thông báo luật chơi, cử BGK + GV nêu câu hỏi, HS trả lời. + GV lưu ý mời BGK tư vấn những tình huống khó xử hoặc hỗ trợ các em làm rõ thêm phần trả lời các câu hỏi. - *B.3*: GV tổng kết trò chơi, trao phần thưởng trên xe.

B. BƯỚC 2 - TRẢI NGHIỆM TẠI DI TÍCH

1. *Mục tiêu*

+ HS lựa chọn và biết nhập vai vào những nghề mình yêu thích.

+Trình bày được những nét cơ bản về di tích Kim Liên (cụm di tích bao gồm các di tích nào, quá trình tu bổ, tôn tạo, hiện trạng của DT...)

+ Phân tích được những giá trị lịch sử - văn hoá của DS

+ HS được rèn luyện các hoạt động nhóm, kỹ năng thuyết trình, đặt câu hỏi, nhận xét - đánh giá...

+ HS có ý thức bảo vệ và phát huy giá trị DS.

+ Hình thành năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế, năng lực tổ chức sự kiện...

2. *Phương pháp, kĩ thuật tổ chức DH*: trải nghiệm sáng tạo, hoạt động nhóm kết hợp phương pháp nhập vai, kỹ thuật khăn phủ bàn, kỹ thuật "5 xin" và "321"...

3. *Sản phẩm*: Phần nhập vai nghề nghiệp thuyết minh về các chủ đề về di tích LS ở địa phương và đề xuất các giải pháp bảo vệ, phát huy giá trị DS.

Thiết kế hoạt động dạy - học	*Hoạt động của GV- HS*
- Hoạt động 1: Chúng tôi sẵn sàng	
- *Mục tiêu*: + *Kiến thức*: HS hiểu khái quát về vị trí, ý nghĩa của khu di tích, hiểu truyền thống LS, VH - nơi có di tích. + *Kĩ năng*: rèn luyện kĩ năng lắng nghe, điền phiếu học tập. + *Thái độ*: trân trọng đối với di tích - *Hình thức*: nhóm, toàn lớp, cá nhân. - *Thời gian*: 10 phút. - *Loại sản phẩm*: + phiếu học tập về những vấn đề chung của DT, khái quát truyền thống LS, VH của Kim Liên. - *PP, kỹ thuật DH*: sử dụng đồ dùng trực quan và hệ thống câu hỏi gợi mở.	- *B.1*: GV tập trung HS tại DT Kim Liên, làm lễ dâng hương. Sau đó cho HS về phòng lưu niệm, GV giới thiệu khái quát về DT: "Di tích LS - VH *Kim Liên (Nam Đàn, Nghệ An) là di tích cấp quốc gia đặc biệt* quan trọng, là quê hương, nơi gắn với thời thơ ấu của Hồ chủ tịch. Ở nước ta, có trên 700 di tích và địa điểm lưu niệm về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người. Những đây là một trong những di tích đặc biệt quan trọng, gắn liền với một giai đoạn lịch sử đặc biệt quan trọng trong cuộc đời 79 mùa xuân của Bác Hồ. GV yêu cầu các nhóm nhắc lại nhiệm vụ đã được giao. - *B.2*: GV thông qua lịch trình hoạt động ngoại khoá, thành viên Ban giám khảo và Ban tư vấn. - *B.3*: GV giới thiệu khái quát về DT: gồm các di tích quê nội và quê ngoại của Bác Hồ. Quê nội Kim Liên là nơi gia đình Bác sinh sống sau khi cha Bác đỗ Phó Bảng. - *B.4*: Gv cho *Nhóm "Những nhà sử học trẻ tuổi"* trong vai nhà sử học, hãy giới thiệu khái quát lịch sử truyền thống LS, văn hóa của Kim Liên, Nam Đàn trình bày vấn đề kết hợp các tranh ảnh, sa bàn trong phòng Lưu niệm. - *B.5:* Cho các nhóm tự do trải nghiệm (60 phút), tham quan di tích.

Hoạt động 2: Trải nghiệm tại di tích (60 phút) **Hoạt động 3**: **Chúng tôi tác nghiệp** (HS làm việc nhóm chuẩn bị các nhiệm vụ theo nghề nghiệp đã lựa chọn) Sau khi HS tự trải nghiệm tại di tích (đi theo 04 nhóm lớn và các nhóm nhỏ: GV bộ môn, HDV khu di tích phụ trách quản lý chung, hỗ trợ thông tin ngay trong quá trình trải nghiệm. Đúng 9h 30 phút, các em quay lại tập trung tại phòng trưng bày, báo cáo hoạt động của nhóm.	
- *Mục tiêu* + *Kiến thức*: Các nhóm lựa chọn được kiến thức phù hợp để xây dựng bài thuyết trình theo yêu cầu. + *Kĩ năng*: rèn luyện kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng xây dựng và thể hiện bài thuyết trình. + *Thái độ*: tính trách nhiệm trong công việc, sự ham học hỏi, biết lắng nghe. - *Hình thức*: nhóm. - *Thời gian*: 30 phút. - *Loại sản phẩm*: bài thuyết trình của các nhóm. - *PP, kỹ thuật DH*: làm việc nhóm.	- *B.1*: GV tập trung đầy đủ HS. GV nêu yêu cầu đối với phần thuyết trình của các nhóm, công bố phương pháp và tiêu chí đánh giá sản phẩm. Bầu ban giám khảo, lập nhóm chuyên gia (gồm cô Nguyễn Thị Bích Thủy- hướng dẫn viên khu DT và gv bộ môn). *Yêu cầu* bài thuyết minh của các nhóm: + Thời gian: 7 - 10 phút + Bài phải đầy đủ 03 phần: mở đầu, thân bài và kết luận. + PP và tiêu chí đánh giá kết quả: đánh giá toàn diện (kiến thức, kỹ năng, thái độ), HS và ban giám khảo cùng đánh giá... -*B.2:* Nhóm *"**Thuyết minh viên**" (nhóm 2):* Trong vai thuyết minh viên giới thiệu cho du khách về khu di tích Hoàng Trù - quê ngoại Bác Hồ. - *B.3:* GV tổ chức cho cả lớp đàm thoại, đặt câu hỏi cho nhóm 2. Cả lớp thống nhất các vấn đề cơ bản: + Gồm nhà thờ họ Hoàng, nhà của cụ Hoàng Đường và Nguyễn Thị Kép - ông bà ngoại Bác Hồ. + Nhà của ông Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan. Ngôi nhà tranh 3 gian là nơi Bác đã sinh ra, nơi chứa đầy những kỉ niệm thời thơ ấu của Bác, trong vòng tay yêu thương của ông bà ngoại, bố mẹ, dì An... + Chú ý thông điệp LS từ các hiện vật: án thư, bộ phản, cái rương gõ, khung cửi dệt vải...=> *tái hiện bối cảnh, sự kiện, nhân vật LS gắn với tuổi thơ của Bác ở di tích này.* - HS tiếp tục điền vào Phiếu học tập.
Hoạt động 3: Nhóm ***Hướng dẫn viên du lịch*** giới thiệu về làng Sen, Kim Liên, quê nội Bác Hồ.	
- *Mục tiêu* + *Kiến thức*: HS trình bày được những nét cơ bản về	- *B.1*: Nhóm 3, nhóm Hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về làng Sen, Kim Liên, quê nội Bác Hồ. - *B.2:*

truyền thống quê hương, gia đình; những nét khái quát về DT, những sự kiện trong cuộc đời của Bác Hồ gắn liền với DT, giá trị LS, văn hóa của di tích. + *Kĩ năng*: rèn luyện kĩ năng thuyết trình, thực hành một số thao tác nghề nghiệp (thuyết minh viên, hướng dẫn viên...), kĩ năng nhận xét - đánh giá, xử lý tình huống... + *Thái độ*: sự thiện chí và tư duy giải pháp trong xử lý tình huống, thái độ nghiêm túc, biết lắng nghe trong cuộc sống. + Bước đầu hình thành năng lực thuyết trình, hợp tác, giao tiếp - ứng xử. - *Hình thức*: làm việc nhóm, tập thể. - *Thời gian*: 45 phút. - *Loại sản phẩm*: bài thuyết trình của các nhóm bằng phương pháp nhập vai. - *PP, kỹ thuật DH:* nhập vai kết hợp sử dụng đồ dùng trực quan.	+ Các nhóm còn lại đánh giá, nhận xét, bổ sung ý kiến nêu câu hỏi theo kĩ thuật "321". + Nhóm thuyết trình thảo luận, nhận sự tư vấn của các chuyên gia giải quyết tình huống. + Định hướng trao đổi: + Vì sao ngôi nhà ở đây còn được gọi là nhà ông Phó bảng? + Mô tả ngôi nhà: 5 gian, lợp tranh, cây cối im mát. Hiện vật cần lưu ý: bộ phản gỗ đa trải chiếu mộc - nơi đàm đạo của các nhà yêu nước với ông Nguyễn Sinh Sắc, chiếc giường đơn sơ của chị Bác, các bộ phản làm chỗ nghỉ của anh em Bác, án thư... Các vật dụng sinh hoạt hàng ngày giản dị: rương gạo, tủ đựng bát đĩa, đèn dầu lạc, một mâm gỗ, võng gai, chum sành đựng nước, gáo dừa, kiềng ba chân, nồi đất, niêu đất, bát đĩa đặt trong cũi tre, cối xay lúa, cối giã gạo... + Nhận xét về cuộc sống của cha con ông Phó bảng khi sống tại đây => giản dị, đơn sơ, hòa vào cuộc sống của nhân dân, không mang phong cách *nhà quan.* Là nơi tình gia đình, xóm làng được bồi đắp. Nơi cậu bé Sinh Cung bước đầu hiểu những vấn đề của đất nước... - HS tiếp tục điền vào phiếu học tập.
Hoạt động 4: **Chúng ta bảo vệ di tích** (Nhóm 4 báo cáo về giá trị lịch sử, văn hóa của di tích Kim Liên).	
- *Mục tiêu* + *Kiến thức*: HS phân tích được những giá trị lịch sử - văn hoá của DS; trình bày thực trạng và đề xuất các giải pháp bảo vệ, phát huy giá trị DS. + *Kĩ năng*: rèn luyện kĩ năng thuyết trình, xử lý tình	- *B.1*: Nhóm 4 báo cáo giải pháp tuyên truyền giá trị và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa của di tích Kim Liên. - *B.2:* + Các nhóm đặt câu hỏi cho nhóm 4, GV tổ chức đàm thoại giúp HS nhận thức rõ trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di tích Kim Liên của mọi người. + GV định hướng câu hỏi: - Theo các em, vì sao chúng ta phải bảo vệ và phát

huống. + *Thái độ*: giáo dục ý thức trân trọng giá trị DS, nhận thức việc bảo vệ và phát huy giá trị DS là trách nhiệm của tất cả mọi người. Từ đó, có ý thức chủ động trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích Kim Liên. - *Hình thức*: hoạt động nhóm. - *Thời gian*: 20 phút. - *Loại sản phẩm*: bài thuyết trình của nhóm "nhà quản lý văn hoá". - *PP, kỹ thuật DH*: nhập vai kết hợp kĩ thuật "5 xin" và "321".	huy giá trị của di tích Kim Liên? - Hiện nay, ý thức bảo vệ, phát huy giá trị DSVH nói chung của HS có điểm gì tốt, điểm gì chưa tốt? + HS: HS bằng kiến thức thực tiễn nêu ý kiến. - *B. 3*: GV chốt kiến thức. - *B.4*: GV tổ chức đánh giá chung việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm. + GV tổ chức cho các nhóm đánh giá chéo. + Ban giám khảo nhận xét, đánh giá. + GV chốt lại vấn đề, trao thưởng, tổng kết hoạt động. HS tiếp tục điền vào phiếu học tập.

C. HOẠT ĐỘNG TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ (30 phút)

Thiết kế hoạt động dạy - học	Hoạt động của GV- HS
Hoạt động 1: Củng cố bài học	
- *Mục tiêu* + HS củng cố những kiến thức của bài học. Trên cơ sở đó, liên hệ thực tiễn, mở rộng kiến thức. + Rèn luyện kỹ năng tổ chức sự kiện, rèn luyện sự tự tin, linh hoạt. + Rèn luyện ý thức trong các hoạt động tập thể. - Phương pháp, kỹ thuật DH: trò chơi với các câu hỏi trắc nghiệm.	- *B.1*: GV công bố luật chơi. + Tên cuộc thi: "Ai là triệu phú" + Mỗi đội gồm 02 em (2 em ngồi cạnh nhau trên xe) + GV đọc câu hỏi, các nhóm trả lời. + Nhóm trả lời đúng nhiều câu hỏi nhất trở thành "triệu phú", được nhận phần thưởng. - *B.2*: GV tổ chức trò chơi. + GV đọc hệ thống câu hỏi đã chuẩn bị trước. + Thư kí hỗ trợ. - *B.3*: GV tổng kết, tổ chức trao thưởng cho đội chiến thắng, rút ra bài học qua trò chơi.
Hoạt động 2: Chia sẻ bài học	
- *Mục tiêu*	- *B.1*: GV nêu mục đích, định hướng và những yêu

+ HS biết trình bày những cảm xúc, bài học nhận được sau hoạt động. + HS rèn luyện sự tự tin, ý thức tích luỹ kinh nghiệm trong mỗi chương trình học tập, ý thức cá nhân trong những hoạt động tập thể, thói quen nhìn nhận, đánh giá vấn đề toàn diện (không chỉ bài học về kiến thức mà còn về ý thức, PP làm việc, sự linh hoạt trong cuộc sống...). - *Hình thức*: cá nhân - *Loại sản phẩm*: phần chia sẻ bài học và cảm nhận của HS sau chương trình.	cầu của phần chia sẻ bài học cho HS. + Nội dung chia sẻ cần toàn diện: đánh giá chung; cảm xúc của bản thân khi tham gia chương trình; giá trị đối với việc học tập, rèn luyện của bản thân; những bài học rút ra sau khi học tập (BH về kiến thức, về phương pháp làm việc, cách phối hợp nhóm, cách thể hiện ý tưởng của nhóm, cách tương tác với đội bạn, cách tổ chức chương trình...) + Thời gian chuẩn bị: 05 phút. + Thời gian chia sẻ: không quá 3 phút. - *B.2*: GV tư vấn, hướng dẫn cho HS chuẩn bị phần chia sẻ. - *B.3*: GV tổ chức cho HS chia sẻ bài học (một số HS) - *B.4*: GV đánh giá, tổng kết chung về chương trình trải nghiệm ngoại khoá. Kết thúc *"***HÀNH TRÌNH VỀ NGUỒN VỚI DI TÍCH LỊCH SỬ KIM LIÊN - QUÊ HƯƠNG BÁC HỒ"**

Phụ lục 12. PHIẾU HỌC TẬP

(Dành cho HS điền trong và hoàn thiện sau khi trải nghiệm ngoại khóa tại di tích Kim Liên,Nam Đàn, Nghệ An)

Họ tên HS:

Lớp:..... Trường:.....

Trải nghiệm ngày:.....

1.Em hãy trình bày khái quát về đặc điểm LS, văn hóa của Nam Đàn nói chung, Kim Liên nói riêng

a, *Về Nam Đàn*

.....

.....

b, *Về Kim Liên*

.....

.....

3. Quê ngoại của Bác gồm các di tích nào?

.....

.....

4.Các em hãy nêu các hiện vật tiêu biểu ở quê ngoại của Bác và các nội dung LS gắn liền với các hiện vật ấy:

.....

.....

Quê nội của Bác gồm các di tích gì?

.....

.....

6. Các em hãy nêu các hiện vật tiêu biểu ở quê nội của Bác và các nội dung LS gắn liền với các hiện vật ấy:

.....

.....

.....

7. Cảm nhận của em sau khi tham quan di tích Kim Liên là gì?

.....

.....

8. Theo em, cần phải làm gì để phát huy giá trị của di tích Kim Liên đối với thế hệ trẻ?

.....

.....

Phụ lục 13
TÀI LIỆU SỬ DỤNG CHO HỌC SINH KHI TỔ CHỨC TRẢI NGHIỆM TẠI DI TÍCH KIM LIÊN, NAM ĐÀN, NGHỆ AN

Nam Đàn - quê hương Bác Hồ, là vùng đất nổi danh về truyền thống hiếu học và đấu tranh cách mạng. Theo Phan Huy Chú trong Lịch triều hiến chương loại chí: "Nghệ An núi cao, sông sâu, phong tục trọng hậu, cảnh tượng tươi sáng, gọi là đất có danh tiếng hơn cả Nam Châu. Người thì thuận hòa, chăm học, sản vật thì nhiều thứ quý, của lạ... được khí tốt của sông núi nên sinh ra nhiều bậc danh hiền...thực là nơi hiểm yếu như thành đồng, ao nóng của nước và là then chốt của các triều đại" [161; 1]. Nơi đây còn có dấu vết của thành Vạn An trong cuộc khởi nghĩa của Mai Hắc Đế, dấu tích thành nhà Hồ trên núi Đại Huệ, thành Lục Niên trên núi Thiên Nhẫn trong cuộc kháng chiến chống quân Minh. Đây còn là nơi hoạt động sôi nổi của phong trào Đông du của Phan Bội Châu...Nam Đàn là đất hiếu học, giàu truyền thống văn hóa.

+ Khu di tích Kim Liên thuộc xã Kim Liên, xưa gọi là Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, Nghệ An. Các làng Hoàng Trù, Kim Liên, Ngọc Đỉnh, Vân Hội, Tình Lý, Cường Kỳ, Khoa Cử đều nằm quanh núi Chung, bên dòng Lam giang. Kim Liên xưa đã đi vào ca dao:

"Nhất vui là cảnh quê mình,
Kim Liên sen tốt, Ngọc Đình chuông kêu".
"Nhất vui là cảnh Kim Liên,
Cảnh tiên có cảnh, người tiên có người".

Vùng đất của những nông dân chân lấm tay bùn, nổi tiếng bởi những câu hát phường vải cũng là quê hương của những danh nhân. Vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, ở Kim Liên có tới ba người nổi tiếng bấy giờ trong nhóm "tứ hổ" của Nam Đàn, là: Vương Thúc Quý - thầy dạy khai tâm của Bác hồi nhỏ, Trần Văn Lương, Nguyễn Sinh Sắc (riêng Phan Bội Châu là người ở làng Đan Nhiệm). Việc giới thiệu này, giúp HS hiểu tác động không nhỏ của truyền thống quê hương đối với Bác Hồ.

- Cụm di tích Hoàng Trù - quê ngoại của Bác. Là cụm di tích gắn liền với 5 năm đầu tiên trong cuộc đơi của Bác, từ 1890 -1895. Bà Nguyễn Thị Thanh, ông Nguyễn Sinh Khiêm - chị, anh trai của Bác được sinh ra ở quê ngoại Hoàng Trù. Trong những tháng năm đầu đời ấy, Bác lớn lên trong vòng tay yêu thương của ông bà ngoại, dì An, của bố, mẹ... Bác lớn lên trong tiếng lách cách của khung cửi dệt

vải của bà Hoàng Thị Loan, người mẹ tần tảo vì chồng, con. Và Bác cũng được nuôi lớn bằng những lời ru của mẹ, để sau này, kể cả khi hoạt động ở Xiêm, Bác vẫn thổn thức:

"Xa nhà chốc mấy mươi niên,
Đêm qua nghe tiếng mẹ hiền ru con".

Cụm di tích Hoàng Trù nằm trong khu vườn rộng 7 sào Trung bộ (gần 3.500m vuông), gồm các di tích:

1. Nhà thờ họ Hoàng: Đây là từ đường của một dòng họ vốn xuất phát từ Khoái Châu, Sơn Nam, Hải Dương ngày nay ?. Thế kỉ XVII, họ Hoàng vào lập nghiệp ở Hưng Nguyên. Đến thế hệ thứ 9, cụ Hoàng Phác Cẩn lấy vợ ở Hoàng Trù, lập ra họ Hoàng ở đó. Ông Hoàng Đường- ông ngoại của Bác Hồ là thế hệ thứ sáu của họ Hoàng nơi đây. Trên xà ngang của từ đường ghi năm hoàn thành: "Tự Đức tam thập tứ niên chi tuế tạo hoàn" (hoàn thành vào năm Tự Đức thứ 34, tức 1882). Trước từ đường có câu đối:

"Hoàng Văn chính khí truyền thiên cổ,
Chung Cự hùng thanh chấn ức niên"

Nghĩa là:

"Hoàng Văn khí tốt truyền từ ngàn năm trước,
Chung Cự tiếng hùng vọng đến vạn năm sau".

Ông Nguyễn Sinh Sắc mồ côi cha mẹ, được cụ Hoàng Đường đem về nuôi dạy, coi như con. Cụ đã cho ông theo học thầy giáo Nguyễn Thức Tự ở Thịnh Trường, Nghi Lộc. Tại từ đường họ Hoàng còn lưu giữ hiệu bút cụ Hoàng Đường do Nguyễn Sinh Sắc tự viết để bày tỏ lòng thành kính đối với người đã cưu mang mình trong cảnh mồ côi và là người thầy, bố vợ của ông sau này.

**** Nhà của cụ Hoàng Đường và Nguyễn Thị Kép - ông bà ngoại Bác Hồ***

Đây là ngôi nhà tranh năm gian đơn sơ, giản dị, ẩn mình sau lũy tre xanh với hàng mận hảo phía trước. Cụ Hoàng Đường là người nổi tiếng hay chữ trong vùng. Hai cụ có hai người con gái: Hoàng Thị Loan và Hoàng Thị An.

Vật dụng trong nhà: Đó là hai bộ phản gỗ- nơi nghỉ của cụ Hoàng Đường và ông Nguyễn Sinh Sắc. HS cũng quan sát thấy một bộ án thư, trên đó có nghiên mài mực bằng đá, hộp bút lông.. -> *HS tưởng tưởng được đây là không gian dạy học của cụ đồ Hoàng Đường, dạy cho con em trong làng, trong đó có Nguyễn Sinh Sắc. Chính từ nơi đây, bằng tấm lòng và tri thức của cụ Hoàng Đường nuôi dưỡng và tôi luyện, giúp ông Sắc trưởng thành*. Trên án thư còn có bộ bình và chén hạt mít, một cái nậm rượu để cụ Hoàng Đường cùng bạn bè uống trà, rượu và đàm đạo. Trong

gian buồng của ngôi nhà, HS còn thấy chiếc giường gỗ xoan liếp nứa, trải chiếu mộc của cụ Nguyễn Thị Kép.

• ***Ngôi nhà của ông Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan***

Năm 1881, lúc 18 tuổi, ông Sắc đã nên duyên cùng bà Hoàng Thị Loan. Năm 1883, ngôi nhà tranh ba gian đã được dựng lên để vợ chồng ông Sắc ra ở riêng. HS quan sát thấy đồ đạc trong gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp. Gian ngoài là nơi ông Sắc làm việc với chiếc án thư để nghiên mực, hộp bút lông, giá sách, ghế...(Năm 1893 cụ Hoàng Đường mất, mãi đến năm 1894, ông Nguyễn Sinh Sắc mới đậu cử nhân vào năm Thành Thái thứ 6 trong kì thi hương năm Giáp Ngọ tại trường Nghệ). Ở gian ngoài có bộ phản ba tấm, nơi ông Sắc nghỉ ngơi và tiếp bạn bè, đàm đạo văn chương, thế sự... Gian giữa có chiếc giường gỗ xoan dài 1,68 m, rộng gần 1,0m, thang tre, liếp nứa, trải chiếu mộc. Chiếc rương gỗ nhỏ (của hồi môn của bà Hoàng Thị Loan) đựng gạo và một số vật dụng của gia đình. Tại ngôi nhà này đã lưu dấu những bước chân chập chững của người con gái đầu Nguyễn Thị Thanh (sinh năm 1884), cậu Nguyễn Sinh Khiêm (sinh năm 1888) và Nguyễn Sinh Cung (sinh năm 1890) => gian nhà nhỏ là nơi học tập, sinh sống, quây quần của 5 thành viên trong gia đình Bác.

Gian thứ ba là nơi đặt chiếc khung cửi của bà Loan. Chiếc khung cửi thể hiện sự vất vả, tảo tần, hết mực hi sinh vì chồng, con của bà. Khi cha bà vừa mất, bà cùng chồng và hai cậu con trai lặn lội vào Huế để theo đuổi con đường cử nghiệp. Ở Huế, sau khi sinh cậu út Nguyễn Sinh Nhuận, bà đã qua đời, lúc sự nghiệp công danh của ông Sắc vẫn còn dang dở. Sau này, khi xây dựng mộ phần cho bà Hoàng Thị Loan, người ta thiết kế mái che hình khung cửi như một biểu tượng của cuộc đời bà. Bên cạnh chiếc khung cửi là cái võng mà từ đây các anh, chị và Bác được người mẹ hiền vừa dệt vải vừa ầu ơ ru con. Lớn lên trong những lời ru, tắm mình trong những làn điệu dân ca, những người con của bà Loan sớm cảm nhận được tình mẫu tử của mẹ hiền, cảm nhận được tình yêu lao động, yêu nhân dân, yêu quê hương, đất nước...= > *HS nhận thức qua các hiện vật cụ thể: cụm DT Hoàng Trù - quê ngoại Bác là nơi đặc biệt trong những năm tháng đầu tiên trong cuộc đời của Bác. Từ nơi vô cùng bình dị đó lại là nơi hình thành, nuôi dưỡng nhân cách, cá tính tuổi thơ của một con người vĩ đại.*

• **Cụm di tích Làng Sen - quê nội Bác Hồ**

**** Ngôi nhà của ông Sắc ở làng Sen- "nhà ông phó Bảng"***

Từ Hoàng Trù, vòng theo con đường liên hương khoảng 2 km là đến làng Sen. Là nơi gắn với những sự kiện diễn ra trong gia đình Bác những năm 1895-1901. Đó

là thời gian vợ chồng ông Sắc cùng hai con trai nhỏ lặn lội vào kinh thành Huế để theo đuổi sự nghiệp khoa cử. Nơi đất khách quê người đã in dấu bao cực khổ của bà Loan. Bà mất sau khi sinh thêm một cậu con trai, lúc ông Sắc đang thừa lệnh đi xem thi Hương ở Thanh Hóa. Cũng năm đó, ông đậu Phó bảng, được vua ban biển "Ân tứ ninh gia", cờ "Phó bảng phát khoa". Thời gian từ 1901-1906, ông về sống ở làng Sen, lúc ông vắng bóng vợ hiền, các con mất đi vòng tay của mẹ.

- *Ngôi nhà của cha con ông Nguyễn Sinh Sắc ở làng Sen.*

Đó là căn nhà năm gian, lợp tranh giản dị được dựng trong mảnh vườn rộng hơn bốn sào. Năm 1957, sau 50 năm bôn ba, khi trở về thăm quê, Bác Hồ đã vô cùng xúc động và nói: "*Đây là nhà ông Phó bảng*". Ngôi nhà được bao quanh bởi cây cối im mát. Theo lời Bác kể: trước đây ngay cổng ra vào có cây ổi đào sai quả, sân trước có cây bưởi, đầu hồi nhà có cây cam, sau nhà có hàng cau đẹp...Hai gian ngoài được bố trí để làm nơi thờ tự, tiếp khách. Không gian ở đây thoáng đãng, tĩnh lặng với cửa sổ phía tây và phía nam. HS có thể quan sát bộ phản bằng gỗ đa, trải chiếu mộc - là nơi thủa nhỏ cậu bé Nguyễn Sinh Cung đã nhiều lần chứng kiến các buổi đàm đạo của ông Sắc với các văn thân, sĩ phu yêu nước thời bấy giờ như: Phan Bội Châu, Đặng Thái Thân, Vương Thúc Quý, Đặng Nguyên Cẩn...=> *Tác động mạnh mẽ về tư tưởng, tình cảm, hun đúc hoài bão cho cậu bé Nguyễn Sinh Cung ngay từ thời thơ ấu.*

Gian thứ hai là nơi ông Sắc thờ người vợ của mình. Bàn thờ được bài trí giản dị, biển "Ân tứ ninh gia", cờ "Phó bảng phát khoa" được dựng cạnh bàn thờ như một cử chỉ tri ân người vợ hiền đã cùng ông chia sẻ những tháng năm vất vả trong cuộc đời. Trong một lần về thăm quê, Bác nói: "*Xưa nhà Bác nghèo, bàn thờ chỉ làm bằng tre, không có chân mà chỉ dùng hai miếng gỗ đóng gá vào hai bên cột đỡ bàn thờ lên, liếp bằng nứa, trải chiếu mộc".*

Tại gian buồng của chị Bác- bà Nguyễn Thị Thanh, HS có thể quan sát chiếc giường gỗ, liếp nứa, qua đó thấy sự giản dị trong cuộc sống thường nhật của bà. Bà Thanh cũng sớm hoạt động cách mạng, bị tòa Khâm sứ Trung kì lập hồ sơ A 11.667 để theo dõi.

Tại gian thứ tư, có bộ phản gỗ đa để ông Sắc nghỉ ngơi, đọc sách, giảng sách thánh hiền cho các con. Chiến án thư đặt cạnh bộ phản là nơi học tập của cậu Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung. Ông Khiêm cũng là người có chí khí, từng tham gia các hoạt động yêu nước của đội Phấn, đội Quyên. Năm 1912, ông viết bản điều trần gửi Toàn quyền Anbe Xarô. Năm 1914, ông bị thực dân Pháp bắt giam. Sau đó ông vượt ngục rồi lại bị bắt và chịu án đi đày khổ sai ở Ba Ngòi (Nha

Trang). Năm 1940, ông được trả tự do, về quê sinh sống. Ông Nguyễn Sinh Khiêm mất năm 1950. Chính trong gian nhà này, ngoài việc giảng dạy tri thức từ sách vở, ông Sắc cũng dạy cho các con tình yêu đối với lao động, sự gần gũi quần chúng nhân dân, không được lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà mình ("*vật dĩ quan gia, vi ngô phong dạng*"). Gian cuối kê bộ phản làm nơi nghỉ ngơi của hai anh em Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung.

Trong nhà có những vật dụng gia đình đơn sơ: chiếc rương gỗ đựng gạo, một tủ nhỏ đựng ấm chén, bát đĩa, một đĩa đèn dầu lạc, một mâm gỗ được sơn son và một chiếc võng gai. Tại gian nhà ngang có các hiện vật: cái chum sành đựng nước, một gáo dừa để múc nước. Trong bếp có một chiếc kiềng ba chân cùng nồi đất, niêu đất, bát đĩa đặt trong cũi tre, cối xay lúa, cối giã gạo...

Ngôi nhà giản dị, ẩn mình sau những rặng cây, sau lũy tre làng, bình dị như bao làng quê Việt Nam khác là nơi quá đỗi thân thương, gán bó với Bác. Vì thế, khi về thăm quê lần đầu vòa ngày 16/06/1957, Bác đã không vào nhà khách mà địa phương chuẩn bị để đón Bác mà về ngay ngôi nhà của gia đình mình. Bác nói: "*Nhà khách là để đón khách, còn tôi là chủ để tôi về thăm nhà*".

- Một số đoạn thơ, lưu bút tại di tích:

"...Cháu yêu hai nếp nhà tranh,
Yêu hàng dâm bụt chạy quanh khu vườn.
Biết bao điều cháu yêu thương,
Làng Sen quê Bác, bốn phương tụ về"

[162; 70].

Hoặc như một nhà văn Rumani đã viết: "*Ngôi nhà lá đơn sơ trong cái làng nhỏ bé này là quê hương, tâm hồn của cả dân tộc Việt Nam*"[162; 78]. Còn một họa sĩ Ba Lan đã viết: "*Chúng tôi đến thăm nhà của Bác Hồ với lòng xúc động chân thành, nhà của con người bình thường, người chiến sĩ cách mạng vĩ đại, Người đã đặt số phận của nhân dân Việt Nam trên con đường phát triển mới. Trong ngôi nhà này, cũng như ở khu vực xung quanh, chúng tôi đã tìm thấy tâm hồn nhạy cảm vô cùng đẹp đẽ của Người".*

4.2. Di tích giếng Cốc, lò rèn cố Điền

- Giếng Cốc ở làng Sen do ông Nguyễn Danh Cốc đào, nổi tiếng cả vùng vì nước trong, ngọt. Di tích này gắn với tuổi thơ của Bác. Thuở nhỏ Bác thường ra giếng Cốc lấy nước và chơi đùa cùng các bạn trong xóm. Năm 1957, khi về thăm quê Bác vẫn hỏi bà con: "Giếng Cốc nay còn nữa không?".

- Cách nhà ông Sắc 100 m là lò rèn cố Điền. Đây là lò rèn của ông Hoàng Xuân Luyến, được mở vào cuối thế kỉ XIX để rèn vật dụng gia đình và dụng cụ lao động của nhân dân.

Các di tích giếng Cốc, lò rèn cố Điền là những nơi gắn với những năm tháng Bác sống ở quê nội - làng Sen. Đây là nơi Bác tụ hội với bạn cùng trang lứa. Những địa điểm này chắc lẽ Bác vẫn đến hàng ngày để nghe nhân dân bàn việc nước, nơi mà khoảng cách giữa con ông Phó bảng với nhân dân không còn.

+ Nhà thờ họ Nguyễn Sinh, cách nhà ông Phó bảng vài trăm mét, được xây dựng vào năm 1848, trên mảnh đất rộng 500 m vuông; nhà ông nội Bác - cụ Nguyễn Sinh Nhậm là nơi ông Sắc đã cất tiếng khóc chào đời; nhà cụ Vương Thúc Quý - một trong "tứ hổ" Nam Đàn hồi đó, là người thông minh, đậu cử nhân, cụ về quê mở trường dạy học, tham gia các hoạt động cứu nước. Cụ cũng chính là con của cử nhân Vương Thúc Mậu và là thầy giáo của Bác Hồ.

Các di tích cây đa, sân vận dụng, đền làng Sen... cũng là nơi ghi dấu hai lần Bác thăm quê. Từ năm 2015, Sở Văn hóa TT và DL Nghệ An đã nghiên cứu, chuyển giao để chuẩn bị khai thác thêm nội dung thuyết minh tại khu DT: đó là về các hộ láng giềng của ông Nguyễn Sinh Sắc như: nhà ông Vương Hoàng Mỹ, nhà cụ Nguyễn Danh Khai, nhà cụ Hoàng Xuân Tiệng => *Đây không phải là di tích gốc mà là di tích phục dựng, nhằm tái hiện chân thực không gian sống của gia đình Bác cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Đây là một nội dung mới nhằm bảo tồn không gian văn hóa làng Sen - nơi là ngọn nguồn văn hóa đã khắc sâu và theo suốt cuộc đời của Bác.*

5. Mộ bà Hoàng Thị Loan - thân mẫu Bác Hồ

Đây là di tích liên quan đến thân mẫu Bác. Bà mất năm 1901 tại Huế. Sau này hài cốt của được ông Khiêm, bà Thanh mang về an táng tại núi Động Tranh, trong dãy Đại Huệ, xã Nam Giang. Mộ xây hình chữ nhật, cao 1,40m; dài 2,40m; rộng 1,50m. Đứng dưới chân núi nhìn lên, mái che khu mộ trông giống chiếc khung cửi, được che phủ bởi giàn hoa giấy. Hoa giấy được mang từ Đồng Tháp về để trồng ở đây. Mộ bà có 304 bậc lên, 271 bậc xuống uốn cong theo sườn núi. Trước sân, người ta dựng bia đá ghi tiểu sử và công lao của bà.

*** Nhà trưng bày bổ sung của khu di tích** Kim Liên. Qua đó, hiểu thêm về quê hương, gia đình, thời niên thiếu của Bác Hồ; tình cảm của Bác Hồ đối với quê hương và quê hương đối với Người...

=> Nơi đây "*...trở thành trung tâm giáo dục truyền thống, nơi hội tụ tình cảm đồng chí, đồng bào trong cả nước và bạn bè quốc tế*" [162; 36].

Phụ lục 14

NỘI DUNG BÁO CÁO CUỘC THI TÌM HIỂU VỀ DI TÍCH LỊCH SỬ Ở ĐỊA PHƯƠNG Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG BẮC YÊN THÀNH

Tiểu dự án 1: Tìm hiểu về di tích nhà lưu niệm Phan Đăng Lưu tại Hoa Thành, Yên Thành

1. *Trình bày về thân thế, cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Phan Đăng Lưu*	+ Phan Đăng Lưu sinh ngày 05 tháng 5 năm 1902 tại Hoa Thành, trong một nhà nho yêu nước; 1925 tham gia hội Phục Việt (sau đổi tên là đảng Tân Việt); trên đường sang Quảng Châu, bị địch bắt và kết án 3 năm tù khổ sai, đày đi Ban Mê Thuột. + Ra tù hoạt động sôi nổi trong phong trào 1936-1939 + 1939 đồng chí được kết nạp vào ĐCSVN, được phân công chỉ đạo phong trào ở Nam Kỳ. + 7-1940, chính đồng chí đã mang chỉ thị của TW (sau Hội nghị Trung ương lần thứ 7) về việc hoãn khởi nghĩa Nam Kỳ song bị địch bắt, khởi nghĩa Nam Kì đã nổ ra và thất bại. Đồng chí bị địch xử tử tại Bà Điểm (Hóc Môn) ngày 26 tháng 8 năm 1941.
2.Khảo tả khu lưu niệm	+ Nhà lưu niệm trước đây là nhà ở của gia đình đồng chí Phan Đăng Lưu, được trùng tu lần cuối vào năm 1999. Đây là một ngôi nhà hai tầng khang trang, xây bằng vôi vữa, mái lợp ngói âm dương khổ lớn. Gian chính tầng 1 là nơi thờ có tượng bán thân đồng chí Phan Đăng Lưu. Các gian bên cạnh là nơi để các kỷ vật và trưng bày tài liệu về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Phan Đăng Lưu...
3.Ý nghĩa của di tích	+ Di tích có giá trị lịch sử sâu sắc, nơi gắn liền với thân thế và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Phan Đăng Lưu và là nơi gặp gỡ của những cán bộ đảng viên cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Là nơi tiểu tổ Tân Việt ra đời năm 1927 và hoạt động những năm sau đó. + Là trung tâm của hoạt động của chính quyền Xô viết ở đây, chỗ dựa vững chắc cho phong trào cách mạng toàn huyện. Trong những năm 1930-1931, đây là nơi tập trung nhân dân đi biểu tình và là nơi học chữ quốc ngữ đầu tiên của nhân dân trong phong trào Xôviết. Trong Cách mạng tháng Tám, nhân dân đã tập trung tại đây để đi cướp chính quyền.

***Tiểu dự án 2*: *Báo cáo tìm hiểu về di tích Tràng Kè tại xã Mỹ Thành - địa điểm lịch sử, nơi 72 chiến sỹ Xôviết Nghệ Tĩnh bị xử bắn*.**

1. Địa điểm DT, truyền thống cách mạng của Mỹ Thành	+ Di tích Tràng Kè trước đây được nhân dân gọi theo địa danh là Thung Cổ Hùng. Là một di tích tự nhiên nằm giữa đồng, trên một gò cao, xung quanh là ruộng canh tác. Di tích nằm kề Quốc lộ 7, phía nam có một con ngòi nhỏ. + Mỹ Thành ở phía tây nam Yên Thành, đất đai cằn cỗi, đồng bằng nằm xen lẫn với núi, có bề dày lịch sử. Là "nơi đi đầu dậy trước" trong phong trào 1930-1931 và khi phong trào bị đàn áp, Đảng chọn rút về Mỹ Thành để hoạt động bí mật...
2.Tường thuật lễ rước thẻ vàng, phát thẻ quy thuận[28] *của địch ngày 7-2-1930.*	+ Để đàn áp phong trào, địch cho dựng cạnh chợ Kè đồn binh mạnh nhất trong toàn huyện, cùng với hệ thống bang tá huyện, bang tá tổng. + Ngoài ra kẻ địch còn sử dụng thủ đoạn tổ chức buổi "rước thẻ vàng, làm lễ quy thuận" tại chợ Kè vào ngày chợ phiên 07-02-1930. + Ta đối phó bằng cách: chọn phương án ít đổ máu nhất. Khi Tổng đốc An - Tĩnh đọc lời dụ của nhà vua thì truyền đơn của Đảng được tung ra, địch rối loạn, bị động. Ta dùng mưu nhét truyền đơn vào túi tên chỉ điểm Nguyễn Loan rồi báo cho địch. Ngay lập tức địch bắt và bắn chết Nguyễn Loan. Tình thế hỗn loạn, Tổng đốc Nguyễn Khoa Kỳ và tên công sứ lên xe chuồn về Vinh. Buổi lễ rước cờ vàng, phát thẻ quy thuận của địch thất bại hoàn toàn. + Để uy hiếp tinh thần cách mạng, địch sử dụng Thung Cổ Hùng - một gò đất cao bên cạnh quốc lộ 7, làm nơi bắn giết các chiến sỹ cách mạng. Tại đây, từ 7 tháng 11 năm 1930 đến tháng 9 năm 1931, chúng đã xử bắn 72 chiến sỹ Xôviết - những người tham gia tích cực trong phong trào cách mạng 1930 - 1931. Họ là những người con của vùng đất Nam Đàn, Đô Lương, Yên Thành, riêng xã Mỹ Thành có tới 20 người con đã ngã xuống -> sự kiện tiêu biểu của thời kỳ 1930 -1931, thể hiện chí khí chiến đấu của nhân dân Yên Thành nói riêng, Nghệ An nói chung trong phong trào CM 1930-1931.
	+ Di tích gồm: đài bia tưởng niệm làm bằng đá đỏ, hai mặt khắc chữ, khắc dòng chữ: "*Tưởng niệm Liệt sỹ Tràng Kè*"; một mặt khắc tên những liệt sỹ hy sinh trong phong trào

[28] Chính quyền thực dân phong kiến Nghệ An dự định sẽ bố trí cho một tên tay sai đứng ra làm lễ quy thuận đầu hàng giặc và xin "vái cờ vàng", buộc quần chúng phải hô to những câu chúng ghi sẵn trong thẻ quy thuận: *Phục nguyện nhất tâm quy thuận. Ngưỡng thừa triều đình bảo vệ an toàn. Nhược phụ a tòng á đảng, cam chịu tử tội* (Xin nguyện một lòng quy thuận, nghe lệnh triều đình bảo vệ an toàn; nếu theo đảng chống đối, cam chịu tội chết).

3. *Khảo tả di tích*	Xôviết Nghệ Tĩnh. + Tượng đài liệt sĩ có hình vòng tròn đắp nổi hình tượng búa và liềm. Nhìn xuống bên dưới là một vòng tròn lớn với những đường vòng tròn nhỏ xung quanh trong giống như mặt trống đồng, ở giữa dòng số 1930 - 1931, như để khắc sâu sự kiện của những năm 1930 -1931 cùng với hình tượng chiến sĩ. + Là địa chỉ đỏ để giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ sau này, hàng năm, vào các ngày lễ nơi đây diễn ra nhiều hoạt động như nói chuyện truyền thống, cắm trại, tổ chức cho bà con nhân dân trong vùng và các cháu thiếu niên, nhi đồng đến đài tưởng niệm thắp hương, dâng vòng hoa... Thanh niên địa phương trước khi lên đường nhập ngũ đều đến đây dâng hương tuyên thệ.

- *Tiểu dự án3*: ***Báo cáo tìm hiểu về di tích Trường cấp 1 Vĩnh Thành- nơi Bác Hồ có cuộc nói chuyện với cán bộ và nhân dân Vĩnh Thành ngày 10-12-1961 và khu lưu niệm Bác Hồ về thăm Vĩnh Thành.***

1.Thành tựu của Vĩnh Thành	+Thành tựu trên các mặt mà Vĩnh Thành đạt được những năm 1958 - 1960 trong việc thực hiện kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt mô hình hợp tác xã bậc caoTrần Phú ở đây đã trở thành mô hình thí điểm cho phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp trong toàn huyện. Với những thành tựu ngoạn mục của một vùng quê nghèo, kinh tế thuần nông vừa mới bước vào con đường làm ăn tập thể, Vĩnh Thành xứng đáng được Bác Hồ về thăm động viên để xây dựng thành điển hình, nhân rộng ra toàn tỉnh.
2. Tường thuật buổi đón tiếp Bác sáng ngày 10-02-1961	+Sáng hôm ấy, từ chiếc máy bay đáp xuống Rú Tháp, Người bước xuống trong bộ quần áo kaki màu vàng đã phai màu, chân đi dép cao su, sắc mặt sáng ngời. Tại đây, Người đã đến thăm nhà trẻ, trại chăn nuôi, thăm hỏi tặng quà một số người dân và đã nói chuyện, gặp gỡ thân mật với đông đảo cán bộ, nhân dân tại trường cấp 1 Vĩnh Thành, biểu dương thành tích về trồng cây chăn nuôi, cải tiến nông cụ, làm thủy lợi, phân bón, vệ sinh phòng bệnh, xây dựng hợp tác xã... của địa phương. Người cũng ân cần nhắc nhở về vai trò của chi bộ Đảng trong việc chỉ đạo để nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất và xây dựng khối đoàn kết nông thôn...
3.Khu lưu niệm sự kiện Bác Hồ về thăm Vĩnh Thành	+Tại trường tiểu học Vĩnh Thành còn có bia ghi nhớ sự kiện Bác Hồ nói chuyện trước đông đảo nhân dân. +Tại phòng trưng bày bổ sung của nhà lưu niệm, HS chú ý phần trưng bày thuộc tiểu đề 2: "*Chủ Tịch Hồ Chí Minh về thăm Yên Thành*". Chú ý các tài liệu: bản trích lời căn dặn của Chủ Tịch Hồ Chí Minh trong lần về thăm Vĩnh Thành năm 1961, bản thống kê thành tích của Vĩnh Thành giai đoạn 1958-1960...

Phụ lục 15
DẠ HỘI LỊCH SỬ KẾT HỢP TRƯNG BÀY, TRIỂN LÃM HỌC TẬP

- Chủ đề dạ hội lịch sử kết hợp trưng bày, triển lãm: "*Di tích lịch sử ở địa phương với truyền thống đấu tranh cách mạng của Thanh Chương*".

- Thời gian: 8 h sáng đến 10 h tối

- Địa điểm: tại sân trường THPT Thanh Chương I, Thanh Chương, Nghệ An.

- Thành phần: Chuyên viên phòng Giáo dục và đào tạo huyện Thanh Chương; Hiệu phó nhà trường Nguyễn Triều Tiên; bí thư, phó bí thư đoàn trường; đại diện chi hội phụ huynh, GV và HS trong trường...

* *Phương pháp*: kết hợp dạ hội lịch sử với trưng bày, triển lãm học tập

- *Mục đích của buổi dạ hội*

+ Buổi dạ hội giúp HS lớp 12 củng cố kiến thức về LS Việt Nam, nhất là giai đoạn từ khi Đảng CS VN ra đời và lãnh đạo phong trào cách mạng. HS biết và hiểu các sự kiện lịch sử tiêu biểu, các nhân vật quan trọng và đóng góp của nhân dân Thanh Chương đối với phong trào cách mạng của cả nước từ 1930 - nay.

+ Từ đó, giáo dục truyền thống đấu tranh cách mạng, ý thức trân trọng, giữ gìn di tích ở địa phương liên quan đến sự kiện lớn trong lịch sử dân tộc.

+ Qua buổi dạ hội kết hợp trưng bày, triển lãm học tập, giúp HS phát triển các năng lực nhận thức, đặc biệt các khả năng hoạt động tập thể, khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn...

* *Chuẩn bị cho buổi dạ hội lịch sử*

- Ngay từ đầu năm học, GV bộ môn đề xuất với BGH nhà trường kế hoạch tổ chức dạ hội lịch sử kết hợp các hình thức trưng bày, triển lãm học tập.

- Sau khi được sự đồng ý của BGH nhà trường, GV lập kế hoạch chi tiết việc tổ chức buổi dạ hội và thông qua tổ bộ môn.

- Thành lập ban tổ chức, phối hợp các bộ môn lân cận: Văn, Địa lý, Giáo dục công dân; phối hợp với đoàn trường, hội phụ huynh, BGH... Phân công chuẩn bị trên các phương diện: nội dung, hình thức; công tác ma két; xây dựng kịch bản, xây dựng hoạt cảnh...

- Dự trù kinh phí: Kinh phí có thể được trích từ các nguồn: nhà trường, quỹ hội phụ huynh các lớp, kêu gọi ủng hộ từ các cá nhân, ủy ban phường hay một số cơ quan, đoàn thể đóng lân cận. Kinh phí sử dụng cho các mục đích:

+ Trang trí

+ Mua vật liệu để cắt, dán các đạo cụ, thuê quần áo biểu diễn của đội văn nghệ (các phần biên kịch, trang điểm có thể tự huy động...)

+ Trao các giải thưởng để động viên các cá nhân và chi đoàn tích cực, sáng tạo.

- Trước khi tổ chức khoảng vài tuần, phát động trong các chi đoàn phong trào tìm hiểu về chủ đề của buổi dạ hội kết hợp trưng bày, triễn lãm học tập. GV hướng dẫn cho các em các sự kiện trong LS của huyện Thanh Chương có dấu ấn sâu sắc trong LS dân tộc và còn lưu giữ qua các di tích LS cần tìm hiểu kĩ, đó là:

+ Phong trào cách mạng 1930 - 1931 trên mảnh đất Thanh Chương

+ Các sự kiện tiêu biểu thể hiện đóng góp của quân và dân Thanh Chương qua hai cuộc kháng chiến.

GV cũng định hướng tìm hiểu các DT, chủ yếu là các DT được công nhận ở cấp quốc gia trên địa bàn của huyện là:

+ Di tích nhà thờ họ Nguyễn Sỹ ở xã Thanh Lương, Thanh Chương.

+ Di tích đình Võ Liệt ở xã Võ Liệt, Thanh Chương.

+ Di tích nhà thờ họ Nguyễn Duy ở xã Thanh Phong, Thanh Chương.

GV hướng dẫn HS tìm hiểu các vấn đề liên quan đến các di tích LS như: địa điểm cụ thể của DT, truyền thống của vùng đất có DT, sự kiện, nhân vật LS nào liên quan đến DT, thực trạng của DT, ý nghĩa và các đề xuất về việc bảo vệ DT...

- Yêu cầu trưng bày: đảm bảo tính khoa học và tính thẩm mỹ

- Công khai tiêu chí đánh giá các chi đoàn tham gia như:

+ Có nội dung sát đúng với chủ đề được nêu ra.

+ Tài liệu thu thập, trung bày có nội dung chính xác, phong phú về nguồn, đa dạng về kênh thể hiện.

+ Các bài viết có xúc cảm, ý nghĩa.

- Thời gian dạ hội: 1 đêm

- Trước khi diễn ra dạ hội:

+ Đội văn nghệ tập dượt, ráp nhạc.

+ BGK chấm điểm kín phần trưng bày của các chi đoàn, chọn ra ba chi đoàn xuất sắc nhất để báo cáo thuyết trình trong buổi dạ hội.

+ Trang trí sân khấu chuẩn bị cho buổi dạ hội kết hợp trưng bày, triển lãm học tập. Công việc này cần sự tham gia của các nhóm HS có năng khiếu vẽ, trang trí để tạo không khí cho buổi dạ hội: các bức tranh có thể được các em tự vẽ hoặc phóng lại với nội dung ca ngợi cảnh đẹp, con người và những sự kiện, nhân vật, đặc biệt nhấn mạnh các nội dung liên quan đến di tích LS ở đây.

• Chuẩn bị của HS

- Tìm hiểu về chủ đề của buổi dạ hội

- Thực hiện nhiệm vụ được phân công của cá nhân, nhóm, chi đoàn.

- Nội dung chính: lễ kỉ niệm về truyền thống đấu tranh cách mạng của Thanh Chương, xem một đoạn phim tư liệu về truyền thống đấu ranh cách mạng của nhân dân Thanh Chương, tổ chức cuộc thi tìm hiểu về di tích lịch sử ở địa phương với truyền thống đấu tranh cách mạng của Thanh Chương; HS truyết trình về gian trưng bày của các chi đoàn.

- Lực lượng tham gia: HS và GV của trường. HS chia thành các nhóm với các vai trò khác nhau

- Tiến trình

• Nhằm tạo không khí cho buổi dạ hội, đội văn nghệ của trường sẽ hát bài *Thanh Chương mời bạn về thăm*.

• Xem phim tư liệu (10 phút)

• Một HS dẫn chương trình giới thiệu đại biểu, các vị khách mời, BGK, kế hoạch của buổi dạ hội kết hợp trưng bày, triễn lãm học tập.

• Hiệu phó nhà trường, phụ trách môn Lịch sử, Nguyễn Triều Tiên đọc diễn văn khai mạc, đại diện HS phát biểu suy nghĩ, cảm tưởng của mình, biểu diễn văn nghệ.

• *Cuộc thi* gồm có 03 đội đại diện cho các lớp 12 trong toàn trường

MC giới thiệu về các đội thi, thể lệ cuộc thi, thành phần Ban giám khảo

Nội dung thi

- Màn chào hỏi

- Phần thi hiểu biết

• *Màn chào hỏi*: mỗi đội có 5 phút để giới thiệu về đội của mình, chi đoàn của mình. Mỗi đội gồm 5 thành viên. Nếu quá thời gian nói trên, các đội sẽ bị trừ điểm. BGK sẽ chấm điểm màn chào hỏi của các đội với tiêu chí sau: các đội nêu ngắn gọn, rõ ràng lí do tham gia cuộc thi, nêu các thành viên của đội, cách trình bày... Thang điểm chấm: 10.

• Phần thi hiểu biết: gồm các vòng thi sau:

+ Vòng 1: Khởi động

MC sẽ đưa ra 10 câu hỏi dành cho 5 đội. Mỗi đội bấm chuông để giành quyền trả lời, ai bấm nhanh, đội đó sẽ được quyền. Trả lời chính xác, đội đó sẽ được 10 điểm. Nếu đội bấm chuông trước không có câu trả lới chính xác thì đội kế tiếp sẽ trả lời. Thời gian suy nghĩ tối đa cho mỗi câu trả lời là: 20 giây.

+ Vòng 2: Vượt chướng ngại vật: Nhận diện lịch sử

Thể lệ: Các đội cần vượt qua 8 chướng ngại vật, ô hàng ngang, hàng dọc.

• Phần thi dành cho khán giả

Nội dung: Nêu tên bài hát được phát, đưa ảnh di tích LS ở Thanh Chương, nêu tên gọi, sự kiện liên quan. Phần thưởng cho khán giả

• Vòng 3: Tăng tốc: Đi tìm mật mã

Thể lệ: Mỗi đội được phát một bảng lớn. Tái hiện một sự kiện lịch sử tiêu biểu của Thanh Chương gắn liền với DTLS ở địa phương.

Tiêu chí đánh giá: Nêu tên sự kiện, thời gian diễn ra SK? Nhân vật tham gia, diễn biến của SK. Nêu tên, địa điểm phân bố của DT. Đặc điểm cơ bản của DT.

Điểm số tối đa: 30 (40) điểm.

• Vòng 4: Về đích: Nhà hùng biện

Thể lệ: mỗi đội bốc thăm một chủ đề hùng biện, có 05 chủ đề, sau đó mỗi đội cử một đại diện để hùng biện trong thời gian 7 phút. Thời gian chuẩn bị: 2 phút.

Tiêu chí đánh giá:

- Đảm bảo thời gian quy định.
- Đề cập yêu cầu chính của chủ đề.
- Biết liên hệ kiến thức LS đã học với những DTLS ở địa phương.

Phụ lục 16. BẢNG HỎI THEO KĨ THUẬT DẠY HỌC "KWLH"

Họ và tên HS:..... Lớp:.....

Câu hỏi:

*Những hình ảnh này gợi cho em liên tưởng đến nội dung gì về di tích lịch sử ở địa phương em? Em biết gì về nội dung đó? (HS điền vào cột **K**)*

*Em mong muốn được tìm hiểu những nội dung gì liên quan đến chủ đề này? (HS điền vào cột **W**)*

*Em đã học được thêm những gì sau khi học xong chủ đề này? (HS điền vào cột **L**)*

*Em có thể vận dụng vào thực tiễn những kiến thức gì và vận dụng như thế nào? (HS điền vào cột **H**)*

K	**W**	**L**	**H**
....	....	....	....

Phụ lục 17

NỘI DUNG KHÁI QUÁT CỦA MỘT SỐ DI TÍCH LỊCH SỬ TIÊU BIỂU Ở NGHỆ AN PHỤC VỤ DẠY HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1919 -2000

TT	Tên di tích theo QĐ xếp hạng	Phường/ xã huyện/ thị xã Loại hình DT	Nội dung chính
1.	Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Kim Liên	Kim Liên - Nam Đàn/ Di tích LS-QG đặc biệt	Khu di tích Kim Liên bao gồm các cụm di tích chính: Nhà ông phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, sân vận động làng Sen, lò rèn cố Điền, giếng Cốc, núi Chung, nhà cử nhân Vương Thúc Quý, nhà cụ Nguyễn Sinh Nhậm, đền Làng Sen, nhà thờ họ Nguyễn Sinh, nhà của gia đình cụ Nguyễn Sinh Sắc, cụ Hoàng Đường và nhà thờ họ Hoàng Xuân ở Làng Chùa
2.	Địa Điểm Mốc Số O	Huyện Tân Kỳ /DT Lịch sử QG đặc biệt	Nằm ở chân núi Dong, thị trấn Lạt, Tân Kỳ, Nghệ An. Ngày 19/5/1959 ta mở tuyến vận tải chiến lược (đường mòn Hồ chí Minh). Ngày 9/8/1964 mở đường cơ giới chiến lược lấy Tân Kỳ là điểm khởi đầu của tuyến đường phía Đông Trường Sơn chạy suốt tới huyện Chơn Thành (Lộc Ninh). Là tuyến đường trên bộ có vai trò lớn trong kháng chiến chông Mĩ cứu nước.
3.	Mộ Lê Hồng Sơn/ Đền Tán Sơn	Xuân Hoà - Nam Đàn/ DTLS	Ngày 19/2/1933, Lê Hồng Sơn - một trong những đồng chí có tâm huyết với cách mạng và hết lòng hoạt động vì cách mạng từ những ngày sơ khai bị thực dân Pháp kết án tử hình tại chính quê hương của đồng chí làng Xuân Hồ. Thi hài của đồng chí được nhân dân chôn cất tại Rú Tán. Đến năm 1956, mộ Lê Hồng Sơn mới được cải táng về nơi xử bắn. Qua ba lần tôn tạo tu sửa, hiện nay khu mộ Lê Hồng Sơn có một diện tích rộng, có tường bao quanh, có ao cá, hồ sen, đường đi lối lại đẹp đẽ.
4.	Nhà cụ Phan Bội Châu	Thị trấn Nam Đàn/DTLS QG đặc biệt	Là ngôi nhà mà Phan Bội Châu sinh ra và lớn lên đến năm 38 tuổi. DT được phục dựng năm 1967, gồm hai ngôi nhà gỗ lợp tranh thưng phên nứa kết cấu theo kiểu chữ L. Ở đó lưu giữ các hiện vật quí: chiếc cối giã gạo bằng đá xanh, cần cối bằng gỗ lim để ở đầu hồi của nhà lớn là kỷ vật của hai bà vợ cụ trong những ngày tần tảo

			nuôi chồng con. Bộ phản gỗ và yên thư để ở gian ngoài của nhà lớn là nơi cụ Phan dùi mài kinh sử và đàm đạo thơ văn, bàn việc nước với các sỹ phu trong vùng. Khu di tích này còn lưu lại được bộ tràng kỷ bằng tre, giá sách bằng gỗ và những cuốn sách học chữ của cụ Phan thời niên thiếu. Bên cạnh còn có nhà trưng bày phụ trợ tái hiện cuộc đời và sự nghiệp của Phan Bội Châu.
5.	Nhà thờ họ Từ	Nam Cường - Nam Đàn/ Di tíchLS	Đây là địa điểm hội họp, liên lạc bí mật của các cán bộ Xứ ủy Trung Kỳ, huyện ủy Nam Đàn, Chi bộ Đảng tổng Phù Long và tổng Nam Kim; nơi tổ chức in ấn và cất giấu tài liệu, truyền đơn của Đảng. Khi phong trào cách mạng 1930-1931 bị địch khủng bố trắng, nhà thờ họ Từ vẫn là chỗ dựa vững chắc cho các chiến sỹ cách mạng lui tới. Trong cách mạng tháng Tám 1945, nhà thờ là nơi nhân dân tập trung đi cướp chính quyền.
6.	Nhà lưu niệm Nguyễn Tiềm	Nam Trung - Nam Đàn/ Di tích LS	Nguyễn Tiềm sinh năm 1912, tại làng Dương Liễu nay là xã Nam Trung huyện Nam Đàn, trong một gia đình nhà nho yêu nước. 6/1930, lúc chưa đầy 18 tuổi, đồng chí đã được Phân cục Trung ương ở Trung Kỳ chỉ định vào Ban chấp hành tỉnh bộ lâm thời Nghệ An. Chỉ 4 tháng sau, đồng chí chính thức được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An. Người Bí thư Tỉnh ủy trẻ tuổi nhất và cũng là Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên trên quê hương Xô Viết tháng 11/1931, đồng chí bị kẻ thù vây bắt khi đang trên giường bệnh. Bị kết án tử hình, sau đó giảm xuống án khổ sai và đày ở nhà tù Lao Bảo, bị tra tấn dã man cộng thêm bệnh tật hành hạ, đồng chí đã qua đời khi vừa tròn 20 tuổi.
7.	Đình Đông Viên	Nam Phúc - Nam Đàn/ Di tích KTNT	Là công trình kiến trúc nghệ thuật độc đáo, được xây dựng vào thế kỷ 18. Trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh 30-31, đình là nơi hội họp, tuyên truyền, diễn thuyết, vận động quần chúng tham gia cứu nước. Đây cũng từng là nơi đóng chân của trường Hồ Tùng Mậu những năm kháng chiến chống Pháp, là trụ sở làm việc của Đội cải cách sau kháng chiến.
8.	Nơi giặc Pháp Tàn sát ngày 12/ 9/1930	Hưng Nguyên/ Di tích LS	Là địa điểm ghi sâu tội ác và lòng căm thù không đội trời chung của nhân dân ta đối với bọn cướp nước và lũ bán nước, nơi tưởng nhớ 217 chiến sỹ đã hy sinh ngày 12/9/1930. Hàng năm vào ngày 12/9, nhân dân hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh về đây thắp hương, kỷ niệm ngày truyền thống Xô Viết Nghệ Tĩnh.

9.	Nhà ông Hoàng Viện- Cơ sở của xứ uỷ trung kỳ năm 1930 - 1931	Hưng Châu - Hưng Nguyên Địa điểm LS	Là nơi xứ ủy Trung Kỳ đóng năm 1930-1931 để chỉ đạo phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, nơi chứng kiến sự thành lập chi bộ Đảng đầu tiên ở Hưng Châu và cơ sở của Xứ ủy Trung kỳ đóng năm 1930- 1931. Trong cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh và thời kỳ 1939- 1940 tại ngôi nhà này đã diễn ra các cuộc họp đã đề ra những chỉ thị, nghị quyết để lãnh đạo và phát động phong trào đấu tranh của quần chúng, góp phần củng cố cả nước tạo nên làn sóng cách mạng năm 1939 - 1945. Nhà cụ Hoàng Viện còn là nơi nuối dấu các cán bộ: Bùi Sen, Trần Mạnh Qùi, Chu Huy Mân, Trần Văn Quang, Nguyễn Văn Linh.
10	Nhà Thờ họ Phạm	Hưng Nhân - Hưng Nguyên/ Di tích LSVH	Nhà thờ thuộc dòng họ của liệt sỹ Phạm Hồng Thái- người đã mưu sát toàn quyền Méc lanh 1924. Là nơi gặp gỡ của các anh hùng hào kiệt tìm đường cứu nước cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, điểm dừng chân của chí sỹ yêu nước qua các thời cuộc, nơi sinh hoạt của các chi bộ Đảng, cất dấu tài liệu, nơi tập hợp quần chúng trong phong trào 1930-1931. Khi phong trào bị đàn áp, nơi đây được chọn để rút về hoạt động bí mật của huyện ủy. Trong CM tháng Tám, nơi tập trung quần chúng làng Xuân Nha đi cướp chính quyền.
11	Khu lưu niệm đ/c Lê Hồng Phong	Hưng Thông - Hưng Nguyên Di tích LSVH	Di tích toạ lạc trên một vùng đất đẹp, cao ráo, thoáng đãng thuộc xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên. Là nơi lưu niệm về Lê Hồng Phong, Tổng bí thư của đảng ta từ năm 1935-1936. Đồng chí hy sinh năm 1942 tại Côn Đảo. Lễ tưởng niệm được tổ chức long trọng vào ngày 06/09 hàng năm.
12	Đền Rậm	Hưng Nhân- Hưng Nguyên/ Di tích KTNT	Đền được xây dựng vào năm 1831, là nơi thờ tự các vị nhân vật lịch sử như: Lê Lợi, Nguyễn Quang Hợp…, hay các vị thần như Cao Sơn, Cao Các… Thời kỳ chống Pháp, nhiều bậc sỹ phu, thanh niên ưu tú trước khi xuất dương hoạt động cách mạng như Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Phong đã từng bí mật hoạt động tại đền. Trong những năm 1930- 1931 và Cách mạng tháng Tám (1945), Đền Rậm là nơi tập hợp lực lượng để nghe diễn thuyết về cách mạng, đấu tranh đi cướp chính quyền. Những năm kháng chiến chống Mỹ, đền Rậm là nơi cất dấu vũ khí để trung chuyển từ Bắc vào Nam…
13	Ngã Ba	P. Bến	Di tích Ngã ba Bến Thuỷ nằm bên tả ngạn sông Lam,

	Bến Thuỷ: địa điểm đấu tranh của công nông ngày 1/5/1930	Thuỷ - TP. Vinh/ Di tích LS	dưới chân núi Quyết. Là nơi có phong trào đấu tranh mạnh mẽ của công nhân, liên kết với nông dân lân cận trong phong trào CM 1930-1931. Đặc biệt là cuộc biểu tình ngày 1/5/1930 tại đây của công nhân và hơn 1.200 nông dân. Trong cuộc biểu tình này địch đã bắn chết 6 người, 18 người bị thương và bắt hơn 100 người. Cuộc biểu tình ngày 1/5 tại ngã ba Bến Thuỷ là điểm mốc quan trọng mở đầu cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, là hình ảnh xúc động của tình đoàn kết công nông là tấm gương bất khuất muôn đời sống mãi: "Lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng xứ ta, công - nông - binh bắt tay nhau giữa trận tiền".
14	Nhà thờ họ Uông - trong làng đỏ Lộc Đa	Hưng Lộc - Tp. Vinh/ Di tích LSVH	Nhà thờ họ Uông là một trong những địa điểm làm việc của Xứ ủy Trung kỳ và Tỉnh ủy Vinh - Bến Thủy, nơi đây Xứ ủy Trung Kỳ đã có những quyết sách lớn chỉ đạo phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Đây cũng là nơi in ấn, cất dấu tài liệu bí mật của Đảng trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh năm 1930-1931. Sau cách mạng Tháng 8/1945, xét thấy công lao của những người nuôi dưỡng, bảo vệ cơ quan Xứ ủy Trung Kỳ ở Đức Thịnh, Nhà nước đã tặng bằng "Có công với nước" cho gia đình ông Uông Văn Tự, Uông Đình Nghĩa, Uông Nhật Hoành….
15	Cụm di tích làng Đỏ - Hưng Dũng gồm:	Phường Hưng Dũng - Tp. Vinh/ Di tích LSVH	Cụm di tích Làng Đỏ (phường Hưng Dũng - TP. Vinh) gồm cây Sanh cồn Nia, dăm Mụ Nuôi, đình Trung, nhà ông Nguyễn Hữu Diên, nhà ông Nguyễn Sỹ Huyến, nhà ông Lê Mai. Đây là những địa chỉ đỏ gắn với hoạt động của Xứ ủy Trung kỳ. Là nơi in ấn tài liệu, nuôi dưỡng cán bộ, nơi diễn ra nhiều cuộc họp quan trọng trong thời kì 1930 -1931.
16	Nhà Thờ họ Hoàng	Hưng Lộc - Tp. Vinh/ Di tích LS	Được xây dựng năm 1913. Di tích này đã gắn bó với tên tuổi của đồng chí Hoàng Trọng Trì, cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong PTCM 1930-1931. Tại đây đã diễn ra nhiều cuộc họp quan trọng của xứ ủy Trung kỳ, tỉnh ủy Vinh- Bến Thủy như cuộc họp về việc chuẩn bị, phát động nhân dân Lộc Đa - Bến Thủy đấu tranh 1/5/1930. Đây còn là nơi xứ ủy Trung Kỳ, Tỉnh ủy Vinh - Bến Thủy đóng trụ sở từ tháng 3 đến tháng 5/ 1930.
17	Đền Trìa	Hưng Lộc - Tp. Vinh/ Di tích LS	Đây vốn là đền vị tướng có công trong sự nghiệp chống quân Thanh, được phong là Thượng Đẳng Thần. Không chỉ là di tích mang giá trị văn hóa kiến trúc, mỹ thuật, đền Trìa còn là một di tích lịch sử cách mạng

			tiêu biểu trên mảnh đất Hồng Lam trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931.
18	Địa điểm Cồn Mô	P. Bến Thuỷ - TP. Vinh / Di tích LS	Là nơi diễn ra các cuộc mít tinh, biểu tình lớn của công - nông năm 1930, đặc biệt là cuộc biểu tình ngày 1/5/1930. Mặc dù cuộc biểu tình bị đàn áp dã man, một số đảng viên và quần chúng đã anh dũng hy sinh nhưng đã góp phần thắng lợi trong cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Ngày 17/8/1945, dưới sự lãnh dạo của ban khởi nghĩa, nhân dân Yên Dũng Hạ, Đệ Thập đã nổi dậy giành chính quyền ở tại địa phương mình và đã giành thắng lợi. Nơi đây ngày xưa là một mô đất cao hơn 4m. Nay người ta dựng ở đây một tượng đài cao 10 m, rộng 4m, trên cùng có biểu tượng hình cánh buồm mang ý nghĩa: "*cánh buồm đưa con thuyền cách mạng tiến lên thắng lợi"* và hình búa liềm, mặt trước của biểu tượng có hình trống Xô viết tượng trưng cho vũ khí đấu tranh của công - nông Vinh - Bến Thuỷ.
19	Địa điểm Nhà máy Điện Vinh	P. Trung Đô - TP. Vinh/ Di tích LS	Nhà máy được khánh thành vào 6/1958. Mỹ đã đánh vào Nhà máy trên 300 trận với 2.319 quả bom các loại, 149 quả tên lửa, 64 quả đại bác... Nhà máy đã phải khôi phục lại tới 26 lần. Ngày 4/6/1965, máy bay địch ập tới ném bom xối xả vào Nhà máy, 8 đồng chí cán bộ công nhân đã hy sinh ngay tại nơi đang làm việc.
20	Đền Phượng Cương	Nghi Phong, Nghi Lộc/ DTLS	Nơi thành lập chi bộ Đảng đầu tiên Mỹ Chiêm, là nơi hoạt động của nhiều cán bộ, đảng viên, cơ quan làm việc của Xứ ủy Trung Kỳ.
21	Đình Chợ Xâm	Nghi Hoa - Nghi Lộc/ DTLS	Là trung tâm liên lạc, hội họp, in ấn, cất giấu tài liệu của Đảng trong cao trào cách mạng 1930 - 1931. Là nơi thành lập Chi bộ tổng Kim Nguyên, nơi 300 nông dân tập trung kéo đi phối hợp với các tổng Đặng Xá, Vân Trình, Thượng Xá lên huyện lỵ đòi giảm sưu thuế, chia ruộng công điền cho dân cày nghèo, nơi có cây đa cổ thụ mà giặc Pháp đã xử bắn 19 chiến sỹ cách mạng… Cũng chính nơi đây, đêm đêm dưới ánh đèn dầu lạc với những dụng cụ in ấn thô sơ, hàng trăm tờ truyền đơn về tin đấu tranh, chỉ thị nghị quyết của Đảng được phát hành. Khi tài liệu chưa kịp chuyển đi thì được cất giấu trong bệ thờ và đồ tế khí.
22	Đền Chính Vị	Nghi Xuân - Nghi Lộc /Di tích LS	Đền Chính Vị trước đây thờ Thành hoàng làng. Năm 1996, nhân dân địa phương đã lập thêm bàn thờ đồng chí Nguyễn Phong Sắc và các chiến sỹ đã hy sinh trong

			phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh năm 1930 - 1931. Hàng năm, nhân dân địa phương tổ chức nhiều lễ hội như: Cầu yên, cúng thần nước, cúng hà bá; hội đua thuyền trên sông Lam, tổ chức múa Lân, đánh cờ người....
23	Đình Long Ân	Diễn Trường - D. Châu / DTLS QG	Là nơi phát lệnh và tập trung các cuộc biểu tình của nhân dân vùng bắc Diễn Châu trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh 1930 - 1931 hay tập trung nhân dân đi cướp chính quyền năm 1945 mà Đình Long Ân còn là trung tâm của các làng xã, nơi hội họp và làm trụ sở của chính quyền địa phương sau này.
24	Khu lưu niệm đồng chí Phùng Chí Kiên	Diễn Yên - Diễn Châu/ DTLS	Đồng chí Phùng Chí Kiên, tên thật là Nguyễn Vỹ (18/5/1901- 21/8/1941) tại làng Mỹ Quan Thượng, Tổng Vạn Phần, nay là xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Là một trong những bậc tiền bối cách mạng, được giác ngộ cách mạng sớm. Năm 1941, đồng chí được phân công chỉ đạo khởi nghĩa Bắc Sơn. Khi địch khủng bố, đồng chí bị địch bắt, anh dũng hy sinh. Năm 1947, Hồ Chủ tịch truy phong hàm tướng cho đồng chí. Đây cũng là sắc lệnh phong hàm tướng đầu tiên trong lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam
25	Đình Quỳnh Đôi	Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu/ DTLS	Là nơi tập hợp quần chúng, giành chính quyền từ tay PK trong những năm 1930 -1931. Giữa tháng 2 năm 1931, địch bắn 9 chiến sỹ cách mạng trước cửa đình làng. Trong cách mạng tháng 8 năm 1945, đình làng Quỳnh cũng là nơi hội họp làm việc của Mặt trận Việt Minh.
26	Đình Tám Mái	Quỳnh Thuận - Quỳnh Lưu/ DTLS	Đình Tám Mái được xây dựng năm 1873, trùng tu năm 1908. Đình Tám Mái là nơi ghi dấu chiến tích của nhân dân xã Quỳnh Thuận trong cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh 30-31.
27	Đền Thượng	Quỳnh Nghĩa - Quỳnh Lưu/ DT LS	Tại đây, ngày 1/4/1931, chi bộ Đảng làng Phú Nghĩa Thượng được thành lập gồm 4 đảng viên do đồng chí Hồ Hạnh làm bí thư. Đây cũng là nơi tổ chức hội họp, in ấn tài liệu, truyền đơn, treo cờ Đảng, tổ chức nhiều cuộc mít tinh, biểu tình, hưởng ứng cao trào Xô viết Nghệ - Tĩnh. Là nơi tổ chức nhiều cuộc hội nghị bí mật nhằm phục hồi chi bộ Đảng của làng và Huyện ủy Quỳnh Lưu trong những năm 1933 - 1945, nơi thành lập các tổ chức như: Tự vệ đỏ, Nông hội đỏ và thành lập Mặt trận Việt Minh của làng nhằm chuẩn bị lực lượng tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong

			Cách mạng Tháng Tám năm 1945.
28	Đền Xuân Hoà	Hưng Long, Hưng Nguyên/ DT LSVH (cấp tỉnh)	Đền là nơi thờ Đức Thành hoàng làng và những người có công, đỗ đạt được nhà vua ban chiếu. Trong kháng chiến, Đền là nơi tụ họp của các cán bộ cách mạng, là điểm xuất phát của quần chúng cách mạng tập trung mít tinh biểu tình, treo cờ phát lệnh đấu tranh của toàn phủ Hưng Nguyên vào hồi 3h sáng ngày 12/09/1930.
29	Nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu	Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu/ DTLS	Hồ Tùng Mậu là người có công lớn từ những ngày đầu thành lập Đảng. Trong kháng chiến chống Pháp, Hồ Chủ tịch đích thân giao nhiệm vụ cho hai cán bộ dày dạn kinh nghiệm Lê Thiết Hùng và Hồ Tùng Mậu lãnh đạo quân sự và chính trị trên địa bàn xung yếu Chiến khu IV. 1949, đồng chí giữ chức Tổng thanh tra Chính phủ. Năm 1951, trên đường đi công tác, đồng chí hy sinh tại Còng (Thanh Hóa) vì bị thực dân Pháp ném bom. Nhà tưởng niệm nhà cách mạng tiền bối Hồ Tùng Mậu được xây dựng trong khuôn viên khu DTLS cấp quốc gia Nhà thờ Cụ Án, tu bổ lăng mộ cụ Hồ Tùng Mậu với diện tích 104m2.
30	Hang hỏa tiễn và nghĩa trang liệt sĩ đường sắt	thị xã Hoàng Mai/ Quỳnh Lưu/ DT LS	Đây là nơi khoảng 9 giờ sáng 28/4/1966, Tổ 4, đơn vị C271 với 36 CBCS (14 nam, 22 nữ) đang vận chuyển đất đá để khắc phục kịp thời các sự cố trên tuyến đường sắt khi bom Mỹ đánh phá thì bất ngờ bị máy bay Mỹ ném bom, bắn rốc - két khiến 33 TNXP đang trú ẩn bị vùi lấp ngay tại cửa hang. Họ hy sinh khi tuổi đời còn rất trẻ.
31	Trường cấp I xã Vĩnh Thành	Vĩnh Thành - Yên Thành/ Địa điểm LS	Khu lưu niệm được xây dựng kỉ niệm sự kiện Bác Hồ về thăm Vĩnh Thành, đơn vị xuất sắc những năm 1958 -1960 trong việc thực hiện kế hoạch cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế - xã hội. Nơi đây, chủ tịch HCM đã nói chuyện với nhân dân và cán bộ xã Vĩnh Thành ngày 10 tháng 12 năm 1961.
32	Nơi xử bắn 72 chiến sĩ Xô Viết Nghệ Tĩnh	Mỹ Thành - Yên Thành/ Địa điểm LS	Tại đây, từ 7 tháng 11 năm 1930 đến tháng 9 năm 1931, chúng đã xử bắn 72 chiến sỹ Xô viết- những người tham gia tích cực trong phong trào cách mạng 1930- 1931. Họ là những người con của vùng đất Nam Đàn, Đô Lương, Yên Thành, riêng xã Mỹ Thành có tới 20 người con đã ngã xuống
33	Đình Liên Trì	Liên Thành - Yên Thành/	Đình được xây dựng năm 1801. Là nơi hội họp, sinh hoạt, luyện tập của quần chúng trước, trong và sau phong trào CM 1930 -1931. Trong phong trào 1936-

		DTLS	1939, Xứ ủy Trung kỳ quyết định chuyển cơ quan về làng Liên Trì. Các cuộc hội họp, hội nghị quan trọng của Tỉnh, của Xứ ủy đều được tiến hành tại đình. Ban ấn loát của Tỉnh ủy và Xứ ủy đã cho in ấn tại đình 3 số báo "Cởi Ách" (16-17-18) cùng với báo "Chặt Xiềng" và nhiều tài liệu tuyên truyền khác. Nhờ sự che chở và đùm bọc của nhân dân nên trong điều kiện kẻ thù lùng sục gắt gao, nhưng cơ quan Xứ ủy, Tỉnh ủy đóng ở đình vẫn được đảm bảo an toàn 6 -7 tháng.
34	Nhà thờ họ Phan Mạc	Hoa Thành - Yên Thành/ Di tích LS	Là cơ sở hoạt động của Đảng trong những năm 1930-1931. Tháng 8 năm 1945, nhà thờ là địa điểm tập trung hội viên nông hội, tự vệ đi cướp chính quyền.Trong kháng chiến chống Pháp, nhà thờ họ Phan Mạc là đặt trụ sở chỉ huy của đại đội Cù Chính Lan thuộc Sư đoàn 304. Thời kỳ chống Mỹ cứu nước, nơi đây đã diễn ra những hoạt động: tiễn đưa con em lên dường bảo vệ Tổ quốc, nơi sinh hoạt văn hoá, văn nghệ của đơn vị bộ đội đóng quân tại làng, đặt tủ thuốc cứu thương của xã…
35	Nhà Lưu niệm Phan Đăng Lưu	Hoa Thành - Yên Thành/ DT LSVH	Là nơi gắn liền với thân thế và sự nghiệp cách mạng của đồng chí Phan Đăng Lưu, nơi gặp gỡ của những cán bộ đảng viên cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Nơi đây cũng là nơi tiểu tổ Tân Việt ra đời năm 1927, nơi cất giấu tài liệu và tổ chức lớp học văn hóa của tiểu tổ Tân Việt thời kỳ 1927 - 1928. Nhà lưu niệm một thời là trung tâm của hoạt động của chính quyền Xô - Viết làng Đông thôn, là chỗ dựa vững chắc cho phong trào cách mạng huyện Yên Thành. Trong những năm 1930 - 1931, Nhà lưu niệm Phan Đăng Lưu là nơi tập trung nhân dân đi biểu tình và là nơi học chữ quốc ngữ đầu tiên của nhân dân trong phong trào Xô Viết. Trong Cách mạng tháng Tám, nhân dân đã tập trung tại đây để đi cướp chính quyền.
36	Đình Sừng	Lăng Thành - Yên Thành/ DT KTNT	Là địa điểm hội họp bí mật của chi bộ Quỳ Lăng - một trong những chi bộ đầu tiên ở huyện Yên Thành. Trong khoảng thời gian 1932-1933, thực dân Pháp đã lấy đình Sừng làm nơi đóng đồn bang tá. Tại đây, bọn chúng đã giam cầm, bắt bớ tra tấn trên 100 cán bộ đảng viên. Ngày 12/8/1945, tại ngôi đình cổ quần chúng nhân dân Quỳ Lăng đã tập trung tổ chức cướp chính quyền từ tay phong kiến, đồng thời cũng là nơi tổ chức các cuộc vận

			động lớn như: Tuần lễ vàng, tuần lễ vũ khí, công phiếu kháng chiến, công phiếu Quốc Gia, là trường học, nơi chứa thóc cho cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong kháng chiến chống Mỹ có thời gian dài, đình là nơi đóng xưởng dệt của Quân khu 4.
37	Đền Cả	Nhân Thành - Yên Thành/ DTLS	Đền Cả nằm ở giữa cánh đồng lúa có cách đây trên 500 năm, thờ thành hoàng làng, Cao sơn, Cao các. Thời kỳ chống Pháp, đây còn là nơi sản xuất vũ khí. Đền đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia.
38	Nhà thờ họ Nguyễn Duy	Thanh Phong - Thanh Chương/ DTLS	Nhà thờ được xây dựng năm 1923 trên vùng đất Thanh Phong hẻo lánh, cây cối rậm rạp ít người qua lại. Cụm di tích lịch sử Thanh Phong gồm nhà thờ Nguyễn Duy, nhà thờ họ Nguyễn Ích, nhà thờ họ Nguyễn Bá, cây Sui Diên Tràng cùng với nhân dân Thanh Phong đã có nhiều đóng góp trong phong trào cách mạng 1930-1931. Nơi đây là cơ sở hoạt động bí mật của Tỉnh uỷ Nghệ An từ tháng 9 năm 1930 đến tháng 2 năm 1931, là nơi làm việc của đồng chí Nguyễn Tiềm- Bí thư Tỉnh uỷ. Tại đây nhiều Chỉ thị Nghị quyết của Thường vụ Tỉnh uỷ Nghệ An đã được ra đời để hướng dẫn phong trào cách mạng quần chúng; đồng thời đề ra những chủ trương sát thực, uốn nắn những sai lầm của các cơ sở Đảng trong quá trình đấu tranh.
39	Đình Võ Liệt	Võ Liệt - Thanh Chương/ DTLS	Nơi đây đã ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử tiêu biểu trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh (1930-1931): nơi tập trung quần chúng ngày 1/6/1930. Đặc biệt, ngày 1/9/1930, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Thanh Chương, 2 vạn nhân dân trong 5 tổng đã vượt sông Lam sang vây phá huyện đường, khiến tri huyện, nha lại hoảng sợ phải bỏ chạy lên đồn Thanh Quả. Đình Võ Liệt trở thành trụ sở làm việc của chính quyền Xô Viết…với nhiều hoạt động của chính quyền mới. Năm 1940 -1947, đình Võ Liệt là nơi diễn ra những cuộc họp thành lập, khôi phục lại chi bộ Đảng Võ Liệt (năm 1940), nơi tiến hành Đại hội đại biểu khu uỷ IV dưới sự chủ trì của các đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Hồ Tùng Mậu, thiếu tướng Nguyễn Sơn và đại hội Liên khu IV cũ (năm 1947)…
40	Nhà thờ họ Nguyễn	Thanh Lương - Thanh	Nhà thờ là nơi gắn bó với cuộc đời của đồng chí Nguyễn Sỹ Sách, một cán bộ tiền bối kiên trung của Đảng. Đây còn là nơi hoạt động của Đảng trong phong

	Sĩ	Chương/ DTLS	trào CM 1930 -1931. Những năm kháng chiến chống Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, nhà thờ là nơi in ấn tài liệu, truyền đơn, băng rôn, khẩu hiệu phục vụ cách mạng, đồng thời là nơi tổ chức các lớp học chữ quốc ngữ cho nhân dân. Nhà thờ được dùng làm trụ sở Đảng bộ xã Xuân Triều năm 1950 -1952
41	Đền Hai Hầu	Xuân Tường -Thanh Chương /DTLS	Đây là cơ sở hoạt động bí mật, in ấn tài liệu, tuyên truyền cách mạng… Tòa bái đường của đền là địa điểm hội họp nghe các bộ Đảng về diễn thuyết, vì vậy có câu ca về di tích trong những năm 1930 - 1931 như sau: "*Đền Hai Hầu mấy ai không biết. Năm 30 diễn thuyết trong đêm. Có hai hầu Mai Lĩnh, Lâm Xuyên. Con ngựa hồng, ông tượng đá cũng đứng lên đồng tình*".
42	Đình Lương Sơn	Bắc Sơn - Đô Lương/ DTLS	Là ngôi đình đặc sắc được xây dựng vào thời Hậu Lê (1852). Đây là một địa điểm liên lạc quan trọng của Đảng trong thời kỳ bí mật, là nơi thành lập Chi bộ ĐCS Đông Dương đầu tiên, nơi tập hợp lực lượng quần chúng vùng lên đấu tranh đòi giảm sưu thuế. Đây cũng chính là nơi ghi lại chứng tích 7 chiến sĩ cách mạng của làng Lương Sơn bị thực dân Pháp và bè lũ tay sai giết hại trong tháng 4/1931.
43	Đình Phú Nhuận và nhà thờ họ Hoàng Trần	Đặng Sơn - Đô Lương/ DT LS	Là địa điểm hội họp, in ấn, cất dấu tài liệu, treo cờ Đảng, tập trung nhân dân đi đấu tranh và là nơi làm việc công khai của chính quyền Xô viết, nơi hoạt động của các đồng chí: Nguyễn Phong Sắc, Võ Mai, Trần Văn Cung, Trần Hữu Doánh, Tôn Thị Quế, Nguyễn Thị Xân… để chỉ đạo phong trào. Năm 1947- 1954, nhà thờ là kho chứa vũ khí, hậu cần phục vụ cho kháng chiến chống Pháp. Sau ngày hoà bình lập lại, 11 gia đình được Chính phủ tặng Bằng có công với nước. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, đình Phú Nhuận là trụ sở của Tư lệnh Liên khu và Ban Biên chính Việt - Lào. Tại đây diễn ra nhiều cuộc họp chuẩn bị lực lượng đáp ứng kịp thời cho cho chiến dịch Hạ Lào, Trung Lào, Thượng Lào và các chiến trường Tây Bắc, Liên Khu V.
44	Nhà Thờ họ Thái Đắc	Bài Sơn - Đô Lương/ DTLS	Là nơi liên lạc, in ấn, cất dấu tài liệu và tổ chức các hoạt động của Đảng trong thời kỳ 1930-1931. Năm 1940 -1945, đây là nơi hội họp của các đồng chí lãnh đạo các cơ sở Đảng. Từ năm 1947-1968, di tích này là nơi bộ phận tài chính của Ủy ban hành chính kháng

			chiến khu 4 cất dấu tài liệu, nơi hội họp của Hội nghị Tôn giáo vận Trung ương do đồng chí Hồ Tùng Mậu phụ trách, là trụ sở làm việc của Thiếu tướng Nguyễn Sơn - Khu trưởng quân khu 4 và Bộ chỉ huy thanh niên xung phong làm đường 15A, nơi cất dấu vũ khí tiếp tế cho chiến trường Lào, Campuchia của Cục kỹ thuật quân giới quân khu 4…
45	Di tích Truông Bồn	Mỹ Sơn - Đô Lương/ DT LSVH	Di tích ghi dấu những chiến công oanh liệt của các lực lượng của quân và dân ta, trong đó có 1.500 cán bộ, chiến sĩ của 9 Đại đội Thanh niên xung phong (TNXP) thuộc Tổng đội TNXP chống Mỹ cứu nước, tỉnh Nghệ An. Đặc biệt là những chiến công của 13 chiến sỹ, (12 người đã hy sinh). Họ được gọi là: "Tiểu đội thép", "Tiểu đội cảm tử" thuộc Đại đội TNXP 317 ngày 31/10/1968 trong khi đang làm nhiệm vụ nối liền mạch máu giao thông.
46	Nhà cụ Vi Văn Khang	Lĩnh Sơn - Anh Sơn/ DTLS	Ngôi nhà của cụ Vi Văn Khang nằm bên bờ sông Giăng, thuộc bản Thái Hoà, xã Môn Sơn, huyện Con Cuông. Nhà cụ Khang xây dựng năm 1919, trên vùng đất rộng khoảng 1.000m2. Ngôi nhà làm theo kiểu nhà sàn truyền thống của người Thái. Nơi đây, tháng 4/1931, chi bộ Môn Sơn được thành lập tại nhà đồng chí Vi Văn Khang. Chi bộ bí mật in tài liệu, truyền đơn, sau đó đem đi rải khắp các bản làng trong tổng. Trong kháng chiến chống Pháp, Môn Sơn trở thành căn cứ địa vững chắc không chỉ riêng của Nghệ An mà cho cả nước bạn Lào.